

• Nhân vật • Sự kiện
• Lịch sử

Phan Hoàng

PHỎNG VẤN CÁC TƯỚNG LÍNH VIỆT NAM

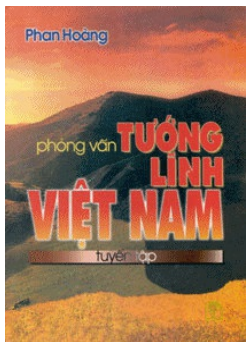
★★

Phan Hoàng

phong văn

TUÔNG LINH VIỆT NAM

TUYỂN TẬP



PHÔNG VĂN TƯỚNG LĨNH VIỆT NAM

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI TỰA

01 - Thượng tướng HOÀNG CẨM

02 - Thượng tướng NGUYỄN MINH CHÂU

03 - Trung tướng ĐỒNG VĂN CỐNG

04 - Thiếu tướng TRẦN VĂN DANH

05 - Chuẩn đô đốc NGUYỄN DUỖNG

06 - Trung tướng LÊ TỰ ĐỒNG

07 - Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

08 - Thiếu tướng PHAN KHẮC HY

09 - Thiếu tướng TÔ KÝ

10 - Thiếu tướng DŨNG MÃ

11 - Thiếu tướng TRẦN ĐẠI NGHĨA

12 - Trung tướng ĐỒNG SĨ NGUYỄN

13 - Trung tướng DUỜNG CỰ TÂM

14 - Thượng tướng TRẦN VĂN TRÀ

15 - Trung tướng LÊ VĂN TRI

16 - Thượng tướng TRẦN NAM TRUNG

17 - Thiếu tướng BÙI CÁT VŨ

18 - Trung tướng NGUYỄN HỮU XUYẾN

PHAN HOÀNG VỚI CẢM ĐỀ VỀ CÁC VỊ TƯỚNG

LỜI TỰA

Tôi đã đọc từng bài viết về các tướng lĩnh quân đội nhân dân Việt Nam của Phan Hoàng trên từng số tạp chí Kiến thức ngày nay, với tôi vừa thú vị vừa bổ ích.

Nhìn lại tác phẩm văn học ta viết về hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhân vật chính nổi bật, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc là những chiến sĩ cảm sủng, là các cô du kích, là cán bộ hoạt động trong lòng địch, chúng ta rất ít gặp nhân vật là các vị tướng, nếu có thì nhân vật ấy chỉ thoáng qua, rất mờ nhạt. Trong lúc ấy, ở ngoài đời những danh tướng là những con người đáng ghi trong lịch sử.

Chúng ta, ai cũng biết rằng: bất cứ cuộc chiến tranh nào, bất cứ ở đâu và từ xưa đến nay, chiến tranh không thể thiếu các vị tướng. Chính họ là những người góp phần quan trọng, nếu không nói là quyết định sự thành bại của các cuộc chiến.

Với tư cách là người đọc, nhiều lúc tôi khao khát muốn được biết về con người, con người tướng, con người đời thường, con người ngoài trận mạc, con người trong gia đình và bốn phận của người chồng, người cha..., rất muốn biết và chia sẻ tâm trạng của một vị tướng trước và sau những trận đánh. Không có một trận đánh nào mà không có chiến sĩ hi sinh. Những vị tướng nghĩ gì về sanh mạng của hàng ngàn chiến sĩ dưới sự chỉ huy của mình.

Văn học viết về chiến tranh, mảng này như còn bỏ trống nếu không nói là thiếu sót. Vì sao ? Tôi nghĩ - chẳng biết có đúng hay không, đội ngũ nhà văn của ta, phần lớn xuất thân từ quân đội, nhà văn không chỉ thông cảm hay chia sẻ mà nhà văn cùng một số phận với người chiến sĩ. Trong đời sống hàng ngày, nhà văn và chiến sĩ là mối quan hệ tình đồng đội, tình bạn bè. Nhờ đó, nhà văn đã có đủ chất liệu sống từ thực tế mà xây dựng nhân vật cho tác phẩm của mình.

Đối với các vị tướng thì nhà văn không có được mối quan hệ mật thiết như chiến sĩ và, các cấp chỉ huy trực tiếp của nhà văn chưa phải là tướng. Hình như chưa có nhà văn nào là bạn của một vị tướng, và cũng hình như chưa có vị tướng nào có một người bạn thân là nhà văn. Chính cái khoảng cách này mà nhà văn không có đủ vốn sống để tạo thành nhân vật.

Để bù lại phần nào trong cái khoảng trống ấy, tạp chí Kiến thức ngày nay đã có sáng kiến ghi chép lại (một phần nào) về cuộc đời của các tướng lĩnh. Đây chưa phải là tác phẩm văn học, nhưng những bài phỏng vấn do Phan Hoàng thực hiện đã thuyết phục tôi và bạn đọc vì sự trung

thực, xúc cảm của tôi không bị lừa dối, sự xúc cảm của tôi cũng chân thật như những tiếng nói chân thật, giản dị và gần gũi của các vị tướng.

Những bài phỏng vấn của Phan Hoàng đăng rải rác trên chuyên mục "Mỗi kỳ một nhân vật " của Kiến thức ngày nay được gom lại thành tập Phỏng vấn các tướng lĩnh Việt Nam, với tôi là một quyển sách quý cần được phổ biến rộng rãi đến bạn đọc. Tôi cũng rất mong tác giả viết tiếp đề tài sống động này, để tôi và bạn đọc được đọc thêm về cuộc đời và sự nghiệp đáng kính trọng của các tướng lĩnh quân đội nhân dân Việt Nam chúng ta.

Ngày 20. 4. 1997

Nhà văn NGUYỄN QUANG SÁNG

01 - Thượng tướng HOÀNG CẦM

Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, lang thang rày đây mai đó, phải đi lính khổ xanh cho Pháp để kiếm sống, Hoàng Cầm được giác ngộ cách mạng, trở thành một tướng lĩnh nổi tiếng của quân đội, có mặt ở nhiều "điểm nóng" quan trọng trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Những đội quân chủ lực thiện chiến do tướng Hoàng Cầm chỉ huy luôn là nỗi kinh hoàng của quân thù. Cuộc đời binh nghiệp gian khổ và kiên cường của ông trải từ chiến khu Việt Bắc ngút ngàn với chiến thắng Điện Biên lẫy lừng đến những cánh rừng của miền Đông đất đỏ, từ đường phố Sài Gòn với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đến đường phố Phnôm Pênh giải phóng nước bạn khỏi nạn diệt chủng. Ông luôn được giao nhiều trọng trách, cả thời chiến lẫn thời bình: sư đoàn trưởng Sư đoàn 312, sư đoàn trưởng Sư đoàn 9, phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Bộ tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, tư lệnh kiêm chính ủy Quân đoàn 4, phó tư lệnh Đoàn 719, tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu 4,... Trước khi trở thành “tướng về hưu”, ông giữ chức Tổng thanh tra quân đội hàm Thượng tướng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Bản lĩnh và kinh nghiệm trăn mặc của tướng Hoàng Cầm là tài sản quý giá của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Lịch sử quân đội trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc xuất hiện một sự trùng hợp ngẫu nhiên thú vị: có ba người lính cùng mang tên Hoàng Cầm đều rất nổi tiếng. Một Hoàng Cầm nhà thơ, tác giả *Bên kia sông Đuống, Mưa Thuận Thành, Lá diêu bông*,... từng là trưởng Đoàn Văn công Tổng cục Chính trị. Một Hoàng Cầm anh nuôi, sáng chế bếp Hoàng Cầm không khói huyền thoại từ thời

kháng chiến chống Pháp. Và một Hoàng Cầm danh tướng, thi thoảng cũng làm thơ... tình dành tặng vợ !

Tướng Hoàng Cầm thường được đồng đội gọi thân mật Năm Thạch, tên thật là Đỗ Văn Cầm, tuổi Thân sinh ngày 30 tháng 4 năm 1920 ở xã Cao Sơn, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây. Theo phong trào trong quân đội, sau Cách mạng tháng Tám nhiều người đã lấy họ Hoàng như Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm, Hoàng Minh Thảo, Hoàng Mười, Hoàng Điền, Hoàng Kiện, Hoàng Tùng, Hoàng Đan, Hoàng Phương,... và cái tên Hoàng Cầm cũng xuất hiện từ đó. Năm 1960, Hoàng Cầm được phong quân hàm Đại tá. Năm 1974, ông được thăng Thiếu tướng khi đang chiến đấu tại chiến trường Nam Bộ. Năm 1982, trong lúc chỉ huy bộ đội tình nguyện ở Campuchia, Hoàng Cầm được thăng Trung tướng. Năm 1987, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quốc tế từ biên giới Lào - Thái trở về, ông được vinh thăng Thượng tướng, trở thành Tổng thanh tra quân đội và thanh tra Bộ Quốc phòng. Ông còn được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa V và khóa VI.

Hoàng Cầm là vị chỉ huy rất có duyên với những trận đánh lớn. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ông là trung đoàn trưởng Trung đoàn Sông Lô trực tiếp bắt sống tướng De Castrie. Đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, Hoàng Cầm là tư lệnh Quân đoàn 4 đánh mở "cánh cửa thép" Xuân Lộc, tiêu điểm quan trọng nhất, ác liệt nhất trên đường đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn; rồi chịu trách nhiệm tiếp quản dinh Độc Lập cùng nội các Tổng thống Dương Văn Minh của Việt Nam Cộng hòa. Chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra, Tư lệnh Hoàng Cầm là vị chỉ huy cao nhất có mặt đầu tiên ở thủ đô Phnôm Pênh khi cùng Quân đoàn 4 tiến sang giải phóng nước bạn khỏi ách diệt chủng Pol Pot - Ieng Sary. Chưa hết. Chỉ một thời gian ngắn sau, tướng Hoàng Cầm lại hành quân sang "điểm nóng" tranh chấp ở biên giới Tây Nam Lào, toàn quyền chỉ huy bộ đội tình nguyện giữ yên bờ cõi cho nước bạn suốt năm năm liền.

Một trưa tháng Ba, tôi cùng đồng nghiệp Huỳnh Hiếu của báo Phú Yên đến thăm ông và xin "cái hẹn" cho một cuộc phỏng vấn. Không ngờ, tướng Hoàng Cầm đề nghị làm việc ngay "để khỏi mất công nhà báo" ! Tác phong đầy chất nhà binh của vị tướng già, gây cho chúng tôi sự cảm kích lớn lao.

- Thừa Thượng tướng, trước khi bước vào con đường binh nghiệp, thời niên thiếu của Thượng tướng gắn bó nơi đâu?

- Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở Hà Tây. Mẹ mất năm tôi bốn tuổi, đến năm mười hai tuổi thì cha mất. Nhà có bốn anh em, do hoàn cảnh như vậy, mỗi người phân tán lưu lạc một nơi. Tôi đi ở đậu cho người ta tới năm năm, dưới hình thức con nuôi, nhưng cách đối xử và công việc chẳng khác đứa ở. Khi làm mộ táng cho cha mẹ tôi, họ đưa ba đồng tiền Đông Dương, đến khi tôi bỏ đi thì họ đòi lại. Tôi ở nhờ làm thuê hết nhà này sang nhà khác, cho đến năm hai mươi tuổi tôi bỏ làng ra đi, lưu lạc từ Hà Đông đến Hà Nội với nhiều nghề lặt vặt kiếm sống.

Cuộc sống vô gia cư của một anh nhà quê không đồng dính túi buộc tôi phải đi lính khổ xanh cho Pháp. Hai năm trấn ải ở Lai Châu, chuyển về Hà Nội thì tôi bỏ lính. Nhật đảo chính Pháp, được cán bộ Việt Minh tuyên truyền, tôi tham gia hoạt động cách mạng. Từ Cách mạng tháng Tám tôi vào Cứu

quốc quân, Vệ quốc đoàn, Giải phóng quân tham gia mặt trận Sơn La năm 1947. Lúc bấy giờ, tôi vẫn nghĩ chỉ tham gia quân đội một thời gian rồi quay về quê kiếm vốn buôn bán làm ăn...

- Nhưng rồi cuối cùng Thượng tướng đã gắn bó cả đời mình với con đường binh nghiệp. Những ngày đầu tiên gia nhập quân đội cách mạng để lại ấn tượng gì trong tâm khảm Thượng tướng?

- Lớp thanh niên chúng tôi là lớp thanh niên mất nước, được giác ngộ tinh thần dân tộc, đánh đổ thực dân, cứu nước. Họ rất bình dị và trong sáng, sẵn sàng hi sinh đến giọt máu cuối cùng. Sau này, chúng tôi mới được giác ngộ giai cấp, kết nạp vào Đảng. Từ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 cho đến cuối năm 1947, chúng tôi đánh giặc chủ yếu từ vũ khí cướp được của giặc. Ăn uống thì dựa vào nhân dân. Chỉ đến năm 1948 trở đi thì quân ta mới có chế độ về khí tài, lương thực thực phẩm, quân trang quân dụng... Trong đội quân hỗn hợp ấy, chúng tôi đã lớn lên và trưởng thành. Tôi còn nhớ đôi câu đối vui ghép đầy đủ tên chiến sĩ tiểu đội đầu tiên của tôi:

Thám Hữu Đào Lan Cầm Thượng Thuý

Thanh Liêm Miêu Miễn Thưởng Vân Sĩ.

Hiện nay chỉ còn lại tôi, anh Vân Sĩ và anh Thưởng, nhưng anh Thưởng thì lâu nay cũng bất tin.

- Gần nửa thế kỷ chinh chiến, những nhiệm vụ chủ yếu nào Thượng tướng từng đảm trách?

- Từ năm 1946 đến 1949 tôi ở Trung đoàn 1 48 tham gia mặt trận Sơn La, đánh nhau với Quốc dân đảng. Năm 1949 tôi về Trung đoàn Sông Lô (209) làm tiểu đoàn phó, rồi tiểu đoàn trưởng đánh Đông Khê với quân Pháp. Ngày 12 tháng 9 năm 1950, khi chuẩn bị cho trận đánh đầu tiên này trong Chiến dịch Cao Bắc Lạng giải phóng biên giới, tôi là tiểu đoàn trưởng duy nhất được Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp cho triệu tập lên sở chỉ huy gặp Bác Hồ. Sau khi nghe tôi báo cáo tình hình chuẩn bị của tiểu đoàn, Bác hỏi:

- Chú có tin trận này quân ta nhất định thắng không?

- Thừa Bác, cháu tin ạ!

Chiến dịch kết thúc thắng lợi, tôi được cử làm trung đoàn trưởng Trung đoàn Sông Lô, tiếp tục chiến đấu trên chiến trường Bắc Bộ. Năm 1954 tham gia Chiến dịch Điện Biên

Phủ, trung đoàn tôi là đơn vị chủ lực, bắt sống tướng De Castrie. Sau chiến thắng Điện Biên, tôi về làm Sư đoàn phó kiêm Tham mưu trưởng Sư đoàn 312, khi anh Lê Trọng Tấn và anh Trần Độ chuyển công tác, tôi lên làm Sư đoàn trưởng kiêm Bí thư Đảng uỷ vào cuối 1954.

Mười năm sau, cuối năm 1964 thì tôi được lệnh vào Nam chiến đấu. Tôi tham gia chỉ huy nhiều chiến dịch như Bình Giã, Đồng Xoài, Bàu Bàng-Dầu Tiếng, Đường 13, Lộc Ninh, Phước Long... và cuối cùng là chỉ huy trận đánh Xuân Lộc trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Trước khi về làm tư lệnh Quân đoàn 4, tôi được cử phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam.

Đến năm 1979 tôi đưa Quân đoàn 4 sang giải phóng Campuchia. Năm 1981 tôi lên làm Phó tư lệnh

đoàn 719 mà anh Lê Đức Anh là Tư lệnh, chỉ huy bộ đội làm nghĩa vụ quốc tế ở nước bạn. Tháng 5 năm 1982 tôi về nước nhận nhiệm vụ tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu 4, đưa cả Sư đoàn 341 theo. Bây giờ, tình hình Lào bất ổn, tôi được lệnh đưa quân sang đất nước Triệu Voi và ở đây năm năm. Sau đó, tôi về Hà Nội làm Tổng thanh tra quân đội năm năm nữa rồi mới về nghỉ chờ hưu chữa bệnh. Cuộc đời binh nghiệp của tôi có thể tạm tóm tắt như thế.

- *Vâng, chỉ cần có thể các nhà văn cũng đã đủ tư liệu viết nên một pho sách quý giá; nhưng thưa Thượng tướng, cuộc đời tướng Hoàng Cầm không chỉ nổi tiếng ở những trận đánh đi vào lịch sử mà còn được biết đến với nhiều giai thoại kỳ thú. Chẳng hạn như chuyến bí mật vượt đại dương lần đầu vào Nam chiến đấu cùng với tướng Trần Độ?*

- (Cười lớn) Chuyến đi nhớ đời đấy. Một ngày cuối năm 1964, tôi và anh Trần Độ từ Hà Nội bay sang Quảng Châu, Trung Quốc. Bây giờ, Trung Quốc đang giúp Campuchia xây dựng tuyến đường sắt Sihanoukville-Phnôm Pênh. Chúng tôi cải trang thành công nhân máy tàu trên một chuyến tàu biển chở sắt đường ray sang Campuchia phục vụ công trình trên. Con tàu bắt đầu nhổ neo vào một buổi sáng dày đặc sương mù, lần lượt vượt qua nhiều “điểm nóng” nguy hiểm, hết Hoàng Sa rồi tới Trường Sa do hải quân Việt Nam Cộng hoà kiểm soát. Nhằm đánh lạc hướng tình báo địch, con tàu chạy xuống gần đảo quốc Singapore rồi bẻ lái đột ngột hướng lên cảng Sihanoukville. Hải trình kết thúc an toàn sau một tuần hồi hộp vượt đại dương.

- *Sau đó, Thượng tướng sang chiến trường B2 bằng cách nào?*

- Đến đây thì dễ rồi. Đại sứ Trung Quốc tại Campuchia đúng hẹn đi xe hơi xuống cảng. Trên xe có 4 người. Hai người xuống xe để tôi và anh Trần Độ thế vào, chạy về Phnôm Pênh. Tới vùng ngoại ô, cơ sở của ta bố trí anh Ba Râu chờ đón sang xe chạy thẳng về nhà kho một thương gia Hoa kiều nằm ngay trung tâm thủ đô. Ít hôm sau, tôi và anh Trần Độ giả Việt kiều đi chơi cuối tuần bằng xe dịch lịch rồi chạy ù sang hướng biên giới nước ta. Anh Huỳnh Khánh Minh chờ sẵn đón chúng tôi. Ba anh em đèo nhau bằng “ngựa sắt” theo đường mòn cắt rừng qua ngã Cà Tum về Cục R, đang đóng ở Tân Biên thuộc Tây Ninh. Anh Huỳnh Khánh Minh về sau được cử làm Thứ trưởng Bộ thông tin tuyên truyền Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam và đã hy sinh trên đường công tác.

- *Được biết, sau đó Thượng tướng hai lần trở lại Hà Nội cũng qua đường Phnôm Pênh.*

- Nhưng không phải bằng đường biển nữa mà bằng đường hàng không. Tôi lấy hộ chiếu giả Việt kiều, mua vé Hãng Air France bay sang Quảng Châu rồi mới quay về Hà Nội. Bọn tình báo địch đâu có ngờ các tướng “Việt Cộng” gây cho chúng mất ăn mất ngủ ở chiến trường B2, lại có thể ngang nhiên một cách đàng hoàng, công khai trước mặt chúng như vậy.

- *Nghe nói, khi mới đến Phnôm Pênh lần đầu, Thượng tướng còn muốn nghe cả đài miền Bắc...*

- Sau này nghĩ lại mới giật mình. Mà mà lúc ấy anh chủ nhà là thương gia Hoa kiều cần kíp thời, bảo với tôi và anh Trần Độ rằng ở tầng trên đang có địch !

- *Thưa Thượng Tướng, là người trực tiếp thành lập và chỉ huy cao nhất của Quân đoàn 4, quân đoàn chủ lực đầu tiên của Quân giải phóng miền Nam, xin Thượng tướng cho biết vài nét về quân đoàn này?*

- Sau một thời gian vào B2, tôi được lệnh xây dựng Sư đoàn 9 chủ lực đầu tiên của Quân giải phóng miền Nam. Đây là sư đoàn đàn anh trong cuộc đối đầu với quân Mỹ, về sau được tuyên dương đơn vị anh hùng. Tôi là Sư đoàn trưởng, còn anh Lê Văn Tường là Chính uỷ đầu tiên. Sau đó, tôi được cử làm Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Miền. Bấy giờ anh Trần Văn Trà là Tư lệnh thay anh Hoàng Văn Thái. Tôi nhận lệnh thành lập thành lập Quân đoàn 4 vào ngày 20 tháng 7 năm 1974, từ 2 sư đoàn chủ lực là Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 cùng một số tiểu đoàn binh chủng độc lập. Tôi được phân công làm Tư lệnh, anh Bùi Cát Vũ - Phó tư lệnh, anh Hoàng Khánh Nghĩa - Tham mưu trưởng, anh Ba Vinh - phụ trách hậu cần. Đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Hoàng Thế Thiện về làm Chính uỷ. Khi sang Campuchia thì tôi kiêm luôn Chính uỷ.

- *Vai trò Quân đoàn 4 được xác lập ra sao?*

- Ngay từ khi thành lập, Quân đoàn 4 đã được giao hai nhiệm vụ chính. Thứ nhất, quân đoàn là đơn vị chủ lực của B2 (từ Khu 6 trở vào), có nhiệm vụ giải phóng các đô thị lớn, nhất là Sài Gòn, hỗ trợ du kích chiến tranh, xây dựng cơ sở. Thứ hai, đây là đơn vị cơ động của vùng Nam Đông Dương; chính vì vậy mà năm 1979 Quân đoàn 4 mới đi tiên phong tiến vào giải phóng Phnôm Pênh.

Sau khi thành lập, vào ngày 12 tháng 12 năm 1974, Quân đoàn 4 tiến hành đánh chiếm và giải phóng toàn bộ tỉnh Phước Long. Đây là trận đánh rất có ý nghĩa chiến lược, vì qua đó, ta biết được tình hình mạnh yếu của địch, cũng như thấy được thời cơ đã đến mà Trung ương đề ra sách lược mới. Tiếp theo đó, Quân đoàn 4 tiến đánh Bình Long qua bắc Tây Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành; đánh từ Mỏ Vẹt đến La Ngà qua Hoài Đức, Tánh Linh, Bà Rịa để hình thành bàn đạp bao vây Sài Gòn từ nhiều hướng. Sau chiến thắng Dầu Tiếng tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 9 được lệnh tách khỏi Quân đoàn 4 chuyển về làm lực lượng nòng cốt cho Đoàn 232 chiến đấu phía tây nam Sài Gòn. Bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, phiên chế Quân đoàn 4 có ba sư chủ lực là Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 và Sư đoàn 6 được thành lập từ hai trung đoàn chủ lực của Quân khu 7.

- *Trận đánh Xuân Lộc nổi tiếng của Quân đoàn 4, theo Thượng tướng, có vai trò như thế nào trong toàn bộ Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử?*

- Trận Xuân Lộc kéo dài 10 ngày từ 09 tháng 4 đến 19 tháng 4 năm 1975 là trận đánh mở đầu cho chiến dịch và là trận đánh lớn nhất, quyết liệt nhất, quan trọng nhất trong toàn bộ chiến dịch. Thứ nhất, địch mất Quân khu 1 và Quân khu 2 nên dồn quân về đây. Thứ hai, Đại tướng Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ và là cựu Tổng tư lệnh quân Mỹ ở Đông Dương, được lệnh Nhà Trắng bay sang lập phòng tuyến cố thủ Sài Gòn, xem Xuân Lộc là “cánh cửa thép”, lá chắn cuối cùng để tìm một giải pháp chính trị. Mất Xuân Lộc là mất tất cả. Do đó, sau khi Xuân Lộc bị quân ta chiếm thì tướng

Weyand liền lên máy bay chuẩn về Mỹ, kéo theo tướng tá chế độ Sài Gòn bỏ chạy, Tổng tham mưu trưởng chạy, Tổng thống chạy... Sau Xuân Lộc, Quân đoàn 4 tiếp tục đánh chiếm Trảng Bom, Hồ Nai, Biên Hoà, Sở chỉ huy Quân đoàn 3 của ngụy, sân bay Biên Hoà; rồi tiến thẳng vào Sài Gòn đánh chiếm Bộ Quốc phòng, dinh Gia Long, Bộ tư lệnh Hải quân, kho xăng Nhà Bè...

- *Thượng tướng có mặt tại dinh Độc Lập vào lúc nào?*

- 13 giờ 30' ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trước đó, 12 giờ 30', Đại đội anh hùng của Sư đoàn 7 do Chính trị viên Hoàng Cao Đại chỉ huy với bốn xe tăng dẫn đầu đã tiến vào dinh Độc Lập. Khi tôi vào, được biết Dương Văn Minh cùng nội các của ông ta từ sáng sớm đến lúc ấy vẫn chưa ăn uống gì. Tất nhiên, họ sợ hãi không dám ngỏ lời. Tôi liền bảo họ: Các ông có thể nhờ người nhà đưa cơm nước và đồ cá nhân cần dùng tới, chứ đói sao chịu nổi... Và đêm ấy, tôi cùng anh em binh lính nằm ngay trên hiên dinh Độc Lập nghỉ ngơi. Dù đang đói ngủ nhưng tôi không tài nào chợp mắt được. Đã nằm trong dinh Độc Lập rồi mà tôi cứ ngỡ mình đang mơ !

- *Thưa Thượng tướng, có ý kiến cho rằng việc đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống Dương Văn Minh là hành động có lợi cho đất nước cho cách mạng, Thượng tướng nghĩ sao?*

- Việc Dương Văn Minh lên làm Tổng thống chế độ Sài Gòn là con bài cuối cùng của Mỹ nhằm cản bước tiến quân ta, tìm một giải pháp chính trị có lợi cho chúng. Theo tôi, hành động đầu hàng của Dương Văn Minh là việc phải làm, không thể khác được, khi quân ta đã tiến đến nơi.

- *Trong chiến dịch này, Quân đoàn 4 của Thượng tướng bắt sống bao nhiêu tướng lĩnh của đối phương?*

- Khi ở Sóng Thần, anh em bắt sống Chuẩn tướng Lê Minh Đảo - Sư trưởng 18, còn khi vào Sài Gòn thì bắt sống Trung tướng Lâm Văn Phát - Tư lệnh Biệt khu thủ đô.

- *Là Phó chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn sau khi thành phố được giải phóng, xin Thượng tướng cho biết vài nét về nhiệm vụ lúc đó?*

- Sau khi Sài Gòn được giải phóng, Ủy ban Quân quản được thành lập do anh Trần Văn Trà làm Chủ tịch, tôi làm Phó chủ tịch thường trực, anh Võ Văn Kiệt, anh Mai Chí Thọ, anh Cao Đăng Chiếm, anh Trần Văn Danh... làm Phó chủ tịch. Nhiệm vụ chủ yếu lúc bấy giờ là phục hồi trật tự, ổn định đời sống nhân dân, cho cải tạo lâu dài và tại chỗ hàng triệu tướng tá, quân lính, viên chức của chế độ cũ...

- *Theo Thượng tướng, điều gì tạo nên sức mạnh quyết định để quân ta chiến thắng?*

- Đó là đường lối chính trị đúng đắn. Ngoài ra, ta còn hơn đối phương về nghệ thuật chiến tranh.

- *Thưa Thượng tướng, trong đời làm quân rồi làm tướng của mình, những tướng lĩnh nào của Việt Nam đem lại cho Thượng tướng sự quý mến nhất?*

- Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Hai ông này là bậc thầy của tôi. Đại tướng Võ Nguyên Giáp bồi dưỡng cho tôi từ khi tôi còn là Tiểu đoàn trưởng. Sau khi chiến thắng Đông Khê, lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ, cũng là lần đầu tôi gặp Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên

Giáp. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là người mà tôi có dịp gần gũi nhiều khi vào Nam. Anh ấy là một tướng tài, là một Ủy viên Bộ chính trị trẻ và là người nâng đỡ rất nhiều đối với thế hệ chúng tôi - những người lính xuất thân từ tầng lớp nông dân nghèo, không có trình độ học vấn, nhưng có bản lĩnh và kinh nghiệm qua thực tế chiến trường, dám xả thân vì cách mạng.

- *Còn những người bạn chiến đấu thân thiết nhất của Thượng tướng?*

- Anh Lê Thám, anh Vân Sĩ của tiểu đội đầu tiên. Sau này về Sư đoàn 312 thì có anh Lê Trọng Tấn, Trần Độ, Nam Long, Trần Quân Lập, Thăng Bình... Khi tôi vào Nam thì có anh Nguyễn Chí Thanh, Trần Văn Trà. Ngoài ra, thời gian ở Sư đoàn 9 tôi cũng rất thân với anh Lê Văn Tưởng (Hai Trân). Ôi, còn bạn chiến đấu thì nhiều lắm.

- *Thượng tướng có thể kể đôi nét về tướng Lê Trọng Tấn được không?*

- Anh Tấn vừa là bạn rất thân vừa là cấp trên của tôi. Anh ấy thông minh, quả cảm, rất được bộ đội yêu mến. Tài chỉ huy chiến dịch của anh khó ai sánh bằng. Tôi rất bất ngờ và đau buồn khi nghe tin anh đột ngột từ trần lúc đang là Đại tướng Tổng tham mưu trưởng quân đội ta.

- *Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, tướng Hoàng Thế Thiện là Chính uỷ Quân đoàn 4 do Thượng tướng làm Tư lệnh...*

- Vâng. Anh Hoàng Thế Thiện vốn được giác ngộ cách mạng trước tôi. Thời tôi còn là Đại đội trưởng ở Quân khu 10 trong kháng chiến chống Pháp thì anh Thiện đã là Chính uỷ đầu tiên Trung đoàn Sông Lô, kiêm Trưởng phòng chính trị Quân khu 10. Sau này anh ấy trở thành Chính uỷ Sư đoàn 304, rồi Chính uỷ Bộ tư lệnh phòng không - Không quân mà anh Phùng Thế Tài là Tư lệnh.

Anh Thiện là một người hoạt bát, có vóc dáng đẹp, là một chính uỷ giỏi lại có khả năng về quản lý kinh tế. Vì vậy, hoà bình lập lại, sau thời gian sang Campuchia làm chuyên gia, anh Thiện được điều về nước làm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Chủ nhiệm Tổng cục kinh tế. Trước khi nghỉ hưu, anh ấy được biệt phái sang làm Thứ trưởng thứ nhất Bộ lao động - Thương binh và xã hội. Tôi nhớ hoài kỷ niệm đêm 30 tháng 4 năm 1975, tôi - Tư lệnh và anh Thiện - Chính uỷ Quân đoàn 4 cùng nằm trò chuyện và ngủ ngay ngoài hiên dinh Độc Lập. Không mừng mền chiếu gối. Sáng dậy, muỗi đốt đỏ cả người. Chúng tôi đùa, muỗi Sài Gòn kinh quá ! Sau này, mỗi lần gặp nhau, anh Thiện cũng hay nhắc lại kỷ niệm ấy. Cả hai cười vang.

- *Theo Thượng tướng, hạnh phúc lớn nhất của người lính là gì?*

- Là hoàn thành nhiệm vụ được giao

- *Còn nỗi đau lớn nhất?*

- Là không hoàn thành nhiệm vụ. Làm người lính chẳng có gì khổ tâm hơn điều đó.

- *Nếu Tổ quốc gặp phải cơn nguy biến, Thượng tướng có tin rằng thế hệ trẻ hiện nay đủ khả năng bảo vệ vững chắc thành quả thế hệ trước để lại?*

- Tôi tin. Bởi người Việt Nam ở thế hệ nào cũng có lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Thế hệ trẻ bây giờ

lớn lên trong thời bình, có điều kiện hơn chúng tôi rất nhiều. Bạn trẻ bây giờ cần ước mơ. Và bất cứ người lính nào cũng đều cần có mơ ước trở thành một vị tướng. Để thực hiện được điều đó, không có con đường nào khác hơn là hãy lăn xả vào cuộc sống, trường đời. Thời thế sẽ tạo anh hùng! Nhưng từ đây đến năm 2000 thì đất nước chưa có chiến tranh đâu.

- Nếu như được trở lại từ đầu, thì Thượng tướng...

- Tôi sẽ vẫn chọn con đường binh nghiệp. Tại một cuộc họp mặt nhân kỷ niệm ngày thành lập Trung đoàn Sông Lô, tôi cũng đã nói rằng: Tôi, một người lính - người lính từ khi còn chưa biết tình yêu là cái gì, đến nay đã trở thành một cụ già, chưa có lúc nào tôi cảm thấy ân hận vì sự lựa chọn đường đã đi của mình. Quân đội là trường học lớn - phải nói là trường đại học tổng hợp. Nếu có phép màu cho tôi trở lại tuổi hai mươi, tôi vẫn dứt khoát chọn: Cuộc đời binh nghiệp!

(Đôi mắt ông bỗng trở nên rực sáng hơn cùng nụ cười vang ngân).

- Thế Thượng tướng biết đến “tình yêu là cái gì” từ khi nào?

- Khi về thủ đô Hà Nội, rồi trở ra Chiến khu Việt Bắc. Lúc ấy, tôi có quen một cô gái Hà Nội bán hàng tạp hóa. Gái Hà thành thì anh biết rồi, khá xinh (cười)! Chúng tôi dự định tổ chức đám cưới với nhau, nhưng vì quân Pháp bao vây ráo riết, cô ấy đành ở lại Hà Nội. Không biết cuộc chiến đấu bao giờ mới kết thúc, sợ cô ấy khổ, nên cuối cùng tôi quyết định cắt đứt quan hệ. Tình yêu lứa đôi thời chiến là như thế. Luôn phải sẵn sàng chịu đựng sự hy sinh !

Mãi sau này khi tôi đã ba mươi bốn tuổi, qua anh Kim Ngọc - cha đẻ của khoán hộ gia đình trong nông nghiệp, nguyên là Bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phú, tôi mới quen cô Thành Kiều Vượng, là vợ tôi bây giờ. Lúc ấy, vợ tôi là cán bộ ngành thuế, còn bố vợ làm bên công an ở Vĩnh Phú. Biết nhau nhưng ít có thời gian gặp nhau. Chúng tôi cưới năm 1955. Cưới xong là tôi lên đường đi công tác ngay. Trải qua mấy mươi năm chung sống bên nhau trên mọi miền đất nước, bây giờ chúng tôi đã nghỉ hưu, sống với con cháu. Chúng tôi có 5 con, tất cả đều phục vụ trong quân đội. Nghĩa là cả gia đình đều là lính. Bà nhà tôi cũng là Đại úy về hưu. Năm 1992, nhân sinh nhật lần thứ 60 của bà nhà, tôi có làm tặng bà bài thơ vui:

Đời em là một giấc mơ

Mơ chồng thắng trận, mơ cò đảng viên

Chiến tranh mấy mươi năm liền

Mà em vẫn giữ bình yên như người

Đến nay tuổi đã sáu mươi

Năm con bảy cháu mừng vui bên bà

Tuổi em là tuổi con gà

Tuổi anh con khỉ nhưng mà đẹp đôi

Tuy rằng tóc bạc da mồi

Chúng ta vẫn giữ lứa đôi vẹn tròn

Còn trời còn nước còn non

Có dân có đảng ta còn sống lâu

Anh thấy tướng mà làm thơ như vậy có hay không ! (Cười vang).

- *Mối tình của ông bà có công lớn của “ông mai” Kim Ngọc. Thượng tướng có nghĩ việc phục hồi và phong Anh hùng Lao động cho Kim Ngọc khi ông không còn nữa, là quá muộn?*

- Muộn còn hơn không. Tôi thực sự xúc động và vui mừng khi nghe tin Kim Ngọc được phục hồi công trạng. Anh ấy nguyên là Thượng tá chuyển từ Quân khu Việt Bắc về Vĩnh Phú làm công tác chính quyền. Một con người có dáng vóc tầm thước, tính cách nhã nhặn, được đồng đội và nhân dân tin yêu, cả khi phải chịu kỷ luật oan ức. Tôi có gặp lại Kim Ngọc một lần trước lúc anh mất. Anh vẫn hết sức lạc quan tin vào sự đúng đắn của phương pháp khoán hộ nông nghiệp do anh đề xướng!

- *Thưa, cuộc sống hiện nay của Thượng tướng thế nào?*

- Bình thường như mọi người. Lương Thượng tướng một triệu đồng. Lương hưu bà nhà hơn ba trăm ngàn đồng. Cả hai cộng lại cũng đủ trả tiền điện nước, nhà thuê cùng cơm rau qua ngày. Khối người lương còn thấp hơn mình nhiều mà. So với thời kháng chiến thì bây giờ tươm tất hơn nhiều.

- *Trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình, thời gian nào Thượng tướng cảm thấy mình đối mặt với khó khăn nhất?*

- Thời làm Tổng thanh tra quân đội.

- *Vì sao?*

- Luôn luôn phải xử lý, giải quyết hàng vạn đơn thư khiếu tố, khiếu nại. Mà điều quan trọng là làm sao cho thật dân chủ, công bằng, có tình có lý thì không phải dễ. Khó khăn lắm anh ạ!

- *Thượng tướng suy nghĩ gì về tình trạng tham nhũng đang hoành hành hiện nay.*

- Có nhiều nguyên do, nhưng theo tôi, nguyên do chủ yếu vẫn là sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ sở thiếu chặt chẽ, triệt để. Vì vậy, một số cán bộ đảng viên thoái hóa đã lợi dụng sơ hở mà tham ô, tham nhũng, tác oai tác quái.

- *Hiện nay sức khỏe của Thượng tướng thế nào?*

- Trong chiến tranh tôi bị thương đến 5 lần, nên sức khỏe không được tốt lắm. Tôi là người đi nhiều, làm việc không biết mệt, ăn uống chẳng kiêng cử gì nhiều. Hiện nay, sáng sớm tôi cũng thức dậy tập dưỡng sinh cho khí huyết lưu thông. Tôi vẫn thường xuyên đọc, nghiên cứu sách báo. Tôi cũng vừa hoàn thành tập hồi ký Chặng đường mười ngàn ngày cho xuất bản.

- *Thượng tướng có tiên đoán mình sống được mấy mươi năm nữa?*

- Tôi cố gắng sống ngoài tám mươi là tốt rồi. Thời đánh nhau tôi nhiều lần bị thương nặng, có một lần đã chết nửa tiếng đồng hồ, anh em khiêng chạy về, nhưng vẫn không chết (cười).

*

Quên xem đồng hồ, nên theo dòng chảy câu chuyện, cả Thượng tướng Hoàng Cầm lẫn chúng tôi

không nghĩ rằng đã quá 12 giờ 30. Bất giác tôi nhìn lên vách, thấy tấm ảnh Chủ tịch Tôn Đức Thắng cỡ lớn uy nghi giữa bàn thờ do tỉnh Tây Ninh tặng Thượng tướng. Dường như hiểu được sự phân vân của tôi, Thượng tướng bảo: "Ảnh không gian ba chiều đấy. Anh đứng giữa sẽ thấy chân dung Bác Hồ, đứng bên trái ảnh sẽ thấy chân dung Bác Tôn, còn đứng bên phải sẽ thấy ảnh cố Tổng bí thư Lê Duẩn". Rồi ông trở tay sang hướng khác, nở nụ cười hồn nhiên: "Đây là Huân chương Hồ Chí Minh, tôi được tặng hồi năm 1993; huân chương mà trước đây chỉ khi nào vào quan tài rồi mới có được!". Âm giọng vị tướng càng trở nên âm áp hơn khi ông bắt tay, tiễn chúng tôi ra đến cổng. Trong đôi mắt chân tình và bàn tay cứng rắn, khô ráp của Thượng tướng Hoàng Cầm, như vẫn hừng hực khí thế của một trái tim người lính sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc.

Vị tướng còn khoe rằng vừa làm được một bài thơ mới hẹn dịp đọc cho nhau nghe. Là vị tướng trận mạc mà lại rất mê thi ca. Thật đáng quý. Sự lãng mạn ở tướng Hoàng Cầm làm tôi nhớ đến những vị tướng "nghệ sĩ" như Nguyễn Bình, Nguyễn Sơn, Hoàng Văn Thái, Trần Văn Trà, Huỳnh Văn Nghệ, Đinh Đức Thiện, Lê Hai,... và vị tướng đồng hương của ông là Nguyễn Đan Thành - người từng là bạn thơ may với tướng Lê Trọng Tấn và Trần Đăng Ninh thời trai trẻ. Nếu như Hoàng Cầm là tướng trận lầy lùnh thì Nguyễn Đan Thành là tướng nuôi quân nổi tiếng từ Điện Biên Phủ đến dinh Độc Lập. Tướng Đan Thành sinh năm 1916 tại Hà Đông, trước khi qua đời ở tuổi bát tuần, ông đã làm hơn tám trăm bài thơ và in thành ba tập. Thơ tướng Nguyễn Đan Thành có nhiều bài rất độc đáo chẳng hạn như bài khen bạn lính già một cách hóm hỉnh :

Tính ông không rượu không trà

Chắc giờ cái khoản đàn bà cũng không....

Rõ ràng, không những biết cầm súng chiến đấu vì độc lập tự do hạnh phúc cho Tổ quốc, mà mỗi vị tướng mỗi người lính Việt Nam còn mang trong trái tim mình dòng máu nghệ sĩ !

Tân Bình, tháng 3 năm 1995

02 - Thượng tướng NGUYỄN MINH CHÂU

Từ một tiểu đội trưởng hoạt động độc lập, Nguyễn Minh Châu trở thành một "ông lớn" từng là "nổi ám ảnh kinh hoàng" đối với kẻ thù ở chiến trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên suốt hai cuộc kháng

chiến. Tướng Nguyễn Minh Châu là vị chỉ huy trận đánh chiếm đồn Phú Hải ở lầu Ông Hoàng bằng chiến thuật kỳ tập mở ra cục diện mới trên chiến trường Bình Thuận lần Quân khu 6, rồi chỉ huy trận phục kích Đắkrơ trên đường 19, bắt sống quan năm sắp được phong tướng Baroux. Tập kết ra Bắc, Nguyễn Minh Châu có công phát triển phong trào thi đua Ba Nhất nổi tiếng trong quân đội. Về Nam, ông làm tư lệnh Quân khu 6, tham mưu trưởng Miền, tư lệnh Đoàn 232. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, ông là tướng chỉ huy trực tiếp một trong năm cánh quân tiến vào giải phóng Sài Gòn. Sau đó, ông lại có mặt ở Phnôm Pênh đẩy lùi tập đoàn diệt chủng Pol Pot, làm nghĩa vụ quốc tế. Về nước, ông được cử làm tư lệnh Quân khu 7, phó tổng thanh tra quân đội, trưởng đại diện Bộ Quốc phòng tại phía Nam. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Trong tâm khảm của những người lính thuộc quyền, Năm Ngà là vị tướng tư lệnh chiến trường kiên cường, bản lĩnh, quyết đoán, kỷ luật, dạn dày trận mạc và cũng hết sức độ lượng, chan chứa nghĩa tình.

Thời thơ ấu của Thượng tướng Nguyễn Minh Châu là chuỗi ngày mồ côi gian nan bất hạnh. Tuổi Tân Dậu Nguyễn Minh Châu sinh ngày 20 tháng 8 năm 1921 tại xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Mới được mấy tháng tuổi thì mẹ mất. Vị tướng tương lai không kịp nhận biết hình ảnh người mẹ vẫn sống. Lên sáu tuổi, bắt đầu cắp sách đến trường làng, nhưng học được vài năm thì nạn đói hoành hành khắp nơi, Nguyễn Minh Châu cùng hai người anh phải nghỉ học, phụ cha làm lụng kiếm cái ăn cái mặc qua ngày. Trước cảnh túng bấn, côi cút của gia đình, cha ông quyết định đi bước nữa. Người mẹ kế trông nom nhà, ruộng vườn. Còn cha con ông bôn ba đi làm xa, chạy ăn từng bữa. Nhưng cơm vẫn không đủ ăn, có lúc phải ăn củ năn cả tháng.

Khô sở vật chất lẫn tinh thần, chàng thiếu niên đa cảm Nguyễn Minh Châu cứ miên man tự hỏi: Vì sao cuộc sống cứ đói khổ thế này? Sống như vậy để làm gì? Nguyễn Minh Châu cảm thấy ngột ngạt, không thể tiếp tục sống mãi như vậy được, nhất là khi nhìn nhiều người dân quê cả đời sống nghèo khổ quanh quẩn ở làng, cho tới khi sắp nhắm mắt xuôi tay mà chỉ biết từ nhà ra chợ. Nguyễn Minh Châu ngày càng buồn tủi, chán chường, thất vọng. Mười sáu tuổi, chàng thiếu niên họ Nguyễn đã liều lĩnh trốn nhà ra đi, với hy vọng tìm một việc làm tốt hơn nghề nông, có thể thay đổi phần nào cuộc sống của mình và gia đình.

Tuy nhiên, Nguyễn Minh Châu mới "giang hồ" gần nửa năm thì người nhà kiếm bắt về. Vì không có chỗ dựa quen biết, không tiền bạc và nhất là chưa có giấy thuế thân nên không thể đi xa được. đành phải "quy có hương" chờ cơ hội mới. Và đến năm mười tám tuổi, chàng trai họ Nguyễn kiếm đủ tiền đóng thuế, lấy giấy thuế thân, chuẩn bị tiếp tục... trốn nhà tha phương.

Cuộc sống bần cùng vô gia cư đã đưa chàng trai Tây Ninh đến với cách mạng. Từ trinh sát viên, tiểu đội trưởng hoạt động độc lập. Nguyễn Minh Châu đã trở thành Tướng tư lệnh chiến trường oai lừng, chỉ huy nhiều trận đánh lịch sử. Năm 1958, ông được phong Thượng tá - sư đoàn phó Sư đoàn 305. Tháng 5 năm 1965, sau hai năm trở về Nam làm tư lệnh Quân khu 6, ông được thăng quân hàm

Đại tá. Tháng 4 năm 1974, ông được thăng Thiếu tướng khi đang làm tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Miền. Tháng 6 năm 1981, lúc đang công tác ở chiến trường Campuchia, ông được thăng Trung tướng. Đến tháng 1 năm 1986, ông lên Thượng tướng, giữ chức tư lệnh Quân khu 7. Nguyễn Minh Châu còn được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V và khóa VI, ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương, đại biểu Quốc hội khóa VII và khóa VIII. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

Tại nhà riêng ở đường Nguyễn Tri Phương khu vực thành Công Bình cũ thuộc quận Mười, nơi ông và người bạn đời sống bên nhau những năm tháng hiếm hoi cuối cùng, ngồi ngả lưng trên chiếc salon gỗ, Thượng tướng Nguyễn Minh Châu trầm ngâm hồi tưởng:

- Nhà tôi ở Châu Thành gần chợ, lúc ấy bạn học cũ đang học trung học ở Sài Gòn thường về chơi, nên cũng biết chút ít tình hình. Khoảng cuối năm 1939, tôi dành dụm tiền, trốn xuống Sài Gòn, xin vào hãng Delagat vừa học vừa làm công thợ điện hai năm. Nhưng mới gần một năm, tôi coi lại mình chẳng học được gì, ngoài việc chỉ biết quay cho máy nổ. Tối ngày toàn bị sai vặt, xúc than, gánh nước đổ lò. Thấy không có hy vọng nên tôi xin thôi việc, đi tìm việc làm khác.

Cuối năm 1940, Nhật đưa quân vào nước ta, tuyên truyền đánh đổ thực dân Pháp, giành độc lập cho Việt Nam. Tôi tưởng thật, đăng ký vào học ba tháng quân trường, rồi xin chuyển làm thợ mong học được cái nghề. Nhưng làm mới được một tháng, tôi nghe ngóng tình hình, biết là bọn Nhật giả dối, nên tôi rủ một người bạn làm chung bỏ trốn. Được bốn ngày thì quân Nhật tình cờ bắt gặp, đưa chúng tôi về xí nghiệp súng đạn ở Xóm Chiếu làm lại. Khoảng bốn tháng sau tôi lại tìm cách trốn nữa. Tôi xuống Sáu Kho ở Tân Thuận, Nhà Bè xin việc. Và từ đây tôi bắt đầu được giác ngộ hoạt động bí mật, tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, rồi sau đó vào quân đội.

- *Thưa Thượng tướng, tại sao Nguyễn Minh Châu lại còn có biệt danh Năm Ngà?*

- Nguyễn Minh Châu là tên khai sinh, còn Năm Chon hay Năm Ngà là những cái tên khác trong kháng chiến. Tôi lấy tên Năm Ngà khi từ ngoài Bắc trở vào Nam đánh Mỹ. Năm là thứ của tôi trong gia đình. Còn Ngà là tên vợ tôi, Huỳnh Thị Ngà.

- *Lúc Thượng tướng ra Bắc thì bà nhà ở đâu?*

- Bà cũng ra Bắc nhưng đi sau một mình với con cái. Tôi chuyển quân đi trước. Bà một mình ôm con lặn lội theo sau. Trên đường bà bị bệnh rất nặng, may nhờ có nhiều anh em quen biết cố chạy chữa đưa ra tới Bắc. Sau đó, tôi vào Nam chiến đấu, rồi sang Campuchia đánh nhau với bọn diệt chủng Pol Pot, nên vợ chồng ít có thời gian gặp nhau.

- *Thượng tướng và bà gặp nhau lần đầu tiên lúc nào?*

- Vào năm 1948, lúc tôi đang chiến đấu ở Bình Thuận. Bà ấy người Hàm Tân, làm cán bộ phụ nữ, mua lúa gạo, thực phẩm tiếp tế cho anh em bộ đội. Gặp nhau rồi có cảm tình với nhau, sau đó tổ chức đám

cười. Cha bà ấy nguyên là địa chủ bị địch bắt ép làm việc nhưng ông cụ không làm, bảo khai báo về cách mạng ông không khai, nên bị chúng xử tử!

- **Thưa Thượng tướng, một đời xông pha dưới làn tên mũi đạn, có mặt hầu khắp mọi chiến trường, bây giờ nhìn lại, Thượng tướng có cảm thấy hối tiếc điều gì không?**

- Tôi chả có hối tiếc điều gì cả, mà còn mừng nữa. Thứ nhất là mừng nước nhà đã được thống nhất, độc lập, nhiệm vụ đời tôi đã hoàn thành. Thứ hai là mừng tôi vẫn còn sống cho tới ngày nay. Tôi không phải là người duy tâm, nhưng cứ mãi băn khoăn là chẳng hiểu sao ở chiến trường gian khổ như vậy, đạn bom như vậy mà tôi không chết. Mặc dù tôi là người bị rất nhiều bệnh, nhất là bệnh phổi, phải luôn hít thở sâu kết hợp với thuốc men thường xuyên. Mà lúc đó thuốc men đâu có nhiều. Hơn nữa, tôi là người luôn có mặt ở nơi nguy hiểm. Hễ nghe anh em báo nơi nào khó khăn, căng thẳng là tôi lên đường ngay. Trong khi đó, biết bao đồng đội tôi đã mãi mãi ngã xuống...

- **Hình ảnh nào thời trận mạc để lại trong lòng Thượng tướng ấn tượng sâu đậm nhất?**

- Người lính. Không có ông tướng nào đem lại cho tôi sự khâm phục bằng hình ảnh người lính. Họ hồn nhiên, trong sáng, quả cảm, không hề biết run sợ trước cái chết và chính nhờ sự hy sinh to lớn của hàng vạn người lính mới sản sinh ra được những vị tướng.

- **Thế điều mà Thượng tướng căm ghét nhất trong đời sống thường nhật là gì?**

- Những kẻ ham chức quyền, ích kỷ, ăn cắp, tham nhũng.

- **Thượng tướng còn nhớ gì về những ngày đầu tiên gia nhập quân đội?**

- Cuối năm 1943, tôi được đồng chí Công, một người cộng sản hoạt động bí mật, tuyên truyền giáo dục cách mạng. Tôi cùng với một người bạn tên Đức quê ở Bình Định, tham gia dán truyền đơn, khẩu hiệu. Một thằng dán, một thằng canh. Rồi đồng chí Công giao thêm nhiệm vụ quan sát kho tàng súng đạn của quân Nhật, ăn cắp mang về cất giấu. Hai đứa tôi mang về được nhiều lắm. Anh Đức là người hết sức dạn dĩ, dũng cảm. Nhưng chẳng may, trong một lần ăn cắp súng, anh đã bị bắt đưa vào tù, rồi bị tra tấn đến chết. Điều ân hận là tôi không biết rõ quê hương và gia đình người thanh niên miền Trung yêu nước và quả cảm ấy!

Thế rồi đầu năm 1945, tôi bị mất liên lạc với đồng chí Công (sau này trở thành Trung đoàn trưởng, đã hy sinh). Tôi tiếp tục tổ chức một số anh em đi cướp súng của Nhật. Chúng tôi trở thành một đơn vị tổ chức hãn hoi. Đầu tiên có mấy người, anh em cử tôi làm Tiểu đội trưởng, sau đông hơn thì tôi làm Trung đội trưởng, tham gia cướp chính quyền trong Cách mạng tháng Tám. Khi quân Pháp tái chiếm Nam Bộ, các anh cử tôi ra giữ mặt trận Thị Nghè, cầu Bông của Sài Gòn đánh nhau với quân Pháp.

- **Thượng tướng có thể kể rõ hơn về các trận đánh ở mặt trận Thị Nghè trong những ngày đầu kháng chiến. Đây có phải là trận đánh đầu tiên trong đời binh nghiệp của Thượng tướng không?**

- Chúng tôi đánh nhau với quân Pháp năm trận tại Thị Nghè. Cuối cùng, chúng bao vây ráo riết, theo

lệnh của Ủy ban kháng chiến hành chính miền Đông Nam Bộ, các đơn vị khác rút hết, tôi đánh thêm ba ngày cho dân kịp tản cư, rồi mới cho anh em nhảy xuống sông rút lui an toàn. Từ mặt trận Thị Nghè, tôi mới hiểu thế nào đánh giặc. Và tôi cũng rút ra một số kinh nghiệm bổ ích.

Thứ nhất là về nghệ thuật chỉ huy: phải biết rõ tình hình địch, hiểu rõ chỗ yếu chỗ mạnh của mình, để tìm cách đánh phù hợp. Thứ hai là hợp đồng tác chiến: trước lực lượng đông đảo và ý đồ lấn chiếm của địch, một mình không thể thắng nổi địch, mà phải hợp đồng tác chiến với các đơn vị bạn. Thứ ba là phải bám trụ đánh địch. Lúc ấy, bộ đội ta đang quyết chiến như thế nhưng nhiều đơn vị lại rút lui. Tôi không chịu rút vì nghĩ rằng chỉ có nước rút tới... biên giới phía Bắc, nghĩa là chịu mất nước mà thôi.

- Sau khi tạm thời rút lui khỏi Sài Gòn, Thượng tướng đưa quân về đâu?

- Tôi chuyển quân về Xuân Lộc, vừa lúc quân Pháp tới, tôi lại tổ chức phòng thủ. Ủy ban kháng chiến hành chính miền Đông ra lệnh lui về Phan Thiết, giao bộ đội tiếp viện cho mặt trận Nha Trang, Khánh Hoà. Xong nhiệm vụ, từ Phan Thiết tôi trở về Biên Hoà tập hợp anh em ốm đau còn lại, trang bị súng đạn, chiến đấu trở lại. Lúc ấy được khoảng năm mươi người, anh em cử tôi làm Trung đội trưởng, hoạt động độc lập. Tình hình hết sức phức tạp. Súng đạn thiếu thốn. Không có sự chỉ đạo thống nhất. Đơn vị tôi bị quân Bình Xuyên tước súng hoài.

Cuối cùng, tôi gia nhập đoàn quân Nam tiến. Tôi là Đại đội trưởng Đại đội Hoàng Hoa Thám làm chủ vùng Hàm Thuận tỉnh Bình Thuận. Nhưng rồi bị bế tắc về chiến thuật, vì lực lượng võ trang quá yếu. Tôi nghĩ đến cách đánh lấy đồn mà ít tiêu hao về lực lượng và vật chất kỹ thuật nhất. Sau khi nghiên kỹ lưỡng, tôi cho đánh đồn Phú Hải ở lầu ông Hoàng, Phan Thiết. Đây là trận đánh rất có ý nghĩa về mặt chiến thuật, làm thay đổi cả tình hình quân sự tỉnh lúc ấy.

- Thượng tướng có thể giải thích rõ hơn ý nghĩa trận đánh này.

- Trận đánh Phú Hải thiên về tâm lý, nắm lấy sơ hở của địch, bất ngờ đánh phủ đầu để địch trở tay không kịp. Đồn Phú Hải nằm trên núi, án ngữ cả một vùng. Dân đến kiếm cá kiếm cua đều bị chúng giết. Tôi bàn với anh em bằng mọi cách phải tiêu diệt chúng. Lợi dụng thế núi hiểm và sương mù dày đặc, lính gác không trông thấy, tôi cho ém quân chờ sáng. Đồn Phú Hải có một quy luật là bọn chỉ huy sáng nào cũng đến đây kiểm tra. Tôi tổ chức thêm ở ngoài đồn một vòng vây để yểm trợ. Đầu tiên, là uy hiếp lính gác để chúng buông súng cho anh em giữ. Xâm nhập vào đồn, vận động tâm lý chiến, giả thư cấp chỉ huy, đề nghị cho kiểm tra và giao đồn. Đồn Phú Hải là đồn bị quân ta lấy đầu tiên trong kháng chiến chống Pháp ở Bình Thuận. Sau này anh em gọi đó là chiến thuật kỳ tập.

- Vậy còn trận phục kích Dăkpo trên đường 19 bắt sống quan năm Baroux chỉ huy Binh đoàn cơ động 100 của Pháp ?

- À, đây là trận đánh được đánh giá là oanh liệt vào loại nhất nhì trong lịch sử kháng chiến chín năm chống Pháp. Sau khi kết thúc, Bác Hồ đã viết thư khen ngợi và trao cho chúng tôi Huân chương

Kháng chiến hạng nhất.

- *Xin Thượng tướng cho biết vài nét cụ thể về Binh đoàn 100 của Pháp và diễn tiến trận đánh từng gây chấn động này.*

- Năm 1953, Đại tướng nổi tiếng nhất của Pháp lúc ấy là Henri Navarre được cử sang thay Salan làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch Navarre ra đời. Riêng chiến trường Liên khu 5, chúng tiến hành Chiến dịch Atlante vượt đèo Cả đánh chiếm vùng tự do Phú Yên. Ý đồ của Bộ Tổng chỉ huy quân Pháp là tập trung một lực lượng lớn tổ chức thành những binh đoàn cơ động mạnh, tiến công chiến lược, chiếm đóng hầu hết các vùng tự do còn lại ở phía Nam.

Đường 19 là con đường huyết mạch của chiến trường Tây Nguyên, riêng đoạn Pleiku - An Khê là nơi hiểm yếu, ta và địch tranh chấp quyết liệt. Còn tiểu khu An Khê gồm hàng loạt cứ điểm ngoại vi và các vùng phụ cận, là bàn đạp tiến công xuống vùng tự do duyên hải miền Trung và là bình phong án ngữ đầu cực đông của đường 19. Nhưng trong chiến cuộc Đông Xuân 1952 - 1953 ta đã lần lượt làm chủ nhiều vùng phụ cận An Khê.

Đầu năm 1954, tôi từ Trung đoàn 108 được điều về khôi phục củng cố lại Trung đoàn 96, hoạt động liên tục trên đường 19, đánh thắng nhiều trận ở Hà Tam, Măng Giang. Trung đoàn được giao nhiệm vụ sẵn sàng đánh phá tiểu khu An Khê và tiêu diệt địch rút chạy trên đường 19. Trung đoàn đã đánh nhiều trận trên đoạn Măng Giang - An Khê, nhưng đoạn suối Dăkpo thì chưa đánh trận nào. Tuy hiểm trở, nhưng đoạn đường Dăkpo lại nằm giữa hai cứ điểm của địch. Quân Pháp luôn tăng cường trinh sát bằng không quân, biệt kích thám báo. Từ quan sát hiện trường tôi chọn đoạn suối Dăkpo về phía đông để làm yếu điểm phục kích chờ địch. Đoạn này dài 800 mét do Tiểu đoàn 79 phụ trách. Còn đoạn phía tây suối Dăkpo do Tiểu đoàn 40 phụ trách. Những đơn vị khác cũng bố trí ở những điểm có thể phát huy tối đa khả năng tác chiến.

Binh đoàn 100 là lực lượng cơ động mạnh của quân Pháp vừa tham chiến ở Triều Tiên trong lực lượng Liên Hiệp Quốc, được tăng cường cho Đông Dương vào cuộc chiến cuối cùng của kế hoạch Navarre. Lúc ấy quân ta tổ chức phản công liên tục trên chiến trường Tây Nguyên, để phối hợp với Điện Biên Phủ. Chiến dịch Atlante ở duyên hải Phú Yên bị ta bẻ gãy. Quân Pháp có kế hoạch rút bớt khỏi Tây Nguyên để chi viện cho các hướng và co cụm lực lượng hình thành các khu vực phòng ngự mạnh. Tinh thần quân Pháp suy sụp. Bọn chỉ huy Binh đoàn 100 biết rút khỏi tiểu khu An Khê về Pleiku là nguy hiểm, nhưng vẫn tin tưởng ở lực lượng đông với nhiều vũ khí tối tân và có Binh đoàn 42 từ Pleiku xuống đón yểm trợ.

Sáng ngày 24 tháng 6 năm 1954, khi nghe tin đoàn xe hơn 200 chiếc của địch rời An Khê xuống đến Kà Tung, cách Dăkpo khoảng 7 kilômét, tôi cho tổ chức cuộc họp chớp nhoáng với Ban tham mưu và ra quyết định cụ thể cho từng đơn vị. Trận đánh bắt đầu vào lúc 12 giờ 30' ngày 24 tháng 6 và kết thúc vào 12 giờ ngày 25 tháng 6 năm 1954. Chiến sự hết sức ác liệt. Dù bị đánh bất ngờ nhưng địch tỏ ra

cũng ngoan cố, tìm mọi cách kháng cự, nhưng cuối cùng quân ta cũng giành hoàn toàn thắng lợi.

- *Thượng tướng còn nhớ kết quả hiện trường trận đánh ?*

- Sau khi địch hoàn toàn buông vũ khí, tôi đích thân đi quan sát toàn trận địa. *(Ông đứng lên lấy ra nhật ký cũ kỹ trong ngăn tủ, đọc rõ từng con số)*. Kết quả có trên 900 quân Pháp bị chết, còn bị thương nằm rải rác 600 tên. Tên quan năm sắp được phong tướng Baroux, chỉ huy Binh đoàn 100 cùng 1280 tên khác bị ta bắt sống; 375 xe các loại bị cháy, bị hư hỏng; 229 xe còn nguyên hoặc hư hỏng ít... Trung đoàn 96 tiêu diệt hoàn toàn cánh quân địch rút chạy và giải phóng tiểu khu An Khê.

Trong khi đó, Binh đoàn cơ động 42 của địch do quan năm Sockel chỉ huy từ Pleiku xuống đón Binh đoàn 100, đã bị Trung đoàn 108 của ta lúc này do anh Đoàn Khuê chỉ huy, chặn đánh toi bời, không thực hiện được ý đồ của chúng. Quan năm Sockel cũng sợ tôi dữ lắm. Hồi ở Bình Thuận ông ta suýt chết với tôi mấy lần (cười).

- *Như vậy, trong năm 1954, nếu như ở Điện Biên Phủ bộ đội ta đã bắt sống quan năm vừa được phong tướng De Castrie thì ở An Khê đã bắt sống quan năm sắp được phong tướng Baroux.*

- Đúng vậy.

- *Thưa Thượng tướng, thời chống Mỹ Thượng tướng gắn bó với chiến trường nào?*

- Cũng ở Nam Trung Bộ. Năm 1954, tôi là Tỉnh đội trưởng Bình Thuận đưa quân tập kết ra Bắc. Năm 1963 tôi trở vào Nam, làm Tư lệnh Quân khu 6. Sau Tổng tấn công Mậu Thân năm 1968, tôi về làm Tham mưu phó rồi Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh Quân giải phóng Miền Nam. Tôi khoái trực tiếp đánh nhau, không muốn nhận chức Tham mưu trưởng, nhưng các anh ở trên thì muốn giúp đỡ bồi dưỡng cho tôi. Tôi và Ban tham mưu giúp Trung ương Cục và Bộ tư lệnh Miền đề ra phương án tác chiến các chiến dịch, trong đó có kế hoạch Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975 của B2 mà kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

- *Thượng tướng còn nhớ gì về những trận đánh của cánh quân Tây Nam - Đoàn 232 do Thượng tướng trực tiếp chỉ huy tiến vào giải phóng Sài Gòn?*

- Đầu năm 1975, Đoàn 232 được thành lập, do tôi làm tư lệnh, anh Trần Văn Phác làm chính ủy, anh Hai Nghiêm và Út Liêm làm phó tư lệnh. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Đoàn 232 đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phó tư lệnh Miền Lê Đức Anh và Phó chính ủy Lê Văn Tường. Lực lượng chính của Đoàn 232 gồm có Sư đoàn 5 và Sư đoàn 302, Trung đoàn bộ binh 16, hai trung đoàn đặc công... rồi được bổ sung thêm Sư đoàn 9 của Quân đoàn 4 và sau cùng phối thuộc với sư đoàn thiếu của Quân khu 8. Mục tiêu của Đoàn 232 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh là đánh chiếm Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát Sài Gòn.

Trước tiên chúng tôi đột phá tuyến phòng thủ thứ nhất từ dòng sông Vàm Cỏ Đông tới biên giới Campuchia với các tiểu khu, chi khu dày đặc như Long An, Hậu Nghĩa, Bến Lức, Đức Hòa, Thủ Thừa,... Tiếp theo là đập tan tuyến phòng thủ thứ hai của địch gồm các chiến đoàn nguy phòng ngự

hướng tây nam, cắt đứt lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) giải phóng dân, hỗ trợ nhân dân nổi dậy. Cuối cùng là phải tiêu diệt hệ thống phòng thủ ven đô của địch.

Cuộc chiến đấu tại vùng ven thành phố diễn ra hết sức gay go ác liệt. Địch cố chặn bước tiến quân ta, hòng bảo vệ bằng được Sài Gòn. Nhưng chúng đã muộn. Sư đoàn 9 làm nhiệm vụ mũi nhọn, thần tốc đánh chiếm Biệt khu Thủ đô, phối hợp với Quân đoàn 3 đánh sân bay Tân Sơn Nhất. Sư đoàn thiếu của Quân khu 8 thì đánh Chợ Gạo, hai chi khu Cần Giuộc, Cần Đước, vượt cầu Nhị Thiên Đường và cầu chữ Y đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát Quốc gia và Tổng kho xăng dầu Nhà Bè. Nhiệm vụ cuối cùng sau khi đã hoàn thành các mục tiêu của Sư đoàn 302 là đánh địch phản kích, còn Sư đoàn 5 là chặn đánh địch từ Sài Gòn chạy về miền Tây và từ miền Tây kéo lên Sài Gòn. Trong quá trình chấp hành nhiệm vụ, tuy địch yếu, nhưng chúng tôi đều phải vượt qua những đầm lầy, đồn bót dày đặc, khắc phục rất nhiều khó khăn. Nhất là đơn vị xe cơ giới gần sáu trăm chiếc, không bến bãi đường sá, phải vượt sông, đầm lầy nhưng cuối cùng cũng hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

- *Thượng tướng có mặt ở dinh Độc Lập lúc nào ?*

- Khoảng hơn 12 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975. Sau đó tôi làm công tác quân quản, truy quét tàn quân địch ở ngoại ô Sài Gòn.

- *Khi chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra, Thượng tướng giữ nhiệm vụ gì?*

- Sau khi giải phóng Sài Gòn, tôi phụ trách dọn dẹp tàn quân ngụy ở các quận huyện ngoại thành, rồi về làm phó tư lệnh Quân khu 7. Năm 1979, với tư cách phó tư lệnh tiền phương Quân khu 7, tôi cùng một cánh quân tiến vào giải phóng Phnôm Pênh, sau đó làm trưởng ban quân sự ở Campuchia. Trở về nước, tôi tiếp tục tham gia chỉ huy Quân khu 7 với tư cách phó tư lệnh rồi tư lệnh quân khu vào tháng 6 năm 1982. Gần sáu năm sau, tháng 01 năm 1988, tôi được Quân ủy Trung ương điều ra làm phó tổng thanh tra quân đội. Đến tháng 5 cùng năm ấy, tôi về làm trưởng đại diện Bộ Quốc phòng tại phía Nam cho đến khi xin nghỉ chữa bệnh cuối năm 1992.

- *Trong cuộc đời binh nghiệp của mình, Thượng tướng gần gũi, thân thiết với ai nhất ?*

- Bạn tri kỷ thì có anh Nguyễn Văn Nghiêm, đã mất rồi. Tôi cũng là người gần gũi với anh Lê Trọng Tấn nhiều nhất, cả trước khi anh qua đời. Anh là vị tướng tài, tính tình cương trực, nên anh em ai cũng quý mến. Về mặt chiến lược, anh Lê Trọng Tấn là một vị tướng giỏi.

- *Còn với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh?*

- Tôi biết Đại tướng Nguyễn Chí Thanh từ khi còn ở miền Bắc. Lúc ấy, tôi phát động thành công phong trào Ba Nhất trong quân đội: chiến thuật, kỹ thuật và nghệ thuật chỉ huy. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh xuống kiểm tra, chấp nhận và nhân rộng điển hình trong toàn quân. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cùng với các tướng lĩnh Võ Nguyên Giáp, Lê Trọng Tấn, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh,... là những vị tướng tài ba của quân đội ta.

Thượng tướng Nguyễn Minh Châu còn cho tôi biết ông mới vừa đến gặp và trò chuyện với Đại

tướng Võ Nguyên Giáp đang ở thăm Thành phố Hồ Chí Minh vào những ngày tháng Tư lịch sử này. Ông bảo Đại tướng vẫn còn rất khỏe mạnh. Tôi nói: "Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở giữa tuổi bát tuần vẫn còn khỏe, còn Thượng tướng thì có thể phấn đấu sống lâu được như Đại tướng không?". Ông nở nụ cười rất tươi tắn. Nụ cười hiền hòa trên khuôn mặt đầy nếp nhăn chiến chinh của vị tướng "thép" Năm Ngà, của "ông Năm cụ thể", "ông Năm áo ấm",... những biệt danh triu mến đo bộ đội đặt cho ông, mà một thời ở chiến trường Nam Trung Bộ hề nghe đến là đối phương phải nhụt chí.

*

Bốn năm rưỡi sau cuộc phỏng vấn trên, vào lúc 5 giờ ngày 23 tháng 10 năm 1999 trái tim của Thượng tướng Nguyễn Minh Châu đã ngừng đập. Thêm một lão tướng thuộc thế hệ "khai quốc" nữa lại ra đi khi thế kỷ XX đầy biến động sắp kết thúc. Để lại sau lưng bao công tích lẫy lừng, các chiến tướng Hoàng Văn Thái, Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn, Phan Trọng Tuệ, Vương Thừa Vũ, Đinh Đức Thiện, Nguyễn Thị Định, Trần Quý Hai, Nguyễn Bá Phát, Cao Văn Khánh, Chu Văn Tấn, Nguyễn Hữu An, Hoàng Thế Thiện, Giáp Văn Cương, Tô Ký, Vũ Lăng, Đào Sơn Tây, Nam Long, Đoàn Khuê, Đàm Quang Trung, Đào Đình Luyện, Lư Giang, Hà Vi Tùng, Thái Dũng, Phạm Kiệt, Doãn Tuế, Lê Thành Công, Võ Văn Thạnh, Nguyễn Văn Nghiêm, Trần Hải Phụng, Trần Văn Trân, Kim Tuấn, Lương Văn Nho, Bùi Thanh Vân, Nguyễn Đệ, Hoàng Điện,... và bây giờ là Nguyễn Minh Châu, kẻ trước người sau thanh thân bước vào cõi vĩnh hằng khi nhiệm vụ chiến đấu vì độc lập tự do cho Tổ quốc của người lính đã hoàn thành.

Thấp nén hương tiền đưa lão tướng, tôi chợt nhớ đến lời tướng Tư Chi - Trần Văn Trà trong hồi ký lúc giao nhiệm vụ tư lệnh Đoàn 232 cho tướng Năm Ngà - Nguyễn Minh Châu: “Đồng chí Năm Ngà, một con người cần cù và dũng cảm, xem trọng nghĩa tình, đã có nhiều kinh nghiệm về chỉ huy chiến đấu của chủ lực từ cuộc kháng chiến chống Pháp ở cực Nam Trung Bộ...”. Vâng, không những với đồng cấp hoặc cấp trên mà đối với cán bộ chiến sĩ thuộc quyền, tướng Năm Ngà cũng là con người luôn "xem trọng nghĩa tình". Yêu thương lính, quan tâm đến từng việc cụ thể cho lính, nên ông cũng được lính hết sức thương yêu, kính trọng, nhất là ở Quân khu 6 cũ, nơi tướng Năm Ngà được xem như người anh cả.

Thiếu tướng Phùng Đình Ấm, vừa là thuộc cấp vừa là đồng đội sát cánh nhiều năm với tướng Năm Ngà trên khắp các chiến trường, trong giờ phút vĩnh biệt người chỉ huy của mình đã xúc động thốt rằng: "Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang Quân khu 6 triu mến gọi Thượng tướng Nguyễn Minh Châu, vị tư lệnh yêu quý của mình là: Anh Năm Ngà ! Cái tên đã gắn bó với bao nhiêu chiến công oanh liệt trên chiến trường Khu 6 gian lao và anh dũng. Họ kính trọng và tôn vinh anh là người anh cả của mình bởi đức độ, tài năng và sự đóng góp to lớn của anh đối với trang sử vẻ vang của các lực lượng vũ trang Quân khu 6”.

Thiếu tướng Phùng Đình Ấm còn cho biết: "Trong công tác và trong chiến đấu, nhất là trong chiến

đấu, anh luôn đòi hỏi ở mình và người chỉ huy cấp dưới phải thật cụ thể trong từng công việc, từng trận chiến đấu. Anh thường nói: chiến đấu là vấn đề xương máu, người chỉ huy không được giản đơn, càng không được qua loa, đại khái. Một trận đánh, nếu không có sự chuẩn bị tỉ mỉ, chu đáo và cụ thể, hiểu địch hiểu ta cụ thể, thì chẳng những không bảo đảm chắc thắng mà nhiều khi thất bại, tổn thất xương máu chiến sĩ không thể lường được".

Còn Thượng tướng Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Phạm Thanh Ngân, trưởng Ban Lễ tang Thượng tướng Nguyễn Minh Châu, đọc điều văn nhân mạnh: "Chúng ta sẽ không bao giờ quên người chỉ huy kiên cường, táo bạo, sáng tạo trong công tác. Người chỉ huy đã mang hết trí tuệ cùng tập thể, Đảng ủy, chiến sĩ tham gia xây dựng quân đội trong sạch, vững mạnh...".

Tân Bình, tháng 4 năm 1995 - 10 năm 1999

03 - Trung tướng ĐỒNG VĂN CỐNG

Là một thanh niên yêu nước sinh ra từ ruộng đồng sông rạch miền Tây Nam Bộ, trưởng thành trong Cách mạng tháng Tám, Đồng Văn Cống đã trở thành một người lính, một vị tướng mà chiến tích không tách rời mảnh đất chôn rau cắt rốn của mình. Chín năm kháng Pháp, "Bộ đội ông Cống" đã gắn liền với những chiến thắng Bến Tre, Long Châu Tiền. Nếu như nữ tướng Nguyễn Thị Định, cùng đồng hương Bến Tre, góp công khai mở con đường chiến lược Hồ Chí Minh trên biển, thì tướng Đồng Văn Cống lại có công tổ chức, củng cố vững chắc và hiệu quả con đường lịch sử mang mật danh 559B này. Trở về quê hương, ông được giao trọng trách tư lệnh Quân khu 9, phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam; giữ quyền chỉ huy sở kiêm tư lệnh Quân đoàn dự bị chiến lược trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ông cũng là tướng tư lệnh tiền phương Quân khu 7, dẫn một cánh quân sang đập tan tập đoàn diệt chủng Pol Pot giải phóng Phnôm Pênh. Đồng Văn Cống được phong quân hàm Thiếu tướng năm 1974, thăng Trung tướng năm 1981 và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Trước khi lui về an nghỉ, vị tướng chiến trường một thời vang danh còn được giao trọng trách phó thanh tra quân đội. Chúng tôi không thể nào ngờ một con người hơn nửa cuộc đời nằm rừng, đầm mình sông rạch như ông, mà gần ở tuổi bát tuần, sức vóc vẫn còn vạm vỡ, cường tráng. Trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, bằng cử chỉ giản dị thân tình, giọng nói đĩnh đạc đậm chất Nam Bộ, Trung tướng Đồng Văn Cống mở

đầu câu chuyện:

- Rất nhiều đồng đội, bạn bè ngạc nhiên trước sức khỏe của tôi và hỏi tôi các bí quyết (cười).

Chẳng có bí quyết nào đâu. Tôi vốn được cha mẹ và trời ban cho một sức vóc mạnh khỏe. Thời trẻ tôi từng lặn rất sâu nhiều lần dưới sông để vớt súng, từng đi bộ hàng trăm cây số hành quân mà chẳng hề hấn gì. Tôi chỉ chơi thể thao thường xuyên mà thôi. Tôi từng là tuyển thủ đội A bóng đá tỉnh Bến Tre hồi trước Cách mạng tháng Tám.

- *Bây giờ Trung tướng còn chơi môn thể thao nào không?*

- Bóng chuyền, bóng bàn và cờ tướng tôi cũng rất thích, nhưng nay không còn chơi nữa. Sáng sáng tôi chỉ đi bộ ba bốn cây số, từ nhà ra công viên Lê Văn Tám tập thể dục rồi về.

- *Trung tướng có còn nghiên cứu về công tác quân sự?*

- Tôi mới nhận một tập tài liệu dày hơn một ngàn trang đánh máy để đọc và báo cáo trước một cuộc hội nghị. Hàng ngày tôi vẫn đọc sách báo, nghiên cứu tư liệu để góp ý cho Quân khu 7.

- *Thưa Trung tướng, từ bung biển Nam Bộ thời chín năm chống Pháp, “Bộ đội Ông Cống” đã là nỗi kinh hoàng cho quân thù. Rồi những năm đánh Mỹ cái tên Đồng Văn Cống với tư cách tư lệnh Quân khu 9, phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam lại thường xuyên xuất hiện cả trên báo đài chính quyền Sài Gòn. Không ít giai thoại được truyền tụng quanh cái tên ấy. Để thể hệ trẻ hình dung rõ hơn về cuộc đời binh nghiệp của Trung tướng, xin Trung tướng vui lòng cho biết đôi nét về mình?*

- Tôi tuổi Ngọ, sinh năm 1918 tại Bến Tre. Gia đình tôi là nông dân. Ông cố tôi quê ở Vĩnh Phúc, vì điều kiện mưu sinh mà năm Tự Đức thứ hai đã di cư vào Nam làm thuê kiếm sống. Ông nội và cha tôi cũng phải đi ở đợ làm tá điền cho địa chủ. Đời cha tôi thì có đỡ hơn. Nhờ ông ngoại là một trung nông, nên khi cha mẹ tôi lấy nhau, ông ngoại đã mua cho ruộng đất, làm lụng đủ ăn. Cuộc sống cơ cực, không điều kiện đến trường, nên cả dòng họ tôi chẳng có ai biết chữ. Chỉ đến đời tôi, nhờ là con trai út nên được gia đình cho ăn học. Nhưng chẳng bao lâu thì bố mẹ tôi lần lượt qua đời. Tôi phải nghỉ học ở nhà cày cấy, rồi được giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng.

Khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, tôi làm Bí thư chi bộ xã kiêm tổng ủy viên Việt Minh, lãnh đạo nhân dân địa phương nổi dậy cướp chính quyền. Giặc Pháp tái chiếm Nam Bộ. Tôi cùng anh em tìm được bốn cây súng lửa, cùng giáo gươm, tổ chức trừ gian diệt tề. Tôi thường dùng một cây gươm cướp được của quân Nhật để đi đánh địch. Quân số tăng dần, chúng tôi tự thành lập tiểu đội, rồi trung đội do tôi chỉ huy hoạt động độc lập, cho đến tháng 6 năm 1946 thì thành lập đại đội.

Chúng tôi vừa đánh giặc vừa cướp vũ khí của giặc để tự trang bị cho mình. Lúc ấy chưa có bộ đội chính qui, chỉ có dân quân du kích. Mọi thứ đều tự túc, chứ chưa có chế độ về khí tài, quân trang. Đơn vị tôi phát triển sớm nhất và mạnh nhất tỉnh Bến Tre cũng như toàn Khu 9. Sau đó, cấp trên giao tôi đi thuyết phục anh em, tổ chức biên chế các lực lượng quân sự ở Bến Tre thành 7 trung đội, rồi tách 4

trung đội thành lập Chi đội 19 do tôi làm chi đội trưởng hoạt động ở Bến Tre - Gò Công, 3 trung đội còn lại thành lập Chi đội 20 hoạt động ở Trà Vinh - Vĩnh Long. Sang năm 1947, bộ đội phát triển nhanh, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 tổ chức thành lập Trung đoàn 99 gồm 2 tiểu đoàn. Tôi được cử làm Trung đoàn trưởng kiêm tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bến Tre, cùng anh em liên tục chiến đấu cho tới khi tập kết ra Bắc 1954. Lúc tập trung quân tập kết, tôi là Tham mưu trưởng kiêm ủy viên thường trực của Quân khu miền Đông.

- Thời gian ở miền Bắc, được biết Trung tướng từng được phân công tổ chức xây dựng con đường chiến lược 559B.

- Vâng. Ra Bắc tôi làm sư đoàn phó kiêm bí thư Đảng ủy Sư đoàn 330, sau đó sang Trung Quốc học quân sự hai năm. Năm 1961, tôi trở về làm Phó tư lệnh Quân khu 3, rồi được điều về Cục tác chiến lo tổ chức, củng cố đường 559A và 559B (tức con đường chiến lược Hồ Chí Minh trên Trường Sơn và trên biển). Tôi vốn dân Nam Bộ, rành từng cù lao, con rạch nên được giao trực tiếp tổ chức, chỉ huy con đường 559B trên biển để đưa vũ khí về Nam Bộ. Con đường này được tổ chức hết sức bí mật. Ở Bộ chính trị chỉ có các anh Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ biết. Còn ở Bộ Quốc phòng thì có các anh Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Vịnh và Trần Văn Trà biết. Cho đến khi tôi vào Nam chiến đấu, mới giao con đường này lại cho anh Nguyễn Chánh trực tiếp lo liệu.

- Trung tướng trở về Nam lúc nào?

- Tháng 4 năm 1963. Sau ba tháng vượt Trường Sơn, tôi về đến Nam Bộ. Theo dự kiến, tôi vào Nam lãnh nhiệm vụ Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh Miền. Tuy nhiên, vừa đến nơi thì có điện của Bộ Quốc phòng quyết định thành lập các quân khu nhằm đáp ứng tình hình mới trên chiến trường. Tôi được điều về làm Tư lệnh Quân khu 9 ở miền Tây Nam Bộ.

- Như vậy Trung tướng lại có dịp tái ngộ với bung biển Đồng Tháp Mười lừng lẫy năm xưa.

- Miền Tây là quê hương, cũng là nơi tôi được trui rèn trong máu lửa với bao kỷ niệm hào hùng và đau thương của chín năm kháng chiến chống Pháp. Rất nhiều người thân và đồng đội của tôi đã ngã xuống trên chiến khu này. Đến năm 1964, tôi được phân công làm Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam kiêm Tư lệnh Quân khu 9. Mấy năm sau, do yêu cầu mới, tôi mới về hẳn Bộ tư lệnh Miền để chuyên trách công tác quân sự chung.

- Hình như Bộ tư lệnh Quân giải phóng miền Nam bấy giờ có sự điều chỉnh, bổ sung liên tục?

- Đó là do yêu cầu của chiến trường. Khi Tư lệnh Trần Văn Quang ra Bắc, anh Trần Văn Trà từ Bắc vào làm Tư lệnh, anh Nguyễn Chí Thanh thay anh Trần Nam Trung làm Chính ủy, anh Trần Độ là phó chính ủy, còn tôi cùng anh Lê Trọng Tấn, anh Nguyễn Hữu Xuyến là phó tư lệnh. Lúc Mỹ tiến hành chiến tranh Cục bộ, anh Hoàng Văn Thái được bổ sung vào giữ nhiệm vụ Tư lệnh một thời gian. Anh Thái vì sức khỏe yếu phải về lại Bộ tổng tham mưu, anh Trà lên thay. Và chị Nguyễn Thị Định cùng các anh Hoàng Cầm, Lê Đức Anh lần lượt được đề bạt làm Phó tư lệnh. Trước đó, khi anh Nguyễn Chí

Thanh ra Bắc rồi đột ngột qua đời, anh Phạm Hùng là Bí thư Trung ương Cục được phân công kiêm Chính ủy, anh Lê Văn Tường là phó chính ủy kiêm cục trưởng Cục Chính trị.

Mỗi người một nhiệm vụ khác nhau, đoàn kết như anh em một nhà, đã đóng góp tất cả công sức và trí tuệ của mình cho sự nghiệp thống nhất đất nước.

- *Tất nhiên khi đó không có đổ kỵ quyền lực...*

- Tổ quốc luôn là trên hết. Mỗi người đều ở tư thế sẵn sàng hy sinh tới giọt máu cuối cùng ! Hiện tượng đổ kỵ, công thân, tham nhũng không thể tồn tại trên chiến trường máu lửa !

- *Trung tướng còn nhớ gì về những ngày tiến quân vào giải phóng Sài Gòn?*

- Tôi không trực tiếp tham gia các mũi tiến công. Nhưng trước đó, tôi đã tổ chức chu đáo cánh quân phía Nam chuẩn bị tiến vào giải phóng Sài Gòn. Anh Trần Văn Trà cùng một số đồng chí trong Bộ Tư lệnh Miền được cử tham gia Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh. Tình hình lúc ấy theo tin tức ta nắm được, địch có âm mưu: nếu thất thủ Sài Gòn sẽ rút về bên kia sông Tiền, cố thủ ở Cần Thơ, để củng cố lực lượng, thành lập chính phủ bốn thành phần. Tôi lại là người duy nhất trong Bộ Tư lệnh Miền vốn gốc dân đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, Quân ủy Miền họp phân công tôi ở lại chỉ huy sở đề trực, chỉ huy hoạt động phối hợp tác chiến giữa các quân khu tỉnh đội; đồng thời tôi kiêm tư lệnh Quân đoàn dự bị, anh Nguyễn Văn Sĩ - tham mưu phó Miền làm phó tư lệnh, anh Nguyễn Văn Tòng - cục phó Cục Chính trị làm phó tư lệnh về chính trị, chuẩn bị đối phó với âm mưu mới của địch, nếu chúng rút về cố thủ ở miền Tây.

- *Trung tướng có mặt ở trung tâm Sài Gòn lúc nào?*

- Sau khi Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh điện tôi xuống chỉ huy sở. Anh Văn Tiến Dũng nói rằng, Sài Gòn đã giải phóng nên không cần đến Quân đoàn dự bị nữa. Anh phân công tôi chỉ huy một số bộ phận Bộ Tư lệnh Miền đi tiền trạm vào thành phố tiếp quản, kiểm kê tài sản và sắp xếp chỗ ở cho các đơn vị để chuẩn bị đón Bộ Tư lệnh chiến dịch và Bộ Tư lệnh Miền. Sáng ngày 01 tháng 5 năm 1975, tôi vào dinh Độc Lập.

Nhìn cảnh quần chúng xuống đường đón mừng thành phố giải phóng, đất nước hòa bình, Nam Bắc thống nhất một nhà, lòng tôi xúc động vô cùng. Sức mạnh của quần chúng lớn lắm. Với sự thâm nhập vận động của cán bộ hoạt động thành, khi tướng Dương Văn Minh chưa tuyên bố đầu hàng thì quần chúng cách mạng đã nổi dậy làm chủ hơn bốn mươi khu vực trong thành phố. Giải phóng Sài Gòn là sự kết hợp giữa tấn công của bộ đội chủ lực với sự nổi dậy của các lực lượng quần chúng. Nhìn từng con đường, từng góc phố, từng ngôi nhà rợp bóng cờ sao, tôi cảm thấy rất mãn nguyện. Nhiệm vụ của người lính chiến đấu vì nền độc lập tự do của Tổ quốc đã hoàn thành. Có thể nói, đó là những giờ phút đẹp nhất trong cuộc đời binh nghiệp mà tôi mơ ước.

- *Nhưng Trung tướng vẫn chưa được nghỉ ngơi, khi cuộc chiến biên giới Tây Nam Tổ quốc xảy ra.*

- Là người lính thì chẳng bao giờ có quyền nghỉ ngơi. Sau giải phóng, tôi về nhận nhiệm vụ phó tư lệnh Quân khu 7. Khi anh Trần Văn Trà ra Bắc làm tổng tham mưu phó Bộ Tổng tham mưu, thì tôi là quyền tư lệnh quân khu. Chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra, tôi là tư lệnh tiền phương Quân khu 7, anh Năm Ngà và anh Năm Thanh là phó tư lệnh, đưa một cánh quân sang giúp cách mạng Campuchia giải phóng nước bạn thoát khỏi nạn diệt chủng Pol Pot. Tháng 2 năm 1978, lực lượng Quân khu 7 bắt đầu chiến dịch phản công, mở rộng địa bàn đến sông Mêkong. Tiếp theo là chiến dịch giải phóng các tỉnh Xoài Riêng, Krachê và một phần Kompong Chàm. Cuối cùng, tiến vào giải phóng Phnôm Pênh ngày 07 tháng 01 năm 1979 và truy quét tàn quân Pol Pot đến tận biên giới Thái Lan.

Về nước, tôi tiếp tục làm tư lệnh Quân khu 7, rồi được điều ra Hà Nội làm phó tổng thanh tra quân đội, cho đến khi về nghỉ an dưỡng chờ quyết định hưu trí.

- Trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình, trên cương vị người chỉ huy. Trung tướng đã tham gia bao nhiêu chiến dịch?

- Có mười bốn chiến dịch tôi tham gia với tư cách chỉ huy trưởng hoặc chỉ huy phó chiến dịch. Chẳng hạn, trong chín năm chống Pháp, tôi chỉ huy Chiến dịch Bến Tre từ ngày 03 đến 31 tháng 7 năm 1950, rồi Chiến dịch Sa Đéc - Long Châu Tiền vào tháng 3 năm 1951 mà tôi là chỉ huy trưởng cánh Long Châu Tiền. Còn trong chống Mỹ thì có: Chiến dịch Xẻo Rô phá ấp chiến lược thăm 1963; Chiến dịch Đông Bắc Campuchia năm 1971 giải phóng bốn tỉnh biên giới nước bạn; chiến dịch Chen La Hay cuối năm 1971 tiêu diệt và làm tan rã lực lượng chủ lực nòng cốt của quân đội Lon Nol; Chiến dịch tổng hợp Đồng bằng sông Cửu Long giữa năm 1972 mở thông biên giới Tây Nam; Chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972 - 1973 giải phóng toàn bộ Lộc Ninh và vùng biên giới thuộc Khu 8, Chiến dịch Phước Long đợt hai cuối năm 1974...

- Trong đó, chiến dịch nào Trung tướng gặp khó khăn nhất?

- Các chiến dịch của bộ đội chủ lực đánh lớn, thời gian ngắn. Còn như chiến dịch phá ấp chiến lược Xẻo Rô ở Bến Tre chẳng hạn, lại hết sức phức tạp, kéo dài thời gian. Xẻo Rô là con rạch dài gần một trăm cây số, địch xây dựng hệ thống ấp chiến lược rất kiên cố. Để phá được ấp, tôi phải cho tiến hành ba bước: Đầu tiên là phá lòng, bằng cách cho cán bộ dân vận thâm nhập vận động quần chúng trong các ấp đầu tranh. Bước hai là phá rã dần. Bước thứ ba là huy động lực lượng tổng hợp dứt điểm. Chiến dịch Xẻo Rô giải phóng năm xã với hơn một trăm ngàn dân.

- Trung tướng có thể nói vài nét về Chiến dịch Đông Bắc Campuchia?

- Được Mỹ bật đèn xanh, Lon Nol đã lật đổ Sihanouk lên nắm chính quyền ở Phnôm Pênh. Trung ương chủ trương ủng hộ Sihanouk, tấn công Lon Nol. Với dã tâm chống cộng, Lon Nol liền khóa chặt mọi con đường từ Campuchia dẫn đến căn cứ Lộc Ninh, thủ đô kháng chiến miền Nam bấy giờ, trong đó có con đường 13 huyết mạch nối Lộc Ninh với miền Bắc. Trong tình hình đó, cuối năm 1971 Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở Chiến dịch Đông Bắc Campuchia, do tôi làm tư lệnh, hạ quyết tâm khai thông

con đường 13 nối căn cứ Lộc Ninh với Hạ Lào để chuyển một ngàn thương binh ra Bắc. Để hỗ trợ cho chúng tôi, một cánh quân do anh Trần Văn Trà chỉ huy đã tiến đánh Kompong Chàm, khai thông một con đường khác trên đất bạn. Sau gần một tháng chiến đấu, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Bộ đội đã giải phóng bốn tỉnh biên giới Đông Bắc Campuchia là Krachê, Stungtreng, Môngđôn Kiri và Ratanakeri Côre, Prasnatacan. Lần đầu ta đã khai thông con đường 13 nối Hạ Lào, và nếu như trước đây chỉ là đường bộ, gùi thồ thì nay có thể vận chuyển bằng xe cơ giới.

Với sự yểm trợ vũ khí đạn dược và không quân Mỹ, Lon Nol liên tập trung mười bốn lữ đoàn hùng chiếm lại bốn tỉnh ở Đông Bắc ta vừa giải phóng. Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở Chiến dịch Chan La Hay chặn địch trên đường 6, giao tôi làm tư lệnh với một lực lượng Sư đoàn 9 và ba trung đoàn của C40 phối thuộc. Do lực lượng của ta hơi mỏng, nên phải ở thế giằng co cả tháng trời. Cho đến ngày 04 tháng 02 năm 1972 chiến dịch kết thúc. Quân ta đã tiêu diệt gần một nửa quân số địch, làm tan rã lực lượng chủ lực nòng cốt của chúng, dẫn đến kết liễu số phận của tên độc tài Lon Nol cùng chế độ do Mỹ dựng lên.

- *Thưa Trung tướng, một đời vào sinh ra tử, kỷ niệm đẹp nào thời chinh chiến thường sống lại trong trí nhớ của Trung tướng?*

- Kỷ niệm thì nhiều, đẹp cũng có, đau thương cũng có. Tôi nhớ mãi ấn tượng lần đầu tiên được gặp Bác Hồ tại Hội nghị Quân sự năm 1955 ở Hà Nội. Đối với mỗi người lính từ chiến trường trở về thì được gặp lãnh tụ là một điều hết sức thiêng liêng. Tuy Bác chỉ đến trong một thời gian ngắn nhưng ai cũng xúc động. Từ những ngày còn ở bung biên Đồng Tháp, tôi hằng mơ có ngày được gặp Bác, tận mắt nhìn thấy từng bước đi dáng đứng, từng cử chỉ của Người. Nhìn Bác, nước mắt tôi cứ muốn trào ra.

Sau khi cuộc cải cách ruộng đất mắc nhiều sai lầm, các cán bộ cao cấp lãnh đạo về nông nghiệp không đủ bản lĩnh thuyết phục nhân dân. Cuối cùng, tại một hội nghị sửa sai ở Trung ương, Bác đã đến dự và đứng ra xin lỗi toàn dân. Bác khóc. Cả hội trường khóc theo. Đến những người bị hại cũng không cảm được nước mắt. Hình ảnh xúc động ấy của Bác gây ấn tượng mạnh trong tôi về một vị lãnh tụ giản dị, anh minh, có sức cảm hóa lớn lòng người !

- *Ngoài ấn tượng về lãnh tụ thì những hình ảnh đồng đội thân thiết nào Trung tướng còn nhớ ?*

- Tôi nhớ hoài về hình ảnh của một đồng đội, một vị lãnh đạo là anh Nguyễn Văn Vịnh ở buổi đầu kháng chiến chống Pháp. Bấy giờ, tôi đang chỉ huy bộ đội chủ lực thì được tin quê nhà Bến Tre bị quân Pháp đánh chiếm. Tỉnh đội trưởng bệnh nặng, không người thay. Bộ tư lệnh Khu 8 mới họp bàn, cử người về phụ trách, nhưng bàn mãi mà không ai thích hợp. Tôi xin về. Anh Vịnh lúc ấy đang là chính ủy Quân khu 8 không đồng ý. Anh bảo tôi là chỉ huy bộ đội chủ lực, không quen với cơ sở địa phương, sẽ gặp khó khăn trong việc xây dựng lại từng bước lực lượng dân quân du kích tỉnh nhà vừa bị địch đánh phá nặng, gây tổn thất lớn. Dù vậy, cuối cùng do không có người, tôi cũng được phân

công về Bến Tre, tập hợp lực lượng, xây dựng cơ sở, dần dần thành lập lại tiểu đoàn. Khi bắt tay vào thực tế, tôi mới thấm thía những ý kiến cân nhắc chân thành và sáng suốt của anh Nguyễn Văn Vịnh.

- *Trong các tướng lĩnh quân đội ta, Trung tướng gần gũi và quý mến ai nhất ?*

- Các anh Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Văn Vịnh và Hoàng Văn Thái.

- *Trung tướng có thể nói rõ vì sao?*

- Với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, lần đầu gặp anh ấy, tôi đã cảm tình ngay. Không phải vì anh ấy là bộ trưởng là tổng tư lệnh đầu, mà vì những đức tính toát ra từ con người. Khi tổ chức con đường 559B vào Nam, anh em họp tính toán đi cặp theo Hoàng Sa và Trường Sa, dự kiến sẽ mất năm đến sáu ngày. Thế là chuyển đầu tiên lên đường. Ngày nào Cục Tác chiến cũng họp giao ban, do anh Giáp chủ trì. Mỗi lần tôi vào họp, anh Giáp đều hỏi đã có tin tức gì về chuyển tàu chưa. Tôi nhìn anh lắc đầu. Cứ thế. Anh tỏ ra hết sức lo lắng !

Đến ngày thứ mười một, tôi vào giao ban, anh níu tay tôi hỏi. Tôi cười, nói đã có điện. Anh mừng quá, lấy bức điện vào đóng cửa phòng, đọc. Khi bước trở ra, tôi thấy anh chảy nước mắt. Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một đồng chí lãnh đạo cao cấp, là người đứng đầu quân đội mà có tình cảm sâu sắc với chiến trường như thế. Thấy anh khóc, tôi không cầm lòng được, cũng khóc theo (cười) ! Rồi anh Giáp cho mở tất cả thực phẩm dùng đãi khách quốc tế ở nhà họp Quân ủy Trung ương, để anh em ăn mừng.

- *Với Trung tướng Nguyễn Văn Vịnh, ngoài kỷ niệm nói trên, Trung tướng còn nhớ gì về vị tướng tài ba bạc mệnh này không?*

- Nhiều lắm. Với tôi, anh Nguyễn Văn Vịnh là một người anh lớn mà tôi luôn kính trọng cả về tài năng lẫn nhân cách. Chúng tôi luôn xem nhau như anh em một nhà. Anh Vịnh nguyên là một học sinh của Pháp, một trí thức yêu nước trở thành một nhà cách mạng, một vị chỉ huy có bản lĩnh của quân đội ta. Anh sống rất tình cảm và giúp đỡ anh em cấp dưới một cách chí tình. Chỉ tiếc anh Vịnh ra đi quá sớm!

*

Giọng nói Trung tướng Đồng Văn Cống trở nên nghẹn ngào. Ông dừng câu chuyện hồi lâu. Ánh mắt vị tướng dịu vợi những nỗi niềm khó tả. Vâng, ông đang hồi tưởng về một người đồng chí, đồng đội chí thiết mà hình ảnh luôn thường trực day dứt lòng ông. Gương mặt phúc hậu của vị chiến tướng chùng như rấn lại. Mái tóc trắng phau càng trắng hơn. Hớp ngậm nước suối trong, Trung tướng chậm rãi tiếp tục câu chuyện:

- Đối với Quân khu 8 thời chống Pháp, công lao Nguyễn Văn Vịnh rất lớn. Với tư cách là chính ủy quân khu, anh Vịnh là trung tâm tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng - mà có thể nói là một đội quân rất ô hợp lúc bấy giờ, bao gồm các chi hội độc lập ở trong nước lẫn hải ngoại trở về, vừa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, vừa do Đảng Dân chủ lãnh đạo. Với sự thuyết phục của anh Vịnh, nhiều Trung ương ủy

viên Đảng Dân chủ, như anh Nguyễn Đăng chẳng hạn - đã trở thành đảng viên Cộng sản, được đề bạt làm phó tư lệnh Quân khu 8, sau là thứ trưởng Bộ Nông nghiệp. Nếu hiểu được sự tranh giành quyết liệt quyền lãnh đạo trong quân khu bấy giờ giữa Đảng Cộng sản và Đảng Dân chủ thì mới thấy hết công lao của anh Vịnh và Quân khu 8 có thể nói là quân khu ổn định nhất của Nam Bộ vào thời điểm cực kỳ rối ren này.

- *Trung tướng còn nhớ gì thời điểm Trung tướng Nguyễn Văn Vịnh bị kỷ luật?*

- Anh em trong quân đội chúng tôi hoàn toàn không tán thành bản án kỷ luật quá nặng so với sai sót của Nguyễn Văn Vịnh. Tuy nhiên, điều tôi muốn nói là thái độ chấp hành kỷ luật của anh, một đảng viên trung thành, một tướng lĩnh, một cán bộ lãnh đạo gương mẫu - bấy giờ anh đang là thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Khi anh em đề nghị anh khiếu nại bản án kỷ luật quá nặng nề, anh nói: "Chuyện đã như vậy rồi thì thôi. Anh em đừng bàn bạc xôn xao nữa không hay. Hãy tập trung vào nhiệm vụ cấp bách hiện nay là đoàn kết chống Mỹ ở miền Nam".

- *Tình cảm của Trung tướng đối với tướng Vịnh thật đặc biệt. Tôi cũng đã nghe nhiều người nói về nhân cách và tài năng của vị tướng thành Nam này. Thế còn đối với Đại tướng Hoàng Văn Thái, Trung tướng có kỷ niệm nào đáng nhớ?*

- Đại tướng Hoàng Văn Thái là người cao to, đẹp trai, phong cách đàng hoàng, giản dị, thái độ luôn điềm tĩnh, chín chắn, tự tin. Khi đứng trước những vấn đề gay go, khúc mắc, anh Hoàng Văn Thái luôn bình tĩnh, kiên trì giải quyết vấn đề. Anh không bao giờ tỏ ra khoe khoang thành tích của mình. Có thể nói, Hoàng Văn Thái là tướng tham mưu tài ba, điển hình của quân đội ta. Thời gian anh vào Nam làm tư lệnh Miền, chúng tôi rất gắn bó với nhau. Có những đêm, tôi cùng anh thức uống trà bàn công việc, rồi đờn điệp với nhau. Tôi đờn theo kiểu tài tử Nam Bộ. Còn anh Thái đờn theo giai điệu dân gian Bắc Bộ. Có một vài bản, chúng tôi có thể "phối" lẫn nhau... (cười).

- *Được biết Trung tướng cũng từng là đồng đội thân thiết của nữ tướng Nguyễn Thị Định.*

- Chị Ba Định và tôi là người cùng huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chồng chị là anh Nguyễn Văn Bích lúc ấy hình như là tỉnh ủy viên kiêm chủ tịch Mặt trận Bình dân tỉnh. Tôi thì hoạt động bí mật, thường liên lạc với anh Bích và anh Nguyễn Văn Nguyễn. Tôi gặp chị Ba Định lần đầu khoảng năm 1936 - 1937, lúc chị và anh Bích mới thành hôn được vài tháng. Chị Ba Định là một phụ nữ đảm lược, sống giản dị, có tác phong rất dễ gần gũi quần chúng. Với tư cách là phó bí thư Tỉnh ủy Bến Tre thời chống Mỹ, chị là nhân vật nòng cốt đã trực tiếp lãnh đạo thành công phong trào Đồng Khởi. Không những giỏi về đấu tranh chính trị, chị Ba Định còn là nữ tướng sắc sảo, đóng góp nhiều ý kiến hay trên chiến trường.

- *Trung tướng có kỷ niệm vui nào với tướng Định ?*

- Nhiều kỷ niệm lắm. Tôi nhớ khoảng năm 1947 - 1948, chị Ba Định đứng ra tổ chức Đại hội phụ nữ tỉnh Bến Tre. Tôi là đại biểu quân sự được mời tới dự. Tính tôi hay chọc phá. Trong đại hội có

"Chương trình thi điền kinh" được dán chữ lớn trên tấm băng ron. Vô tình, chữ "n" của chữ "điền" bị dán ngược thành chữ "u". Tôi đến và phát hiện, liền kêu chị Ba lại trêu chọc. Chị đỏ mặt, cười và đánh tôi: "Đồ mắc dịch, cứ cố tìm cho bằng được chuyện để chọc phá" !

- *Gần đây, tướng lưu vong Đỗ Mậu của chế độ Việt Nam Cộng hòa xuất bản một cuốn hồi ký ở trong nước, Trung tướng có đọc?*

- Có. Từng là viên tướng nhiều uy quyền của chế độ Sài Gòn cũ, nhưng những gì Đỗ Mậu thể hiện trong hồi ký, tôi cho là tương đối trung thực. Tất nhiên, có nhiều điều mà tôi không thể biết hết được.

- *Trung tướng nghĩ gì khi đứng trước cảnh có những thanh thiếu niên bây giờ, trong số ấy có không ít con của những cán bộ, ăn chơi, hút xách, trác táng, gây rối loạn trật tự an ninh ?*

- Tôi hết sức buồn và lo lắng. Trong các cuộc họp tôi đều đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên, số thanh niên bị sa đọa trước ma lực đồng tiền, theo tôi, chỉ là một bộ phận nhỏ thôi. Do đó, chúng tôi vẫn hoàn toàn tin tưởng vào lớp trẻ bây giờ trước vận hội mới của đất nước.

- *Thưa Trung tướng, suốt đời chiến đấu, vậy còn thời gian nào Trung tướng dành cho cuộc sống tình cảm riêng tư và gia đình?*

- Thế hệ chúng tôi vừa lớn lên là đã lao vào cuộc chiến đấu vì nền độc lập, tự do của dân tộc, nên thật ít có thời gian nghĩ đến chuyện riêng tư. Riêng gia đình tôi may mắn là đều được trui rèn trong môi trường quân nhân, cả vợ lẫn con cái.

- *Trung tướng gặp bà nhà trong hoàn cảnh nào?*

- Thuở nhỏ chúng tôi là láng giềng của nhau. Cô ấy là một thợ cấy giỏi có tiếng. Chúng tôi thấy tính hình hợp nhau, thương nhau và xin gia đình tổ chức đám cưới. Năm tôi mười tám tuổi tham gia cách mạng cũng là năm chúng tôi thành hôn. Sau đó, cô ấy cũng đi cách mạng và vào quân đội. Chúng tôi giúp đỡ, sánh vai cùng nhau đi qua những chặng đường gian khổ lẫn vinh quang của đất nước.

Bảy đứa con chúng tôi lần lượt ra đời trong chiến tranh, nay đã lớn khôn, đều tốt nghiệp đại học và đều là quân nhân. Đứa con đầu của chúng tôi là Đồng Văn Be, phi công chiến đấu đã hy sinh trong cuộc đụng độ với không lực Mỹ trên bầu trời miền Bắc. Còn vợ tôi thì vừa mới mất. Hiện tôi đang sống với một gia đình có tất cả hai mươi bốn cháu nội ngoại. Tôi đang ở một "trận chiến" mới là dạy dỗ, động viên con cháu để chúng trở thành những công dân có ích cho xã hội.

- *Là một tướng lĩnh sinh ra và trưởng thành từ quê hương Đồng Khởi Bến Tre, đây cũng chính là mảnh đất gắn liền với tên tuổi một nhân vật lịch sử gây nhiều tranh luận là Phan Thanh Giản. Trung tướng có quan điểm ra sao về vị danh thần triều Nguyễn này?*

- Người dân Bến Tre rất quý trọng Phan Thanh Giản. Họ đòi phải có con đường mang tên ông. Tôi cũng đồng ý như vậy. Phan Thanh Giản là một con người tài giỏi, trung kiên, yêu nước nhưng yêu nước theo kiểu phong kiến. Cả hành động uống thuốc độc tuần tiết trước khi giao thành Vĩnh Long cho Pháp cũng phản ánh tinh thần trung quân ái quốc nhưng bất lực trước thời thế của ông. Chứ ông không phải

là bán nước, là phản động. Các nhà nghiên cứu lịch sử cần sớm có kết luận chính xác về ông.

- *Rất tiếc cho tới nay vẫn chưa có một kết luận chính thức của các nhà khoa học lẫn những người có trách nhiệm về thân thế và sự nghiệp vị tiến sĩ đầu tiên của đất Nam Kỳ. Quan điểm của Trung tướng chắc chắn sẽ làm nhiều người bất ngờ !*

- Đó là sự thực lịch sử. Anh nên nhớ dân Bến Tre là dân cách mạng gốc, là dân Đồng Khởi. Và không phải ngẫu nhiên mà họ tôn thờ Phan Thanh Giản đâu. Phải là con người như thế nào thì mới được họ kính trọng chứ ! Tôi tin lịch sử nhất định sẽ trả lại sự công bằng cho Phan Thanh Giản.

- *Vâng, hy vọng điều đó sẽ sớm diễn ra, thưa Trung tướng!*

*

Nắm lấy bàn tay vạm vỡ của Trung tướng Đồng Văn Cống, tôi chúc sức khỏe ông và xin phép ra về. Ông ân cần tiễn tôi tận cổng, cười nói: "Khi nào cần ở tôi điều gì, anh cứ gọi điện". Cử chỉ mộc mạc, chân tình, đầy phong cách Nam Bộ của vị tướng già làm tôi xúc động. Tôi như thấy ẩn hiện nơi ông hình ảnh, cốt cách của những vị anh hùng nông dân áo vải, chân đất nghĩa sĩ Cần Giuộc trong thơ Nguyễn Đình Chiểu, của vị anh hùng Nguyễn Trung Trực với chiến công Nhật Tảo dậy sóng năm nào. Mặc dù cuộc sống của vị lão tướng đang rất hạnh phúc giữa đàn con cháu ngoan hiền, nhưng dường như tận sâu thẳm ánh mắt của ông vẫn trống vắng điều gì: phải chăng đó là hình ảnh người vợ - bà Lê Thị Gấp mà ông rất mực thương yêu, là "điểm tựa" cho ông trên chiến trường dầu sôi lửa bỏng; vậy mà giờ đây khi đất nước thanh bình, cháu con sum họp thì bà...

Tân Bình, tháng 6 năm 1995

04 - Thiếu tướng TRẦN VĂN DANH

Ngành tình báo luôn đóng vai trò hết sức quan trọng. Và ở đó đã sản sinh những nhà tình báo mà sự nghiệp của họ đôi khi như huyền thoại. Một trong những nhà tình báo Việt Nam nổi tiếng ấy là Trần Văn Danh, người đứng đầu ngành quân báo miền Nam thời chống Mỹ. Frank Snepp, một nhân vật cao cấp của CIA ở Sài Gòn trước năm 1975, trong cuốn *Khoảng cách thời gian vừa phải* xuất bản năm 1977 ở New York cũng đã nói rằng Trần Văn Danh là một trong bốn nhà tình báo quan trọng hàng đầu của Việt Cộng. Từ một học sinh yêu nước của Mười tám thôn Vườn Trầu - Hóc Môn, Trần Văn Danh trở thành chiến sĩ quân báo quả cảm ở miền Đông Nam Bộ, rồi dần được giao các nhiệm vụ tham mưu phó phụ trách tình báo chiến lược, đặc công và biệt động của Bộ tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, phó trưởng Đoàn đại biểu Liên hiệp Quân sự bốn bên của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa

miền Nam Việt Nam. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, ông chỉ huy lực lượng đặc công và biệt động Sài Gòn, vừa mở đường cho các cánh quân vừa hạn chế nguy cơ đổ nát của thành phố khi đại quân tiến vào. Từ tướng tình báo, Trần Văn Danh trở thành tướng kinh tế khi được phân công tiếp quản và xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, rồi đứng đầu kế hoạch xây dựng công trình thủy điện Trị An. Ông được Nhà nước phong Anh hùng Lao động năm 1990 và thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất. Vẫn với phong thái của một nhà tình báo, nhìn thẳng vào mắt chúng tôi, ông nói:

- Thật ra, cuộc đời tôi không có gì đáng nói nhiều đâu. Điều mà tôi mong muốn là báo chí hãy đề cập đến hàng vạn đồng bào, chiến sĩ đã ngã xuống cho nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Bởi cuộc chiến tranh của chúng ta là cuộc chiến tranh nhân dân, mọi thành bại do nhân dân quyết định.

- *Nhưng thưa Thiếu tướng, cá nhân cũng đóng vai trò quan trọng.*

- Đồng ý. Tuy nhiên, chủ nghĩa cá nhân thì thật tai hại.

- *Vâng, có lẽ vì vậy mà trong báo cáo của Chủ tịch nước tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa IX mới đây, cho rằng chủ nghĩa cá nhân là nguy cơ "bao trùm lên trên bốn nguy cơ" của đất nước mà Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ khóa VII đã chỉ rõ, Thưa Thiếu tướng, Thiếu tướng có suy nghĩ gì về tình hình đất nước hiện nay ?*

- Chính sách mở cửa đưa nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, là điều đáng mừng. Tuy nhiên, nạn mafia, buôn lậu, nhất là hàng loạt vụ tham nhũng làm tổn hại hàng ngàn tỉ đồng của Nhà nước, làm mất lòng tin nhân dân, kiềm chế sự phát triển của đất nước là điều rất đáng lo ngại.

- *Lăn lộn từ chiến trường lửa đạn đến chiến trường kinh tế, nay đã ở tuổi "cổ lai hi", trái tim Thiếu tướng vẫn còn hết sức nhạy cảm trước thời cuộc, trước vận mệnh quốc gia. Riêng về bản thân mình, có khi nào nằm hồi tưởng lại, kỷ niệm tuổi ấu thơ chợt hiện về trong tâm khảm Thiếu tướng không ?*

- Tuổi thơ của tôi ư? Nhiều lúc tôi không dám nghĩ đến. Mà càng nghĩ thì càng buồn, càng thương cho người mẹ nghèo bất hạnh của tôi. Mẹ tôi người Bến Tre, đi làm cô mụ và gặt cha tôi ở Hóc Môn, Sài Gòn. Cha tôi làm Hương cả trong làng, đã có vợ lớn. Ông nội tôi lại rất khắt khe. Vì vậy, mẹ con tôi phải sống cách ly rất xa, bà vừa đi bán hàng rong vừa trồng rau nuôi heo để nuôi sáu đứa con nhỏ, trong đó chỉ một mình tôi là con trai. Khổ cực lắm! Chị em tôi ngày ngày vào rừng Thới Tam Thôn mót củi giúp mẹ. Tôi tuổi Hợi, sinh năm 1923, do luật pháp không cho phép nên khai sinh tôi lấy họ mẹ. Mẹ tôi là Trần Thị Thanh. Còn tôi là Trần Văn Ba. Vì vậy sau này anh em hay gọi tôi là Ba Trần.

- *Thế còn Trần Văn Danh ?*

- Đó là một tên khác khi tôi vào Đảng. Hồi tôi học lớp nhứt ở thị trấn Hóc Môn, thấy tôi tên Ba, một ông thầy nói: Mày tên Ba, mỗi lần kêu tao phải nói "Ba ời !". Ông bảo tôi đổi tên thành Bá. Do đó, tên đi học của tôi là Trần Văn Bá (cười).

- *Sau này lớn lên Thiếu tướng có gặp lại cha.*

- Có chứ. Năm mười tám tuổi, tôi đến tuổi đóng thuế thân, cha tôi thừa nhận là con. Từ đó khai sinh mới có tên cha. Chẳng qua, vì lễ giáo mà mẹ con tôi phải sống riêng, chứ cha tôi rất thương và luôn tìm cách đến thăm. Về sau, cha tôi trở thành một cơ sở cách mạng, đã được Chính phủ tặng bằng khen có công với nước. Khi tôi được mười hai tuổi, cha tôi hay sai tôi bí mật đi rải truyền đơn kêu gọi ủng hộ Đảng cộng sản Đông Dương. Ngày tôi lên đường vào chiến khu, ông động viên tôi hãy yên tâm chuyện gia đình mà lo cố gắng đánh giặc.

- *Thiếu tướng có nhớ gì về thời tuổi trẻ của mình giữa Mười tám thôn Vườn Trầu nổi tiếng?*

- Cuộc sống người nông dân cực kỳ cơ cực, đói khổ. Phong trào yêu nước, cách mạng ở quê tôi luôn âm ỉ, sôi sục. Năm mười sáu tuổi, tôi thi đậu trường Bá Nghệ, nay là Trường Kỹ thuật Cao Thắng. Tôi rất thích nghề xây dựng. Tôi mua sách Pháp về toán, lý, hóa để tự học thêm. Vừa học tôi vừa làm thêm kiếm sống. Ban ngày thì lãnh mẫu mã từ văn phòng các kiến trúc sư về vẽ, tính toán; trong đó có "hàng" của Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát. Ban đêm tôi còn đi làm thêm nghề cơ khí. Nhưng rồi Nhật đảo chánh Pháp, trường Bá Nghệ đóng cửa, tôi quay về Hóc Môn.

Trước đó, một chiều sau khi ăn cơm ở Chợ Quán, tôi đạp xe về nhà. Đến ngang rạp Nguyễn Văn Hảo, nay là rạp Công Nhân, tôi phải xuống dắt bộ vì lính Nhật tắc chặt đường bên các vòi nước ở lề đường. Chúng tắm trần truồng như nhộng. Thấy vậy, tôi nói : "Nghe nước Nhật tự xưng là cường quốc sao chẳng văn minh chút nào, tắm ở truồng". Ngõ chỉ nói với người đi đường, bọn Nhật không nghe được, vì chúng không biết tiếng Việt. Không ngờ, có một tên trong bọn đang tắm kêu tôi lại bằng tiếng Việt rất sôi và hỏi tôi vừa nói gì.

Tôi cũng nói lại y như vậy. Nó mới cười mỉa mai: "Tắm truồng không có gì xấu. Mất nước mới là nhục!". Tôi tức đến tái mặt, muốn đâm thẳng vào mặt nó. Chính điều này giúp tôi hiểu ra nhiều lẽ, nhen nhóm trong tôi lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc. Đúng, mất nước đúng là nỗi nhục lớn nhất !

- *Cũng từ đó Thiếu tướng bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng?*

- Vâng. Tháng 7 năm 1945, tôi tham gia tổ chức bí mật Thanh niên Cứu quốc. Sau đó, đi cướp chính quyền ở Hóc Môn rồi trung tâm thành phố. Trên đường đi ngang bót Đội Có, địch đã bắn chết chú Tám Thôi - anh bà Hồ Thị Bi. Một thời gian sau, Pháp tái chiếm Nam Bộ, đưa quân lên Hóc Môn. Lực lượng cách mạng tạm thời phân tán. Tôi gia nhập đội trinh sát Quân khu 7, chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ, chiến trường mà tôi gắn bó gần cả cuộc đời.

- *Nghĩa là Thiếu tướng trở thành chiến sĩ tình báo một cách ngẫu nhiên không hề có định hướng trước.*

- Tính tôi thích mạo hiểm, cộng với lòng căm thù giặc, tôi không hề biết run sợ trước cái chết. Địa bàn miền Đông, trong đó có Sài Gòn - Chợ Lớn, tôi nắm trong tay từng kênh rạch, con hẻm. Năm 1949, tôi được đề bạt làm tham mưu phó kiêm Trưởng ban quân báo liên tỉnh Thủ - Biên. Khi tập kết ra Bắc, tôi là chính ủy Trung đoàn 556, trung đoàn có nhiều đóng góp trong suốt chín năm đánh Pháp ở

miền Đông Nam Bộ.

- *Thiếu tướng trở lại chiến trường miền Nam khi nào ?*

- Gần sáu năm sau. Ra Bắc, tôi được gán quân hàm thiếu tá và đi học văn hóa lẫn nghiệp vụ chuyên môn tình báo. Đến tháng 12 năm 1960, tôi vượt Trường Sơn về Nam. Trước khi lên đường, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn có đến thăm đoàn và chỉ thị rằng: "Các đồng chí ra Bắc đã học tập tốt, nay nhanh chóng về Nam cùng các đồng chí trước đây ở lại cùng tổ chức quần chúng nổi dậy, lôi kéo binh lính địch, chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Hiện nay chúng ta vẫn còn một cái nhục là nhục mất nước".

Trên đường, tôi bị viêm phổi nặng, cứ ngỡ không qua khỏi. Đường đi lúc đó muôn vàn khó khăn. Bởi đoàn chúng tôi gần như tiền trạm. Có một kỷ niệm vui mà tôi nhớ mãi. Khi đoàn đến vùng sông Re thuộc Quảng Nam, vì đói quá tôi đem một bộ đồ bà ba đen ra buôn người dân tộc đổi một con chó về làm thịt. Người Bắc rất thích thịt chó, còn người Nam trước đây ít ăn. Anh em trạm giao liên có cho tôi một lon thịt heo nhưng do không có muối ướp nên bị hôi. Tôi đem thịt chó còn lại trộn chung với lon thịt heo để dành. Sang ngày hôm sau, mở lon thịt ra thì thật bất ngờ thịt heo không còn mùi hôi nữa ! Nghĩa là nhờ một chất đậm đặc biệt trong thịt chó đã khử mùi hôi của thịt heo. Một phát hiện thú vị. Tôi liền đi khoe với anh em (cười sảng khoái)...

- *Thưa Thiếu tướng, Thiếu tướng gặp ai đầu tiên và nhận nhiệm vụ gì khi trở lại Nam Bộ?*

- Người đầu tiên tôi gặp là anh Mười Cúc - Nguyễn Văn Linh. Tôi về Nam một thời gian thì Trung ương Cục quyết định thành lập Ban Quân sự Miền, do anh Trần Văn Quang làm trưởng ban. Tôi được phân công làm trưởng ban tình báo chiến lược trực thuộc Ban Quân sự Miền, sau được đề bạt làm phó tham mưu trưởng Miền phụ trách tình báo, đặc công, biệt động. Công việc của tôi dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy và Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, mà cụ thể là các anh Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, rồi Phạm Hùng, Trần Văn Trà.

- *Thiếu tướng đánh giá thế nào về vai trò của công tác tình báo trong toàn cuộc chiến ?*

- Qua bảy năm thực hiện Hiệp định Genève, lực lượng tình báo của ta bị thất bại rất nặng. Chính quyền Ngô Đình Diệm triệt phá và bắn giết, bỏ tù hàng loạt cán bộ tình báo. Do đó, khi tôi trở về Nam cũng là lúc ta bắt tay xây dựng lại ngành tình báo. Bằng cách tăng cường cán bộ từ Ban Địch tình. Lợi dụng sơ hở của địch do mâu thuẫn nội bộ của chúng, ta đã giải thoát cán bộ tình báo đang bị tù đầy, bố trí hoạt động trở lại. Từ đó, tìm cách đưa các chiến sĩ tình báo len vào các cơ quan đầu não của địch để khai thác tin tức, tư liệu như Tòa Đại sứ Mỹ, Phủ Tổng thống, Bộ Tổng tham mưu, Đặc ủy Trung ương tình báo, Hạm đội 7,... Có thể nói, ngành tình báo đã cung cấp những tin tức kịp thời phục vụ đắc lực cho việc chỉ đạo chiến lược của Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền, Trung ương Cục và Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong việc chỉ đạo chiến tranh.

Như bắt được "mạch", câu chuyện giữa vị tướng và tôi càng lúc càng thân tình, cởi mở. Nụ cười "lộ diện" nhiều hơn trên khuôn mặt cương nghị ẩn dưới chiếc mũ diêm đen và cặp kính màu mà theo ông nó giúp che chắn, bảo vệ cơ thể tốt hơn. Có lẽ phần nào nhờ vậy, ở giữa tuổi thất tuần, trông ông vẫn rất "phong độ". Nếu chưa biết ông mà tình cờ gặp, khó ai ngờ rằng đây là con người từng nhiều năm nằm rừng ngủ núi, cả thời chiến lẫn thời bình. Trong giờ "giải lao" giữa câu chuyện, vị tướng cho tôi xem một số tấm ảnh kỷ niệm thời còn trẻ. Ông bảo :

- Tôi được khen là người có thân hình khỏe đẹp. Tôi ghiền chơi thể thao lắm, nhất là bóng đá. Chỉ khi ra trận thì thôi, chứ lúc ở chỉ huy sở, tôi luôn tranh thủ tập luyện và lao động chân tay.

- *Đầu năm 1973, Thiếu tướng là phó trưởng Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ cách mạng miền Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên Trung ương vào Tân Sơn Nhất thực thi Hiệp định Paris. Thiếu tướng còn nhớ thành phần của đoàn khi đó gồm những ai ? Và ấn tượng nào đáng nhớ khi đặt chân trở về Sài Gòn?*

- Chúng tôi vào Sài Gòn tham gia Ban Liên hiệp Quân sự bốn bên thật giống như Quan Công thời Tam Quốc đi dự hội Bàn Đào. Xung quanh kẻ địch luôn tìm cách bao vây, uy hiếp tứ bề (cười). Một ngày đầu tháng Giêng năm 1973, tại Sở chỉ huy Miền, sau khi nhận chỉ thị của Trung ương, tôi với anh Trần Văn Trà cùng bàn bạc chọn nhân sự, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị tài liệu, phương tiện thông tin liên lạc, dự kiến tình huống bất trắc... Tôi thay anh Trà chỉ huy thực hiện mọi công việc. Còn anh Trà lo họp Bộ Tư lệnh Miền để bàn phối hợp đấu tranh giữa chiến trường với bàn hội nghị.

Anh Trần Văn Trà là trưởng đoàn, lúc 'đó mang quân hàm Trung tướng. Các phó trưởng đoàn gồm Đại tá Võ Đông Giang, Đại tá Đặng Văn Thu tức Đoàn Huyền sau này là Thiếu tướng, và tôi. Để giữ bí mật theo yêu cầu của Trung ương lúc đó tôi lấy tên Trần Quốc Minh, mang quân hàm Đại tá. Đoàn còn có các ủy viên gồm các anh: Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Văn Hoàn, Dương Đình Thảo, Nguyễn Văn Tông, Nguyễn Văn Tư cùng nhiều đồng chí ở các bộ phận khác. Ngoài nhiệm vụ phó trưởng đoàn, tôi còn phụ trách trưởng Tiểu ban hai bên.

Theo thỏa thuận, ngày 28 tháng 11 năm 1973, đoàn vào Sài Gòn bằng máy bay Mỹ lên đón tại Sân bay Thiệu Ngôn ở phía Bắc Tây Ninh. Nơi đây vốn là căn cứ của một chiến đoàn Mỹ chuyển giao cho quân đội Sài Gòn và bị ta đánh chiếm trong chiến dịch Nguyễn Huệ hồi năm 1972. Bên cạnh đó để phòng sự phản trắc của địch, ta chuẩn bị thêm một địa điểm khác cho đoàn. Đó là sân bay Lộc Ninh ở phía bắc Bình Long, sát biên giới Campuchia, cũng được giải phóng năm 1972.

- *Vì sao cuối cùng đoàn lại xuất phát tại Lộc Ninh?*

- Vì do địch giờ trò phá hoại. Đúng như dự kiến, đến giờ hẹn, máy bay lên thẳng Mỹ không tới đón, mà thay vào đó là hai máy bay chiến đấu của quân đội Sài Gòn. Chúng lượn quanh sân bay Thiệu Ngôn và ném bom hù dọa. Ngay tức khắc ta lên án mạnh mẽ hành động lật lọng đó và quyết định chuyển điểm hẹn sang Lộc Ninh. Ta đòi Mỹ phải trực tiếp chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho đoàn

.Và ngày 01 tháng 2 năm 1973, ba đợt máy bay Mỹ đầu tiên đã lên đón. Lộc Ninh là thị trấn đông dân, được xem như thủ phủ của vùng giải phóng, nên đồng bào đến đưa tiễn đoàn đại biểu rất đông. Cờ, hoa, biểu ngữ tập nập như ngày hội. Cũng từ đó Lộc Ninh trở thành nơi đưa đón cho các chuyến bay liên lạc hàng tuần của đoàn ta ở trại David với cơ quan lãnh đạo, chỉ huy Miền.

- *Và như vậy Thiếu tướng cùng đoàn đại biểu đã đến điểm "hội Bàn Đào"?*

- Chưa hết. Chúng tôi vừa xuống máy bay, quân cảnh Sài Gòn chờ sẵn ở Tân Sơn Nhất, liền cản ngăn và chửi rửa om sòm. Chúng bảo bọn Việt Cộng ở trong rừng bị máy bay bắn chết hết, chỉ còn một vài đứa ốm yếu xanh xao, sao giờ lại có thằng to cao, mập mạnh, đồ au thế này? Trong hồi ký của mình về thời điểm đó, anh Trần Văn Trà cũng có nói rằng anh tin ở khả năng của tôi vì tôi thạo Sài Gòn, hiểu biết nhiều về địch và địch sẽ nể nang tôi do dáng người bề thế, trắng, mập, chững chạc...

Lúc đó, trước sự truy cản của bọn quân cảnh Sài Gòn, tôi bảo anh Tư Bốn tức Nguyễn Hữu Trí lại hỏi vì sao không cho mình đi. Tư Bốn tiến đến, tên chỉ huy quân cảnh ngạc nhiên: "Ủa anh Tư, sao anh ở đây?". Tư Bốn: "Tao là Trung tá tình báo Việt Cộng". Tên sĩ quan này vốn mắc nợ tiền Tư Bốn khi anh còn hoạt động bí mật ở Sài Gòn, nên hấn ngại liền giục bọn lính: "Thôi, tụi bay để anh Tư đi".

- *Đã gần hai mươi lăm năm trôi qua, Thiếu tướng còn nhớ gì về hình ảnh trại David ở Tân Sơn Nhất ?*

- Trước đó, nó là doanh trại của không quân Mỹ, nằm sát góc tây nam sân bay. Nghe nói David vốn là tên của người lính Mỹ đầu tiên chết ở miền Nam Việt Nam. Khu doanh trại có hình chữ V, gồm ba dãy nhà gỗ vây quanh thành chữ U. Trong lòng chữ U có vài căn nhà xây trệt dùng làm nơi sinh hoạt tập thể. Đường nội bộ tráng nhựa. chạy giữa các dãy nhà. Có sân quần vợt, bóng rổ, bóng chuyền. Tôi nhớ anh Lê Đức Thọ và Phạm Hùng từng nói vui rằng, trại David là "vùng giải phóng đầu tiên của ta tại Sài Gòn". Hai đoàn đại biểu quân sự miền Bắc và miền Nam của ta ở đây hơn hai năm. Khi Sài Gòn vừa được giải phóng, trại David trở thành "đại bản doanh" đầu tiên của Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh. Đối với tôi trại David là điểm dừng chân đầu tiên khi trở về quê hương sau gần hai mươi năm xa cách.

- *Không những là tướng chỉ huy tình báo, Thiếu tướng còn là tướng chỉ huy trận mạc. Trong Chiến dịch Phước Long mở màn cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975, xuất hiện giai thoại "Ba ông giải phóng hai bà " nghĩa là sao, thưa Thiếu tướng?*

- (Cười) Ba ông là Năm Thạch tức Hoàng Cầm, Năm Ngà tức Nguyễn Minh Châu và Ba Trần là tôi. Hai bà là... Bà Đen và Bà Rá. Tôi là người trực tiếp chỉ huy trận đánh chiếm núi Bà Đen ở Tây Ninh, một trung tâm viễn thông chiến lược quốc tế thu tin mã thám và là điểm chỉ đường cho B52 cùng các loại máy bay hiện đại. Đồng thời, lực lượng do tôi chỉ huy còn thu hút hỏa lực đối phương là Lữ đoàn Biệt kích dù 81 và hai phần ba phi cơ chiến đấu F5E Vùng 3 chiến thuật; kiềm chế Sư đoàn 25 bộ binh; phối hợp cùng cánh quân anh Năm Ngà đang đánh Tánh Linh, Võ Đắc với Sư đoàn 18 của

địch; ngăn chặn không cho các lực lượng đối phương yểm trợ Phước Long - trận địa của Quân đoàn 4 do anh Hoàng Cầm chỉ huy.

Chiến dịch Phước Long là chiến dịch mà lần đầu tiên ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh và giúp ta phát hiện rằng Mỹ không dám đưa quân sang nữa, để đi đến kế hoạch tác chiến giành thắng lợi quyết định, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong cuốn sách *Một chương bi thảm* của Dương Hảo do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành, Đại tá Tham mưu trưởng Tổng cục Tiếp vận nguy Phạm Bá Hoa đã cay đắng nói rằng: "Cái chính là thất bại Phước Long đã nói lên thế và lực của quân lực cộng hòa. Chỉ mới đánh một điểm mà đã không còn lực để đối phó, hỏi bị đánh nhiều nơi thì sẽ ra sao? Phước Long là sự kiện nói lên khá rõ hiệu quả chiến lược "Việt Nam hóa" đã thực hiện trong sáu năm qua. Trước đây, quân đội cộng hòa qua được nhiều hiểm nghèo là nhờ vào cứu viện của Hoa Kỳ. Họ cung cấp đủ mọi trang bị bù đắp tổn thất, đã chi viện hỏa lực hùng hậu, mạnh mẽ, thậm chí cả xung lực mới đủ sức chống đỡ. Nay trước thất bại đau đớn, mất cả một tỉnh mà Mỹ vẫn làm ngơ, mặc dầu ông Thiệu đã nhiều lần gặp Martin yêu cầu Mỹ can thiệp. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa cũng chính thức gửi công hàm, rồi tướng Khuyển đã điện đàm trực tiếp với Xmit (Trưởng cơ quan DAO) - Tất cả đều con số không".

- *Hình như những năm đầu của thập niên 1970, Thiếu tướng có đi làm nhiệm vụ quốc tế...*

- Có. Tôi sang nước bạn làm nhiệm vụ hai năm, từ 1971 - 1972. Nhưng... đây là bí mật quốc gia.

- *Được biết, Thiếu tướng là vị chỉ huy trực tiếp lực lượng vòng trong gồm đặc công và biệt động Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh. Thiếu tướng còn nhớ gì về diễn biến tình hình lúc đó?*

- Trước thắng lợi như chẻ tre của quân ta khắp các chiến trường, cũng như nắm được tình hình suy yếu cả tài lẫn lực của đối phương, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã họp thông qua kế hoạch giải phóng Sài Gòn ngày 24 tháng 4 năm 1975. Từ ngày 21 đến 25 tháng 4, các cánh quân, các đơn vị đã đến Sở Chỉ huy chiến dịch nhận nhiệm vụ, mục tiêu. Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm các anh: Tư lệnh Văn Tiến Dũng, Chính ủy Phạm Hùng, các Phó tư lệnh: Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn, Lê Đức Anh và Đinh Đức Thiện. Tôi nhận nhiệm vụ chỉ huy lực lượng vòng trong. Anh Nguyễn Văn Linh phụ trách phong trào vận động quần chúng nổi dậy. Anh Võ Văn Kiệt làm công tác tiếp quản thành phố. Anh Lê Đức Thọ, thay mặt Bộ Chính trị Trung ương Đảng, trực tiếp chỉ đạo chung.

- *Nhiệm vụ cụ thể của lực lượng vòng trong do Thiếu tướng phụ trách là gì?*

- Nhiệm vụ chủ yếu của các chiến sĩ đặc công và biệt động là đi tiên phong chiếm giữ và bảo vệ an toàn mười sáu cây cầu, mở đường cho các cánh quân; đồng thời "lót ổ" đánh chiếm ba mươi hai cơ sở kho tàng như kho xăng, kho gạo, nhà máy điện, nước, khu vực lưu trữ hồ sơ của Đặc ủy Trung ương tình báo địch,... ngăn chặn sự phá hoại của địch trước khi chúng hoàn toàn thất thủ.

- *Mỗi lần cầm quân ra trận, thiếu tướng thường suy nghĩ gì, nhất là trận đánh đó có thể gây cho ta nhiều tổn thất?*

- Đã ra trận thì phải chấp nhận hy sinh. Không chiến thắng nào không phải trả giá. Nhưng điều quan trọng là làm sao hạn chế tối đa thương vong cho chiến sĩ. Người chỉ huy phải xem sự hy sinh của chiến sĩ cũng là nỗi mất mát của chính mình.

- *Với Thiếu tướng, có khi nào gặp phải sự thất bại không ?*

- Sao lại không? Tôi không bao giờ tán thành chuyện "trăm trận trăm thắng" cả. Bởi có thất bại mới có thành công. Và không ít lần chính tôi phải ôm đầu máu, công thương binh rút lui về

- *Xin cảm ơn sự thẳng thắn của Thiếu tướng.*

- Trên chiến trường, chẳng có con đường nào dọn sẵn cho anh đâu !

- *Về trường hợp của ông Dương Văn Minh, trong sự nghiệp chính trị của mình, ông ta đã hai lần lên đến đỉnh cao quyền lực. Lần thứ nhất, đứng đầu Hội đồng Quân nhân, lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm, lên làm quốc trưởng. Lần thứ hai, thay Trần Văn Hương làm tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa. Có ý kiến cho rằng, cả hai lần nắm quyền ở Sài Gòn, tướng Dương Văn Minh đều làm lợi cho cách mạng: phá áp chiến lược và đầu hàng vô điều kiện để tránh cho thành phố khỏi đổ nát. Thiếu tướng nghĩ sao?*

- Trước khi đầu hàng vô điều kiện, Dương Văn Minh có thông qua tổ điệp báo của liên lạc với trại David - Tân Sơn Nhứt, đề nghị thành lập chính phủ ba thành phần. Tôi thừa lệnh anh Phạm Hùng, thảo luận mấy công văn trả lời dứt khoát rằng: chỉ có đầu hàng vô điều kiện mà thôi ! Theo tôi, nếu ông Dương Văn Minh đầu hàng vào tối 28 sáng 29 tháng 4 năm 1975 để tránh cho Sài Gòn khỏi bị tàn phá, thì có thể đó là hành động đáng ghi nhớ. Nhưng, đằng này ông ta đầu hàng khi đại quân chỉ một giờ sau đã tiến chiếm đến dinh Độc Lập rồi.

- *Thưa Thiếu tướng, kỷ niệm nào đáng nhớ của riêng bản thân Thiếu tướng ngày đầu tiên đặt chân vào trung tâm Sài Gòn giải phóng.*

- Niềm xúc động, hân hoan của hàng triệu đồng bào chiến sĩ sau cuộc chiến kéo dài hai mươi năm. Riêng bản thân tôi, nhiệm vụ của một người lính chiến đấu vì nền độc lập, thống nhất cho Tổ quốc đã hoàn thành. Đêm 30 tháng 4 năm 1975, vào khoảng gần một giờ khuya, trước sự có mặt đông đủ của nhiều đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương Đảng và các tướng lĩnh tham gia chiến dịch, anh Phạm Hùng đã nói: “Bây giờ thắng lợi rồi, anh Trần Văn Danh đã hoàn thành nhiệm vụ. Với sự có mặt của các đồng chí tham gia chỉ huy chiến dịch, tất cả đều nhất trí thăng anh Trần Văn Danh hàm Thiếu tướng, nhận nhiệm vụ phó chủ tịch ủy ban quân quản về an ninh và quốc phòng, kiêm tư lệnh Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố". Một vinh dự mà tôi không hề nghĩ đến !

- *Về mạng lưới tình báo A22 của Vũ Ngọc Nhạ - Huỳnh Văn Trọng trước đó, Thiếu tướng có nắm được gì ?*

- Khi tôi có mặt ở miền Nam thì tám mươi phần trăm mạng lưới tình báo này bị địch phát hiện và truy bắt. Một điều mà tôi lấy làm tiếc là về nhân vật Huỳnh Văn Trọng. Tôi muốn nói về cách đối xử

không được thỏa đáng của ta đối với công lao của ông. Huỳnh Văn Trọng là một nhân sĩ trí thức yêu nước.

- *Với kinh nghiệm dày dặn của một nhà tình báo lão thành, theo Thiếu tướng đâu là thế mạnh cơ bản và quyết định sự thành công của ngành tình báo Việt Nam.*

- Lòng yêu nước. Chiến sĩ tình báo của ta không nhận được nhiều đôla như nhân viên CIA hay điệp viên các quốc gia khác. Mà sự hy sinh lại hết sức thâm lặng và lớn lao để góp phần tạo nên những chiến thắng. Biết bao chiến sĩ tình báo vô danh đã mãi mãi ngã xuống trong lòng địch. Đôi lúc, họ còn phải gánh chịu những nỗi đau không gì bù đắp nổi (*trăm tư hồi lâu*). Có người vì mất liên lạc với chỉ huy, đồng đội song vẫn lặng lẽ hoạt động với tinh thần tự giác, xả thân, nhưng lại cả đời phải chịu đựng nhiều thương tổn! Là một chiến sĩ tình báo, tôi hiểu hơn ai hết nỗi đau ấy. Tôi cũng tự hào trong hàng ngũ đã có những chiến sĩ lập công lớn được nhà nước phong tặng anh hùng như các anh Tư Bốn, Bảy Vĩnh, Hai Trung, chị Ba, chị Tư Trầu, chị Sáu Biết....

- *Nhiều người đã từng nói và trên đây thiếu tướng cũng nhắc lại rằng, cuộc chiến tranh của chúng ta là chiến tranh nhân dân, mọi thành bại do nhân dân quyết định. Vậy vai trò nhân dân ở đây cụ thể hóa thế nào, thưa Thiếu tướng?*

- À, tôi xin đơn cử một số thí dụ thế này. Hồi đánh Pháp, cánh quân báo hay đi về một làng ở Bửu Long, nay là điểm du kích thuộc tỉnh Đồng Nai. Ngày nọ, địch phát hiện, liền đem lính phục kích trên cánh đồng. Biết khi trời tối chúng tôi sẽ về, một bác nông dân là cơ sở cách mạng, xách cây đèn dầu giả bộ đi soi ếch. Bác đi vào ổ phục kích, đập lên đầu bọn lính Pháp đang nằm dưới ruộng. Chúng đứng dậy xì xô xì xà chửi bới om sòm. Thế là đằng xa, chúng tôi... thoát êm! Hay lần nọ ở Biên Hòa, chúng tôi sắp bị địch bao vây mà không biết. Một bà bán hàng biết lính đến, bảo đứa con mình giả bộ chạy trước, bà cầm roi chạy sau quát rượt về phía chúng tôi đang trú quân. Chạy ngang qua, bà bảo các chú đi nhanh đi chớ bọn hiến binh, biệt kích sắp bao vây thành phố rồi,...

Rất nhiều chuyện như thế. Thử hỏi nếu không dựa vào sự che chở, nuôi nấng, tiền bạc của nhân dân thì làm sao đánh địch được? Trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, cũng nhờ sự che chở, giú đỡ, tiếp tế, tải thương của nhân dân mà nhiều chiến sĩ, đơn vị mới thoát được vòng vây của địch, trở về chiến khu.

- *Vốn là một nhà tình báo quân sự, vì sao Thiếu tướng được đề bạt làm thứ trưởng Bộ Năng lượng kiêm trưởng Ban chỉ đạo xây dựng công trình thủy điện Trị An? Khi nhận nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ này,;Thiếu tướng có e ngại ?*

- Như tôi đã nói, tôi là người vốn rất thích ngành xây dựng. Sau giải phóng, tôi làm phó tư lệnh Quân khu 7 kiêm tư lệnh các lực lượng vũ trang Thành phố Chí Minh. Tôi ra Bắc học ở Học viện Chính trị cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Một lần, Tổng bí thư Lê Duẩn đến thăm, nói đại ý: Chúng ta thắng lợi, giành được độc lập là sướng rồi. Nhưng có độc lập mà nước còn nghèo, dân còn đói thì chúng ta

cũng chẳng sướng ích gì...

Lời của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã đem lại cho tôi nhiều suy nghĩ. Sau khi tốt nghiệp, tôi về Thành phố Hồ Chí Minh xin chuyển sang công tác xây dựng kinh tế, làm phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố. Trước tình hình thiếu điện trầm trọng, mà muốn công nghiệp hóa thì điện lực phải đi trước một bước, nên tôi đề ra phương án xây dựng công trình thủy điện Trị An, được toàn Hội nghị Thành ủy lần thứ 4 khóa III nhất trí. Anh Võ Văn Kiệt thay mặt cho nhân dân miền Nam đề nghị với Trung ương cho xây dựng thủy điện Trị An, với phương châm "Nhân dân - Nhà nước cùng làm". Sau một thời gian nghiên cứu với sự tham vấn của các chuyên gia trong và ngoài nước, tôi cùng nhiều đồng chí cách mạng lão thành đã lặn lội khắp nơi vận động, tập hợp sức người sức của trong nhân dân. Đồng thời, tranh thủ sự viện trợ quốc tế của các nước anh em, nhất là Liên Xô.

- *Bây giờ mỗi lần trở lại Trị An, điều gì thường gọi lên trong lòng Thiếu tướng trước tiên....*

- Tôi không bao giờ quên những hình ảnh xúc động như một ca sĩ nổi tiếng trước khi mất đã viết di chúc hiến lại một nửa gia sản cho công trình thủy điện Trị An. Một em bé đã đập con heo đất. Một ông già mù ở Bắc Mỹ Thuận khi hay tin đoàn vận động cho Trị An đi qua, đã vét túi mình được 10 đồng liền đem 5 đồng đến góp vào thùng. Và biết bao hình ảnh đáng nhớ khác nữa vì dòng điện, vì tương lai đất nước. Gần một trăm công nhân ngã xuống ở Trị An vì sốt rét ác tính. Sự tự di dời của hàng trăm hộ dân không chút phiền hà. Tấm lòng cao cả, nhiệt thành của các chuyên gia Liên Xô...

- *Thời ở B2, Thiếu tướng sống gần gũi với ai nhiều nhất ?*

- Nguyễn Chí Thanh và Phạm Hùng. Hai anh rất quý tôi và tôi cũng hết sức thương yêu các anh.

- *Thiếu tướng còn nhớ gì về hình ảnh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.*

- Một nhà lãnh đạo, một vị tướng tài ba và giản dị, khiêm tốn, có sức thuyết phục lớn. Anh rất được Bác Hồ và Trung ương tin cậy khi giao trọng trách vào lãnh đạo cuộc chiến đấu chống Mỹ ở miền Nam.

- *Thế còn có Thủ tướng Phạm Hùng ?*

- Anh Phạm Hùng cũng là một cán bộ hàng đầu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, từng được giao nhiều trọng trách trong Đảng, chính phủ và quân đội đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng dân tộc. Anh là nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa về chiến lược, là một con người thẳng thắn, khẳng khái, đầy bản lĩnh, được truyền tụng qua nhiều giai thoại. Khi anh còn rất trẻ, bị địch bắt giam ở Mỹ Tho. Anh bị thực dân Pháp kết án tử hình hai lần. Nghe nói khi tòa xử kết án tử hình anh lần thứ hai, anh đồng dục nói thẳng vào mặt bọn quan tòa rằng: Mỗi người chỉ có một cái đầu, lần trước các ông đã xử tôi tử hình rồi, còn đầu nào nữa mà lại đòi chém! Chẳng lẽ còn cái đầu "con c" cũng muốn chém luôn hay sao?

Nhờ phong trào đấu tranh của quần chúng và Hội Hồng thập tự Pháp vận động chống án tử hình cho anh, nên anh được giảm xuống án chung thân khổ sai đầy đi Côn Đảo. Ở trong tù, Phạm Hùng luôn là

tấm gương đấu tranh kiên cường, là ngọn cờ đầu đối mặt với chế độ khắc nghiệt lao tù. Thời chống Mỹ, được làm việc bên anh, tôi học được rất nhiều điều từ con người anh hùng ấy. Anh hay bảo, trong công việc phải sáng tạo, không được phụ thuộc hoàn toàn người khác. Có lần anh còn bảo: “Không được nghe lời vợ”. Tôi nói vui: “Làm gì có vợ ở đây mà nghe lời !”. Anh cười: "Độc lập rồi hẳn biết". Mà đúng thật. Hòa bình rồi, tôi thấy thiên hạ thường đi cửa sau bằng cách đút tiền của lo lót thông qua các bà vợ.

Anh Phạm Hùng đã ra đi nhưng lên tuổi anh gắn liền với những chiến công đánh Mỹ, với xây dựng đất nước như công trình thủy điện Trị An, vẫn sống mãi trong ký ức nhân dân. nhất là nhân dân phía Nam Thành phố Hồ Chí Minh

- *Thưa Thiếu tướng, từ lượng tình báo đến tướng kinh tế đóng góp nhiều công lao cho đất nước, vậy còn với gia đình...*

- Như các anh em khác, gia đình thì phần lớn nhờ vào bà nhà. Bà ấy nguyên là cán bộ binh vận. Chúng tôi gặp nhau trong chiến khu từ năm 1946, thương yêu nhau, quyết định báo với cơ quan hai bên đi đến thành hôn. Vừa là đồng chí, vừa là vợ chồng, chúng tôi giúp đỡ nhau đi suốt hai cuộc kháng chiến lần thời bình. Bốn đứa con chúng tôi, hai trai, hai gái đều đã trưởng thành và đều là quân nhân.

- *Lúc Thiếu tướng ở chiến khu, bà nhà sống tại đâu?*

- Ở quê nhà Hóc Môn. Khi tôi vào làm việc ở trại David - Tân Sơn Nhất, sau thời gian điều tra gắt gao, địch phát hiện lai lịch tôi và gia đình. Biết mình đã bị lộ, tôi liền bí mật điện gấp cho bà ấy nhanh chóng đưa gia đình vào chiến khu. Và đúng như dự đoán, gia đình tôi chuyển đi đêm trước thì sáng hôm sau mật vụ ập đến nhà...

- *Thời trẻ Thiếu tướng "phong độ" như vậy, ngoài bà nhà ra, hỏi nhỏ Thiếu tướng, có cô gái nào "'chết " vì Thiếu tướng không?*

- (Cười) Sao lại không? Thời tôi ra Bắc học tập, nhiều cô gái Hà Nội rất xinh đẹp là em gái các bạn đồng đội, có cảm tình với tôi. Nhưng tôi không dám bước tới, vì nhiệm vụ rất nặng nề và đặc biệt là tôi sắp về Nam chiến đấu.

- *Xin cảm ơn Thiếu tướng đã dành cho buổi trò chuyện cởi mở và thân tình.*

- Nói chuyện về quá khứ để hướng đến tương lai là điều tốt. Qua đây, cho tôi gửi lời chào thân ái đến đồng bào, đồng chí, nhất là các chiến sĩ tình báo, đặc công, biệt động Sài Gòn nhân ngày 30 tháng Tư lịch sử.

*

Trước khi chia tay, tướng Trần Văn Danh đưa tôi đi xem một số kỷ vật trong căn phòng lưu niệm đầy tự hào của ông ở cư xá Bắc Hải. Từ những khẩu súng sáng choang như còn phảng phất mùi chinh chiến đến bức tranh toàn cảnh Nhà máy thủy điện Trị An. Từ các tượng danh nhân đến những tấm huân chương công trạng... Tất cả được bao bọc cẩn thận, đặt thật trang trọng. Vị tướng già hóa thành người

thuyết mình rất có duyên đối với các “bảo vật” của mình.

Tân Bình, tháng 4 năm 1997

05 - Chuẩn đô đốc NGUYỄN DƯỠNG

Từ một cậu bé đánh cá, đưa đèn lồng trên sông Hương, đi kiếm sống rồi tham gia cướp chính quyền ở thành phố biển Nha Trang trong Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Dưỡng đã trở thành một vị tướng với hàm Chuẩn đô đốc, phó tư lệnh Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam. Từ lính bộ binh chiến đấu ở chiến trường Bình Trị Thiên suốt thời đánh Pháp, Nguyễn Dưỡng đã học tập, phấn đấu thành một trong những chỉ huy cao cấp của quân chủng hải quân có mặt ở những điểm nóng thời đánh Mỹ rồi đánh Pol Pot. Từ thuở đầu xanh cho đến khi tóc bạc, cả đời ông gắn bó với chiến trường. Với tư cách là chỉ huy trưởng Căn cứ 2 Hải quân, ông là một trong những “nhân chứng sống” trực tiếp của sự kiện vịnh Bắc Bộ năm 1964. Rồi năm 1979, trên cương vị chỉ huy trưởng Vùng 5 duyên hải, ông đã chỉ huy lực lượng hải quân phối hợp với các quân binh chủng trên bờ góp phần giải phóng Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Trong ngôi nhà đối diện với Xí nghiệp Liên hợp Ba Son ở quận Một, Thành phố Hồ Chí Minh được ngồi nghe Chuẩn đô đốc Nguyễn Dưỡng kể chuyện chinh chiến, tôi cứ ngỡ như đang nghe “thủy tướng” Yết Kiêu thời Trần kể chuyện Sát Thát năm xưa. Vâng, lịch sử không những là một sự liên tục mà còn là sự kế tục.

Điều mà Chuẩn đô đốc Nguyễn Dưỡng hết sức trân trọng, ân hận là sau ba mươi năm rời gia đình rong chình chiến trả nợ nước, khi hồi hương lại không có được một ngày phụng dưỡng cha mẹ để báo hiếu đấng sinh thành dưỡng dục. Cha mất đã lâu. Mẹ vĩnh viễn nằm xuống ở tuổi chín mươi vào tháng 3 năm 1975, đúng hai tháng trước khi ông đặt chân trở lại mảnh đất chôn nhau cắt rốn ở làng Tân Thủy thuộc huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên-Huế.

Tuổi Mậu Thìn, Nguyễn Dưỡng sinh ngày 10 tháng 4 năm 1928. Giống như Chử Đồng Tử trong truyền thuyết, thời ấu thơ nắng lửa mưa dầu của Nguyễn Dưỡng trôi qua trên dòng Hương xanh đến vô tình của đất Thần kinh đầy biến động. Lưới cá không đủ nuôi một gia đình tới mười người con, nên mới mười hai tuổi đầu Nguyễn Dưỡng phải rời con đò tuổi thơ lên tàu vào Nha Trang tìm kế sinh nhai. Cậu thiếu niên xứ Huế cùng một người anh trai học và làm nghề thợ may.

Mùa thu năm 1945, Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Như bao thanh niên khác, Nguyễn Dưỡng hòa vào dòng thác dân tộc, hăng hái tham gia lực lượng địa phương đi cướp chính quyền, giành độc lập tự do cho nước nhà. Từ đó, ông bắt đầu dấn thân vào con đường cách mạng. Chuẩn đô đốc Nguyễn Dưỡng tâm sự:

- Khi ấy tôi còn trẻ lắm, mới mười bảy tuổi. Tôi cùng một đội vũ trang địa phương tấn công nhà máy đèn do quân Nhật chiếm giữ. Vừa leo lên tường thành, thấy một thằng Nhật giương súng nhắm vào mình, tôi lập tức nhảy xuống. Nó bắn vào tường thành. Mặc dù có tổn thất nhưng cuối cùng ta cũng chiếm được nhà máy đèn và các cơ quan, công xưởng khác do quân Nhật còn chiếm giữ. Đó cũng là

trận đánh đầu tiên trong đời tôi. Trong số những người tham gia cướp chính quyền ở Nha Trang, tôi còn nhớ mãi hình ảnh cô Hòa, cô Hợp là hai cô gái hăng hái nhất, dũng cảm nhất, luôn xung phong đi đầu!

- *Vì lý do nào sao đó ông lại rời Nha Trang để trở về cố đô, thừa Chuẩn đô đốc?*

- Chỉ một thời gian ngắn sau ngày nước nhà độc lập, quân Pháp tái xâm lược. Tôi tham gia chiến đấu ở mặt trận Nha Trang cùng với anh Hà Văn Lâu. Đây là mặt trận đầu tiên ở Nam Trung Bộ được mở để ngăn chặn bước tiến quân Pháp. Nhưng cuối cùng mặt trận vỡ, tôi mới về Huế nhập vào bộ đội chủ lực Trung đoàn Trần Cao Vân chiến đấu bảo vệ Huế. Lúc này Trung đoàn Trần Cao Vân gọi là Trung đoàn 101 do anh Hà Văn Lâu làm trung đoàn trưởng, anh Trần Quý Hai làm chính ủy, về sau trực thuộc Sư đoàn 325. Rồi mặt trận Huế cũng bị vỡ, lực lượng rút vào chiến khu Hòa Mỹ. Tiểu đoàn 18 của tôi lên đóng ở Đồng Truồi, ngọn núi cao chót vót từng đi vào ca dao:

“Đồng Truồi ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu”.

Tiểu đoàn tôi lúc lên chiến khu còn khoảng bảy mươi người nhưng vì quá đói khát, chết dần hết mười bốn người, chôn cất quanh một gốc cây dâu cổ thụ, không biết bây giờ thân nhân đã đem được hài cốt về chưa? Tôi nhớ một lần Chính ủy Trần Quý Hai từ bên Hòa Mỹ cùng một anh liên lạc khiêng sang Đồng Truồi một đùi nai ướp muối vừa bán được. Anh em mừng vô kể. Sau này hễ mỗi khi có miếng thịt ăn thì tôi nhớ tới nghĩa cử của anh Trần Quý Hai.

Thời kỳ Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, khoảng năm 1965 anh Trần Quý Hai lúc đó là phó tổng tham mưu trưởng đi qua sông Gianh để vào Nam. Đang là chỉ huy ở Căn cứ 2 hải quân, nghe tin tôi liên trực tiếp lấy canô đưa anh sang. Anh ôm tôi nói: “Dưỡng ơi! Minh tổng kết công tác chiến tranh, thấy từ Bắc chí Nam ở đâu cũng cực, nhưng cuối cùng thấy Đồng Truồi đúng là quá cực!”.

- *Nói đến chiến trường Bình Trị Thiên trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp, các cựu binh hay nhắc về trận Hộ Thành và trận Đất Đỏ sau khi thành phố Huế bị thất thủ. Chuẩn đô đốc có trực tiếp tham gia hai trận đánh này?*

- Có. Trận Đất Đỏ diễn ra vào ngày 29 tháng 3 năm 1947, do Trung đoàn trưởng Hà Văn Lâu và Chính ủy Trần Quý Hai trực tiếp tổ chức chỉ huy. Đây là trận thắng đầu tiên của quân dân Thừa Thiên - Huế. Tuy nhỏ, nhưng kết quả trận Đất Đỏ đã xây dựng được niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, là cái mốc chuyển từ lối đánh phòng ngự thụ động, rút chạy... sang lối đánh du kích chủ động tấn công, kết hợp lợi thế địa hình núi rừng Trường Sơn mà tổ tiên ta ngày xưa đã từng biết tận dụng: “Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân”!

- *Ngoài trận Đất Đỏ thì những trận đánh vào thời gian này để lại dấu ấn sâu sắc trong cuộc đời binh nghiệp của Chuẩn đô đốc?*

- Thu đông năm 1949, để phối hợp với Chiến dịch Lê Lợi trên chiến trường Tây Bắc, Bộ tư lệnh Mặt

trận Bình Trị Thiên mở Chiến dịch Lê Lai. Bắt đầu chiến dịch, Trung đoàn 95 gồm các tiểu đoàn 227, 302, 310 trên đường cơ động ra Nam Quảng Bình đã liên tục đánh tiêu diệt địch ở các trận Thanh Lê, Dốc Miếu, Bò Bản. Ngày 25 tháng 12 năm 1949, Trung đoàn 227 dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Lê Thuyết và Chính trị viên Kinh Kha đã tấn công Thạch Xá Hạ.

Lực lượng Tiểu đoàn 227 gồm ba đại đội: Đại đội 9 do tôi làm đại đội trưởng, Đại đội 117 do anh Trần Văn Trân làm đại đội trưởng, đại đội 120 do anh Hoàng làm đại đội trưởng đã diệt gọn đoàn xe chi viện giải vây cho Vạn Xuân, tiêu diệt và bắt sống 162 tên địch, phá hủy 15 ô tô và xe bọc thép. Viên chỉ huy là Thiếu tá Bruge cũng bị bắt sống. Đây là trận đánh giao thông vây điểm diệt viện đầu tiên trên chiến trường Bình Trị Thiên thu thắng lợi lớn, hiệu suất chiến đấu cao. Cách đánh này đã được binh đoàn chủ lực cơ động trên chiến trường vận dụng làm cơ sở tác chiến.

Gần một năm sau, nhằm kết thúc Chiến dịch Phan Đình Phùng, Bộ Tư lệnh Mặt trận Bình Trị Thiên tổ chức trận đánh đoàn tàu lửa chở vũ khí của địch ở đồi Như Sơn - Mỹ Chánh vào ngày 24 tháng 10 năm 1950 do anh Lê Thuyết chỉ huy chung, Tiểu đoàn 227 do Tiểu đoàn trưởng Huỳnh Đình Thảo dẫn đầu được phân công trực tiếp tấn công đoàn tàu lửa, với sự phối hợp vây đồn chặn viện của các đơn vị bạn do anh Lê Văn Tri và anh Triệu Huy Hùng chỉ huy. Kết thúc trận đánh, bộ đội thu được toàn bộ vũ khí, trong đó có một khẩu bô-pho do Đại đội 9 chiếm được. Đây là lần đầu tiên bộ đội Bình Trị Thiên thu được pháo địch còn hoàn chỉnh.

- Suốt chín năm chống Pháp, Chuẩn đô đốc chỉ gắn bó với Bình Trị Thiên hay có chiến đấu ở chiến trường khác không?

- Năm 1954, có một thời gian tôi cùng đơn vị được điều ra chiến đấu ở chiến trường Bắc Bộ, địa phận Hà Nam Ninh, để phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ. Còn chủ yếu là chiến đấu ở Bình Trị Thiên trong lực lượng chủ lực cơ động trên khắp chiến trường.

- Trong quá trình xây dựng và chiến đấu, theo Chuẩn đô đốc, thời điểm nào đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của các lực lượng vũ trang Bình Trị Thiên?

- Vào tháng 3 năm 1952, Chiến dịch Nam Đông kết thúc. Để giải phóng địa bàn Quảng Trạch giáp giới vùng tự do Liên khu 4, Đại đoàn 325 đã tập trung hai trung đoàn 95 và 18 tiêu diệt các vị trí Sen Bàng, Ba Đồn, Mỹ Hòa, Cửa Phủ, Hang Bò và đánh chặn viện kéo ra Quảng Trạch. Sau khi trung đoàn 95 tiêu diệt Sen Bàng, được giao tiếp tục đánh Ba Đồn. Trung đoàn có hai tiểu đoàn xung lực, trong đó Tiểu đoàn 227 lúc này do tôi làm tiểu đoàn trưởng, đã hoàn toàn làm chủ khu đồn chính của thị trấn Ba Đồn vào đêm 31 tháng 5 năm 1952.

Qua đợt hoạt động chiến đấu này, Đại đoàn 325 chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương đã thu thắng lợi lớn, phá vỡ phòng tuyến kiên cố nhất của địch trên vùng Bắc Quảng Bình, mở rộng hành lang chiến lược bắc nam, tiêu diệt và bắt sống gần một ngàn tên địch, san bằng mười một đồn bót, giải phóng hoàn toàn huyện Quảng Trạch. Từ đó, vùng tự do Liên khu 4 được mở rộng, lực lượng vũ trang

và bán vũ trang trường thành vượt bậc, góp phần làm cơ sở đưa kháng chiến đến toàn thắng.

- *Vì sao từ bộ binh, Chuẩn đô đốc lại chuyển sang hải quân? Chuẩn đô đốc lần lượt đảm trách những nhiệm vụ gì trong quân chủng non trẻ này?*

- Sau Hiệp định Genève 1954, tôi được chọn đi học ở Việt Bắc, bổ sung về Sư đoàn 350 tiếp quản và bảo vệ thủ đô Hà Nội. Năm 1956, tôi lại đi học bồi dưỡng văn hóa ở Kiến An, Hải Phòng đến năm 1959 thì về làm việc ở cơ quan tham mưu Cục Hải quân. Năm 1964, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Hải quân trên cơ sở Cục Hải quân. Tôi được bổ nhiệm làm chỉ huy trưởng Căn cứ 2 Hải quân, phụ trách vùng biển thuộc Khu 4, từ giáp giới Thanh Hóa cho tới giới tuyến 17. Cuối năm 1969, tôi được đề bạt làm tham mưu phó Bộ Tư lệnh Hải quân, ba tháng sau thì lên làm tham mưu trưởng.

Năm 1977, bọn Pol Pot xua quân xâm phạm lãnh thổ và giết hại đồng bào ta ở bg Tây Nam, tôi được Bộ Quốc phòng điều vào làm chỉ huy trưởng Vùng 5 duyên hải sát biên giới Campuchia. Sau khi giải phóng nước bạn khỏi ách diệt chủng, tôi được đi học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, rồi năm 1980 về làm phó tư lệnh Quân chủng Hải quân, hàm Chuẩn đô đốc tức Thiếu tướng. Cuối năm 1990, bệnh nhồi máu cơ tim phát nặng, tôi được Bộ Quốc phòng đồng ý cho nghỉ dưỡng bệnh.

- *Thưa Chuẩn đô đốc, căn cứ vào đâu mà lấy ngày 7 tháng 5 năm 1955 làm ngày thành lập Quân chủng Hải quân Việt Nam?*

- Ngày 7 tháng 5 năm 1955 là ngày thành lập Cục Phòng thủ bờ biển trực thuộc Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh. Tuy nhiên, ngay từ thời cách mạng còn trong trứng nước, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chiến sĩ quyết định số 125/QĐ ngày 19 tháng 7 năm 1946 “Thành lập trong Quân đội quốc gia một ngành Hải quân Việt Nam”. Đến ngày 10 tháng 8 năm 1950, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh đã ký quyết định thành lập Đội Thủy binh 71 đặt tại làng Cò phố Giàn thuộc huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Tên thường gọi lúc đó là Thủy quân Sông Lô.

- *Vậy còn ngày truyền thống 5 tháng 8 năm 1964, thời điểm xảy ra sự kiện vịnh Bắc Bộ?*

- À, đây là ngày Mỹ phát động chiến tranh phá hoại ra miền Bắc nước ta, dùng máy bay đánh vào các cảng ven biển, trong đó chủ yếu là nhằm vào lực lượng hải quân. Hải quân ta đã cùng nhân dân miền Bắc đánh trả có hiệu quả: bắn rơi máy bay, bắt giặc lái... Đây là trận thắng có ý nghĩa lớn cả về chính trị lẫn quân sự, cổ vũ mạnh mẽ khí thế quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ của quân và dân ta, có tiếng vang lớn trên thế giới. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trực tiếp theo dõi trận đánh đã khen ngợi: “Tôi rất tự hào về tinh thần chiến đấu của hải quân ta. Chiến thắng của các đồng chí có nhiều ý nghĩa to lớn...”. Cho nên hải quân lấy ngày 5 tháng 8 năm 1964 làm ngày truyền thống của quân chủng.

- *Nghĩa là lịch sử và truyền thống hải quân Việt Nam đã có từ trước, ngay trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, thậm chí có thể kể đến truyền thống xa xưa, từ thời Ngô Quyền phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, từ Trần Quốc Tuấn, Yết Kiêu, Trần Khánh Dư, Nguyễn Huệ*

cho đến Nguyễn Trung Trực...

- Đúng vậy. Tôi nhớ hoài một sự kiện đặc biệt, là vào ngày 24 tháng 8 năm 1955 sau khi vừa thành lập quân chủng được mấy ngày, đã xây dựng được hai thủy đội canô là Sông Lô và Bạch Đằng, tiến hành duyệt binh lần đầu ngay trên sông Cẩm, với sự có mặt của Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Thiếu tướng Phó tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, Chủ nhiệm Tổng cục Nguyễn Chánh, Bí thư Thành ủy Hải Phòng Đỗ Mười. Canô 514 chở Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đại biểu đi trên ba chiếc canô, duyệt đội ngũ các thủy đội. Khu vực sông Cẩm nay giáp với cửa Nam Triệu của sông Bạch Đằng, nơi anh hùng Ngô Quyền lập nên chiến tích ngày xưa.

- Theo Chuẩn đô đốc, từ khi chính thức được thành lập đến nay, quân chủng hải quân đã lập nên những kỳ tích tiêu biểu nào?

- Hải quân là một quân chủng được thành lập sớm, đã phục vụ hết sức đặc lực cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Hải quân phụ trách một vùng biển dài trên ba ngàn kilômét, lãnh hải rộng hàng triệu cây số vuông; bảo vệ có hiệu quả vùng biển, hải đảo và bảo đảm cho nhân dân đi lai làm ăn sinh sống an toàn trong chiến tranh cũng như trong hòa bình xây dựng. Đó là một kỳ tích.

Hải quân đã kịp thời hình thành đường Hồ Chí Minh trên biển, trong lúc đường Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn phát triển chưa vào tới các tỉnh cực Nam, nhất là những đầu đánh Mỹ. Đã cấp bách vận chuyển người cùng hàng vạn tấn vũ khí, quân trang vào các chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh tác chiến tập trung, đánh bại chiến tranh đặc biệt Mỹ ngụy, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp thống nhất đất nước.

Hải quân cũng sáng lập nên lực lượng đặc công nước, một binh chủng đặc biệt mà không quốc gia nào có, hiệu quả chiến đấu về tiêu diệt và phá hủy tàu địch không một hạm đội nào của thế giới sánh bằng. Đặc công nước đã góp phần to lớn vào việc giải phóng hệ thống đảo năm 1975, trong đó gồm các đảo Trường Sa.

Ngoài ra, hải quân còn phối hợp với các quân binh chủng và lực lượng trên bờ góp công lớn giúp đỡ cách mạng Campuchia giải phóng đất nước thoát khỏi nạn diệt chủng Pol Pot năm 1979.

- Trong lần gặp gỡ gần đây giữa Đại tướng Võ Nguyên Giáp với McNamara, cựu bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, người được xem như một trong những kiến trúc sư cho cuộc chiến xâm lược Việt Nam, đã có đề cập tới sự kiện vịnh Bắc Bộ ngày 5 tháng 8 năm 1964. Khi ấy, với tư cách chỉ huy trưởng Căn cứ 2 Hải quân, là nhân chứng sống trực tiếp của sự kiện lịch sử trên. Chuẩn đô đốc còn nhớ gì về diễn biến tình hình lúc ấy?

- Năm 1964, Mỹ đưa quân vào miền Nam, vì muốn ngăn chặn sự tiếp viện từ miền Bắc, nên chúng âm mưu mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc bằng không quân, hải quân của các hạm đội. Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, chưa một nước nào dám đụng đến lực lượng hạm đội Mỹ, khi chúng dùng làm lợi khí cho hành động sen đầm quốc tế. Mở đầu Mỹ cho tàu Maddox của Hạm đội 7 ra không

chế uy hiếp xâm phạm vùng biển vịnh Bắc Bộ, cách bờ từ năm đến bảy hải lý. Chúng nghênh ngang vượt vĩ tuyến 17 -Quảng Trị ra tận vùng đảo Biền Sơn, Thanh Hóa.

Được sự chuẩn y của Bộ Tổng tham mưu, ngày 2 tháng 8 năm 1964 Bộ tư lệnh Quân chủng Hải quân đã sử dụng một phân đội tàu phóng lôi đánh đuổi tàu Maddox ra khỏi vùng biển miền Bắc. Hải quân bắn bị thương tàu Maddox, làm hư hỏng một số thiết bị; đồng thời bắn rơi một máy bay hộ tống, làm bị thương một chiếc khác. Quân ta có bốn cán bộ chiến sĩ hy sinh, sáu bị thương, hai tàu bị hỏng. Đây là trận đánh đầu tiên của hải quân sau mười năm xây dựng. Trận đánh diễn ra trong tình hình Mỹ đang xúc tiến âm mưu mở rộng chiến tranh trên cả hai miền Nam Bắc, nên kết quả của nó đã cổ vũ mạnh mẽ quyết tâm đánh Mỹ của quân dân cả nước. Sau trận đánh tôi nhớ anh Nguyễn Chí Thanh đã khen ngợi và nói: “Nhân dân ta, quân đội ta dám đánh Mỹ và biết cách đánh Mỹ, bất cứ binh lực nào và từ đâu đến...” và “Bờ biển của ta chứ không phải ao nhà của chúng...”!

Ngày hôm sau, 4 tháng 8 năm 1964, Mỹ dựng lên sự kiện vịnh Bắc Bộ, khi loan tin hai tàu khu trục của chúng bị hải quân Bắc Việt tấn công lần thứ hai ngoài hải phận quốc tế! Lấy cớ đó, ngày 5 tháng 8 năm 1964, Mỹ huy động máy bay hải quân mở cuộc hành quân Pierce Arrow (Mũi tên xuyên) đánh phá năm điểm ở miền Bắc: Hòn Gai, Bãi Cháy (thuộc Hồng Quảng), Lạch Trường (Thanh Hóa), Cửa Hội (Vĩnh - Nghệ An) và cảng Gianh (Quảng Bình). Toàn là các cảng hải quân, trong đó có các điểm thuộc Căn cứ 2 do tôi trực tiếp phụ trách. Cùng phối hợp với các quân binh chủng khác, bộ đội hải quân đã chiến đấu anh dũng, góp phần quan trọng giành thắng lợi trong trận đầu ra quân đối địch với không quân và hải quân Mỹ.

- Chuẩn đô đốc có thể cho biết một trong những chiến công tiêu biểu nhất của hải quân trong kháng chiến chống Mỹ?

- Mỹ đã thả hàng chục vạn tấn bom hong phong tỏa, làm tê liệt vùng biển, hải cảng, sông ngòi... miền Bắc. Thực tế trong quá trình chiến tranh, giao thông đường thủy có gặp nhiều khó khăn, nhưng ta vẫn có cách khắc phục để tàu thuyền tiếp tục đi lại làm ăn. Đến khi Mỹ tuyên bố ngừng ném bom, thì chỉ sau hai mươi bốn giờ cửa Nam Triệu vào cảng Hải Phòng - cửa biển lớn nhất đã thông luồng. Sau bốn mươi tám giờ hầu hết các cửa sông ven biển tàu thuyền đi lại an toàn. Trong khi đó, nhiều nhà quân sự am hiểu về hiệu suất và thiệt hại của bom từ trường và thủy lôi cho rằng: phải hàng chục hay hai ba chục năm sau tàu thuyền mới có thể đi lại trên các luồng lạch, cửa cảng, bờ biển miền Bắc Việt Nam! Điều này, cả Mỹ cũng bất ngờ...

- Trong chiến tranh biên giới Tây Nam, hải quân có vai trò ra sao? Nhiệm vụ cụ thể của Chuẩn đô đốc lúc bấy giờ trên cương vị chỉ huy trưởng Vùng 5 Hải quân?

- Chỉ ba ngày sau khi miền Nam được giải phóng, tức ngày 3 tháng 5 năm 1975, bọn Pol Pot - Iêng Sary đã xua quân xâm phạm vùng biển, hải đảo nước ta, mà trước tiên là tấn công đảo Phú Quốc. Ngày 10 tháng 5 chúng lại ngang nhiên nổ súng đánh đảo Thổ Chu, tàn sát bắt bớ trên ba trăm dân.

Phía đất liền, vào tháng 4 năm 1977 tập đoàn Pol Pot dùng nhiều sư đoàn vượt biên giới tấn công các tỉnh Tây Nam. Chúng tàn sát một cách dã man hàng ngàn người dân vô tội. Nhiều tàu thuyền, nhà cửa, làng mạc bị tàn phá.

Bên cạnh đó, đứng trước nguy cơ dân tộc Khmer bị diệt chủng. Ngày 2 tháng 12 năm 1978, Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia đã ra lời kêu gọi trong đó có đoạn: “... Thiết tha kêu gọi nhân dân và Chính phủ các nước... hãy tích cực ủng hộ và giúp đỡ mọi mặt cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân chúng tôi”!

Trước tình hình ấy, buộc chúng ta phải đánh trả để tự vệ và giúp cách mạng, nhân dân Campuchia thoát khỏi ách diệt chủng của tập đoàn phản cách mạng Pol Pot - Iêng Sary. Chấp hành mệnh lệnh cấp trên, chuẩn bị hiệp đồn quân binh chủng, Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân quyết định tập trung lực lượng toàn quân chủng chuẩn bị tốt ở hướng Bắc hướng Đông, nhanh chóng kiện toàn các đơn vị phía Nam, để khi chiến đấu là giành thắng lợi.

- Quân chủng hải quân được giao những mục tiêu cụ thể nào? Trình tự diễn tiến cơ bản các trận đánh ra sao?

- Ngày 5 tháng 1 năm 1979, các đơn vị hải quân bước vào chiến đấu đợt hai dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tư lệnh Giáp Văn Cương và Phó tư lệnh Hoàng Hữu Thái. Lực lượng sử dụng gồm: Vùng 5 Hải quân do tôi làm chỉ huy trưởng, anh Nguyễn Văn Lắm làm chỉ huy phó chính trị, Hạm đội 171 do anh Phạm Quang Nho làm chỉ huy trưởng, anh Nguyễn Văn Trọng làm chỉ huy phó chính trị, cùng Lữ đoàn 126, trung đoàn bộ binh phối thuộc của Quân khu 9 và một đơn vị không quân...

Ngày 6 tháng 1 năm 1979, dưới sự chỉ viện hỏa lực của Vùng 5 và Hạm đội 171, Lữ đoàn 126 đã đổ bộ lên Tà Lơn, chuyển hướng tiến quân về cảng Réam và Kompongsom. Lực lượng Vùng 5 và Hạm đội 171 tiếp tục vận chuyển chi viện hỏa lực cho Trung đoàn 101 (thuộc Vùng 5) đổ bộ lên cảng Réam và Kompongsom, đồng thời tổ chức các hải đội tàu chiến đấu tấn công vào tàu và cảng địch. Đến ngày 10 tháng 1, hải quân hiệp đồng với Quân đoàn 2 bộ binh tiến quân trên đất liền ven biển, đánh chiếm hoàn toàn cảng Réam và Kompongsom. Quân ta đánh chiếm nhiều tàu địch, thu toàn bộ kho tàng, vũ khí, bắt một số tù binh, số còn lại chạy tán loạn lên thị xã Kô Kông giáp biên giới Thái Lan.

Trong thời gian này, một hải đội thuộc Hạm đội 171 cùng Đoàn 962 của Quân khu 9 tiến quân theo đường sông, đã có mặt tại Phnôm Pênh vào ngày 7 tháng 1, yểm trợ hiệu quả cho bộ binh đổ bộ vượt sông giải phóng hoàn toàn thủ đô nước bạn.

- Như vậy Chuẩn đô đốc không trực tiếp tiến vào giải phóng Phnôm Pênh?

- Không, nhiệm vụ của chúng tôi là tiếp tục tiêu diệt hải quân và các lực lượng phòng thủ ven biển của địch co cụm trên các đảo phía Bắc Kô Kông, trước khi tiến vào giải phóng thị xã Kô Kông. Ngày 16 tháng 1, đợt tấn công lần thứ hai bắt đầu. Trong đợt này đã tập trung toàn bộ lực lượng Vùng 5, Hạm đội 171, Lữ đoàn 126, Trung đoàn 66 bộ binh của Quân đoàn 2. Hải quân huy động hơn 120 tàu thuyền

chiến đấu, vận tải. Quân chủng Không quân sử dụng các loại máy bay C130, F5, A37 chiến đấu trung bình bốn mươi lần chiếc chiếc mỗi ngày...

- Vâng. Đây là trận đánh hợp đồng quân binh chủng qui mô. Từ trên tàu chỉ huy sở Quân chủng Hải quân, theo sự chỉ định của Tư lệnh Giáp Văn Cương, tôi với tư cách là chỉ huy trưởng Vùng 5 được máy bay trực thăng chở đến trực tiếp chỉ huy lực lượng hải quân đổ bộ lên bờ chiến đấu. Mở đầu, không quân và hải quân tập trung hỏa lực tiêu diệt các mục tiêu trọng yếu, dọn bãi đổ bộ quân. Tiếp đến, quân đổ bộ lên bờ chiếm đầu cầu, tiến đánh chiếm các đảo và đỉnh cao 237. Cuối cùng, chia quân phong tỏa truy quét các nơi.

Tuy gặp nhiều khó khăn trước sự chống trả của địch, nhưng sau hai ngày đêm liên tục chiến đấu quân ta đã chiếm thị xã Kô Kông vào ngày 18 tháng 1 năm 1979. Vùng biển, hải đảo Campuchia hoàn toàn giải phóng đến giáp biên giới Thái Lan. Sư đoàn 164 hải quân và Sư đoàn 101 phòng thủ bờ biển của Pol Pot bị xóa sổ. Quân tình nguyện thu giữ toàn bộ vũ khí, tàu thuyền, lương thực thực phẩm... ở các đồn trú; đồng thời tìm kiếm tập trung và hướng dẫn hàng chục ngàn người dân địa phương lánh nạn diệt chủng trở về với gia đình, quê hương. Nhiều người trốn tận rừng sâu. Chúng tôi giúp đưa họ trở về chủ yếu bằng tàu đổ bộ của hải quân.

Kết thúc đợt chiến đầu này, Quân chủng Hải quân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế và có bước trưởng thành. Sau đó, hải quân ta còn phải giúp xây dựng lực lượng hải quân Campuchia để bảo vệ vùng biển, hải đảo và tiếp tục tiêu diệt tàn quân diệt chủng Pol Pot - Iêng Sary còn sống sót.

- Thừa Chuẩn đô đốc, trong cuộc đời binh nghiệp của mình, Chuẩn đô đốc có nhiều dịp gặp làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- Tôi rất may mắn là thời gian phục vụ ở Sư đoàn 350 tiếp quản bảo vệ thủ đô lần khi chuyển sang hải quân đều được gặp Bác. Tháng 9 năm 1969, tôi lại được Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân cử làm trưởng đoàn đại biểu với hơn một trăm cán bộ chiến sĩ hải quân lên Quảng trường Ba Đình, Hà Nội tiễn bác đi xa.

- Sinh thời, những kỷ niệm nào của lãnh tụ đối với hải quân còn in đậm trong ký ức Chuẩn đô đốc?

- Hồ Chủ tịch đến thăm và dạy bảo cán bộ chiến sĩ Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam nhiều lần. Chẳng hạn, ngày 15 tháng 3 năm 1961 Bác đến thăm Bộ tư lệnh quân chủng ở Hải Phòng. Sau khi nghe Tư lệnh Nguyễn Bá Phát báo cáo tình hình, Bác khen ngợi: “Các chú có nhiều cố gắng thế là tốt. Hiện giờ tàu bè vũ khí của ta chưa nhiều, ta phải từng bước từng bước xây dựng. Trước mắt, ta phải giữ gìn tốt những thứ sẵn có, để có thể đánh địch khi cần thiết”.

Trên đường từ cảng Hải Phòng ra vùng biển Đông Bắc, khi tàu đang đi trên sông Bạch Đằng, Bác xúc động nói: “Hải quân ta phải học tập kinh nghiệm chiến đấu hiện đại nhưng không được quên truyền thống đánh giặc xưa kia của tổ tiên. Các chú phải nhớ xây dựng hải quân của nhân dân Việt Nam chứ

không phải hải quân của thế giới”.

Tàu đưa Bác đến thăm hang Đồ Gỗ, nơi trước đây Trần Hưng Đạo đã cho quân vót cọc cắm dưới lòng sông Bạch Đằng để diệt giặc Nguyên Mông. Vừa đến nơi, Bác quay sang chúng tôi ân cần bảo: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay ta có ngày có trời có biển. Bờ biển ta dài tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy”.

Ngày 13 tháng 11 năm 1962, bộ đội hải quân lại được vinh dự đón Bác ở Vạn Hoa trong dịp Đoàn 135 tàu phóng lôi, đơn vị 200 tàu săn ngầm, tiểu đoàn pháo binh bờ biển... tổ chức luyện tập. Chúng tôi vô cùng xúc động khi Bác đến thăm và được nghe Người kể chuyện Trần Khánh Dư, một danh tướng nhà Trần ở thế kỉ XIII đã dùng mưu đánh chiếm đoàn thuyền lương thực của giặc. Bác căn dặn chiến sĩ hải quân phải ra sức phát huy truyền thống đánh giặc của cha ông: “Là chiến sĩ hải quân, các chú phải biết yêu quý đảo như nhà mình, chịu khó cải tạo xây dựng thành những mảnh đất vừa giàu vừa đẹp, vừa có lợi cho mình vừa có lợi cho đất nước”.

- Chuẩn đô đốc còn nhớ thời điểm Hồ Chủ tịch tự tay lái tàu đưa German Titov, anh hùng phi công vũ trụ Liên Xô, đi thăm vịnh Hạ Long?

- Nhớ chứ. Đó là thời khắc hết sức đặc biệt, cùng vào năm 1962, mà cán bộ chiến sĩ hải quân chúng tôi luôn nhớ và chiêm ngưỡng. Từng là một thủy thủ dày dạn đi biển, Bác đã chỉ dẫn cho anh em thủy thủ các động tác cập nhật như: quăng dây, buộc, mở lúc tàu rời, cập bến thế nào cho thật đúng, thật tốt. Đặc biệt, trong chuyến thăm ấy có lần Bác còn đội mũ hải quân, tự tay cầm lái tàu đưa German Titov đi thăm thắng cảnh Hạ Long. Lúc tàu đến đảo Cồn Cát, trước vẻ kỳ thú hiếm có của thiên nhiên, Bác cho tàu dừng lại để chiêm ngưỡng và tắm biển. Titov cũng hết sức thích thú. Sau đó, Bác đề nghị cho đảo này mang tên Titov.

Bác đã vĩnh viễn đi xa nhưng những lời Bác ân cần dạy bảo, hình ảnh Bác trong trang phục hải quân trực tiếp lái tàu đi biển là vô giá, là bất diệt. Nó sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm những người lính Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam anh hùng, vang vọng mãi với non sông đất nước, lưu truyền mãi cho con cháu mai sau.

- Là một cán bộ kỳ cựu của hải quân, trong tâm khảm Chuẩn đô đốc, tài năng những nhà lãnh đạo nào của quân chủng thực sự làm cho Chuẩn đô đốc khâm phục?

- Có nhiều anh, trong đó có các anh Nguyễn Bá Phát, Giáp Văn Cương, Tạ Xuân Thu... đều từng là tư lệnh quân chủng, đã có nhiều công lao trong việc xây dựng và phát triển lực lượng hải quân cũng như quân đội ta.

- Hình như Thiếu tướng Nguyễn Bá Phát là tư lệnh đầu tiên của Quân chủng Hải quân?

-A nh Nguyễn Bá Phát nguyên là tham mưu trưởng Liên khu 5, năm 1955 được Bộ Quốc phòng gọi về Cục Tác chiến phụ trách bộ phận chuyên trách theo dõi vùng biển, sau đó trở thành cục trưởng Cục Phòng thủ bờ biển, rồi tư lệnh Quân chủng Hải quân. Tôi rất kính trọng anh Nguyễn Bá Phát và xem

như anh em ruột thịt. Khi xảy ra sự kiện vịnh Bắc Bộ, tôi là chỉ huy trưởng Căn cứ 2 Hải quân thuộc Khu 4, từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh, được đón Tư lệnh Nguyễn Bá Phát dẫn đầu đoàn cán bộ Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân vào kiểm tra tình hình Căn cứ 2.

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, đang lúc kiểm tra tình hình sẵn sàng chiến đấu của lực lượng tàu thuyền tại bến cảng sông Gianh thì địch bất ngờ tấn công. Tư lệnh Nguyễn Bá Phát đã cùng chúng tôi trực tiếp chỉ huy bộ đội hải quân đánh địch. Hành động đó của tư lệnh quân chủng đã làm tinh thần cán bộ, chiến sĩ phấn khởi, tự tin, dũng cảm chiến đấu đạt hiệu suất cao! Không chỉ là một người tốt, mà anh Nguyễn Bá Phát còn được đánh giá là nhà chỉ huy quân sự tài giỏi mưu lược.

- *Thưa Chuẩn đô đốc, trong ngành hải quân, phụ nữ hoạt động chủ yếu ở các bộ phận nào?*

- Thông tin, radar là hai bộ phận rất hợp với phụ nữ. Hải quân hoạt động ngoài biển, cần sự theo dõi chặt chẽ tàu thuyền và quản lý vùng biển, nên công tác thông tin, radar rất quan trọng, đòi hỏi sự kiên nhẫn, chính xác. Mà những đức tính này là ưu thế của chị em. Ngoài ra, ngành hậu cần chị em cũng quán xuyến lắm!

- *Bà nhà có cùng hoạt động trong ngành hải quân?*

- Không phải hải quân nhưng cũng liên quan đến biển (cười). Bà ấy nguyên là cán bộ nữ công của Tổng cục Đường biển.

- *Nhờ vậy mà ông bà đến với nhau?*

- Đâu có, tôi gặp bà từ khi còn chiến đấu ở Bình Trị Thiên. Bà ấy là người Nghệ An, gánh đạn vào tiếp tế chiến trường, chúng tôi quen nhau. Đến khi tôi tập kết ra Bắc, mới gặp lại, hứa hẹn làm bạn đời với nhau. Nhưng phải đợi bốn năm sau (1959), khi tôi học ở Trung Quốc trở về thì mới tổ chức đám cưới. Chúng tôi có hai đứa con gái, hiện có thêm hai con rể và bốn cháu ngoại. Con gái và con rể tôi đều làm trong Quân chủng Hải quân. Đã về hưu rồi, nhưng bà nhà tôi vẫn rất “hăng”. Bà lãnh đủ thứ chức, từ tổ dân phố đến cấp ủy và cả cán bộ phường, hội họp tôi ngày. Đến nổi hàng xóm ai cũng lấy làm lạ, sao cái bà này say mê công việc đến thế!

- *Chuẩn đô đốc có bức bối không?*

- Ồ, sao lại bức? (Cười lớn) Tôi luôn động viên khuyến khích nữa đấy chứ. Mỗi lần bà đi họp, tôi đều chở bà đi, có khi mười một giờ đêm lên phường đón bà về. Nhờ vậy mới có hàng chồng giấy khen là đôi vợ chồng hạnh phúc trên phường tặng cho (lại cười kha kha). Thực tình, tôi nhiều tuổi, thấy bà còn có thể làm được việc gì có ích cho xã hội, cho đồng đội, bà con là tôi mừng, tôi khuyến khích. Bà là một người phụ nữ tốt, đảm việc nhà việc nước, hết lòng thương yêu con cháu.

- *Vâng, hình ảnh ông bà thật đúng như hai câu thơ Huy Cận đã viết khi nhà thơ cũng vừa bước vào tuổi tám mươi: “Cây cổ thụ không về hưu với đất - Bạc cao niên không hưu trí với đời”. Đối với việc giáo dục con cháu, ông bà chú trọng đến khía cạnh nào?*

- Chúng tôi chỉ nói ít thôi, nhưng may là các con tôi nhanh hiểu được lòng ba mẹ. Tôi từng nói rằng,

các con đã khôn lớn, định làm gì thì làm, nhưng trước hết phải gìn giữ truyền thống gia đình, thay thế dần công việc ba mẹ còn để lại, để khi nhắm mắt ba mẹ được yên lòng. Muốn được là người phụ nữ đức hạnh thì trước hết phải hiểu đức hạnh là sự nghiêm trang của người phụ nữ. Luôn nghĩ và làm những việc đúng việc tốt, tránh xa những cái xấu chưa được cải tạo xã hội.

Trong đời thường, ví như muốn ăn mặc đúng thời trang thì phải hiểu rằng, thời trang là biểu hiện đạo đức của con người. Chứ thời trang không phải là ăn mặc hở hang, kiểu cọ diêm dúa. Ông và mình nói “đẹp như tiên” chứ có ao nó “đẹp như người tiền sử” đâu! Hãy nhìn những bức tranh tiên, dù có đang bay trên mây trên gió thì tiên vẫn luôn hết sức dịu dàng, kín đáo. Áo dài, áo tứ thân của phụ nữ ta mặc hàng hoàng cũng là tiên đấy chứ! Trong những cuộc thi thời trang quốc tế, trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam luôn được thế giới ca ngợi và đặt ở vị trí trang trọng, ta phải lấy đó làm tự hào và phát huy. Thời gian gần đây, tôi rất có ấn tượng khi nhìn thấy nhiều chị em mặc áo dài truyền thống trong lúc làm nhiệm vụ trên màn ảnh nhỏ truyền hình và một phần trên các sàn diễn. Họ thật đẹp, đẹp như tiên!

*

Tâm sự của Chuẩn đô đốc Nguyễn Dương thật đáng để hậu thế suy nghĩ. Cách sống, cách ăn mặc của mỗi con người là biểu hiện đạo đức thẩm mỹ, mà cũng là một trong những chuẩn mực biểu hiện tri thức và bản sắc văn hóa. Lão tướng cùng bao thế hệ đi trước không tiếc tuổi xuân, xương máu chiến đấu cho nền độc lập tự do của Tổ quốc, cũng chính là chiến đấu vì sự tồn vong của nền văn hóa truyền thống dân tộc trước sự “xâm thực” bành trướng không ngừng của các thế lực văn hóa ngoại bang. Chẳng phải ngẫu nhiên, trong một kỳ họp Quốc hội gần đây, Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã khẳng định: “Nếu để mất bản sắc dân tộc thì sẽ mất tất cả”. Không gì đau khổ bằng một con người không có cội nguồn, không có quê hương và nhất là không có một nhân cách văn hóa riêng mình.

Tân Bình, tháng 8 năm 1999

06 - Trung tướng LÊ TỰ ĐỒNG

Nói đến chiến trường Trị Thiên là người ta nghĩ ngay đến chiến trường giáp ranh ác liệt, với những trận đụng độ nảy lửa diễn ra thường xuyên thời đánh Mỹ. Từ chiến trường này, nhiều anh lính binh nhất

binh nhì đã trở thành tướng lĩnh. Một trong những vị tướng “trụ” lâu nhất ở chiến trường Bình Trị Thiên thời chống Pháp và Trị Thiên thời chống Mỹ là trung tướng Lê Tự Đồng. Trở thành chỉ huy quân sự đầu tiên của thành phố Huế từ Cách mạng tháng Tám, Lê Tự Đồng cũng là người chỉ huy trực tiếp cuối cùng khi kết thúc chiến tranh trên cương vị tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu Trị Thiên. Ông được thăng quân hàm Thiếu tướng năm 1974, Trung tướng năm 1982 và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Đúng mười lăm năm sau ngày đất nước thống nhất, hoàn thành trọng trách phó giám đốc Học viện Quân sự cao cấp, tướng Lê Tự Đồng liền rời Hà Nội, đưa người vợ thân yêu trở về cố đô, thanh thoi sống quãng đời còn lại giữa thiên nhiên núi Ngự, sông Hương, giữa tình quê hương và đồng đội cùng những kỷ niệm thiêng liêng thời chinh chiến.

- Tôi không được cùng công tác với anh Nguyễn Chí Thanh một thời gian nào cả, nhưng suốt quá trình hoạt động cách mạng tôi gắn bó khá chặt chẽ với anh. Ở trong tôi, Nguyễn Chí Thanh như người anh ruột quý mến, người đồng chí mà tôi gửi trọn niềm tin, người thầy dày dặn kinh nghiệm, người bạn chân tình và cởi mở. Tiếc là anh ra đi quá sớm.

Nhân dịp Trung tướng Lê Tự Đồng vào Thành phố Hồ Chí Minh họp Hội Cự chiến binh Việt Nam và dự lễ kỷ niệm 30 năm ngày mất của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, qua sự giới thiệu của Trung tướng Lê Văn Tri, tôi đã đến nhà khách Bộ Quốc phòng tìm gặp ông. Tướng Lê Tự Đồng mở đầu câu chuyện bằng ký ức về vị tướng đồng hương. Khuôn mặt vốn rất cương nghị của vị tướng ra chiều trầm ngâm. Lúc này tôi mới có dịp nhìn rõ ông hơn: mặt hơi vuông; trán ngang; mắt nhỏ; tóc bạc, sợi lớn như cước, chải ngược.

- *Tình cảm của Trung tướng thật sâu nặng. Trung tướng vui lòng cho biết cụ thể vài ấn tượng của mình về Đại tướng được không, thưa Trung tướng?*

- Khi kháng chiến toàn quốc bắt đầu, quân Pháp từ Đà Nẵng kéo ra giải vây cho đồng bọn ở Huế. Mặt trận Huế vỡ. Quân ta rút về chiến khu Hòa Mỹ. Một số cán bộ hoang mang dao động. Trong một hội nghị Tỉnh ủy Thừa Thiên, anh Nguyễn Chí Thanh đã dũng dạc tuyên bố: “Mất đất chưa phải là mất nước. Chúng ta quyết không để mất dân! Cán bộ, bộ đội về đồng bằng quyết tâm bám đất, bám dân chiến đấu”. Phương sách ấy có tác dụng mạnh. Quân ta nhanh chóng tiêu diệt hai đồn Hộ Thành và Đất Đỏ trong vòng một tuần cuối tháng 3 năm 1947, gây tiếng vang lớn, củng cố niềm tin, đưa kháng chiến tiến lên một bước mới.

Khi quân Mỹ ồ ạt vào miền Nam, ban đầu ta còn bỡ ngỡ về cách đánh. Sau khi thị sát chiến trường, anh Thanh đã kết luận: “Cứ đánh đi khắc sẽ có cách đánh tốt”. Từ đó, vành đai diệt Mỹ và phong trào bám thắt lưng Mỹ mà đánh nở rộ khắp nơi. Câu nói này làm tôi nhớ đến câu nói nổi tiếng của Napoléon Bonaparte được đưa vào sách kinh điển quân sự: “Hãy cứ xung trận đi rồi sẽ có cách đánh thôi”.

- *Chắc Trung tướng đọc được nhiều binh thư.*

- Tôi đọc và nghiên cứu nhiều vào thời gian học tại Học viện Quân chính Lenin ở Moskva, cũng như lúc làm chính ủy Trường Sĩ quan lục quân ở Sơn Tây, rồi phó giám đốc Học viện Quân sự cao cấp. Thời học ở Liên Xô tôi thường nói với bạn đồng học từ các nước rằng, mặc dù học được rất nhiều nhưng khi về nước nhất định tôi sẽ chỉ vận dụng những điều phù hợp với thực tế hoàn cảnh Việt Nam. Bởi chiến tranh ở nước ta không thể dựa hoàn toàn vào binh hùng tướng mạnh, vũ khí hiện đại để giành thắng lợi. Chúng ta không có đủ điều kiện như Liên Xô hay các nước châu Âu. Mà chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân, dựa vào sức mạnh nhân dân. Có lần khi nghe tôi nói “du kích Việt Nam đi đánh giặc nhưng ăn cơm nhà, mặc áo vợ” thì một vị tướng nước bạn cứ trố mắt kinh ngạc. Họ cho đó là điều kỳ lạ!

- *Về cách dùng binh xưa nay, Trung tướng thích phương pháp của các tướng soái này ở Việt Nam lẫn thế giới?*

- Trần Hưng Đạo và Nguyễn Trãi có nghệ thuật chiến tranh kiệt xuất. Quang Trung thì đặc biệt ở thần tốc. Còn thế giới thì tôi thích nghệ thuật chỉ huy của Bành Đức Hoài - Trung Quốc, Kutudov - Nga và Clauvik - Đức.

- *Thưa Trung tướng, nói thẳng theo kiểu nhà binh, thì ngoài Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Trung tướng mến mộ tài năng của những tướng lĩnh Việt Nam nào qua hai cuộc kháng chiến?*

- Điều này thật khó nói. Nhưng tôi rất quý phục Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Và có lẽ các anh Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo, Nguyễn Hữu An cũng là những nhà chiến lược nổi bật.

- *Trở lại bản thân Trung tướng, Trung tướng có thể vui lòng cho biết vài nét "lý lịch trích ngang" của mình...*

- Tôi tuổi Mùi, sinh năm 1919 tại làng Kim Long thuộc thành phố Huế, là con thứ ba trong một gia đình có năm anh chị em. Cha tôi là viên chức sở canh nông, bị mất sớm. Mẹ tôi tảo tần làm ruộng, bán buôn nuôi con. Nhưng đến năm 1947 thì mẹ tôi cũng mất. Chúng tôi tự bươn chải mà sống mà học. Anh tôi là Lê Tự Nhiên sớm hoạt động cách mạng, sau trở thành ủy viên Thường vụ Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, rồi ủy viên Thường vụ khu ủy Trị Thiên, đã hy sinh. Tôi vừa học vừa làm thợ may kiếm sống. Chuẩn bị vào học Trường Kỹ nghệ thực hành Huế, tôi cũng tham gia công tác bí mật vận động thanh niên. Tôi bị địch tổng giam ở nhà lao Thừa Phủ, bị kết án năm năm tù khổ sai, sau tăng lên mười năm nữa, tức tổng cộng mười lăm năm, rồi lao đày Buôn Mê Thuật từ năm 1940 - 1945. Trong đợt chúng tôi bị bắt có anh Lê Chưởng, người được Xứ ủy Trung kỳ giao phụ trách thành phố Huế.

Thời gian ở tù tại Buôn Mê Thuật, tôi được anh Trương Văn Lĩnh truyền đạt những kiến thức cơ bản về quân sự. Anh Lĩnh từng là sĩ quan quân đội Tưởng Giới Thạch khi anh ở Trung Quốc. Chúng tôi được anh dạy cả lý thuyết lẫn thực hành, đặc biệt chú ý tới đội hình chiến thuật, cách giàn đội hình, các động tác tiến thoái trong phạm vi một tiểu đội. Tôi được chỉ định làm tiểu đội trưởng. Nhà tù trở thành trường huấn luyện quân sự. Nhờ đó, khi được tự do, tôi được phân công làm công tác quân sự.

Cách mạng tháng Tám thành công, tôi là ủy viên Quốc phòng ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời Thừa Thiên - Huế.

- Theo Trung tướng, tình hình ở Huế có gì đặc biệt so với các nơi khác trong Tổng khởi nghĩa?

- Huế là kinh đô nhà Nguyễn và là nơi đặt cơ quan Trung ương Chính phủ thân Nhật bù nhìn Trần Trọng Kim. Quân Pháp đã chạy. Nhưng Nhật vẫn còn 4.500 quân, sẵn sàng bảo vệ nội các Trần Trọng Kim làm thủ tướng do Nhật dựng lên cùng ông vua bù nhìn Bảo Đại. Trong khi quân ta súng ống chẳng có chi. Nên chủ yếu ta vào sức mạnh quần chúng để cướp chính quyền. Anh Hoàng Anh được cử đi tiếp xúc với các bộ trưởng của Chính phủ Trần Trọng Kim, làm công tác "ngụy quyền vận". Còn tôi trực trách "binh vận".

Nhờ anh Tôn Quang Phiệt, một trí thức yêu nước có uy tín, tôi móc nối với Phan Tử Lăng - chỉ huy trưởng Bảo an Trung Kỳ của Chính phủ Trần Trọng Kim. Tôi cử người vào các đồn bảo an vận động binh lính. (Một thời gian sau khi theo ta, anh Phan Tử Lăng được trọng dụng giao làm phó tư lệnh quân sự Trung Bộ). Chúng tôi cũng đặt cơ sở và "cách mạng hóa" anh em học viên Trường Thanh niên tiền tuyến. Bề ngoài là trường của chính phủ Trần Trọng Kim. Nhưng thực chất bên trong ta đã nắm hết. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của anh Phan Tử Lăng, sinh viên võ bị thanh niên tiền tuyến đã góp công đáng kể vào việc giành chính quyền tại thành phố Huế. Nhiều người ở trường này đã trở thành tướng lĩnh mà tôi vừa gặp lại trong lễ kỷ niệm 30 năm ngày mất anh Nguyễn Chí Thanh, như Phan Hàm, Phan Hạo, Đoàn Huyền, Võ Quang Hồ, Mai Xuân Tấn....

Đồng thời lúc đó, sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, nhiều sĩ quan Nhật là đảng viên Cộng sản đã tìm gặp cách mạng. Qua họ, chúng tôi nắm được tình hình quân Nhật và khuyên họ ở đâu nằm yên ở đó, không nên can thiệp bất cứ vấn đề chi. Phía triều đình Huế, do ông Phạm Khắc Hòe làm liên lạc, chúng tôi cũng đã thuyết phục vua Bảo Đại thoái vị. Nghĩa là Huế đã hội đủ điều kiện để giành lấy chính quyền, chỉ còn chờ sự chỉ đạo của Trung ương.

- Được biết, sau khi ông Tổ Hữu mang chỉ thị khởi nghĩa của Trung ương về Huế truyền đạt, ủy ban khởi nghĩa đã được thành lập mà Trung tướng là một thành viên, rồi sau đó, Trung tướng cũng được bầu vào Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Xin Trung tướng cho biết vài nét tình hình cố đô lúc đó nhất là thành phần cơ cấu chính quyền non trẻ để lãnh đạo một nơi vốn có nhiều trí thức, quan lại...

- Tôi nhớ khi vừa về, anh Tổ Hữu xé chiếc gấu áo đang mặc, lấy ra tờ chỉ thị cuộn tròn như con sâu kèn. Chúng tôi như nắng hạn gặp mưa rào. Ngay tức khắc, Ủy ban Khởi nghĩa được thành lập do Tổ Hữu làm chủ tịch với các ủy viên: tôi, anh Hoàng Anh, anh Lê Khánh Khang và một anh nữa. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, Chính phủ Trần Trọng Kim tổ chức một cuộc biểu tình lớn ăn mừng việc Nhật trao trả Nam Kỳ cho Triều đình Huế, do Bộ trưởng thanh niên Phan Anh đứng ra đề xướng và tổ chức. "Tương kế tựu kế", chúng tôi quyết định lợi dụng thời điểm này tiến hành khởi nghĩa vào lúc 12 giờ

trưa, biển hàng vạn quần chúng do chính phủ bù nhìn huy động biểu tình thành lực lượng cách mạng hùng hậu tham gia cướp chính quyền.

Trước khởi nghĩa, vấn đề nhân sự của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được bàn bạc, cân nhắc rất kỹ, chúng tôi đề cử cụ Hồ Tùng Mậu và anh Nguyễn Duy Trinh, hai người có trình độ kiến thức, tuổi tác vừa phải lại là những chính trị phạm mới được tự do. Tuy nhiên, viện cố không phải người địa phương, cả hai đều từ chối. Chúng tôi lại đề cử anh Tố Hữu. Anh liền chối: “Không được, mình là một anh học trò nghèo lại còn non choẹt thế này thì làm sao được. Làm bí thư thì được chứ làm chủ tịch thì tôi xin chịu”. Cuối cùng, chúng tôi cũng mời được anh Tôn Quang Phiệt làm chủ tịch. Là một nhà trí thức từng đứng ra thành lập Hội tân Việt Nam thân Nhật, nhưng sau đó nhận ra sai lầm, Tôn Quang Phiệt đã giải tán tổ chức này và cộng tác giúp đỡ chân thành, tích cực anh em Việt Minh chúng tôi. Ngoài Chủ tịch Tôn Quang Phiệt, Ủy ban còn có Phó chủ tịch Hoàng Anh, ủy viên Nội vụ Trần Thanh Chử, ủy viên Quốc phòng Lê Tự Đồng. Kể từ đó, tôi trở thành một quân nhân thực sự.

- Nghe nói sau Cách mạng tháng Tám, Trung tướng được giao nhiệm vụ tổ chức đưa Hoàng thân Suphanuvong từ Huế về nước...

- Vâng, chủ tịch Ủy ban nhân dân Trung Bộ bây giờ là anh Trần Hữu Dực, một hôm gọi tôi lên Trung Bộ phủ, giới thiệu: “Đây là ngài Hoàng thân Suphanuvong”. Tôi cúi đầu chào. Hoàng thân vui vẻ bắt tay tôi. “Ngài Hoàng thân phải về nước gấp. Nhờ anh tổ chức một trung đội bảo vệ và hộ tống ngài”. Nhận chỉ thị của anh Dực, tôi liền quay về bàn với anh em tổ chức ngay một đơn vị bảo vệ với trang bị vũ khí gọn nhẹ, chờ lệnh. Trước khi lên đường, Hoàng thân đã đến bắt tay cảm ơn tôi. Một thời gian sau, qua đài phát thanh, tôi được biết Hoàng thân Suphanuvong được bầu làm chủ tịch Mặt trận Pathet Lào.

- Theo cảm quan của Trung tướng, Hoàng thân là một con người thế nào?

- Cởi mở, giản dị và cũng rất chân thành, phóng khoáng. Hoàng thân là trung tâm đoàn kết của các bộ tộc Lào anh em. Tôi nhớ sau khi đi dự hội nghị tổng kết chiến dịch Điện Biên Phủ trở về, trời đang mùa mưa lũ, tôi cùng anh Lê Nam Thắng đi trên một chiếc xe Jeep đến Nho Quan - Ninh Bình thì phải xuống đẩy xe vì nước ngập gần hết bánh xe. Trên người chỉ còn độc cái quần đùi. Chợt phía sau có một chiếc “com-măng-ca” chạy tới. Đây là loại xe Gát 69 do Liên Xô viện trợ đợt đầu tiên, mà chỉ cán bộ “cỡ bự” mới được dùng. Mưa càng nặng hạt. Nước càng dâng cao. Được một đoạn, cửa chiếc xe mở toang. Từ trên xe một người to béo, cũng trần trụi như chúng tôi nhảy xuống. Té ra đó là Hoàng thân Suphanuvong! Chúng tôi ôm nhau cười và tiếp tục cùng đẩy xe... Tôi và anh Nam Thắng thầm bảo rằng “Hoàng thân cũng giản dị thật! Có lẽ thời gian sống bên Hồ Chủ tịch, ngài Hoàng thân đã tiếp thu được phong cách của Người”.

- Ngoài trường hợp Phan Tử Lăng cùng một số binh lính thân Nhật mà trên đây Trung tướng đã nói tới, còn có nhiều sĩ quan và binh lính trong quân đội Pháp đã đi theo cách mạng...

-... trong số đó có nhiều người trở thành cán bộ quân sự trung cao cấp (ông cất ngang và tiếp lời tôi. Hùng Sơn là một ví dụ. Anh tên thật là Trần Tiến Hải, nguyên sĩ quan quân đội Pháp, sau khi Nhật đảo chính, đã chạy sang Trung Quốc. Cách mạng tháng Tám thành công, anh rời hàng ngũ địch, về nhà gần thành phố Huế. Tôi được cấp trên giao nhiệm vụ trực tiếp thuyết phục, mời anh ra cộng tác. Hùng Sơn được cử làm Tham mưu trưởng Liên khu 4, sau đó làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 77 Thanh Hóa. Đầu năm 1948, mãn khóa học ở Trường Quân chính liên khu, tôi được phân công về làm chính ủy Trung đoàn 77, cùng với Hùng Sơn.

- *Thưa Trung tướng, từ Huế Trung tướng bắt đầu sự nghiệp oai hùng của mình. Vậy ngoài Huế ra, Trung tướng còn trải qua những dâu trong đời binh nghiệp?*

- Chủ yếu vẫn là Bình Trị Thiên - Huế. Khi Khu 4 được thành lập, anh Lê Thiết Hùng rời anh Nguyễn Sơn thay nhau làm khu trưởng, anh Trần Văn Quang là chính ủy, tôi được giao nhiệm vụ đặc phái viên quân sự ở Huế. Ra chiến khu Hòa Mỹ, tôi làm chính ủy Trung đoàn 101, phó chính ủy Đại đoàn 325, chính ủy Đại đoàn 316. Tập kết ra miền Bắc, tôi được cử sang Liên Xô học ở Học viện Quân chính Lenin từ năm 1956-1961. Cùng học có các anh: Đặng Vũ Hiệp, Vũ Chí Đạo... Về nước, tôi làm chính ủy Trường Sĩ quan Lục quân ở Sơn Tây cho đến cuối năm 1968 thì vượt sông Bến Hải vào chiến trường Trị Thiên. Năm 1973, sau Chiến dịch Quảng Trị, tôi nhận nhiệm vụ tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu Trị Thiên, rồi kiêm bí thư Khu ủy. Miền Nam giải phóng, tôi được điều ra Quân khu 4 làm tư lệnh kiêm chính ủy quân khu. Đến năm 1977 thì ra Hà Nội làm phó giám đốc Học viện Quân sự cấp cao cho tới khi về hưu năm 1990. Cuộc đời tôi hoặc là ở chiến trường hoặc là ở nhà trường.

- *Thời ở chiến khu, những lúc rảnh rỗi Trung tướng thường thư giãn bằng cách nào?*

- Đọc sách, chơi bóng bàn hoặc chăm sóc phong lan. Bây giờ vườn nhà tôi ở Huế, hoa phong lan cũng phong phú lắm.

- *Trong đời cầm quân, có khi nào Trung tướng gặp thất bại không?*

- Đánh nhau, thắng bại là lẽ thường. Nhất là trong buổi đầu cầm, quân ta chưa có kinh nghiệm, trình độ tác chiến, vũ khí chưa được trang bị mấy.

- *Trung tướng có thể cho biết một ví dụ cụ thể được không?*

- Mùa xuân 1950, thực hiện chủ trương của cấp trên, hai trung đoàn 95 và 101 vào hoạt động ở vùng sâu Quảng Điền. Để chỉ huy thống nhất cả hai đơn vị, Bộ chỉ huy Phân khu Bình Trị Thiên chỉ định anh Lê Bá Vận làm chỉ huy trưởng, tôi làm chính ủy. Tháng 9 năm 1950, quân ta mở Chiến dịch Biên giới. Chúng tôi được lệnh tích cực phối hợp với chiến trường chính, giữa lúc trời đang mưa lũ. Hồi ấy đường xe lửa Đà Nẵng - Huế bị đánh liên tục, còn đoạn Huế - Quảng Trị thì địch chưa bị ta chặn đánh bao giờ. Vì vậy, chúng tôi đã bất ngờ phục kích đoàn tàu quân sự của Pháp tại Như Sơn - Bến Đá và giành thắng lợi lớn: đốt các toa tàu, thu toàn bộ vũ khí, đặc biệt trong đó có khẩu ô-phô 40 ly với trên 3.000 viên đạn. Chúng tôi mừng như bắt được vàng!

Sau đó, Trung đoàn trưởng 101 được giao nhiệm vụ vừa chủ động tác chiến bảo vệ mùa màng, vừa phối hợp với chiến dịch Trung Du ở chiến trường chính. Cụ thể là “công đồn diệt viện” nhằm phá vỡ một mảng trong hệ thống đồn bót địch, đẩy mạnh phong trào kháng chiến lấn sát vào thành phố Huế. Diệt viện thì không lo, nhưng công đồn thì quá mới mẻ. Kinh nghiệm thực tế chưa có. Vũ khí mạnh duy nhất chỉ có khẩu bô-pho lấy được trong trận Như Sơn - Bến Đá. Tuy vậy chúng tôi vẫn hăm hở đi nghiên cứu thực địa, quyết định diệt đồn Phổ Lại vào đêm ba mươi Tết Nguyên đán. Lệnh cho bộ đội hành quân đến mục tiêu, bố trí xong các mũi tiến công, tôi kiểm tra lai khẩu bô-pho. Do lúc tháo gỡ trên lô cốt thép quá vội vã, khẩu súng không còn máy ngắm, giờ đành phải ngắm qua nòng. Thấy ngọn đèn le lói trong lô cốt địch, chúng tôi nghĩ chắc ăn rồi. Tôi ra lệnh phát hỏa. Khẩu bô-pho gầm lên. Một phát. Hai phát. Lô cốt vẫn sừng sững, đạn bên trong lại vãi ra như mưa. Bô-pho gầm lần thứ ba. Đạn cũng bay đâu mất! Từ trong lô cốt và các đồn bót gần đó, địch cứ nhắm vào hướng có tiếng súng bô-pho mà vãi đạn. Bộ đội lúng túng. Tôi nghĩ không xong, liền ra lệnh rút lui...

Trời không trăng, không sao. Mưa phùn lạnh thấu xương. Bụng đói. Tôi và anh Lê Văn Tri - trung đoàn phó Trung đoàn 101 cùng bước bên nhau, mặt mày buồn thiu. Anh Tri bất thần bị tụt xuống vũng lầy. Càng cựa quậy anh càng bị tụt sâu hơn. Rất nguy. Chẳng biết làm sao, tôi liền nằm sấp bám vào bờ ruộng, kéo từ từ anh lên (cười)!

- Thời đánh Mỹ, Trung tướng là một trong những chỉ huy chủ chốt của chiến trường Trị Thiên (B5), chiến trường giáp ranh hết sức ác liệt. Trong chiến dịch đường 9 - Nam Lào, lực lượng B5 giữ một vai trò quan trọng? Trung tướng còn nhớ gì về diễn biến chiến dịch này?

- Đông xuân 1970-71, theo phán đoán của ta, địch có thể hoạt động trên hai hướng. Một là, chúng tấn công đường 9, cắt đứt đường chi viện miền Nam, cô lập Trung - Hạ Lào và Campuchia. Hai là chúng sẽ đánh ra phía Nam Quân khu 4. Để khỏi bị động, chúng tôi đã lập ba phương án tác chiến khác nhau. Và ngày 30 tháng 1 năm 1971, trực thăng địch liên tục bay về hướng tây. Thế là đúng với phương án một, tức nếu địch đánh ra đường 9 nhằm cắt đôi Đông Dương ta nhất thiết phải sử dụng bộ đội chủ lực Bộ với sự phối hợp của B5. Bộ tư lệnh Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (Mặt trận 702) do anh Lê Trọng Tấn làm tư lệnh, anh Lê Quang Đạo làm chính ủy, đã tổ chức một cuộc họp. Tôi được mời tham dự. Nhiệm vụ B5 là phối hợp với hướng chính diện, tiêu diệt quân Mỹ trên đường Đông Hà - Khe Sanh và cắt đường không cho chúng rút lui. Mỹ có mười ba tiểu đoàn bộ binh và tám tiểu đoàn bộ binh cơ giới, bố trí thành ba tuyến dọc đường 9, đại bộ phận đóng ở Khe Sanh. Vì đánh sang đất Lào, nên quân Mỹ không dám vượt qua biên giới, mà chỉ đứng phía sau yểm trợ quân nguy. Lực lượng quân nguy huy động rất hùng hậu: ba sư đoàn (một sư đoàn dù, một sư đoàn thủy quân lục chiến và sư đoàn 1 bộ binh mà chúng xem là “sư anh cả”) cùng ba lữ đoàn bộ binh, sáu thiết đoàn, mười lăm tiểu đoàn pháo bộ binh, trên một ngàn máy bay các loại, trong đó có bốn mươi máy bay B.52...

- Lực lượng B5 do Trung tướng chỉ huy đã tác chiến như thế nào?

- Giữa lúc hướng chính chủ lực Bộ đánh địch ở Bản Đông, thì B5 tấn công quân Mỹ ở Sa Mưu - Tân Lâm - Khe Sanh, rồi tung đơn vị dự bị đánh ngang sườn địch khi chúng rút chạy khỏi Bản Đông. B5 đã tiêu diệt gần 2.000 tên địch, nhưng nhiệm vụ cắt đường rút lui của chúng thì không đạt. Địch dùng hình thức luồn rừng để thoát thân. Hơn nữa, chúng tôi cũng không thể làm chủ đường 9 được thường xuyên.

- *Trên phương diện toàn bộ chiến dịch thì sao?*

- Ngoài số bị diệt, ta bắt sống hàng ngàn tên, có cả Đại tá Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 369 thủy quân lục chiến. Gần sáu trăm máy bay bị bắn hạ và hỏng hóc nặng. Hơn bốn mươi tàu chiến và xà lan bị đánh chìm. Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào là thất bại nặng nề nhất của địch trong chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Đồng thời, nó cũng cho thấy sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương về dự kiến tình hình chính xác, chuẩn bị triển khai lực lượng chu đáo, kịp thời.

- *Vậy còn chiến dịch giải phóng Quảng Trị xuân hè 1972 mà quân đội Sài Gòn gọi là “mùa hè đỏ lửa”? Trung tướng đánh giá thế nào về thắng lợi cũng như tổn thất trong chiến dịch này?*

- Thắng lợi Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào đã mở ra khả năng thực tế đánh bại hoàn toàn âm mưu Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ. Nhận định lực lượng cách mạng ba nước Đông Dương ngày một lớn mạnh, diễn biến tình hình trong đó có lợi cho ta, Trung ương đề ra nhiệm vụ tập trung triển khai cuộc tấn công chiến lược năm 1972. Mục tiêu làm tiêu hao phần lớn sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới. Đối với B5 thì mục tiêu lớn nhất: nếu điều kiện cho phép, sẽ giải phóng toàn bộ Trị Thiên - Huế. Quân ủy Trung ương thành lập một Bộ tư lệnh chiến dịch đủ mạnh, do anh Lê Trọng Tấn làm tư lệnh, anh Lê Quang Đạo - chính ủy, anh Cao Văn Khánh - phó tư lệnh và tôi - phó chính ủy. Tôi cùng anh Giáp Văn Cương được phân công trực tiếp chỉ huy cánh Nam.

11 giờ 30 ngày 30 tháng 3 năm 1972 tiếng súng chiến dịch bắt đầu. Đến ngày 4 tháng 4 năm 1972, mọi đồn bót thuộc hệ thống phòng ngự từ đông sang tây mà địch xây dựng trên 20 năm đã bị đập nát. Địch thua đau, co cụm cố thủ ở Đông Hà, Ái Tử. Ngày 27 tháng 4 năm 1972, quân ta mở đợt tấn công thứ hai tiêu diệt Đông Hà, Ái Tử. Cánh Nam đánh xuống cắt đường số 1. Cánh Đông cho cơ giới vượt sông Cửa Việt đánh vào. Ngày 2 tháng 5 năm 1972, Quảng Trị giải phóng. Địch chạy sang phía Nam cầu Mỹ Chánh, phá sập cầu, cố thủ. Quân ta cũng thấm mệt, tạm dừng. Cánh Nam trở thành tiền phương của Bộ tư lệnh chiến dịch. Đợt tấn công thứ ba bắt đầu ngày 20 tháng 6 năm 1972. Lúc này địch phản công quyết liệt. Sức tấn công của ta lại không đủ mạnh. Sau sáu ngày, cuộc tấn công phải dừng lại.

- *Vì sao khoảng cách giữa đợt tấn công thứ hai với thứ ba lâu như vậy?*

- Nó có mấy vấn đề cơ bản như sau. Khó nhất là vượt sông bằng cơ giới. Khi đánh du kích thì tất cả đều trên vai chiến sĩ, giờ đánh lớn nếu không có xe chở vũ khí, lương thực thì đừng hòng đánh chác gì. Cái khó thứ hai là đường sá cho cơ giới. Đường không có thì xẻ đường bạt núi mà đi, chứ còn sông thì không thể qua được nếu không có cầu, phà. Bắc cầu phao, bị máy bay bắn hỏng. Do đó phải tìm bến

vượt, đắp ngầm cho xe sang. Năm ấy gặp lúc “tiểu mãn”, mưa như thác đổ, nước sông dâng cao lênh láng. Con đường 15N mở sau giải phóng Quảng Trị, chủ yếu dựa vào lòng khe suối, đã bị nước tràn, tắc nghẽn. Trong lúc đó, quân trang quân dụng chuẩn bị chỉ nhỏ giọt. Bộ đội đối mặt với nhiều khó khăn, vất vả. Lợi dụng thời gian, địch ra sức củng cố lực lượng để đối phó, đặc biệt chúng dùng phi pháo để ngăn chặn, gây khó khăn cho ta. Tôi nghĩ, sau khi giải phóng Quảng Trị khoảng sáu đến mười ngày mà không tiếp tục tấn công, thì thời cơ đã mất. Nếu như thấy mở đợt tấn công vào sâu chưa thể được, thì chuyển hẳn sang chiếm lĩnh địa bàn, bố trí lại lực lượng, xây dựng công sự,... tạo thế đứng vững chắc. Sau đó, mới chuẩn bị đợt tấn công mới, cũng không muộn. Nhưng tiếc là ta đã không làm thế!

- *Quân giải phóng chiếm giữ thành cổ Quảng Trị được bao lâu?*

- Tám mươi một ngày đêm. Ngày 28 tháng 6 năm 1972, địch mở cuộc phản công bằng hai sư đoàn cơ động chiến lược. Sư dù tiến ra theo phía tây đường 1. Sư đoàn thủy quân lục chiến tiến dọc phía đông. Chủ yếu chúng dùng bom, pháo đánh mạnh vào các trận địa của ta. Theo số liệu thống kê, mỗi ngày chúng dội vào đây 24 tấn bom đạn trên một cây số vuông. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt, trước khi chúng tôi rời thành cổ Quảng Trị lùi về phía bắc sông Thạch Hãn. Tuy nhiên, phần lớn đất đai được giải phóng vẫn nằm dưới sự kiểm soát của quân ta.

- *Nghe nói trong cuộc giằng co ác liệt này, Trung tướng cùng Sở chỉ huy suýt nữa bị trúng bom B.52, có đúng không, thưa Trung tướng?*

- Đúng. Có một chiếc máy bay Mỹ bị bắn rơi và viên phi công nhảy dù ngay trong khu vực sở chỉ huy chúng tôi. Máy bay địch quần đảo, lòng sục hòng cứu viên phi công bị bắt. Đặc biệt, máy bay trực thăng rà lượn khắp nơi. Lán trại chúng tôi ẩn dưới các lùm cây tung bay như gặp bão. Bị lộ, chúng tôi tức tốc di chuyển nơi khác. Đi ban chiều thì B52 dội bom ngay tối hôm đó. Tôi không bao giờ tin vào sự may rủi, nhưng điều ngẫu nhiên này làm tôi phải suy nghĩ. Rõ ràng, nếu nán nà vài tiếng đồng hồ nữa thôi thì cả sở chỉ huy đã bị bom B52 cày nát. Chúng tôi bảo nhau: “Thế nào Mỹ cũng khoe khoang rùm beng vừa phá nát một sở chỉ huy Việt Cộng”.

- *Năm 1973, chủ tịch Fidel Castro vào thăm vùng giải phóng Quảng Trị, Trung tướng có tiếp xúc với Fidel ?*

- Có. Lúc đó, cơ quan chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đóng tại Quảng Trị. Ủy ban Quốc tế giám sát bốn bên và các đoàn ngoại giao cũng đến đây. Chủ tịch Fidel dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và nhà nước Cuba đến thăm Quảng Trị đầu tiên. Chúng tôi ra đón tại Vĩnh Linh. Tôi nhớ mãi hình ảnh Fidel đạp chân lên khẩu đại bác 175 ly nằm bên vệ đường, cười nói với tôi: "Vua chiến trường" mà còn bị các đồng chí bắt sống, thì địch còn biết lấy vua gì nữa để chống đỡ các đòn tấn công sắp tới !" Anh Trần Nam Trung đại diện chính phủ Cách mạng lâm thời tặng Chủ tịch Fidel một chiếc xe tăng M48. Tôi đại diện Quân khu Trị Thiên tặng một khẩu 106,7 ly. Sau đoàn Cuba

là đoàn Đảng Cộng sản Pháp do Tổng bí thư Marse dẫn đầu đã đến thăm Quảng Trị giải phóng.

- *Thưa Trung tướng, lần đầu Trung tướng được gặp Hồ Chủ tịch vào lúc nào? Ấn tượng nào của Người đã để lại trong lòng Trung tướng?*

- Năm 1948, sau một thời gian làm chính ủy Trung đoàn 77, tôi được cử tham gia Đoàn đại biểu Quân sự Liên khu 4 do Chính ủy Trần Văn Quang làm trưởng đoàn, ra Việt Bắc dự hội nghị rèn cán chỉnh quân. Một tối nọ, đoàn Liên khu 4 được đưa đi gặp Hồ Chủ tịch. Trước đó khi nghe được tin, chúng tôi hồi hộp lắm, sung sướng lắm, đứng ngồi không yên ! Lần theo một con đường rừng, chúng tôi đến một cái vườn rộng, thấy một ngôi nhà sàn có ánh đèn. Bác ngồi đợi sẵn. Đập vào mắt tôi trước tiên là hình ảnh một cụ già quắc thước, mắt long lanh, trán cao, chòm râu dài thưa thưa; trong bộ quần áo nâu giản dị, không cài cúc, để lộ chiếc may ô cũ đã ngả sang màu vàng đục. Bác vui vẻ bắt tay từng người, rồi bảo: "Còn chú nào chưa bắt tay thì đến, kéo bác quên !". Giọng nói của Bác không trầm, không thanh mà vang xa, nghe rất ấm. Đề cập đến việc Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào nước ta, cuối buổi gặp gỡ Bác nói: "Một thằng Mỹ chứ mười thằng Mỹ cũng đánh. Phải đánh và phải thắng"... Rồi Bác quay sang Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Ngày mai lên hội trường chú phải giải thích việc này cho mọi người rõ, kéo có người còn lơ mơ”. Gần bốn mươi năm qua, những lời đánh thép ấy của Bác vẫn luôn vang vọng bên tai tôi. Nhất là mỗi lần xung trận, hình ảnh và lời dặn của Bác như một niềm thôi thúc tiến lên mạnh mẽ!

- *Với kinh nghiệm ba mươi năm dày dạn trên chiến trường, theo Trung tướng, điều cốt yếu của tướng cầm quân khi ra trận là gì?*

- Điều cốt yếu của tướng cầm quân là trận đầu phải thắng. Đó là tiền đề để nâng cao tinh thần chiến sĩ, sớm hoàn thành những nhiệm vụ tiếp theo. Tôi lấy ví dụ, trong Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975, với trận đầu Buôn Mê Thuật thắng lợi, dẫn đến giải phóng "nóc nhà" Tây nguyên, tạo bàn đạp thuận lợi cho toàn chiến trường miền Nam. Quân địch suy sụp nhanh chóng. Quân ta càng đánh càng mạnh.

- *Đại tướng Văn Tiến Dũng từng nói rằng việc giải phóng thành phố Huế và toàn bộ Trị Thiên đã “giáng một đòn nặng vào âm mưu co cụm chiến lược của địch”. Là vị chỉ huy trực tiếp giành thắng lợi này, xin Trung tướng cho biết rõ hơn?*

- Tiến trình gồm hai giai đoạn. Thứ nhất là khi mặt trận Tân Nguyên mở màn thì Trị Thiên cũng bắt đầu nổ súng phối hợp cả ở vùng giáp ranh lẫn đồng bằng. Chúng tôi mượn đường của dân sự để bí mật chuyển quân từ trên núi xuống. Và 11 phân chi khu của địch bị diệt gọn trong số 30 phân chi khu bị tiến công. Giai đoạn 2 bắt đầu từ ngày 18 tháng 3 năm 1975. Ta phán đoán địch sẽ đưa Sư đoàn 1 từ Huế vào Đà Nẵng tổ chức phòng thủ từ đèo Hải Vân trở vào. Lúc này, Quân đoàn 2 do anh Nguyễn Hữu An làm tư lệnh, anh Hoàng Đan làm phó tư lệnh, anh Lê Linh làm chính ủy và anh Giáp Văn Cương - phó tổng tham mưu trưởng được Quân ủy Trung ương biệt phái vào trợ giúp quân đoàn, đã phối hợp với

Quân khu Trị Thiên. Tôi bàn và thống nhất với anh Nguyễn Hữu An là phải táo bạo thọc qua tuyến phòng thủ bên ngoài của địch, áp sát Huế, cắt đứt đường số 1, tiêu diệt Sư đoàn 1 bộ binh để chúng không kéo được về Đà Nẵng thực hiện ý đồ co cụm phòng thủ chiến lược.

Trên Đài phát thanh Huế, tướng ngự Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân khu 1, không ngừng lớn tiếng tuyên bố: “Tôi sẽ chết trên đường phố Huế. Việt Cộng phải bước qua xác tôi mới vô được cố đô này”. Ngày 19 tháng 3 tỉnh Quảng Trị được giải phóng. Ngày 22 tháng 3, chúng tôi chia cắt chiến tranh tại phía nam Huế, các cánh quân của ta từ ba hướng bắc, tây và nam bao vây Huế. Sư đoàn 1 bộ binh và Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến ngự bị đánh tan tã. Đường số 1 bị đứt ở Mũi Né - Bái Sơn. Quân địch thực sự bắt đầu hỗn loạn. Nhiều vị trí không đánh đã bỏ chạy. Anh Nguyễn Hữu An gọi điện cho tôi trao đổi rằng, sẽ có bộ đội chia làm hai cánh tấn công Huế và cửa Thuận An, bao vây không cho địch thoát chạy bằng đường biển và lừa chúng vào giữa vòng vây của ta mà tiêu diệt. Anh còn đề nghị tôi cho lực lượng xuống từ phía tây Huế để hợp vây giải phóng Huế. Ý định của anh hoàn toàn ăn khớp với tôi!

Địch bị cắt đường số 1 chỉ còn lối thoát duy nhất là rút chạy bằng cửa biển Thuận An và Tư Hiền. Chúng tôi nắm rõ ý đồ đó, liền cho pháo tầm xa bắn ra biển, không chế tàu địch vào đón đoàn quân rút chạy. Đặc công thả mìn phong tỏa cửa biển. Bọn ngự chỉ còn cách quay lưng cố đập lên nhau thoát thân mà thôi. Đúng 10 giờ 20 ngày 25 tháng 3, cờ quân giải phóng được kéo lên trước Ngọ Môn. Huế hoàn toàn thuộc về ta. Sư đoàn 1 bộ binh ngự từng được ca ngợi là sư đoàn thiện chiến bị nhanh chóng tan rã. Huế giải phóng, tướng ngự Ngô Quang Trưởng chuồn thẳng vào Sài Gòn giả bệnh vào quân y viện. Tinh thần quân địch hoang mang cực độ. Mấy ngày sau thì Đà Nẵng cũng thuộc về ta. Nghĩa là chỉ trong một thời gian ngắn, hai thành phố chiến lược quan trọng đã được quân ta đánh chiếm một cách thần tốc, táo bạo, bất ngờ.

- Trung tướng có cảm xúc gì khi đặt chân lên thành phố Huế?

- Như một giấc mơ. Một giấc mơ ba mươi năm trời đằng đẵng, mà trong tâm trí tôi lúc nào cũng nghĩ về quê hương, về Huế thân yêu! Khoảng 9 giờ đêm 26 tháng 3 năm 1975, sau khi chia tay với Bộ tư lệnh Quân đoàn 2, xe chúng tôi chạy về Huế. Cảnh vật hai bên đường đã bình yên trở lại. Nhân dân đã yên giấc ngủ. Xe tới cầu An Cựu, tôi thật vui mừng khi thấy đèn điện vẫn sáng. Chúng tôi đi thẳng vào đồn Bảo an ngự vốn là trụ sở tình báo quân sự do anh Cao Pha phụ trách hồi Cách mạng tháng Tám, nay tạm thời là trạm hậu cần Quân khu Trị Thiên.

Suốt đêm tôi không tài nào ngủ được. Mở cửa sổ nhìn dòng sông Hương êm đềm, dịu dàng trôi lòng tôi miên man nghĩ về đồng đội ai còn ai mất, về công việc ngày mai, về các đoàn quân đang thẳng tiến vào Sài Gòn mà Trị Thiên - Huế trở thành hậu phương trực tiếp trên toàn miền Nam. Ngồi giữa cố đô Huế, tôi cứ ngỡ mình đang mơ. Một giấc mơ đánh đổi bằng biết bao gian khổ, hy sinh. Không chỉ những người con của Huế mà hàng triệu đồng bào Quảng Bình, nhất là Vĩnh Linh cùng chia sẻ. Không

chỉ có nhân dân miền Nam mà hàng chục triệu đồng bào miền Bắc cùng chịu đựng, mất mát, hy sinh. Đường như không có gia đình nào ở miền Bắc không có con em vào Nam chiến đấu, cùng chia sẻ gian khổ, hy sinh để có ngày đại thắng của toàn dân tộc.

- *Có thể nói bom mìn là một hậu quả kinh hoàng mà chiến tranh để lại. Mãi thời gian gần đây vẫn còn những vụ sát thương vô tình do bom, mìn gây ra. Sau giải phóng, Huế đã tiến hành giải quyết số bom mìn còn sót hay do đối phương cài lại như thế nào?*

- Chúng tôi phát động cả một chiến dịch phá bom mìn, hy động dân quân du kích, bộ đội địa phương, kể cả bộ đội chủ lực cùng tham gia. Hai tháng đầu, đã thu gọn trên ba triệu quả bom, mìn. Dù vậy vẫn chưa thể rà hết. Nhất là vùng giáp ranh, nơi tranh chấp quyết liệt của hai bên từ khi có Hiệp định Paris cho tới ngày giải phóng.

- *Thưa Trung tướng, trong đời binh nghiệp của mình, ai là đồng đội thân thiết của Trung tướng?*

- Bạn chiến đấu làm sao kể hết. Tôi còn giữ nhiều kỷ niệm với anh Nguyễn Sơn, anh Lê Văn Tri ở Liên khu 4, rồi cả với anh Cao Văn Khánh khi trở trường lục quân và B5 (tức chiến trường đường 9 - Bắc Quảng Trị).

- *Về tướng Nguyễn Sơn, trung tướng còn giữ được kỷ niệm gì...*

- Nguyễn Sơn thì tôi biết anh từ khi anh làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Nam, nhiều lần công tác qua Huế. Nguyễn Sơn là con người ngay thẳng, tài ba. Anh vốn được xem là một trong bảy mươi hai vị đại công thần được nhân dân Trung Quốc trọng vọng, dưới cái tên Hồng Thủy. Khi anh làm Tư lệnh khu 4, tôi ra học quân sự, gặp anh rất vui vẻ, cởi mở. Nguyễn Sơn hay bảo: “Này Đồng, tao có cái gì không đúng không?”. Con người tự nhiên, trực tính như thế! Tôi nói: “Tôi thì tôi chịu anh đấy!”. Anh nhìn tôi: “Ồ, cái thằng này!”. Đại hội tập toàn quân ở Khu 4 là một sáng tạo của tướng Nguyễn Sơn lúc đó. Tôi nhớ, anh luôn chạy nhanh, khỏe hơn cả trước hàng quân đang luyện tập. Thật khó có anh lính dưới quyền nào đánh được sự khỏe khấn, nhanh nhẹn của anh. Đại hội tập là dịp để nâng cao trình độ huấn luyện, trao đổi kinh nghiệm và gắn liền giữa huấn luyện của Thanh Nghệ Tĩnh với cuộc chiến đấu đang diễn ra ở Bình Trị Thiên.

- *Thời gian ở Trường kỹ nghệ thực hành Huế, Trung tướng có quan hệ với tướng Trần Văn Trà?*

- À, anh Trà học trước tôi rồi ở lại dạy, từng làm thầy. Chúng tôi thường xuyên liên lạc với nhau. Anh Trà là một trong hai người xuất thân từ Trường kỹ nghệ thực hành Huế mà tôi phục. Về sau, chiến đấu khác chiến trường, chúng tôi ít có cơ hội gặp nhau. Chỉ thời gian ra Bắc, tôi có cùng anh sang Liên Xô đàm phán, nhờ bạn viện trợ xây dựng học viện quân chính năm 1956.

- *Thưa Trung tướng, hết ở chiến trường lại về học viện quân sự, suốt đời gắn bó với binh nghiệp, bây giờ nhìn lại, có khi nào Trung tướng chợt luyến tiếc cho hạnh phúc tuổi thanh xuân của mình không?*

- Hạnh phúc tuổi thanh xuân của tôi là được đứng vào hàng ngũ cách mạng, góp sức mình vào sự

nghiệp giải phóng quê hương, đất nước. Tôi ít nghĩ đến hạnh phúc riêng tư cho mình. Tôi may mắn có được người vợ chung thủy, đảm việc nhà, nuôi dạy chu đáo con cái để tôi yên tâm trường kỳ đi đánh giặc.

- Trung tướng còn nhớ kỷ niệm lần đầu tiên gặp bà nhà thời trai trẻ?

- Nhớ chứ! Chúng tôi quen biết và thương yêu nhau trên chiến trường thời đánh Pháp. Lúc mặt trận Huế vỡ, trên đường rút về chiến khu Hòa Mỹ, tôi hơi buồn. Tình cờ, tôi gặp một cô chủ tịch xã, tên Nguyễn Thị Kim Khánh, nguyên là nữ sinh trường Đồng Khánh. Trong tâm trạng ngồn ngàng ấy, gặp được một người khác giới, đoan trang, nghị lực, biết cách chia sẻ, động viên, tôi dần phải lòng, nhưng cũng chưa dám nghĩ đến chuyện riêng tư. Mãi tới khi tôi ra Liên khu 4 học quân sự, cô ấy cũng ra học, chúng tôi mới ngỏ lời nói chuyện tương lai và tiến tới thành hôn với nhau. Lễ cưới tổ chức đơn sơ ở Hậu Hiền, Thanh Hóa. Anh Nguyễn Sơn - tư lệnh, anh Nguyễn Chí Thanh - bí thư Liên khu ủy, chị Lê Thị Quế,... đã đến dự và anh Nguyễn Sơn đứng ra làm chủ hôn.

- Trong kháng chiến bà nhà ở đâu?

- Vào chiến khu, làm công tác phụ nữ, rồi cũng vào bộ đội. Miền Bắc giải phóng, nhà tôi ra học văn hóa ở Hà Nội và tiếp tục vừa công tác vừa nuôi dạy con cái. Chứ còn tôi luôn đi xa, có ở nhà được mấy.

- Những lúc rỗi rãi trên chiến trường, có khi nào vì quá nhớ vợ mà Trung tướng mong sớm có dịp hội ngộ cùng gia đình?

- Vợ con ai mà không nhớ! Nhưng vì nhiệm vụ lớn trước mắt, giữa bao nhiêu mất mát hy sinh của anh em chiến sĩ, tôi lòng nào nghĩ đến chuyện riêng mình. Trong chiến tranh, việc phải xa vợ con năm mười năm biệt đối với người lính chúng tôi là chuyện thường tình. Năm 1948, sau kế hoạch dự Hội nghị rèn cán chỉnh quân tại Việt Bắc, tôi được cử ở lại học một khóa quân sự tại Thái Nguyên, sau dời lên Tam Đảo, do anh Trần Tử Bình và Lê Thiết Hùng phụ trách, rồi về ngay Khu 4 nhận nhiệm vụ. Tôi vượt sông Hồng, qua Hà Đông, vào Thanh Hóa. Đây là con đường nhanh nhất, thuộc đường dây biệt động Hà Nội. Tôi được anh Nguyễn Sơn phân công về Trung đoàn 101. Anh bảo: “Cậu Đồng về Thừa Thiên phải cố gắng lên. Trong ấy đang gặp nhiều khó khăn đấy”. Như hiểu rõ tâm trạng của tôi, anh bảo thêm: “Cứ yên tâm mà đi. Còn cô Khánh thì phải sinh nở xong đã, sẽ tính sau”. Gần hai năm trời ở Việt Bắc, tôi ao ước trở lại chiến trường xưa. Giờ đã toại nguyện. Nhưng tôi không khỏi xao xuyến khi xa vợ trong lúc vợ đang bụng mang dạ chửa, ở nhờ nhà đồng bào cơ sở, không ai chăm sóc lúc sinh nở. Tuy nhiên, vợ tôi đã động viên tôi tranh thủ vào chiến trường sớm!

- Trước khi gặp bà nhà, có thiếu nữ nào ở Huế làm Trung tướng phải lòng không?

- (Cười hồn nhiên) Tất nhiên là có rồi. Nhưng chuyện xa xưa nhắc làm chi. Anh em chúng tôi thời ở tù có một cô bạn gái rất thân, tôi muốn nói là bạn thôi nhé! Đó là Đào Thị Đính, em ruột học giả Đào Duy Anh. Sau này chị ấy có chồng, anh em chúng tôi gặp nhau hay đùa: “Sao con Đính hồi ấy nó không

lấy mình nhĩ!...”.

- Theo cách nhìn chủ quan của Trung tướng, phụ nữ Huế có điểm gì đặc biệt so với...

- Cái này khó nói quá (cười). Mỗi nơi có mỗi cái nết. Nhưng theo tôi ở Huế, chung thủy là đức tính truyền thống. Thứ hai là đảm việc nhà, nuôi con thương chồng, quý trọng bố mẹ. Ôi châu cha làm dâu ở Huế không đơn giản đâu anh ạ! Khó lắm. Không giống như làm dâu ở Hà Nội, Sài Gòn đâu. Cái may của bà nhà tôi là khỏi làm dâu, vì bố mẹ tôi bị mất sớm. Nói vậy, chứ bây giờ (ông hạ thấp giọng) bao nhiêu công việc mớ mả giỗ chạp bà ấy lo cả, tôi có lo được gì đâu. Bốn đứa con chúng tôi thì đều sống ở Hà Nội.

- Vì sao về hưu Trung tướng không ở lại Hà Nội với con cháu mà quay trở về Huế, thừa Trung tướng?

- Hoàn thành nhiệm vụ rồi thì trở về quê hương chứ ở Hà Nội làm chi! Tôi và nhà tôi muốn về Huế sống phần đời còn lại, giữa tình cảm bà con quê hương, tình đồng đội năm xưa. Tôi lại được anh em tín nhiệm đề cử làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thừa Thiên -Huế. Thấy tôi về Huế, bắt đầu dựng nhà để ở, anh em cựu chiến binh tức cười. Cả đời tôi có nhà cửa gì riêng cho mình đâu! Tôi mới làm bài thơ đùa vui, trong đó có hai câu rằng:

Bảy mươi xuân mới làm nhà

Nặng tình non nước hỏi già chẳng ai?

*

Câu chuyện đến đây thì trận đấu quyền Anh được truyền trực tiếp giữa Mike Tyson và Evander Holyfield chuẩn bị bắt đầu. Lão tướng dạn dày trận mạc dán mắt vào truyền hình, hồi hộp thấp thỏm chẳng kém chúng tôi. Ông cười bảo: “Hồi trẻ tôi mê chơi quyền Anh lắm (Ông đưa nắm tay lên). Một tay đâm có hạng đây. Cả bóng đá nữa. Cũng nhờ chơi thể dục thể thao thường xuyên mà tôi mới giữ được sức khỏe tốt. Mắt không mờ. Tai không kém...”.

Tân Bình, tháng 7 năm 1997

07 - Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

Có những người chúng ta chưa từng gặp bao giờ nhưng hình ảnh, sự nghiệp, nhân cách của họ luôn

sống động trong tiềm thức, quen thuộc đến mức ngỡ như người thân. Đối với tôi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những hình ảnh ấy. Là một tài năng quân sự lỗi lạc tên tuổi vang lừng thế giới, một Đại tướng Tổng Tư lệnh được tôn vinh như anh cả của Quân đội Nhân dân Việt Nam, một nhà văn hóa, khoa học uyên thâm, và hơn hết ông là biểu tượng của một nhân cách sống! Trong hồi ký của Thống tướng Westmoreland, nguyên tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ trên chiến trường Đông Dương, khi đề cập đến Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ông ta nói rằng: *Mọi đức tính tạo thành một thống soái quân sự lớn, như sự quyết đoán, sức mạnh tinh thần, khả năng tập trung suy nghĩ và hành động, trí thông minh, tất cả đều có ở tướng Giáp - một vị thống soái vĩ đại!* Còn tướng Marcel Bigeard thuộc Học viện Quân sự quốc phòng Pháp, nguyên thiếu tá tham chiến mặt trận Điện Biên Phủ, cũng thán phục: *Ông Giáp đã chỉ huy quân đội Việt Nam chiến đấu giành thắng lợi trong một thời gian đặc biệt lâu dài, trong suốt ba mươi năm, một kỳ tích chưa từng thấy!* Vâng, không chỉ hôm nay mà muôn đời sau, tôi tin rằng cuộc đời và sự nghiệp đầy huyền thoại của Đại tướng Võ Nguyên Giáp mãi mãi là tấm gương là niềm tự hào của mỗi người Việt Nam!

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà cách mạng trẻ tuổi xuất thân từ nhà giáo Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp thành lập và chỉ huy Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với lực lượng ban đầu chỉ gồm ba mươi một người và một ít vũ khí: một khẩu tiểu liên, hai súng lục, mười bốn hoả mai, mười bảy súng trường. Chín năm sau, đội quân ấy đã lớn thành sáu sư đoàn bộ binh chiến lược, làm chấn động địa cầu khi buộc quân Pháp phải đầu hàng tại mặt trận Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954, dẫn đến việc ký kết Hiệp định Genève, một nửa đất nước được giải phóng. Rồi hai mươi năm tiếp theo, những sư đoàn bộ binh đã phát triển thành một đội quân hùng mạnh gồm đủ các quân binh chủng, đánh bại hoàn toàn quân viễn chinh Mỹ xâm lược, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975 với sự đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Đúng là một kỳ tích “chưa từng thấy”! Trong đó, phần đóng góp của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp rất to lớn. Tôi nhớ trong một buổi trò chuyện, khi đề cập đến vấn đề cá nhân trong lịch sử, Thiếu tướng - Viện sĩ Trần Đại Nghĩa có nói rằng: “Tất nhiên, tập thể quyết định sự thành bại của lịch sử. Nhưng cá nhân đóng vai trò hết sức quan trọng. Trận Điện Biên Phủ chẳng hạn, nếu như không có vai trò của anh Võ Nguyên Giáp thì tôi tin cục diện sẽ khác đi và chiến thắng không lừng lẫy như thế”. Vai trò ấy biểu hiện cụ thể ra sao?

Ngược dòng lịch sử, chúng ta biết rằng đầu năm 1953, tướng Navarre lập ở Tây Bắc một tập đoàn cứ điểm mạnh với mười hai tiểu đoàn tinh nhuệ, mà theo lời nhà báo Robert Guilain thì “ngay cả trong Chiến tranh thế giới thứ hai vừa qua, quân đội Pháp cũng chưa bao giờ dựng lên một hệ thống phòng ngự dã chiến lớn mạnh như ở Điện Biên Phủ”. Các nhà quân sự Pháp, Mỹ, Anh đến tận nơi thị sát và cũng cho rằng Điện Biên Phủ là pháo đài bất khả xâm phạm!

Bộ chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ được thành lập do Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm chỉ huy trưởng. Lực lượng gồm hai mươi bảy tiểu đoàn. Khí thế bộ đội rất cao. Mọi sự chuẩn bị tốt nhất cho trận đánh đã sẵn sàng. Ngày nổ súng được qui định là 25 tháng 1 năm 1954. Nhưng sau đó, do địch nghe trộm vô tuyến điện phát hiện được nên thời gian nổ súng hoãn lại hai mươi bốn tiếng.

Trước lúc lên đường ra mặt trận, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến chào Hồ Chủ tịch. Khi nghe Đại tướng đề cập đến sự trắc trở thông tin do mặt trận xa, sẽ khó thường xuyên xin được ý kiến của lãnh tụ tối cao và Thường vụ Trung ương Đảng, Hồ Chủ tịch đã tin tưởng ủy thác: “Tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền quyết định”, rồi căn dặn: “Trận này quan trọng. Chắc thắng mới đánh”.

Suốt đêm 25 tháng 1, ở Sở chỉ huy chiến dịch, Đại tướng Võ Nguyên Giáp không sao chợp mắt được. Nhớ đến lời căn dặn mà cũng chính là mệnh lệnh bất di bất dịch của Hồ Chủ tịch, vị chỉ huy trưởng như nằm trên đồng lửa khi chưa tìm thấy yếu tố chắc thắng cho trận đánh. Mệnh lệnh nổ súng đã được phát đi, khó hoãn lại, vì ảnh hưởng đến tinh thần bộ đội. Vốn liếng của tám năm kháng chiến, tựu trung là các đại đoàn chủ lực, đều được huy động cho trận quyết chiến này. Nếu thất bại thì... thật khó lường. Đánh hay hoãn?

Mờ sáng hôm sau, Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh triệu tập cuộc họp Đảng ủy Mặt trận. Ông quyết định hoãn cuộc tấn công, chuẩn bị lại theo phương châm “đánh chắc tiến chắc”. Quyết định khó khăn này được sự tán đồng của trưởng đoàn cố vấn quân sự nước bạn. Dù ai nấy ngạc nhiên đến sững sờ, nhưng sau hai cuộc họp, trước những ý kiến thuyết phục của Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp, cuối cùng Bộ chỉ huy chiến dịch cũng đã nhất trí hoãn cuộc tấn công. Các đơn vị bộ đội được lệnh kéo pháo ra, trở về vị trí tập kết, nhận nhiệm vụ mới lên đường hành quân chiến đấu. Sau đó, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận được thư của Tổng bí thư Trường Chinh cho biết, Hồ Chủ tịch và Thường vụ Trung ương Đảng nhất trí rằng quyết định thay đổi phương châm chiến dịch là hoàn toàn đúng đắn và, sẽ động viên toàn dân dốc sức chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

Sau khi hoàn thành trận địa bao vây và tiến công, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp ấn định ngày nổ súng là 13 tháng 3 năm 1954. Đúng giờ hẹn, mệnh lệnh được phát ra, cả tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ nhanh chóng biến thành chảo lửa. Sau năm mươi lăm ngày đêm anh dũng chiến đấu, dưới sự chỉ huy tài tình của Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp và Bộ chỉ huy chiến dịch, quân dân ta đã làm nên chiến thắng vĩ đại, gây chấn động thế giới. Hơn mười sáu ngàn quân viễn chinh Pháp bị tiêu diệt và bắt sống. Tướng Chỉ huy trưởng De Castrie phất cờ trắng đầu hàng. Chiến thắng Điện Biên Phủ mở ra một trang mới cho lịch sử dân tộc và cả nhân loại.

*

Nói theo người xưa, Võ Nguyên Giáp thuộc hàng "Nhân tướng" quý hiếm, vốn xuất thân từ một

"Nho tướng". Thường được gọi bằng tên thân mật là Văn, ông sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911 tại làng An Xá, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình trong một gia đình trung nông. Bố là nhà Nho có uy tín, dạy học trong vùng. Mẹ là cháu ngoại một lãnh binh Cần Vương. Bà thuộc mẫu người phụ nữ hiền lành, đảm đang, hết lòng vì chồng con, nhưng cũng có những ý tưởng mới lạ so với thời bấy giờ, như việc chọn vợ gả chồng cho con cái.

Thuộc hàng trung nông, được chia hai mẫu ruộng công, nhưng gia đình họ Võ sống trong cảnh năm đói năm thiếu, thường phải đi vay thêm ở các nhà bá hộ giàu có. Những lúc mang thóc đi trả cho chủ nợ, Võ Nguyên Giáp phải ngồi giữ thóc trên thuyền đợi mẹ. Khi người nhà chủ nợ ra kiểm tra, họ thường gạt bỏ một phần ba vì cho rằng thóc lép, chỉ chịu nhận phần thóc thật khô thật chắc. Sự bất công ấy như một nỗi đau hằn sâu ký ức tuổi thơ ông.

Võ Nguyên Giáp may mắn được nuôi dưỡng trong không khí những cốt truyện cổ đầy tính nhân văn của dân tộc mà bố thường đọc cho nghe như *Phạm Công - Cúc Hoa*, *Thạch Sanh - Lý Thông*, đặc biệt là bài về yêu nước *Thất thủ kinh đô*. Đồng thời, ông còn được tắm mình trong những giai thoại hào hùng về phong trào Cần Vương, về ông ngoại cùng nghĩa binh đánh Tây, hoặc chuyện chạy vào rừng trốn giặc,... do mẹ kể. Khi lên năm tuổi, Võ Nguyên Giáp được bố cho học chữ Nho, sách *Ấu học tân thư* in thời Duy Tân với nội dung hướng về cội nguồn dân tộc: "*Ngô tổ Hồng Bàng thị - Triệu thủy Kinh Dương Vương* , "*Chi Lăng tẩu Tống binh - Bạch Đằng phá Nguyên sư*". Tinh thần yêu nước thương dân của ông được nhen nhóm từ đó.

Năm 1925, mười bốn tuổi, Võ Nguyên Giáp thi vào học Trường Quốc học Huế, bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng từ phong trào đòi ân xá chí sĩ Phan Bội Châu và lễ truy điệu chí sĩ Phan Chu Trinh. Ông cùng những bạn học thân thiết như Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Hải Triều lập câu lạc bộ thơ văn yêu nước, vận động học sinh hàng tuần đến Bến Ngự nghe cụ Phan nói chuyện; rồi tìm đọc, chuyền tay nhau các sách báo bí mật như *Le Paria*, *Việt Nam hôn*, *Bản án chế độ thực dân Pháp*,... cùng ảnh lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài gửi về. Và tại nhà cụ Võ Liêm Sơn, một nhà giáo yêu nước bị bãi chức khỏi Trường Quốc học, lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp được đọc tác phẩm *Chủ nghĩa Mác* bằng tiếng Pháp.

Một thời gian sau, Võ Nguyên Giáp ra Hà Nội dạy học tại Trường Tư thực Thăng Long, tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông mở lớp huấn luyện cho đoàn viên Thanh niên Dân chủ, viết báo Đảng và trở thành chủ tịch Hội nghị Báo chí Bắc Kỳ thời Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Giữa năm 1940, Hoàng Văn Thụ thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng viết thư giới thiệu hai cán bộ trí thức Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Và cuộc gặp gỡ lịch sử ấy đã diễn ra ở công viên Thúi Hồ nổi tiếng của thành phố Côn Minh. Trong hồi ký *Từ nhân dân mà ra*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho biết: "Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắn trước khi ra đi là sang đây sẽ gặp đồng chí Vương, tôi cứ tin rằng đồng chí Vương là lãnh tụ Nguyễn

Ái Quốc. Sang đầu tháng sáu, một hôm anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thúi Hồ. Dọc đường anh nói: Đồng chí Vương đã đến và hẹn gặp chúng ta.

Đến Thúi Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gầy gò, có đôi mắt sáng, mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt. Tôi nhận ra ngay đúng là đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà tôi đã thấy trong ảnh ngày trước. Nếu so với ảnh thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều.

Tháng 5 năm 1941 tại rừng Pác Bó thuộc huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 khóa 1 dưới sự chủ trì của lãnh tụ Hồ Chí Minh, đã quyết định thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh hội, gọi tắt là Việt Minh. Võ Nguyên Giáp được cử phụ trách ủy ban Quân sự Tổng bộ Việt Minh, xây dựng các lực lượng vũ trang chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, cũng tại khu rừng Pác Bó, Võ Nguyên Giáp đã đứng ra tổ chức thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của ông, ngay khi vừa xuất phát sau hai ngày làm lễ thành lập, đội quân non trẻ đã đánh thắng hai trận đầu tiên ở Phay Khắt và Nà Ngần thuộc Cao Bằng.

Giữa tháng 8 năm 1945, Quốc dân đại hội họp ở Tân Trào (thuộc châu Tự Do, tỉnh Tuyên Quang) đã bầu ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam gồm mười lăm thành viên do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trần Huy Liệu làm phó chủ tịch. Thay mặt Ủy ban Quân sự của ủy ban Dân tộc Giải phóng, Võ Nguyên Giáp đã ký mệnh lệnh tổng khởi nghĩa. Ngay chiều 16 tháng 8 bế mạc đại hội, dưới bóng đa cổ thụ Tân Trào một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy đã làm lễ xuất quân tiến về thị xã Thái Nguyên. "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập" - lời Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc lâm bệnh nặng đã dặn riêng Võ Nguyên Giáp ở lán Nà Lừa trước Quốc dân đại hội, vừa là tình cảm thiêng liêng vừa là mệnh lệnh thôi thúc vị tổng chỉ huy quân đội trên đường hành quân tiến về giải phóng Hà Nội.

Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám thành công. Tại Hà Nội, ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt tại lễ tuyên bố độc lập ngày 02 tháng 9 năm 1945. Võ Nguyên Giáp giữ chức bộ trưởng Bộ Nội vụ kiêm thứ trưởng Bộ Quốc phòng, lo ổn định an ninh trật tự, bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng non trẻ.

Quân Pháp núp bóng quân Anh nổ súng tái xâm lược nước ta. Chúng âm mưu tiến về miền Trung và đánh chiếm Tây Nguyên. Bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp được Chính phủ cử dẫn đầu phái đoàn lên thị sát Đà Lạt và cả Tây Nguyên - Nam Trung Bộ. Sau thành công cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trên cả nước, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I khai mạc vào ngày 02 tháng 3 năm 1946 đã thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Võ Nguyên Giáp được cử làm chủ tịch Kháng chiến Ủy viên hội trực thuộc Chính phủ. Ngày 19 tháng 4 năm 1946, từ Hà Nội ông trở lên Đà Lạt với

tư cách trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng phái đoàn Cộng hòa Pháp họp hội nghị trù bị, chuẩn bị cho việc kí kết một hiệp ước chính thức ở Paris.

Vì thực dân Pháp bám lấy đã tằm cướp nước ta một lần nữa, nên Hội nghị trù bị Đà Lạt không đạt được thỏa thuận nào, sau đó Hội nghị Fontainebleau bên Pháp cũng bị thất bại. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn ngoại giao ta do Bộ trưởng Phạm Văn Đồng dẫn đầu rời Pháp về nước chuẩn bị cho cuộc đấu tranh bằng quân sự.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Võ Nguyên Giáp tổ chức chỉ huy bộ đội vừa đánh trả vừa bảo vệ Hồ Chủ tịch và Chính phủ tạm thời rút lui lên chiến khu Việt Bắc để củng cố và xây dựng lực lượng trường kỳ kháng chiến. Ông được cử làm tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân tự vệ.

Ngày 02 tháng 01 năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho Võ Nguyên Giáp. Cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn ký các sắc lệnh phong quân hàm Trung tướng cho Tư lệnh Nam Bộ Nguyễn Bình và quân hàm Thiếu tướng cho tám vị chỉ huy quân đội khác. Một giờ chiều 28 tháng 5 năm 1948, lễ phong quân hàm cấp tướng đầu tiên được tổ chức trang trọng tại một hội trường dựng dưới tán cây rừng bên bờ con suối lớn ở chiến khu Việt Bắc.

Trong hồi ký *Chiến đấu trong vòng vây* (do nhà văn Hữu Mai thể hiện, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành năm 1995), Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhớ lại: "Bác và cụ Bùi Bằng Đoàn, trưởng ban Thường trực Quốc hội đứng hai bên bàn thờ, các thành viên Chính phủ đứng trước bàn thờ. Bác, tay cầm sắc lệnh gọi tôi lên. Bằng giọng trang nghiêm và xúc động, Bác nói: "Hôm nay thay mặt Chính phủ và nhân dân..." rồi bỗng ngừng lời, rút khăn tay lau nước mắt. Giây phút đó làm cho cả hội trường vô cùng xúc động. Lát sau, Bác nói tiếp: " Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điều khiển binh sĩ làm tròn sứ mạng mà quốc dân phó thác cho...". Bác trao cho tôi sắc lệnh. Cụ Trưởng ban Thường trực thay mặt Quốc hội, anh Phan Anh thay mặt Hội đồng Chính phủ phát biểu chúc mừng. Anh Tạ Quang Bửu thay mặt Bộ Quốc phòng bày tỏ lời chúc mừng và lời hứa của toàn thể bộ đội sẽ nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng dưới sự chỉ huy của Đại tướng. Tôi xúc động phát biểu mấy lời, từ đáy lòng vô cùng nhớ tiếc các anh hùng liệt sĩ, chân thành biết ơn Bác, Quốc hội và Chính phủ đã dành cho tôi vinh dự cao cả. Tôi hứa sẽ đem hết tinh thần và nghị lực làm tròn nhiệm vụ, góp phần khiêm tốn của mình vào sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc".

Vâng, lời hứa ấy bây giờ đã thành hiện thực. Không chỉ góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc thoát khỏi bóng đen nô lệ ngoại xâm, giành độc lập tự do hoàn toàn cho Tổ quốc sau hai cuộc kháng chiến trường kỳ, mà Võ Nguyên Giáp còn đóng góp nhiều công lao trí tuệ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Dù ở cương vị nào, là ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng khóa I và khóa II, ủy viên Bộ Chính trị khóa III và IV, bí thư Quân ủy Trung ương, là phó thủ tướng, bộ trưởng Quốc phòng, tổng tư lệnh quân đội,... hay khi không còn giữ chức vụ nào nữa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước sau

như một luân kiên định vững vàng trước mọi thăng trầm thử thách, hết lòng vì vận mệnh quốc gia, dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh. Một tài năng hiếm có. Một nhân cách càng hiếm có hơn !

*

Hà Nội đang tiết thu. Thi thoảng những cơn mưa ập đến làm vỡ bầu trời trong xanh. Hội nghị Nhà văn trẻ toàn quốc lần thứ V diễn ra tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh vào cuối tháng Tám vừa kết thúc. Bóng đá Tiger Cup'98 đang lên cơn sốt. Đại tướng Võ Nguyên Giáp bận rộn tiếp khách mừng sinh nhật lần thứ tám mươi bảy của mình. Nhờ sự giới thiệu của nhà văn Hữu Mai, sau ngày Quốc khánh 2 tháng chín, tôi cùng bạn thơ Hữu Việt mới có dịp đến thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại nhà riêng. Đĩnh đạc bước ra phòng khách trong bộ quân phục Đại tướng, cùng phu nhân - bà Đặng Thị Bích Hà bên cạnh, ông vui vẻ bắt tay mời chúng tôi ngồi xuống bộ ghế mây, hồn hậu nói:

- Tôi xin cảm ơn Ban biên tập Kiến thức ngày nay về những lời chúc thọ tốt đẹp. Tôi vẫn đọc tạp chí của các bạn.

- *Xin cảm ơn Đại tướng. Rất vui mừng khi thấy Đại tướng vẫn mạnh khỏe!*

- Tập thể dục đều, giữ cho đầu óc thanh thản, không bị danh lợi chi phối, cố gắng mỗi ngày làm được một việc có ích cho xã hội, thì ai cũng có được sức khỏe tốt. Ở trong Nam giữa mùa Tiger Cup'98, anh thấy không khí bóng đá thế nào?

- *Rất hào hứng, thưa Đại tướng. Nhất là sau chiến thắng của đội tuyển Việt Nam trước đội tuyển Thái Lan 3-0 vào tối hôm qua (3 tháng chín). Cả Hà Nội xuống đường. Chắc hẳn ở Thành phố Hồ Chí Minh và những nơi khác trong cả nước cũng vậy.*

- Thật đáng tự hào, phấn khởi. Chưa bao giờ khán giả lại hát Tiến quân ca mạnh mẽ, hào hứng như thế. Thắng lợi này còn chứng tỏ có những điều tưởng chừng không thể làm được mà lại làm được... Chúng tôi hết sức ngạc nhiên trước tình yêu bóng đá của bậc lão tướng. Niềm vui thắng lợi của đội tuyển Việt Nam vẫn còn rạng rỡ trên gương mặt phúc hậu của ông và người bạn đời lẫn các trợ lý thân cận... Xin phép Đại tướng được bắt đầu câu chuyện chính, tôi hỏi:

- *Thưa Đại tướng, nhờ đâu mà người Việt Nam làm được những kỳ tích lịch sử, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Đặc biệt ba lần đánh thắng giặc Nguyên Mông, đội quân xâm lược gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp thế giới thời Trung cổ, hoặc như trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua?*

- Nhờ vào sức mạnh của nền văn hóa truyền thống! Trên cơ sở đó, người Việt Nam đã biết kết hợp tinh thần quyết chiến giữ nước với tài thao lược sáng tạo, xây dựng nên một học thuyết quân sự độc đáo, học thuyết quân sự Việt Nam. Và cũng chính nhờ biết cách giữ vững và phát huy sức mạnh nền văn hóa truyền thống mà trải qua một ngàn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ, dân tộc Việt Nam đã không bị đồng hóa; ngược lại, còn tích trữ được lực lượng, chớp lấy thời cơ, vùng lên giành độc lập hoàn toàn

cho nước nhà.

Bước vào thời kỳ lịch sử cận hiện đại, trong cuộc đụng đầu với quân đội hiện đại của chủ nghĩa đế quốc phương Tây thì dân tộc ta đã trải biết bao nhiêu cuộc khởi nghĩa thất bại bị chìm trong bể máu. Cho đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin đưa chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất và học thuyết quân sự của dân tộc đến một trình độ mới, chất lượng mới: chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, đã đánh thắng hai đế quốc to.

- *Nền văn hóa truyền thống ấy biểu hiện ở những nét cụ thể nào, thưa Đại tướng?*

- Khác với các quốc gia dân tộc ở phương Tây, Việt Nam là một quốc gia dân tộc hình thành rất sớm. Nền văn hóa truyền thống thể hiện trước hết ở triết lý hành động của những cư dân bản địa đầu tiên trong công cuộc chống thiên tai, địch họa, thể hiện qua kho tàng ca dao, tục ngữ, truyền thuyết phong phú được lưu truyền trong dân gian. Về sau triết lý ấy mới được ghi vào lịch sử thành văn, dần dần xây dựng nên nền văn hóa Việt Nam mà hạt nhân là: Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do, đức tính lao động cần cù để làm chủ thiên nhiên, tinh thần nhân ái, đoàn kết thương yêu lẫn nhau, sống hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng, và sự thông minh sáng tạo khá đặc biệt... Tóm lại, nó bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà người Việt Nam chúng ta đã sáng tạo nên.

- *Có lẽ xuất phát từ sự độc đáo và hấp dẫn của nền văn hóa truyền thống nên ngày càng có nhiều người nước ngoài, thậm chí có người vốn trước đây ở hàng ngũ kẻ thù, quan tâm nghiên cứu về Việt Nam, mà Hội nghị Quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất vừa qua ở Hà Nội là một minh chứng. Thời gian qua có những nhân vật quan trọng đã quan tâm tìm hiểu Việt Nam và đã có những buổi tiếp xúc với Đại tướng, như cố Tổng thống Pháp F.Mitterrand hay cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ R.McNamara và mới đây là John John Kennedy - chủ báo George Magazine và là con trai của cố Tổng thống Mỹ John Fitzgerald Kennedy (JFK). Điều gì làm họ quan tâm nhất khi gặp Đại tướng?*

- Tổng thống Pháp trước đây, ông Mitterrand, khi sang thăm nước ta, trong một buổi chiêu đãi có hỏi tôi:

-Chúng tôi định lên thăm Điện Biên Phủ, có nên không?

Tôi đáp:

- Nên chứ, đó là một cử chỉ xây dựng.

- Lúc đó, tôi ở trong Đảng Xã hội, tôi chống cuộc chiến tranh Đông Dương.

- Tôi biết, thắng lợi của Việt Nam cũng là thắng lợi của những người Pháp yêu hòa bình!

- Còn với cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mc Namara thì sao, ông có tỏ chút ân hận nào không, thưa Đại tướng?

- Ông hỏi tôi về sự kiện vịnh Bắc Bộ ngày 2 tháng 8 và 5 tháng 8 năm 1964, tàu chiến ta đánh tàu chiến Mỹ ở hải phận quốc tế. Ông nói: “Hôm đó chúng tôi nhận được những thông tin không rõ ràng!” Trong cuốn hồi ký ông cho rằng cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là một sai lầm; Mỹ thất bại vì không hiểu lịch sử, không hiểu văn hóa Việt Nam. “Ngài viết cuốn sách đó là một sự dũng cảm”-Tôi nói với ông như vậy.

- Có thể nói ông Mc Namara là đại diện cho quá khứ, thế hệ những người Mỹ dính líu vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Còn John John Kennedy là đại diện cho hiện tại và tương lai, thế hệ những người Mỹ muốn khám phá sự kỳ bí của Việt Nam trên tinh thần xây dựng. Đại tướng đã tâm sự gì với người thanh niên trẻ này cách đây hơn mười ngày?

- Giữa tháng Tám vừa qua John trở lại thăm Việt Nam lần thứ hai, lên tận hang Pác Bó, ở lại trong hang một đêm, đi thuyền xuôi sông Bằng Giàng đến gần thị xã Cao Bằng, rồi đi thăm vịnh Hạ Long. Về Hà Nội, anh mong mỏi được gặp tôi và hy vọng hiểu biết thêm nhiều vấn đề, đặt ra nhiều câu hỏi mà tôi nghĩ rằng đó là những câu hỏi của nhiều người. Chẳng hạn: Vì sao trong hang Pác Bó tối tăm ấy mà Bác Hồ đã nghĩ ra con đường cứu nước, tin tưởng sẽ nhất định thắng lợi? Trong vùng đó hầu hết là dân tộc thiểu số, làm thế nào mà tổ chức được họ đứng lên chiến đấu giành độc lập?...

Điều John lấy làm lạ nhất là: Vì sao Điện Biên Phủ lúc quân Pháp mạnh nhất thì lại bị đánh bại? Vì sao sau này lúc quân Mỹ đông nhất, mạnh nhất thì lại bị thua?

Tôi trả lời vắn tắt những suy nghĩ khá cơ bản của John và nói: Lịch sử quan hệ giữa giữa hai nước chúng ta không chỉ có chiến tranh. Vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ, Thomas Jefferson, là người Mỹ đầu tiên tiếp xúc với người Việt Nam, khi còn là công sứ Mỹ ở Pháp, ông mong tìm được những giống lúa của xứ “Cochinchine” để nhập vào nước Mỹ. Rồi năm 1832, đã có những cuộc tiếp xúc chính thức đầu tiên giữa phái đoàn ngoại giao Mỹ, do Tổng thống Andrew Jackson cử đi, với triều Nguyễn dưới thời vua Minh Mạng.

- Vâng, phái đoàn ấy do Edmund Roberts dẫn đầu đến cập bến tại vùng biển Phú Yên và Viên ngoại lang Nguyễn Tri Phương cùng Tư vụ Lý Văn Phức đã thay mặt triều đình Huế tiếp đón. Được biết đây cũng là phái đoàn ngoại giao đầu tiên của Hiệp Chúng quốc Hoa Kỳ viếng thăm các nước Á Đông!

Và thưa Đại tướng, ai cũng biết rằng trước khi xảy ra vụ ám sát chính trị chấn động thế giới tại Dallas, Tổng thống JFK là người đã chủ trương xem Việt Nam như một chiến trường trọng điểm để tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản tràn xuống các nước khác thuộc Đông Nam Á, theo thuyết Domino. Vậy John có đề cập gì về chủ trương ấy của cha mình không ?

- Tôi có nhắc John về điều ấy. Tôi còn nói thêm, sau này nghiên cứu lịch sử được biết vào lúc đó Tổng thống Kennedy cũng đã kịp nhận ra rằng không thể đạt được mục đích với một chính quyền tay

sai độc tài kéo lê máy chém khắp miền Nam, và đã suy nghĩ đến chủ trương chỉ can thiệp quân sự vào Việt Nam ở mức độ nào đó. Chính vào thời điểm ấy thì Tổng thống Kennedy bị ám sát. Lịch sử không cho phép đặt ra giả thiết nếu không xảy ra vụ ám sát ấy thì sự dính líu của Mỹ sẽ diễn ra như thế nào. Nhưng, như chúng ta đã biết, hai vị tổng thống kế nhiệm sau đó, Johnson và Nixon đã đẩy cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lên những nấc thang mới...

- Thừa Đại tướng, Hội nghị Nhà văn trẻ toàn quốc lần thứ V vừa kết thúc, với hy vọng chuẩn bị lực lượng cho nền văn học nước nhà ở thế kỷ XXI. Một bộ phận lớn các đại biểu nhà văn trẻ sinh ra và lớn lên khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất. Họ không sống một ngày trong chiến tranh. Trong khi đó thành tựu văn học viết về hai cuộc kháng chiến vừa qua vẫn chưa xứng đáng với tầm vóc lịch sử. Ngoài các tập hồi ký, hình tượng các tướng lĩnh ở "đầu sóng ngọn gió" vẫn chưa xuất hiện những nhân vật điển hình trong văn học. Phải chăng giữa các vị tướng và các nhà văn vẫn còn một khoảng cách ? Và theo Đại tướng, làm cách nào để trang viết của các nhà văn trẻ về chiến tranh có được sức sống mới, xứng đáng với tầm vóc lịch sử?

- Lịch sử dân tộc ta là dòng chảy liên tục từ cội nguồn cho đến ngày nay. Do đó, bên cạnh kiến thức về khoa học, kỹ thuật kinh tế, xã hội hiện đại, đòi hỏi các bạn trẻ còn phải hiểu biết về lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng. Chỉ có hiểu biết lịch sử sâu sắc, đặt mình vào hoàn cảnh của những nhân vật lịch sử, sống lại những giờ phút gian khổ và hào hùng của dân tộc thì trang văn các bạn mới phản ánh được trung thực và sinh động quá khứ.

Hơn thế, sự hiểu biết những gì ông cha ta đã làm được trong quá khứ sẽ giúp các bạn nhìn rõ được những vấn đề thực tại để sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Vấn đề cực kỳ quan trọng là làm sao cho người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ, có sự hiểu biết sâu rộng nền văn hóa dân tộc mình, sống theo triết lí sống của dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam có thể coi là sự tổng hòa của nền văn hóa truyền thống, luôn luôn giữ vững và phát triển bản sắc, cốt cách dân tộc với sự tiếp thụ tinh hoa của các nền văn hóa lớn phương Đông và phương Tây, để hình thành một nền văn hóa có sức sống mãnh liệt, vừa là mục tiêu vừa là động lực cho sự phát triển của đất nước. Nhà thơ Xô viết Osip Maldenstam, từ năm 1923, khi gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy ở Người sự báo hiệu một nền văn hóa tương lai...

Nghị quyết Trung ương V mới đây đã nói rõ tầm quan trọng của việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát động phong trào yêu nước, coi trọng sống có lý tưởng, có đạo đức.

Đó là trách nhiệm của thế hệ trẻ... Các nhà văn trẻ cần góp phần cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp văn hóa Việt Nam.

*

Mỗi con người, mỗi thế hệ có một sứ mệnh lịch sử riêng mình. Thế hệ sau càng được thừa hưởng

lại càng có nhiều trách nhiệm hơn đối với thế hệ trước. Tâm sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ có ích cho các nhà văn trẻ, mà còn là những gửi gắm chí tình của một bậc lão thành đối với cả thế hệ trẻ hôm nay. Đại tướng từng nói rằng: "Nước ta trước đây vốn là một nước không có tên trên bản đồ thế giới, đã trở thành một nước đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc. Khát vọng cứu nước thời trẻ của chúng tôi luôn cháy rừng rực như bó đuốc.

Khát vọng của tuổi trẻ ngày nay phải là gì? Việt Nam có thể trở thành một nước giàu như các nước tiên tiến trên thế giới hay không? Khó, nhưng tôi chắc không có thanh niên nào trả lời không được. Tôi nghĩ thanh niên ngày nay cần phải thấy được nỗi nhục của một nước bị xếp vào hàng các nước chậm phát triển nghèo nhất thế giới. Từ đó mà có một mong muốn, mong muốn tột bậc là làm sao để đất nước thoát khỏi tụt hậu, phát triển thành một nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Cũng theo Đại tướng, chiến thắng Điện Biên Phủ và Đại thắng mùa xuân năm 1975 chính là chiến công của thế hệ trẻ. Điều quan trọng là làm sao ngày nay trong hòa bình xây dựng đất nước, bạn trẻ có thể làm nên những Điện Biên Phủ, những Đại thắng mùa xuân về kinh tế !

Trước khi chia tay, Đại tướng còn tâm sự với chúng tôi rằng: "Trong mỗi con người, yếu tố quyết định là đạo đức. Đức là gốc. Cần phải rèn luyện cho mình lối sống giản dị, lành mạnh, trong sáng. Mọi người đều cần làm giàu nhưng không vì lẽ đó mà trở thành nô lệ cho đồng tiền". Mỗi phút mỗi giây được trò chuyện với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và tất cả các bậc lão tướng từng vào sinh ra tử dưới mưa bom bão đạn, hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với tôi luôn là những giây phút sống động đáng quý, không một trường học nào có thể sánh bằng. Những vị chiến tướng chính là hiện thân tiêu biểu nhất, đáng kính trọng nhất của một đất nước phải trải qua mười bốn cuộc chiến tranh để được tồn tại !

Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 1998

08 - Thiếu tướng PHAN KHẮC HY

Được sinh ra và lớn lên trong vòng tay của người mẹ nghèo vùng gió cát Quảng Bình, cậu bé hiếu học Phan Khắc Hy sớm ý thức thân phận nô lệ của người dân mất nước, quyết đi tìm con đường cứu dân cứu nước. Ở tuổi hai mươi, Phan Khắc Hy đã là bí thư Huyện ủy. Vào quân đội, ông trở thành cán

bộ chính trị rồi quân sự cao cấp. Thời chống Mỹ, ông là chính uỷ Không quân nhân dân Việt Nam, phó tư lệnh Bộ đội Trường Sơn - 559, trực tiếp tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh. Đất nước thống nhất, hai mươi tám vạn quân được chuyển sang làm kinh tế, tướng Phan Khắc Hy sát cánh cùng vị chỉ huy thân thiết là tướng Đồng Sĩ Nguyên lăn xả vào mặt trận mới. Ông được cử làm phó Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng kinh tế, phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần và phó tổng cục trưởng Tổng cục Công nghiệp quốc phòng. Ông còn được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VIII. Năm 1973, Phan Khắc Hy được thăng quân hàm Đại tá, năm 1980 thăng Thiếu tướng. Cuộc đời vị tướng từng “thập tử nhất sinh” này là một cuộc đời học tập phấn đấu không ngừng, mang nhiều bước ngoặt và ẩn chứa bao điều kỳ thú.

- Cha tôi là một nhà Nho nghèo ở Đức Thọ, Hà Tĩnh. Ông từng đi thi tam trường, nhưng vì Nho học thất thế, ông chuyển sang học quốc ngữ rồi vào Quảng Bình vừa dạy học vừa làm thầy thuốc Đông y và gặp mẹ tôi (*Cởi mở và chân tình, Thiếu tướng Phan Khắc Hy đi thẳng vào câu chuyện, đúng tác phong của một nhà quân sự*). Tôi tuổi Đinh Mão, sinh năm 1927 tại quê ngoại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Mẹ tôi mua bán trầu cau ở chợ, một tay bà nuôi sáu anh em tôi ăn học, tham gia cách mạng. Khi mẹ mất, tôi đọc điệu văn về cuộc đời gian truân của bà, ai nghe cũng khóc!

Còn cha tôi lại vào Quảng Ngãi có vợ khác. Năm 1946, ông về Hoàn Lão cất nhà cho con cái ở, rồi trở vào Quảng Ngãi. Năm 1951, ông bệnh mất. Mãi năm 1975, tôi mới về được Quảng Ngãi viếng mộ cha. Bà con ở đây gọi ông là Thầy Học. Cha tôi vẫn vừa dạy học vừa làm thuốc. Sau Cách mạng tháng Tám, ông còn làm Chủ nhiệm Việt Minh xã.

- *Việc học hành của Thiếu tướng thời niên thiếu ra sao, thưa Thiếu tướng?*

- Lúc nhỏ tôi học trường làng ở Bố Trạch, lấy bằng yếu lược. Sợ ở thị trấn lêu lổng chơi bời, cha tôi đưa anh em tôi về Đức Thọ, Hà Tĩnh là vùng đất hiếu học, ở với bà mẹ lớn để ăn học. Hết tiểu học, đậu primaire, tôi ra Vinh học trung học. Ngoài chương trình ở nhà trường, học sinh chúng tôi hồi ấy rất ham hiểu biết. Chúng tôi góp nhau lập thư viện đủ loại sách văn học, triết học, chính trị... Tôi đọc rất nhiều về Khổng Tử, Lão Tử, Các Mác, chép sổ tay thơ Tố Hữu, Xuân Diệu cùng nhiều nhà thơ khác. Tôi cũng tranh thủ làm thêm để bớt gánh nặng cho gia đình. Năm 1943, nửa năm thứ hai trung học, tôi với một người bạn thân là Quách Xuân Kỳ trốn học, dự định xuất dương làm cách mạng nhưng không thành.

- *Quách Xuân Kỳ là một nhân vật lừng lẫy ở Quảng Bình. Thiếu tướng với Quách Xuân Kỳ từng gắn bó...*

- Chúng tôi như hai anh em ruột thịt, cùng học với nhau từ nhỏ, cùng tham gia cách mạng và vào Đảng một ngày, cùng trong ủy ban khởi nghĩa huyện. Trước Cách mạng, ủy ban khởi nghĩa hay họp ở nhà tôi, nhưng mẹ tôi không biết. Khi hay tin Việt Minh cướp chính quyền, mẹ tôi tưởng Việt Minh từ Hà Nội

vào, nên chạy lên huyện xem, mới vỡ lẽ Việt Minh chính là... thằng Kỳ, thằng Hy và toàn những khuôn mặt hay lui tới nhà mình (cười).

Kháng chiến bùng nổ, chúng tôi cùng tập thể lãnh đạo huyện Bồ Trạch, một huyện tạm bị địch chiếm đóng, thực hiện chủ trương “dân bám làng, cán bộ bám dân, toàn dân kháng chiến”, lăn lộn với nhân dân, xây dựng cơ sở, lãnh đạo đấu tranh, đưa phong trào kháng chiến lên cao với những làng chiến đấu nổi tiếng như Cự Mẫm, Hoàn Lão. Quách Xuân Kỳ trên các cương vị bí thư Thanh niên Cứu quốc, chủ nhiệm Việt Minh, bí thư Huyện ủy, với tinh thần dũng cảm, tác phong nhạy bén, sâu sát đã được nhân dân tin yêu, kẻ thù khiếp sợ.

Cuối năm 1948, phong trào thị xã Đồng Hới gặp khó khăn, Tỉnh ủy Quảng Bình điều Quách Xuân Kỳ vào làm bí thư Thị ủy. Tôi thay anh làm bí thư Huyện ủy Bồ Trạch. Trong một thời gian ngắn, anh đã cùng tập thể Thị ủy khôi phục và phát triển cơ sở quần chúng, cơ sở Đảng trong thị xã. Một ngày đầu tháng 5 năm 1949, Quách Xuân Kỳ bị địch bắt khi vào công tác ở nội thị. Bằng mọi thủ đoạn mua chuộc và tra tấn dã man, kẻ thù vẫn không khuất phục được anh. Biết địch không để mình sống nhưng anh vẫn lạc quan, vẫn học tập và đấu tranh không mệt mỏi.

Trước lúc bị địch xử tử vào tháng 7 năm 1949, từ trong tù anh gửi cho tôi một bức thư bằng máu, do cô người yêu của anh từ thị xã chuyển. Anh nhờ tôi chuyển lời chào vĩnh biệt và quyết chiến đến đồng chí và đồng bào thân yêu!

Quách Xuân Kỳ và cô bạn gái rất thương yêu nhau, nhưng chưa ai tỏ tình và hứa hẹn với ai. Có thể vì công tác cách mạng luôn đối mặt với hiểm nguy nên Quách Xuân Kỳ không muốn người mình yêu phải khổ. Tình cảm lứa đôi thể hiện trong chiến tranh thật đẹp thật lãng mạn!

- Sự lãng mạn ấy có gì khác thường không, thưa Thiếu tướng?

- Chúng tôi tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc người khác. Cuộc chiến đấu có thể phải hy sinh, ta không để cho người khác phải đau khổ vì mình. Như chuyện tình của Quách Xuân Kỳ, khi được tin anh bị bắt, người yêu chưa một lần tỏ tình của anh đã xung phong làm công tác phụ nữ, dấn thân vào nơi nguy hiểm cùng với người yêu.

- Trở lại với hành trình cuộc đời Thiếu tướng, từ cán bộ dân chính Thiếu tướng chuyển sang quân đội lúc nào?

- Tháng 6 năm 1949, tôi được điều lên Tỉnh ủy Quảng Bình. Tháng 12 năm 1949 tôi thay anh Đồng Sĩ Nguyên làm chính trị viên Tỉnh đội, rồi phó bí thư Tỉnh ủy kiêm tỉnh đội trưởng. Đầu năm 1952, chuẩn bị tổng phản công, tôi nhận nhiệm vụ phó chính ủy rồi chính ủy Trung đoàn 18 hoạt động trên Mặt trận Bình Trị Thiên rồi Mặt trận Đường 9 và Trung Lào, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954. Kết thúc kháng chiến chống Pháp, Trung đoàn 18 tập kết về Đồng Hới thi hành Hiệp định Genève.

- Vì sao từ bộ binh Thiếu tướng lại chuyển sang không quân rồi trở thành chính ủy của quân

chúng non trẻ này?

- Do đề nghị của anh Trần Quý Hai. Sau Hiệp định Genève, thực hiện Nghị quyết Trung ương thứ 12 khóa II, ta phải xây dựng quân đội chính qui, từng bước hiện đại hóa, trong đó có xây dựng hai quân chủng mới là không quân và hải quân. Ban Nghiên cứu sân bay-tiền thân của Cục Không quân được thành lập, do anh Trần Quý Hai làm trưởng ban, tôi được điều ra làm chủ nhiệm chính trị vào tháng 1 năm 1955.

Năm 1964, Quân uỷ Trung ương quyết định hợp nhất phòng không - không quân. Tôi được cử làm phó chủ nhiệm chính trị rồi chủ nhiệm chính trị Quân chủng Phòng không - Không quân, còn anh Phùng Thế Tài là tư lệnh, anh Đặng Tính là chính uỷ và anh Lê Văn Tri là phó tư lệnh. Cho đến năm 1967, không quân phát triển, Bộ tư lệnh Không quân được thành lập, tôi về làm chính uỷ cùng các anh: Nguyễn Văn Tiên - tư lệnh, Hoàng Ngọc Diêu và Đào Đình Luyện - phó tư lệnh, Đỗ Long - phó chính uỷ. Tôi đặc trách công tác chính trị và tổ chức của không quân, tuyển chọn người đi học lái, xây dựng đội ngũ cán bộ không quân.

- Trên đây Thiếu tướng có nói rằng mình về không quân theo đề nghị của tướng Trần Quý Hai, nghĩa là thế nào?

- Anh Trần Quý Hai nguyên là đại đoàn trưởng Đại đoàn 325, mà Trung đoàn 18 do tôi làm chính uỷ vốn trực thuộc Đại đoàn 325, nên chúng tôi rất hiểu nhau. Lúc anh được điều về làm trưởng Ban Nghiên cứu sân bay, như tư lệnh không quân, đã đề nghị tôi từ Đồng Hới ra phụ trách công tác chính trị. Anh Trần Quý Hai là một trong những người chỉ huy đội du kích Ba Tơ, rồi chiến đấu ở các chiến trường Bình Trị Thiên, Trung - Hạ Lào, Đông Campuchia... Anh là một cán bộ quân đội dũng cảm, tài năng; về sau được đề bạt làm Tổng tham mưu phó, thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng thanh tra quân đội và được thăng quân hàm Trung tướng.

-Không quân Việt Nam vừa mới “chào đời” đã lập nên những kỳ công trong cuộc đối đầu với không lực Hoa Kỳ khi chúng ném bom phá hoại miền Bắc. Theo Thiếu tướng, đâu là yếu tố quyết định cho những chiến công đó?

- Hãy quay về lịch sử của không quân. Lớp phi công, cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật đầu tiên được tuyển chọn từ bộ binh đã trải qua chiến đấu, có sức khỏe, còn trẻ; tập trung lại bồi dưỡng văn hóa, rồi gửi đi đào tạo huấn luyện tại Trung Quốc, Liên Xô, Tiệp Khắc. Đồng thời từng bước khôi phục, xây dựng các sân bay và cơ sở vật chất kỹ thuật mà khi quân Pháp rút chúng đã phá hủy và tháo dỡ hầu hết. Ngày 6 tháng 8 năm 1964, trung đoàn không quân tiêm kích đầu tiên được tổ chức và huấn luyện bên Trung Quốc về nước, giữa lúc Mỹ gây hấn trong sự kiện vịnh Bắc Bộ. Tháng 10 năm 1964, Đại hội Đảng bộ hợp nhất hai Quân chủng Phòng không - Không quân ra nghị quyết về xây dựng, quyết tâm chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu đánh bại các bước leo thang đánh phá miền Bắc của đế quốc Mỹ. Nửa năm sau, ngày 3 và ngày 4 tháng 4 năm 1965, trong trận xuất kích đầu tiên của hai phi đội do

Phạm Ngọc Lan và Trần Hanh chỉ huy đã giành thắng lợi: bắn rơi hai máy bay của hải quân và hai máy bay của không quân Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng, gây chấn động thế giới.

Hãng thông tin Mỹ AP chưa chát thừa nhận: “Ngày 4 tháng 4 năm 1965 là ngày đen tối nhất của không quân Mỹ, ngày đánh dấu một sự kiện bi thảm: những máy bay phản lực siêu âm F105 mạnh nhất, nhanh nhất, tốt nhất của không lực Hoa Kỳ đã bị máy bay MIG của Bắc Việt chọc tiết”.

Tại sao thành tích nhỏ của không quân ta lại làm cho quân thù hết sức kinh ngạc, bàng hoàng? Vì chúng không hiểu nổi sức mạnh nào đã khiến cho lực lượng không quân Việt Nam non trẻ, mà chúng coi là “đàn muỗi mắt”, những “máy bay cỏ lỗ sĩ” lại hạ được những máy bay hiện đại nhất và những phi công lành nghề nhất của chúng. Phạm Ngọc Lan, Trần Hanh mới chỉ có hai trăm giờ bay trên những máy bay cũ, lạc hậu đã chọc tiết những “thần sấm”, “chim ưng” của Mỹ do các phi công có trên hai ngàn giờ bay trên các máy bay hiện đại điều khiển. Thật phi thường!

- Vậy điều gì tạo nên chiến công phi thường ấy, thưa Thiếu tướng?

- Đó là nhờ sức mạnh tinh thần của quân đội ta, sức mạnh của những chiến sĩ từ nhân dân mà ra, vì nhân dân chiến đấu, mang trong mình dòng máu anh hùng của dân tộc anh hùng, biết hy sinh vì độc lập tự do Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Những ý chí và tình cảm cách mạng đó giúp không quân ta nỗ lực không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, sáng tạo những cách đánh địch chưa tìm thấy trong sách vở và ở nhà trường nào; đã có phát huy cao độ uy lực của vũ khí trang bị có trong tay, để lấy ít thắng nhiều, lấy trang bị kém hơn địch thắng trang bị kỹ thuật hiện đại của địch, càng đánh càng mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, công tác chính trị trong không quân đã góp phần quan trọng nâng cao nhân tố chính trị tinh thần-sức mạnh vô địch của không quân ta.

- Thiếu tướng có thể cho biết công việc cụ thể của công tác chính trị lúc đó ra sao?

- Từ thực tiễn, chúng tôi rút ra ba vấn đề của công tác chính trị trong chiến đấu của không quân: Thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng bằng nhiều hình thức, nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, trung thành vô hạn với Tổ quốc, với nhân dân, căm thù địch sâu sắc, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp thiêng liêng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước. Trên cơ sở đó, làm cho mỗi người hiểu rõ vị trí chiến đấu và trách nhiệm của mình, hướng dẫn hành động phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đánh thắng địch.

Toàn thể bộ đội không quân thấm sâu lời dạy của Bác Hồ khi người đến thăm đơn vị trước ngày xuất trận: “Ngày xưa ta có đêm, có rừng. Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển, các chú phải mở mặt trận trên không thắng lợi”. Ai ai cũng đinh ninh quyết tâm giành thắng lợi trận này, càng đánh càng thắng để không phụ lòng tin cậy của Đảng, của Bác, của nhân dân. Những khẩu hiệu “Sân bay là chiến trường, máy bay là vũ khí, người bay là đồng chí thay ta diệt thù”, “Lập trường tư tưởng vững, kỹ thuật nghiệp vụ giỏi, đoàn kết kỷ luật nghiêm” được viết lên trong hội trường, thao trường, nhà ăn nhắc nhở mọi người biết vị trí công việc và yêu cầu đối với mình.

Tôi có làm một bài thơ để động viên các phi công (ông đọc một cách hứng thú):

Cờ quyết thắng đỏ tươi dòng máu

Đảng của ta sữa mẹ ngọt ngào

Nuôi anh sức sống dạt dào

Tung anh bay bổng trời cao chín tầng

Lúa hớn hở như mừng được nước

Nhà máy cao tường được thêm trời

Tiếng chim vang dậy núi đồi

Ngày xưa tiếng quạ, nay trời phượng bay

Muôn người góp một bàn tay

Chim ơi chim quyết phanh thây quân thù

- Mẹ ơi! Con mẹ xin thề

Một đi quyết thắng một về chiến công

Bài thơ không hay, nhưng có tác dụng động viên bộ đội không quân lúc bấy giờ rất lớn. Khi rời khỏi không quân, tôi cũng cảm thấy tự hào mình đã góp một phần nhỏ vào sự trưởng thành và chiến thắng của không quân ta.

- Thừa Thiếu tướng, vì sao đang làm chính uỷ không quân thiếu tướng lại rời Hà Nội vào Trường Sơn?

- À, do yêu cầu của chiến trường. Tháng 5 năm 1971, tôi được điều vào làm Chính uỷ Đoàn 470 - phụ trách cung đường từ Nam Lào, Đông Bắc Campuchia đến Nam Bộ, với nhiệm vụ vận tải chi viện chiến lược cho chiến trường miền Nam. Vào đến Bộ tư lệnh Đoàn 559 - Trường Sơn, tôi gặp lại anh Đồng Sĩ Nguyên vốn trước cùng anh chiến đấu ở Quảng Bình. Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên giữ tôi lại, rồi điện đề nghị Quân uỷ Trung ương để tôi làm phó tư lệnh Đoàn 559 giúp việc cho anh. Thế là từ người làm công tác chính trị trong quân đội, tôi chuyển sang làm công tác chỉ huy quân sự. Có thể nói, tôi trưởng thành trong vai trò người chỉ huy quân sự là nhờ những bài học vỡ lòng đầu tiên của anh Đồng Sĩ Nguyên truyền đạt cho tôi khi giao nhiệm vụ ở Trường Sơn và qua tấm gương thực tiễn của anh, một người chỉ huy luôn sáng tạo, giỏi tổ chức.

- Nghe nói trong một lần đi thị sát chiến trường, Thiếu tướng đã bị thương rất nặng khi xe lọt vào bãi bom từ trường?

- Vâng. Đó là loại bom Model 3 hẹn giờ mới nhất lúc đó mà ta chưa kịp phát hiện. Nó khác với các loại bom từ trường của Mỹ trước đó: ngòi nổ tự động khi tắt khi mở. Khi nó tắt thì công binh phóng từ hoặc xe cộ đi qua cũng không nổ, nên rất khó phát hiện. Nhận nhiệm vụ phó tư lệnh Đoàn 559, tôi bắt đầu đi kiểm tra các cửa khẩu chuẩn bị bước vào mùa khô 1971-1972. Kiểm tra xong cửa khẩu Đường 12 - Cổng Trời, tôi cùng Binh trạm trưởng Khúc Trường Thành sang Seng Phan, một điểm chết gồm

một dãy núi đá trọc, bị địch đánh phá ác liệt đến thấp dần, là nơi xe vận tải của ta hay qua lại. Xe chúng tôi vừa đến nơi thì địch cũng bắt đầu ném bom từ trường đánh phá. Xe bị bay mui. Kiểm tra xong, chúng tôi quay về binh trạm bộ Đường 12, thì lọt vào bãi bom từ trường Model 3. Xe lật tung. Anh Khúc Trường Thành hy sinh tại chỗ. Tôi với Chính trị viên tiểu đoàn công binh, anh vệ binh và tài xế bị thương nặng. Trong tình trạng hôn mê, tôi được đưa về Binh trạm 12 để phẫu thuật, rồi ra Bệnh viện Quân y 108 ở Hà Nội điều trị hai tháng. Hiện tôi là thương binh hạng 4/4. Vết thương cột sống đang bị vôi hóa.

- Cho đến nay vẫn âm vang nhiều câu chuyện về nữ chiến sĩ Trường Sơn như những huyền thoại. Là một trong những vị chỉ huy trực tiếp cao nhất của họ, xin Thiếu tướng thổ lộ vài nét về những “bông hoa kiên cường” này.

- Bây giờ tôi nhìn con gái mình lớn lên, mới thấy hết sự phi thường của các cô gái Trường Sơn. Đúng là anh hùng vô song. Họ xứng đáng với tất cả mọi lời ca ngợi. Lực lượng nữ chiếm một phần ba trong số hơn mười vạn quân thuộc Đoàn 559. Họ có mặt nhiều nhất ở lực lượng thanh niên xung phong, bảo vệ giao thông, giao liên, hỏa tuyến, quân y và hậu cần. Để bảo đảm giao thông được xuyên suốt, các cô phải túc trực thường xuyên tại các điểm nóng. Mà nơi đây, máy bay Mỹ lại hay ném bom tọa độ bằng B52 rải thảm. Trong tích tắc, họ có thể biến mất theo mảnh bom, đất đá nát vụn. Tôi luôn chứng kiến tận mắt sự hy sinh anh dũng ấy!

- Điều kiện chiến trường ác liệt là thế, vậy điều kiện sinh hoạt bình thường của nữ chiến sĩ Trường Sơn ra sao?

- Hết sức khắc nghiệt. Thiếu thốn trăm bề. Mà với phụ nữ thì... tội nghiệp lắm anh ạ! Có những đơn vị toàn nữ, sống chiến đấu biệt lập, nên mỗi khi gặp được nam giới, họ rất mừng. Do điều kiện sống như thế, nên nhiều người mắc bệnh cười.

- Bệnh cười?

- Vâng. Lạ lắm. Thỉnh thoảng tự nhiên họ cười ngất. Chẳng nói gì, chỉ cười. Cứ thế. Hình như một căn bệnh về sinh lý. Chiến tranh kết thúc, nhiều nữ chiến sĩ vì lớn tuổi, không lập được gia đình. Bệnh cười vẫn không dứt.

- Vậy còn tình yêu lứa đôi của chiến sĩ Trường Sơn? Có khi nào Thiếu tướng trực tiếp xử lý những vụ liên quan tới quan hệ nam nữ ngay trên chiến trường?

- Hầu hết chiến sĩ nam nữ Trường Sơn là thanh niên, ngoài lý tưởng cao cả hiến dâng tuổi trẻ cho độc lập, thống nhất Tổ quốc, họ còn khao khát tình yêu, hạnh phúc gia đình - khát khao muôn thuở của con người. Nhà thơ của Trường Sơn là Phạm Tiến Duật từng viết:

Như tình yêu nói lời vô tận

Đông Trường Sơn nói Tây Trường Sơn

Nhưng chiến tranh, cuộc chiến đấu một mất một còn với quân thù đã dồn nén khát khao đó của họ. Mỗi

lúc có dịp gặp nhau qua trọng điểm, lúc dừng chân bình trạm giao liên, tiếng chào hỏi, tiếng hát, tiếng cười, những cái liếc mắt đưa tình hoặc câu đùa ghẹo là lúc biểu lộ khát khao đó của họ, để rồi kẻ ở người đi, dần mình trong đạn lửa, mang theo một kỷ niệm êm đềm. (*Vị tướng chột hạ thấp giọng*). Có khi trở lại chỗ cũ, họ đã khóc thầm cảm bông hoa sim tím lên mộ người yêu mà mình chưa kịp tỏ tình!... Và con người vẫn là con người, có lúc họ đã “cho nhau” để rồi chịu đựng những búa rìu của dư luận còn ảnh hưởng nặng nề đạo đức phong kiến và sinh nở nuôi con trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn!

- *Với những trường hợp đặc biệt ấy, Bộ tư lệnh 559 có cách giải quyết cụ thể ra sao?*

- Chúng tôi chỉ đạo các đơn vị thâm nhuần tính nhân đạo, tìm cách an ủi động viên và tạo điều kiện cho chị em đó ra tuyến sau, tìm chỗ ở và công ăn việc làm ổn định. Khi chiến tranh đã qua rồi, nhiều chị em tuy bị thiệt thòi không có được tình yêu hôn nhân, nhưng lại cảm thấy hạnh phúc được làm mẹ, sớm hôm được nghe tiếng con thở thở bên mình.

- *Vâng, có lẽ trên thế giới này không ở đâu người phụ nữ phải chịu nhiều mất mát hy sinh như thế. Họ xứng đáng được phong tặng danh hiệu cao quý nhất, được lịch sử tụng ca, cả những người lỡ lầm chịu “búa rìu dư luận”. Và thưa Thiếu tướng, nghe nói khi vào Trường Sơn, Thiếu tướng Đinh Đức Thiện cũng là một trong những nhà lãnh đạo cao cấp rất quan tâm đến nữ chiến sĩ...*

- Đúng như vậy. Là ủy viên Thường trực Quân uỷ Trung ương, chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần nhưng anh Đinh Đức Thiện thấu hiểu và lo từng chi tiết, cả những đồ dùng cá nhân thầm kín cho đời sống, sinh hoạt nữ chiến sĩ ở chiến trường. Sự quan tâm ấy của anh Đinh Đức Thiện được Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp hết sức khen ngợi.

- *Trong quan hệ cá nhân, Thiếu tướng có kỷ niệm đáng nhớ nào với vị tướng nổi tiếng bởi những cá tính đi vào huyền thoại này không?*

- Anh Đinh Đức Thiện cùng với anh Trần Quý Hai và anh Đồng Sĩ Nguyên là ba người có tác động lớn trực tiếp đối với tôi. Tôi quen anh Thiện năm 1968 khi anh chỉ đạo Bộ tư lệnh Đoàn 550 làm nhiệm vụ vận chuyển giao hàng cho Đoàn 559. Có thể nói, Đinh Đức Thiện là một con người thực tiễn, dám làm, dám chịu trách nhiệm, rất thương yêu chiến sĩ, nhưng hay nổi nóng, chửi tục. Và anh còn đưa... tục vào cả trong thơ một cách tự nhiên! Anh không thành kiến với bất cứ ai, nên luôn được anh em quý trọng.

Tôi nhớ tháng 3 năm 1975, hai anh Văn Tiến Dũng và Đinh Đức Thiện được Trung ương cử vào chiến trường. Tôi thay mặt Bộ tư lệnh Đoàn 559 đưa anh Văn Tiến Dũng từ Quảng Trị vào Tây Nguyên. Vừa đến nơi, tôi lại nhận được điện của anh Đinh Đức Thiện gọi ra Quảng Trị đón anh. Tôi quay ra thì anh ấy đã lên đường trước một ngày. Anh dặn anh Đồng Sĩ Nguyên nói với tôi phải chạy theo... Không đi tuyến Đông Trường Sơn quen thuộc mà anh lại bợc sang phía Tây. Đuổi đến Thateng của Lào tôi mới bắt kịp anh. Tôi ngạc nhiên: “Tại sao anh đi đường này?”. Anh cười: “Tao đi đường này để thăm lại

đất Lào và Đông Bắc Campuchia. Chuyến này giải phóng miền Nam rồi thì không có dịp trở lại!...".

Anh dự cảm đúng tình hình Campuchia khi Khmer Đỏ tiến vào Phnôm Pênh.

Miền Nam giải phóng, ngày 1 tháng 5 năm 1975 tôi với anh Đinh Đức Thiện cùng đi khảo sát thành phố Sài Gòn. Anh cũng trao đổi thống nhất với tôi rằng: cải cách Sài Gòn và miền Nam phải rút kinh nghiệm của miền Bắc, chứ không sẽ gặp lỗi thôi về kinh tế...

- *Hình như Thiếu tướng có quan hệ thân thiết với Trung tướng Nam Long và Trung tướng Nguyễn Đường?*

- Sau ngày đất nước giải phóng, chúng tôi mới có nhiều thời gian gần gũi khi là láng giềng của nhau ở Tân Sơn Nhất này. Anh Nam Long là lão tướng kỳ cựu từ thời thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, chỉ huy chi đội Nam tiến đầu tiên trong buổi đầu đánh Pháp tái xâm lược. Tôi làm việc và quen thân với anh Nam Long từ khi anh còn là tư lệnh Quân khu 4 phối hợp với bộ đội không quân mà tôi là chính uỷ. Anh là người dân tộc, sống rất chân tình, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, được mọi người quý mến. Những ngày cuối đời, anh ốm nặng, mỗi lần anh em đến thăm, anh đều cầm tay khóc. Chúng tôi rất xúc động khi các con anh tổ chức mừng thọ cho anh, giữa lúc anh ốm nặng nhưng cũng cố gượng dậy ra dự. Nghe con trai lớn của anh đọc lời chúc thọ Bố và hứa giữ gìn truyền thống của bố để lại, chúng tôi không ai cầm được nước mắt.

- *Thế còn với Trung tướng Nguyễn Đường?*

- Anh Nguyễn Đường nguyên là bí thư Tỉnh ủy Gia Lai đầu tiên trong Cách mạng tháng Tám, sau đó làm chủ nhiệm chính trị Quân khu 5. Tôi quen anh khi anh là chính uỷ Đại đoàn 305 phối hợp không quân huấn luyện đơn vị bộ đội dù đầu tiên. Sau năm 1975, tôi cũng thường xuyên làm việc với anh khi anh phụ trách tài chính Bộ Quốc phòng rồi chuyển sang làm uỷ viên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Anh Nguyễn Đường là một người điềm đạm, hiền lành, giàu tình nghĩa.

- *Thưa Thiếu tướng, trở lại với thời điểm mùa xuân 1975, lúc đó nhiệm vụ của Thiếu tướng là gì? Bộ đội 559 đã có những đóng góp thiết thực nào trong Chiến dịch Hồ Chí Minh?*

- Ngày 15 tháng 4 năm 1975, tôi được anh Đồng Sĩ Nguyên thông báo: anh Văn Tiến Dũng điện bảo tôi vào gấp Sở chỉ huy Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh. Anh Nguyên giao nhiệm vụ cho tôi nắm chắc lực lượng phía trước của Sư đoàn 470. Sư đoàn xe 471 và lực lượng phòng không để bảo đảm các yêu cầu của mặt trận và thường xuyên báo diễn biến tình hình ở mặt trận về Bộ tư lệnh 559.

Ngày 18 tháng 4, sau khi bàn giao xong những việc đang làm dở cho các đồng chí khác, tôi cấp tốc lên đường. Khác với lần đi cùng anh Văn Tiến Dũng vào chiến dịch Tây Nguyên phải theo đường Đông Trường Sơn, chuyến đi này xe bon bon chạy theo đường 1 vừa được giải phóng với không khí chiến thắng tung bừng.

Đến chỉ huy sở Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tư lệnh Văn Tiến Dũng giao nhiệm vụ cho tôi giúp anh Đinh Đức Thiện - chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần kiêm phó tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh

bảo đảm vận chuyển hậu cần và cơ động bộ đội cho mặt trận. Trong Chiến dịch Tây Nguyên tôi đã được Bộ tư lệnh 559 phân công đi cùng Đại tướng Văn Tiến Dũng vào chỉ huy sở tiền phương của Bộ. Biết tôi nắm vững tình hình đường sá và lực lượng của 559 nên anh Dũng đã điện cho tôi vào tham gia phục vụ Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Các anh cho biết do ta thắng lớn và thắng nhanh nên Bộ Quốc phòng và Nhà nước huy động được khối lượng vũ khí và vật chất lấy được của địch và phương tiện trong dân nên các mặt bảo đảm vật chất cho chiến dịch rất đầy đủ. Anh Đinh Đức Thiện đã nói đùa với Bộ chỉ huy chiến dịch rằng, đạn ta có bắn đến ba đời quân nguy chưa hết! Các anh đã chỉ thị cho tôi trực tiếp kiểm tra đôn đốc khắc phục cầu Nha Bích, tổ chức đón tiếp đoàn xe Quân khu 5 chỉ viện cho mặt trận do anh Võ Thứ - Thiếu tướng phó tư lệnh quân khu trực tiếp chỉ huy.

- Ngày đầu vào chỉ huy sở chiến dịch, còn ấn tượng nào để lại trong Thiếu tướng nữa không?

- Nhiều lắm. Tôi được gặp nhiều đồng chí chỉ huy lãnh đạo các quân đoàn, các quân binh chủng. Đặc biệt vui mừng được gặp lại anh Hoàng Ngọc Diêu, phó tư lệnh Quân chủng phòng không - không quân đến trực tiếp nhận nhiệm vụ của Tư lệnh Văn Tiến Dũng giao cho không quân tham gia chiến dịch. Tôi cùng anh Diêu được cấp trên điều về xây dựng không quân từ ngày đầu thành lập Ban Nghiên cứu sân bay - tiền thân của Quân chủng Không quân. Hai chúng tôi đã cùng gắn bó với không quân từ ngày lực lượng không quân ta chưa có cho đến ngày không quân ta đánh thắng oanh liệt không quân Mỹ trên bầu trời miền Bắc. Thấy anh Diêu phấn khởi trước nhiệm vụ cấp trên giao cho không quân tham gia chiến dịch lịch sử và quyết tâm hứa hẹn của anh với Bộ chỉ huy chiến dịch, tôi cũng vui lây và rất tin tưởng không quân ta nhất định hoàn thành nhiệm vụ; mặc dù thời gian còn rất gấp, chỉ còn ba ngày nữa, nếu không quân không đánh được thì coi như hết thời cơ, vì lúc đó quân ta đã bốn mặt tổng công kích vào trung tâm Sài Gòn.

Đúng ngày 28 tháng 4 năm 1975 trong lúc kiểm tra bộ đội trên đường tiến quân, được tin không quân đã dùng máy bay thu được của địch đánh vào Tân Sơn Nhất gây nỗi kinh hoàng cho quân địch, tôi mừng như chính mình tham gia trận đánh lịch sử đó của không quân.

- Thiếu tướng có mặt ở nội thành Sài Gòn thời điểm nào?

- Sau khi nhận nhiệm vụ Tư lệnh Văn Tiến Dũng giao, tôi cử Sư đoàn phó Trần Quốc Khiêm của Sư đoàn 470 trực tiếp chỉ huy bảo đảm cầu Nha Bích và khắc phục các điểm trơn lầy do mấy trận mưa đầu mùa. Còn Sư đoàn phó Phạm Lê Hoàng của Sư đoàn 471 thì đôn đốc các đơn vị vận tải ô tô và tổ chức đón đoàn xe Quân khu 5 đi theo đường 14 vào.

Ngày 29 tháng 4, Chính uỷ Sư đoàn 470 Hoàng Văn Thám và Phó chủ nhiệm Chính trị Bộ tư lệnh 559 Phạm Tề vào gặp tôi tại điểm chốt ở ngã ba Chơn Thành. Quân ta đang tổng công kích vào trung tâm đầu não của địch ở Sài Gòn. Tôi phổ biến nhanh cho các đơn vị về công tác chính trị phải làm khi quân ta vào giải phóng Sài Gòn. Sáng ngày 30 tháng 4 trong lúc cán bộ các đơn vị đều tiến công, đúng

11 giờ 30 chúng tôi được đài Sài Gòn truyền lời tuyên bố đầu hàng của Dương Văn Minh. Tất cả chúng tôi đều vùng dậy vui mừng khôn tả. Anh Thám và anh Tề xin phép tôi đi theo đơn vị về Sài Gòn.

Sau khi dự cuộc họp Bộ tư lệnh chiến dịch, tôi nhận nhiệm vụ mới, chuẩn bị tiếp quản Sài Gòn và tham gia khôi phục hệ thống giao thông. Chiều ngày 1 tháng 5 tôi cùng cơ quan tiền phương Bộ tiến vào Sài Gòn. Cơ quan Bộ về khu Tân Sơn Nhất gần cơ quan Bộ Tổng tham mưu ngay. Tôi cùng anh em Đoàn 559 về nhà số 14 đường Alexandre de Rhode, ngôi nhà mà Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nguy Trần Văn Đôn ở làm việc cho đến ngày 29 tháng 4 năm 1975 thì lên trực thăng Mỹ chuẩn. Ngôi nhà này do anh Hồ Viết Năng, cán bộ Cục Chính trị 559, đi cùng Sư đoàn 471 cơ động Quân đoàn 2 tiến theo cánh quân phía Đông chiếm dinh Độc Lập vào tiếp quản. Về sau, ngôi nhà này thành trụ sở của Đoàn 559 tại Sài Gòn. Khi tôi vào, trên bàn làm việc của tướng Đôn còn nguyên tám bản đồ tình huống khu vực Sài Gòn và Quân khu 4 nguy. Tám bản đồ này tôi còn giữ để đưa vào Bảo tàng bộ đội Trường Sơn.

Sau khi cùng Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên dự họp với Bộ chỉ huy chiến dịch do Tư lệnh Văn Tiến Dũng chủ trì giao những nhiệm vụ cấp bách cho các đơn vị, tôi được anh Nguyên giao nhiệm vụ kiểm tra lại hệ thống đường 1 vào Cà Mau, đường 15 đi Vũng Tàu. Ngày 15 tháng 5 năm 1975 tôi tham dự cuộc diễu binh mừng chiến thắng ở quảng trường dinh Độc Lập, phấn khởi tự hào cùng đoàn xe diễu hành mà Sư đoàn vận tải ô tô 471 thay mặt cho bộ đội Trường Sơn anh hùng chào mừng ngày thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

- Sau ngày đất nước thống nhất, Thiếu tướng làm gì?

- Xây dựng kinh tế, công nghiệp quốc phòng. Đoàn 559 Trường Sơn làm lễ kết thúc nhiệm vụ lịch sử tại Nha Trang. Sứ mệnh giải phóng dân tộc hoàn thành, Trung ương Đảng quyết định chuyển hai mươi tám vạn quân sang làm kinh tế, kiến thiết lại đất nước. Tổng cục Xây dựng kinh tế được thành lập, anh Đồng Sĩ Nguyên là thứ trưởng Bộ Quốc phòng đặc trách làm Tổng cục trưởng, tôi làm tổng cục phó, rồi quyền Tổng cục trưởng. Một thời gian sau, tôi lại được cử sang làm Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, rồi Cục phó Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng. Tôi cũng được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VIII.

Nhiều vùng kinh tế mới hiện nay trở nên trù phú ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên... có công khai phá ban đầu của bộ đội xây dựng kinh tế. Khi chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam xảy ra, ta chuyển ngay mười ba sư đoàn đang làm kinh tế sang chiến đấu.

- Bây giờ đã về hưu, Thiếu tướng còn theo dõi sát sao tình hình đất nước không?

- Có chứ. Đất nước mình bị cái công thức giáo điều ăn sâu gần ba mươi năm, cách ly với thế giới bên ngoài, cùng hậu quả nặng nề của chiến tranh, dẫn tới khủng hoảng kinh tế trầm trọng từ xã hội đến từng hộ gia đình. Nhưng khi mình tỉnh ngộ, thì chuyển biến rất nhanh, tiến một cách tự tin và vững chắc. Điều

quan trọng là làm sao phát hiện cho ra nhân tài và sử dụng đúng. Công tác cán bộ đừng để xảy ra tình trạng mua quan bán chức, gia đình trị, bè cánh trị mà các triều đại xưa từng bị.

- *Nghĩa là Việt Nam cần có một nền dân chủ thực sự?*

- Theo tôi, tình hình hiện nay điều cần thiết hơn hết là cần có “minh quân”, từ cấp lãnh đạo cao nhất tới từng cơ quan, đơn vị.

- *Tùng là phó tư lệnh Bộ đội Trường Sơn, gắn mình với con đường lịch sử Hồ Chí Minh trong chiến tranh mà nay thành con đường Trường Sơn công nghiệp hóa. Xin Thiếu tướng cho biết vài nét về quá trình phát triển của con đường này?*

- Đường Trường Sơn hay còn gọi là đường Hồ Chí Minh, trong chiến tranh đã được Trung ương đặc biệt quan tâm. Từ năm 1973, Bộ Chính trị giao Đoàn 559 xây dựng tuyến đường Đông Trường Sơn, từ Khe Giác (Quảng Bình) đến Chơn Thành (Bình Phước), mà giai đoạn đầu tập trung khai thông từ đường 9 đến Lộc Ninh.

Hiện nay, đường Trường Sơn công nghiệp hóa có qui mô lớn hơn. Trước đây là đường cấp bốn miền núi, chỉ hai làn xe. Bây giờ do yêu cầu mới, nâng cấp cao hơn, nên một số tuyến cũ phải bỏ để triển khai hướng khác. Và Binh đoàn 12, đơn vị kế tục truyền thống Bộ đội Trường Sơn, được giao xây dựng một đoạn đường khó nhất - từ Quảng Bình vào Tây Nguyên của đường Trường Sơn công nghiệp hóa.

- *Chuyện chinh chiến và chuyện đất nước là thế, còn chuyện gia đình thì sao? Thiếu tướng có kinh nghiệm gì trong đời sống hôn nhân?*

- Sự hòa thuận hay mâu thuẫn của bố mẹ đều có ảnh hưởng rất lớn đối với con cái. Chúng tôi có một trai, hai gái đều trưởng thành. Tôi thường nói với con cái rằng, cái quý nhất của đời cha là ngoài sự độc lập, tự do của Tổ quốc thì còn có sự đầm ấm của gia đình. Vợ chồng chúng tôi luôn sống với tình cảm như lần đầu tôi gặp và yêu cô ấy, một nữ sinh trung học ở Hương Khê thời kháng Pháp. Vợ tôi là một phụ nữ hiền thực, thủy chung và có ý chí tiến thủ.

- *“Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” của hai ông bà có gì đặc biệt không?*

- Rất tự nhiên. Cuối tháng 12 năm 1951 tôi được điều vào Mặt trận Bình Trị Thiên. Từ giã Bố Trạch và Quảng Bình thân yêu, nơi tôi sinh ra, lớn lên và trưởng thành trong phong trào cách mạng và kháng chiến của quê nhà, với biết bao tình cảm sâu nặng. Đến cơ quan Mặt trận bộ nọp giấy tờ xong được cô văn thư cho biết bộ chỉ huy hẹn sáng mai gặp. Cô gái duyên dáng vóc thon gầy, nét mặt hiền dịu, đượm đôi nét phong trần của chiến tranh. Qua tiếng nói, cử chỉ khi đối thoại, tự nhiên tôi thấy cảm tình với cô. Hôm sau, anh Trần Quý Hai - chỉ huy trưởng và anh Chu Văn Biên - chính uỷ mặt trận quyết định giữ tôi lại làm phái viên giúp bộ chỉ huy.

Tình cảm giữa tôi với cô văn thư thân mật hơn và tình yêu đã... đến. Nàng là một nữ sinh mười tám tuổi đời đã tình nguyện “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu” xung phong vào tuyến lửa, có lần suýt sa

vào tay giặc và đã chứng kiến cái chết đau thương của những người bạn chiến đấu thân thiết của mình. Còn tôi là một thanh niên đang độ trưởng thành, đã từng ở bụi nằm hầm sống chết với đồng bào trong vùng địch trên tuyến lửa Quảng Bình. Tình vừa bén, lửa vừa nồng thì tôi được lệnh đi nhận nhiệm vụ ở Trung đoàn 18 thay đồng chí chính uỷ trung đoàn đi học. Tình yêu lại được trao đổi và củng cố qua những lá thư vượt qua bom đạn đến với nhau.

- *Thiếu tướng còn nhớ ngày tổ chức lễ thành hôn...*

- Nhớ chứ! Ngày 9 tháng 11 năm 1952 trong cuộc họp tổng kết chiến tranh du kích toàn mặt trận, chúng tôi tổ chức lễ thành hôn với sự tham dự của đông đủ đại biểu các trung đoàn, tỉnh đội, và cơ quan ban chỉ huy mặt trận Bình Trị Thiên. Chính uỷ Chu Văn Biên nhường chiếc giường ngủ lát bằng cây rừng với... gian phòng lợp lá đơn sơ bên bờ suối để hai vợ chồng chúng tôi hưởng tuần trăng mật. Sống với nhau được năm ngày, tôi có lệnh ra Việt Bắc dự lớp chính huấn sáu tháng. Buổi chia tay thật bịn rịn, tôi lau hoai nước mắt của người vợ mới cưới. Hai đứa trao nhau hai cuốn sổ tay nhỏ để ghi lại những tình cảm của những ngày xa nhau.

- *Trước khi về hưu, bà nhà làm việc ở đâu?*

- Ở Bộ Giáo dục và Đào tạo, làm Cục phó Cục Giáo dục mầm non. Sau khi tập kết ra Bắc, cô ấy vừa nuôi con và phụng dưỡng hai mẹ già, vừa học bổ túc văn hóa. Năm 1963, cô thi đậu hệ chính quy Đại học Y Hà Nội ngành Nhi khoa, đến năm 1969 thì tốt nghiệp ra trường. Từ năm 1973-1976, cô ấy sang Tiệp Khắc học cao học về chuyên ngành nuôi dạy trẻ. Miền Nam giải phóng, tôi đưa các con vào Sài Gòn và viết thư sang Tiệp cho nhà tôi. Cô ấy viết thư về, trong đó có câu mà tôi nhớ mãi: “Khi nhận được thư anh và con ở Sài Gòn giải phóng, em mới hết nỗi thấp thỏm lo âu đeo đẳng suốt đêm ngày, là khi về liệu có gặp lại nhau không?”.

Vâng, không chỉ riêng tướng Phan Khắc Hy mà cả dân tộc Việt Nam có một thời gian phải gánh chịu những đau thương, chia lìa như thế. Vợ xa chồng. Cha xa con. Anh xa em. Có người may mắn còn ngày rơi nước mắt trong vòng vây sum họp. Có người mãi mãi nằm lại chốn rừng sâu núi thẳm, đến nắm xương tàn cũng không còn để người thân được nhìn lần cuối. Và không ít người khi ngã xuống vẫn còn vẹn nguyên “con gái, “con trai”. Họ chưa kịp được một lần đặt lên môi người yêu nụ hôn đầu thấp thỏm. Cái giá mà dân tộc Việt Nam, một dân tộc từng chống trả mười bốn cuộc ngoại xâm, cái giá phải trả cho sự độc lập, tự do hòa bình thật quá đắt!

Tân Bình, tháng 9 năm 1997

09 - Thiếu tướng TÔ KÝ

Ôm mối thù cha, vượt ngục Tà Lài, thuyết phục lính mã tà khám Tây Ninh, quay về Mười tám thôn Vườn Trầu cùng nhân dân Gia Định đứng lên cướp chính quyền, Tô Ký trở thành một thủ lĩnh quân sự khi thu phục nhiều hảo hán giang hồ có tinh thần yêu nước vào thời kỳ "hỗn quân hỗn quan" ở Nam Bộ để đương đầu với thực dân Pháp tái xâm lược. Tô Ký cùng người đồng đội chí thiết Trần Văn Trà thành lập và chỉ huy lực lượng vũ trang đầu tiên của Nam Bộ do Đảng Cộng sản lãnh đạo: Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa mà ông là chỉ huy trưởng; rồi tận tình giúp tướng Nguyễn Bình thống nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ, được cử làm phó tư lệnh Quân khu 7. Năm 1954 đất nước bị chia cắt, bằng uy tín và bản lĩnh của một nhà chỉ huy dạn dày trận mạc Tô Ký đã góp phần ổn định và nâng cao tinh thần cán bộ chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc đang nóng lòng quay về giải phóng quê hương. ông được thăng Thiếu tướng năm 1961, lần lượt đảm trách: trưởng Phòng Giao thông vận tải Bộ Tổng tham mưu, tư lệnh kiêm chính ủy Sư đoàn 338, chánh án Tòa án Quân sự Trung ương, phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao, chính ủy Quân khu 7, chính ủy Quân khu Hữu Ngạn,... Cuối đời, tướng Tô Ký lại cùng tướng Trần Văn Trà đứng ra tập hợp thành lập và lãnh đạo Hội Cự chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh với cương vị phó chủ tịch rồi chủ tịch hội. Đồng thời, ông còn là phó chủ tịch Hội Cự chiến binh Việt Nam.

Cuộc đời tướng Tô Ký gắn liền với mảnh đất thép Hóc Môn - Củ Chi của Gia Định xưa, với Mười tám thôn Vườn Trầu lừng danh sử sách. Ông tuổi Mậu Ngọ - 1918, nhưng khai sinh trễ, giấy đẻ ngày 05 tháng 9 năm 1919. Nhà nghèo, học đến primaire trường Hóc Môn thì phải nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình. Năm mười bốn tuổi, Tô Ký vừa làm ruộng vừa đi học chữ Hán thầy Mười Lời (Phạm Văn Lờ) mong theo nghề thầy thuốc. Nhưng rồi phong trào cách mạng bùng lên ở quê hương Mười tám thôn Vườn Trầu cuốn hút chàng trai trẻ yêu nước, đầy cá tính. Tô Ký tham gia phong trào Thanh niên Dân chủ, được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 4 năm 1937. Hai năm sau, trong một lần đi phân phát truyền đơn cổ động đấu tranh, Tô Ký bị mật thám Pháp bắt giam tại Khám lớn Sài Gòn, tòa tiểu hình kết án một năm tù ở và ba năm đày biệt xứ.

Tháng 11 năm 1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ mạnh mẽ. Do điều kiện còn non nớt, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Thân sinh của Tô Ký là cụ Tô Nếp cùng tám trăm đồng chí cách mạng bị kẻ thù bắt xỏ dây kẽm vào lòng bàn tay, đẩy xuống bốn chiếc xà lan, bí mật nhấn chìm vào nửa đêm trên sông Sài Gòn khúc Xóm Chiếu. Thời khắc tang thương ấy xảy ra vào tháng 5 năm 1941.

Lúc người cha thân yêu bị hãm hại cũng là lúc Tô Ký đang bị giam cầm trong nhà tù thực dân, sau

một cuộc vượt ngục không thành. Điều làm Tô Ký hết sức đau lòng là trước khi thân phụ bị thủ tiêu, chính ông đã tận mắt chứng kiến cảnh cha mình bị mật thám Pháp tra tấn dã man ở bót Catinat. Gan lì, dũng cảm, Tô Ký không những khuất phục được đám "anh chị" giang hồ trong tù, mà còn luôn đứng ra hứng chịu đòn khảo tra thay cho đồng chí của mình trong các cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù. Những hành động nghĩa khí ấy cho đến nay vẫn còn được truyền tụng như những giai thoại đẹp! Và cũng từ đó, uy danh Tô Ký dần ngự trị trong tâm khảm người dân Mười tám thôn Vườn Trầu lẫn cả Nam Bộ như một niềm mến phục, tự hào.

Vào một sáng mùa hạ nắng trong, tướng quân Tô Ký hẹn và tiếp tôi trong một ngôi nhà ở Phú Nhuận. Dáng người cao ráo, hơi ốm nhưng khỏe khoắn. Bước đi nhanh. Cử chỉ thoải mái, bộc trực. Nụ cười luôn tươi rói trên khuôn mặt phúc hậu. Một con người, một tính cách, một hình ảnh đặc trưng Nam Bộ! Ngả lưng trên chiếc sa lông gỗ, lão tướng hồi tưởng bằng trí nhớ mạch lạc, âm giọng hào sảng.

- Quê tôi có truyền thống cách mạng từ xa xưa, mà gần nhất là phong trào do ông Nguyễn An Ninh khởi xướng. Đây cũng là nơi Thường vụ Trung ương Đảng đóng. Trước Nam Kỳ khởi nghĩa, phong trào cách mạng ở Hóc Môn - Bà Điểm quê tôi đã phát triển khá mạnh. Quân Pháp liên tục bố ráp, săn lùng. Cha tôi và tôi lần lượt bị chúng bắt. Tôi bị đày đi căng Tà Lài (bọn Tây gọi là Camp des trvailleurs Talai) một trại giam nằm trong rừng, cách thị trấn Định Quán, Đồng Nai hơn mười lăm cây số.

Chi bộ nhà tù tổ chức học văn hóa lẫn chính trị. Anh Trần Văn Vi dạy về cách mạng tư sản dân quyền. Anh Trần Văn Giàu dạy chủ nghĩa Marx - Lênin. Ông Mười Mẩn người Bến Tre, từng dự kỳ thi Hương cuối cùng của nhà Nguyễn năm 1915, dạy chữ Hán. Ngoài ra, anh em tù còn học tiếng Pháp và một số môn khác. Thời gian này, tôi được làm quen khá nhiều bạn tù tiếng tăm có thành phần xuất thân khác nhau. Những người cộng sản như Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai,... Những người thuộc nhóm Troskist Đệ tứ Quốc tế như Đào Văn Long, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu,... Những nhà sư yêu nước: Sư Thiện Chiếu, Huệ Thới,...

Một thời gian sau Nam Kỳ khởi nghĩa thất bại, Chi bộ đảng nhà tù quyết định cho tám đồng chí vượt ngục, gồm các anh Trần Văn Giàu, Dương Văn Phúc (tức Dương Quang Đông), Châu Văn Giác, Trần Văn Kiệt (Kiệt), Trương Văn Nhâm, Nguyễn Công Trung, Nguyễn Hoàng Sính (Đức) và tôi. Một nhóm năm người chạy về hướng Sài Gòn. Nhóm của tôi gồm anh Giàu, anh Giác và tôi băng rừng trốn lên Đà Lạt. Đến ngày thứ mười bảy thì tới nơi. Nhưng có lệnh truy nã gắt gao, tôi bị Tây bắt lại đưa về Sài Gòn kêu án sáu tháng tù ngồi, sau đó đưa lên giam ở căng Bà Rá, một nơi rừng thiêng nước độc chẳng kém Tà Lài, rồi chuyển về khám Tây Ninh. Thời gian này, tôi cùng một vài anh em đi làm tạp dịch ngày hai buổi khá cực nhọc. Mỗi ngày nấu tới mười tám chảo cơm cho tù ăn, sáng mười chiều tám chảo. Nhờ đó, tôi khá sành chuyện nấu nướng!

Cho đến khi Nhật đảo chánh Pháp vào ngày 09 tháng 3 năm 1945, tôi đã thuyết phục bọn lính mã tà giao súng cho tù chánh trị và anh em lập tức về quê chuẩn bị tham gia tổng khởi nghĩa. Tôi về Gia Định, được phân công thành lập, chỉ huy các lực lượng võ trang địa phương. Tôi được cử làm ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Gia Định kiêm ủy viên Ban Cán sự Liên tỉnh miền Đông phụ trách tỉnh Thủ Dầu Một mà chủ yếu là địa bàn quận Lái Thiêu.

- *Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn - Gia Định được xem là một trong những hình ảnh tiêu biểu cho cả nước trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám. Thiếu tướng còn nhớ gì về những ngày khi cách mạng vừa thành công?*

- Sau khi giành được chánh quyền, tôi tiếp tục xây dựng các lực lượng quân sự tỉnh Gia Định, đồng thời tham gia xây dựng chánh quyền rộng khắp các địa phương, góp phần dàn xếp ổn thỏa giữa Việt Minh mới (Tiền Phong) và Việt Minh (Giải Phóng) để đi đến thống nhất. Còn anh Trần Văn Trà mới trong khám ra, tham gia Kỳ bộ Việt Minh. Trước đó, Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ mời tôi đến có ý định phân công tôi làm tỉnh trưởng Gia Định, rồi tỉnh trưởng Thủ Dầu Một nhưng tôi đều từ chối. Tôi muốn trở về Hóc Môn dàn xếp ổn thỏa những mối oán thù còn tồn tại từ Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940. Vì nhiều cuộc trả thù trả oán đang diễn ra. Nếu không kịp thời ngăn chặn thì hậu quả khó lường... Chỉ khoảng hai mươi ngày sau Cách mạng, một đại đội gồm 120 lính Pháp của trung đoàn thuộc địa số 5 đã trà trộn vào đơn vị đầu tiên của quân Anh - Ấn đến Sài Gòn. Tình hình bắt đầu gay cấn. Tướng Anh Douglas D.Gracy, tư lệnh Sư đoàn 20 Anh - Ấn lãnh sứ mệnh của Đồng Minh vào giải giới quân Nhật, nhưng lại yểm trợ quân Pháp tái chiếm Nam Kỳ. Gracy ra lệnh thả những tên sĩ quan Pháp bị quân Nhật bắt giam trong Khám Lớn và một số nơi khác, chiếm Nam Bộ phủ, rồi tìm cách giải thoát Toàn quyền Decoux, Thống đốc Nam kỳ Hoeffel, tướng Delsuc - Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương, Tỉnh trưởng Biên Hòa Larivière... Ngày 13 tháng 9 năm 1945, khi Sài Gòn đang âm ỉ khả năng bùng nổ chiến tranh thì một lá cờ ba sắc đột ngột xuất hiện ở dinh Toàn quyền cũ, như một sự thách thức đối với ta. Tức giận, nhân dân kéo đến dinh Toàn quyền càng lúc càng đông để phản đối hành động xác xược, buộc chúng hạ cờ.

Chúng còn bày mưu “mời” các vị lãnh đạo Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ đến gặp bàn bạc, hòng bắt làm con tin. Đoán biết thủ đoạn của chúng, ta đồng ý nhận lời mời nhưng lại bí mật khẩn trương chuyển toàn bộ cơ quan ra khỏi dinh Đốc Lý cũ. Tối ngày 22 tháng 9, không thấy đại diện của ta đến, chúng cho quân đánh chiếm những điểm trọng yếu ở nội thành Sài Gòn. Cho đến ba giờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Đến ngày 5 tháng 10 thì Leclerc - viên tướng nổi danh vừa chỉ huy giải phóng thủ đô Paris nước Pháp khỏi ách chiếm đóng của phát xít Đức, đã bay sang Sài Gòn. Tướng Leclerc huênh hoang: “Chúng ta sẽ quét sạch Việt Minh trong ba tuần”! Và ngay lập tức, hấn xua quân đánh chiếm các tỉnh miền Đông, rồi hành quân xuống các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

- *Phản ứng của ta lúc ấy như thế nào, thưa Thiếu tướng?*

- Chỉ hai ngày sau khi quân Pháp núp bóng Đồng Minh vào Sài Gòn, từ Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã ra lời kêu gọi quốc dân đồng bào hãy cảnh giác sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu. Nhân dân Sài Gòn tỏ thái độ bất hợp tác với quân đội chiếm đóng. Hầu khắp thành phố không có điện, không thư tín, các cửa hàng đều đóng cửa... Và khi quân Pháp chính thức nổ súng tái xâm lược, thì tại một căn nhà ở đường Cây Mai thuộc Chợ Lớn, Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ và Kỳ bộ Việt Minh đã tổ chức một cuộc họp quan trọng, ra lời kêu gọi kháng chiến và thành lập Ủy ban Hành chánh kháng chiến.

Hưởng ứng lời kêu gọi kháng chiến, nhân dân Sài Gòn - Nam Bộ đã đứng lên. Vũ khí lúc này chủ yếu là tầm vông vạt nhọn. Trên các ngã đường từ ngoại ô đến nội thành, đâu đâu cũng có chướng ngại vật cản bước tiến quân xâm lược, lập thành các phòng tuyến mặt trận như Thị Nghè, Cầu Bông, Hàng Xanh, Gò Vấp, Thủ Đức, Nhà Bè, Bà Quẹo, cầu Tham Lương, cầu Bến Phân, cầu An Lạc... Nhiều cuộc cắt máu ăn thề “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Để bảo vệ cột cờ Thủ Ngữ, nhiều cảm tử quân đã anh dũng ngã xuống, khiến viên chỉ huy quân Pháp phải tập hợp đại đội bỗng dưng đứng chào những chiến sĩ vệ quốc anh hùng vừa ngã xuống của chúng ta.

- *Vậy còn lực lượng vũ trang tự vệ của ta lúc đó được tổ chức ra sao?*

- Lúc quân Pháp bắt đầu gây hấn, Tổng công đoàn Nam Bộ đã tổ chức được lực lượng võ trang công nhân hơn sáu ngàn người, phiên chế thành bốn sư đoàn chánh quy. Tuy nhiên, những người chỉ huy bốn sư đoàn này phần lớn là tay chân của Pháp, Nhứt trước đó.

Tại các quận huyện cũng tổ chức cho nhân dân tự vũ trang. Các đơn vị vũ trang tự vệ ở các địa phương thường mang tên người chỉ huy như bộ đội Hai Bứa, Hai Chiêu, Ba Tô Ký, Năm Bi, Hứa Văn Yên, Huỳnh Tấn Chùa ở Hóc Môn; Tư Thước (Lâm Quốc Dũng), Năm Bội, Sáu Hàm, Tám Đào ở Bà Quẹo; Hai Nhị, Ba Dương (Dương Văn Dương), Năm Chẳng, Sáu Đồi (Trần Văn Đồi), Bảy Viễn (Lê Văn Viễn), Tám Hoe (Nguyễn Văn Hoe), Chín Phải (Quách Văn Phải), Mười Lực (Ngô Tấn Lực) ở Thủ Thiêm - Nhà Bè, Tám Mạnh (Nguyễn Văn Mạnh), Hai Vĩnh (Mai Văn Vĩnh) ở Chánh Hưng; Ba Bang (Trương Văn Bang), Tư Hoạch (Nguyễn Văn Hoạch) ở Cần Giuộc; Bảy Quới, Đào Sơn Tây, Trần Đình Xu, Thái Văn Lung ở Thủ Đức, anh Hứa Văn Yên, anh Phan Đình Công ở Bà Rịa; anh Dung, anh Hai Minh Minh... Có đơn vị lấy tên địa phương mình như, bộ đội Bà Quẹo, bộ đội Phú Thọ, bộ đội Thủ Thiêm, bộ đội An Điền, bộ đội Tân Qui...

Đây chính là tiền thân của Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa. Với tinh thần “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi tác đất là một chiến hào”, quân dân Sài Gòn đã ghìm được chân địch trong thành phố hơn một tháng ròng, bất chấp sự chênh lệch về lực lượng, khí tài, trước khi rút lui an toàn ra chiến khu tiếp tục cuộc trường kỳ kháng chiến.

- *Xin Thiếu tướng cho biết rõ hơn về tình hình bốn sư đoàn chánh quy?*

- Đệ nhất sư đoàn hay Cộng hòa Vệ binh do Kiều Công Cung cùng Trần Tử Oai, Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quận, Nguyễn Văn Hoạch chỉ huy, quân số phần lớn là lính mã tà của Tây và một số lính Hải Hồ (Heiho) của Nhật. Đây được xem là lực lượng chủ lực của Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ. Đệ nhị sư đoàn thì do Vũ Tam Anh tức Nguyễn Ngọc Nhẫn chỉ huy. Đệ tam sư đoàn là Nguyễn Hòa Hiệp và Đệ tứ sư đoàn là Lý Huê Vinh chỉ huy. Quân lính bốn sư đoàn này rất hỗn tạp, thích ăn diện phô trương. Ngày thường thì diễu hành rùm beng khắp phố. Giặc đến thì chưa đánh đã quăng súng chạy. Về sau, chỉ có Cộng hòa Vệ binh do anh Trương Văn Giàu và anh Nguyễn Văn Quận chỉ huy là đi kháng chiến tới cùng.

Đội quân này khác toàn với lực lượng dân quân tự vệ. Anh em có gì mặc nấy. Vũ khí thô sơ, chiến tranh là tầm vông, giáo mác, mã tấu. Nhưng tinh thần thì kiên cường, sẵn sàng hy sinh vì đại cuộc. Thời kỳ đầu kháng chiến, Nam Bộ được chia làm ba khu. Khu 7 do Kiều Đắc Thắng tự xưng hùng xưng bá, xem mình như tư lệnh. Khu 8 đứng đầu là Vũ Đức, còn Khu 9 là Đào Văn Trường đều là những chỉ huy quân Nam tiến. Cho tới khi Trung ương cử Nguyễn Bình vào Nam Bộ thì Kiều Đắc Thắng lên Tây Nguyên rút ra Bắc. Anh Nguyễn Bình được cử làm tư lệnh Quân khu 7, còn tôi cùng anh Huỳnh Văn Nghệ, anh Dương Văn Dương là phó tư lệnh. Sau khi anh Ba Dương mất, nhằm thống nhất lực lượng Bình Xuyên vào Quân khu 7, anh Ba Bình với tư cách là tư lệnh Nam Bộ đã bổ nhiệm Bảy Viễn tức Lê Văn Viễn làm phó tư lệnh Quân khu 7.

- Thiếu tướng còn nhớ Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa được thành lập như thế nào và ai là người đứng đầu lực lượng này?

- Trước tình hình mới, để có một lực lượng võ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc kháng chiến, chúng tôi bàn bạc với Tỉnh ủy Gia Định thành lập Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa. Đây cũng chính là lực lượng nòng cốt cho Chi đội 12 do tôi làm chi đội trưởng, về sau đổi thành Trung đoàn 312 Vệ quốc đoàn.

Giải phóng quân Liên quận chính thức thành lập ngày 1 tháng 11 năm 1945, lúc đầu do anh Hoàng Dur Khương phụ trách chung. Nhưng chỉ một tháng sau, anh Khương nói rằng mình không quen với việc chỉ huy quân sự nên xin chuyển sang làm thơ ký Việt Minh. Còn lại tôi với anh Trần Văn Trà cùng chỉ huy. Tôi là chỉ huy trưởng, anh Trà là chính trị viên, với sự giúp sức của các anh Huỳnh Tấn Chứa, Lê Minh Định, Hoàng Tế Thế và nhiều anh em khác. Lúc chuẩn bị đón cái Tết kháng chiến đầu tiên năm 1945 - 46, Giải phóng quân Liên quận làm cuộc “chinh Đông” qua Tân Uyên phối hợp với Chi đội 10 của anh Huỳnh Văn Nghệ “bày binh bố trận” ngăn chặn giặc Pháp từ Biên Hòa tấn công lên căn cứ chiến khu Đ.

- Vậy là gần một năm sau khi Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời ở chiến khu Việt Bắc, thì ở Nam Bộ đã xuất hiện Giải phóng quân Liên quận.

- Đúng vậy. Cả hai đều do Đảng thành lập và lãnh đạo. Lúc bấy giờ có mặt tại Xứ ủy Nam Bộ gồm các

đồng chí Lê Duẩn, Dương Bạch Mai, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Cao Hồng Lĩnh, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp...

- *Thế các đơn vị võ trang khác ở Nam Bộ lúc đó hình thành thế nào, thưa Thiếu tướng?*

- Chủ yếu do lòng yêu nước tự phát. Dù mang danh nghĩa giáo phái, nhưng lực lượng phần lớn cũng là quần chúng công nông. Họ bất bình trước nạn cường hào ác bá, căm phẫn bọn ngoại xâm mà đứng lên chống lại chúng. Lúc đầu, họ cướp của nhà giàu chia cho người nghèo, cướp vũ khí quân Pháp và tay sai để tự trang bị, nuôi dưỡng lực lượng. Về sau, được sự hướng dẫn, lãnh đạo của Đảng, họ đã đứng vào hàng ngũ kháng chiến.

- *Thiếu tướng nhận định ra sao về các tay anh chị hảo hán giang hồ, mà tiêu biểu là các thủ lĩnh Bình Xuyên trong đội quân hỗn hợp này?*

- Đa số anh em này là những người tốt, có tinh thần yêu nước, dù là người của Bình Xuyên hay giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. Có thể kể đến những tay đàn anh như Dương Văn Dương, Dương Văn Hà, Lê Văn Viễn, Huỳnh Văn Trí, Trần Văn Đối, Trịnh Minh Thế, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Thành Phương, Ngô Tấn Lực, Nguyễn Văn Hoạch, Trần Văn Soái, Lê Quang Vinh, Lâm Văn Đức, Nguyễn Văn Mạnh,... Ban đầu họ đều tích cực tham gia kháng chiến. Nhưng về sau do bọn gián điệp Phòng Nhì Pháp cài vào xúi giục chia rẽ họ.

Điển hình nhất là Bình Xuyên, một lực lượng rất mạnh bấy giờ. Một số thủ lĩnh Bình Xuyên mà tiêu biểu là Bảy Viễn, do nghe lời xúi giục từ bọn tay sai Phòng Nhì của Pháp là Lại Hữu Tài và Lại Văn Sang, đã trở giáo về Thành ủng hộ giải pháp Bảo Đại. Trước đó, dưới sự hướng dẫn của Pháp, Bảy Viễn đã lập chiến khu Xanh đối lập với chiến khu Đỏ là chiến khu Đ. Nhưng lực lượng ngày càng phân hóa. Cuối cùng, cha con Bảy Viễn cùng một số tay chân bộ hạ đã lên xe GMC của Pháp đợi sẵn lúc trời tờ mờ sáng trên đường 4, đoạn Gò Đen - Bình Chánh, chạy về Sài Gòn. Đó là một ngày của năm 1952. Toàn thể những anh em còn lại của bộ đội Bình Xuyên tiếp tục tham gia kháng chiến đến cùng, cho tới khi nước nhà thống nhất năm 1975. Trong số các thủ lĩnh tiêu biểu của Bình Xuyên có công lớn, được Nhà nước phong quân hàm cấp tướng Quân đội nhân dân Việt Nam có các anh Dương Văn Dương, Lê Thành Công...

- *Chắc thiếu tướng có biết vụ "tảo thanh Bình Xuyên" diễn ra khoảng đầu năm 1950?*

- Đây là một sai lầm chính trị đáng tiếc do một vài cá nhân gây ra. Lúc đó tôi là phó tư lệnh Quân khu 7 nhưng không hề hay biết. Cả Xứ ủy, Bộ Tư lệnh Nam Bộ và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 cũng vậy. "Tảo thanh Bình xuyên" là chủ trương riêng của Phòng Chính trị Quân khu 7, mà cụ thể là Chủ nhiệm Nguyễn Văn Trí đã phái Nguyễn Đức Huy xuống các đơn vị bộ đội Bình Xuyên bắt bớ thanh trừng. Đây là một sai lầm lớn vì không đánh giá đúng tinh thần dân tộc, ý chí chiến đấu của anh em Bình Xuyên. Khi sự việc xảy ra. Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn hay tin liền cấp tốc chống xuống đến khu 7 ngăn chặn, phê phán chủ trương đó. Anh cũng giải quyết những trường hợp cụ thể, đem lại niềm tin cho anh

em Bình Xuyên.

- *Thiếu tướng có thể cho biết vài nét về tướng Dương Văn Dương, vị thủ lĩnh nổi tiếng của Bình Xuyên.*

- Anh Ba Dương là lãnh tụ có uy tín nhất của Bình Xuyên. Hai người Nam Bộ đầu tiên được phong tướng là anh Dương Văn Dương và tôi. Một người còn sống. Một đã hy sinh. Ba Dương học hết tiểu học, bỏ đi giang hồ, mượn nghề nuôi vịt để trau dồi võ nghệ và qui tụ hảo hớn. Vóc người nhỏ thó, đáng vẻ thư sinh, nhưng Ba Dương rất có uy lực trong giới giang hồ. Anh vốn là "đại ca" vùng Tân Qui - Nhà Bè, sau sang làm sếp cai quản bến xe đò Nam Vang bên hông chợ Bến Thành. Đám thầy chú rất vị nể. Khi Nhứt chuẩn bị vào Đông Dương, anh bị Tây bắt cắt tóc ra từng đoạn rồi bắt uống để giết dần giết mòn cơ thể anh. Vốn là thầy võ nên khi ngộ nạn anh được nhiều đồ đệ trung thành theo giúp.

Trong Cách mạng tháng Tám, anh tham gia cướp chánh quyền, rồi trở thành thủ lĩnh đứng đầu lực lượng Bình Xuyên. Kháng chiến toàn quốc nổ ra, Ba Dương chỉ huy một đơn vị đột nhập nội thành Sài Gòn làm bạt vía kinh hồn bọn Tây và đám Việt gian dựa hơi. Ngoài bưng biền, dưới sự chỉ huy của Ba Dương, bộ đội Bình Xuyên lập nhiều công trận trong kháng chiến. Thật chẳng may trong lúc chỉ huy một trận đánh ở Bến Tre, anh bị máy bay Pháp bắn trọng thương và hy sinh, lúc đang giữ trọng trách phó tư lệnh Quân khu 7. Đây là một tổn thất lớn đối với bộ đội Bình Xuyên và lực lượng kháng chiến Nam Bộ. Anh Ba Bình hết sức quý mến và thương tiếc anh Ba Dương. Lễ truy điệu anh được tổ chức ở Bà Rịa. Sau khi Dương Văn Dương hy sinh, Trung ương và Bác Hồ truy phong anh quân hàm Thiếu tướng. Tên của Dương Văn Dương được đặt cho một con kênh lớn ở miền Tây và một đơn vị bộ đội đánh giặc giỏi.

- *Khi tướng Nguyễn Bình được Trung ương biệt phái vào Nam Bộ, tháng 10 năm 1945, được biết Thiếu tướng đã nhiệt tình giúp Nguyễn Bình rất nhiều trong việc thống nhất các lực lượng võ trang hỗn tạp bấy giờ.*

- Anh Nguyễn Bình đúng là con người của tình thế. Nhờ danh nghĩa đặc phái viên Trung ương do Bác Hồ cử vào, bằng uy tín và kinh nghiệm tổ chức, chỉ huy quân đội của tư lệnh Đệ tứ chiến khu, tức chiến khu Đông Triều ở Hải Phòng, Nguyễn Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Ngang tàng, hào hiệp, anh đã thu phục được các tay anh chị giang hồ "coi trời bằng vung", dẫn đến thống nhất các lực lượng võ trang Nam Bộ, đưa kháng chiến từng bước đi đến thắng lợi. Ngoài căn cứ, anh đã chánh qui hóa các lực lượng võ trang, phiên chế thành các trung đoàn, áp đặt kỷ luật quân sự chặt chẽ. Còn trong vùng tạm chiếm, anh tổ chức các Ban Công tác đặc biệt hoạt động rất hiệu quả, làm cho bọn thực dân lẫn Việt gian phản động ăn không ngon ngủ không yên ngay ở sào huyệt đô thành Sài Gòn.

- *Nhờ vậy mà Nguyễn Bình được tấn phong Trung tướng, cấp hàm cao thứ hai sau Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp và trở thành phó chủ tịch ủy ban Hành chánh kháng chiến Nam Bộ kiêm tư lệnh quân sự Nam Bộ. Với tư cách chỉ huy trưởng Giải phóng quân liên quân, nhưng lại*

phải chịu dưới quyền một người hoàn toàn mới như Nguyễn Bình, lúc đó Thiếu tướng và tướng Trần Văn Trà có cảm thấy tự ái không?

- (Cười lớn) Không, hoàn toàn không! Bởi chúng tôi hiểu được sức mình. Lúc đó tôi với anh Ba Trà còn trẻ lắm, mới khoảng hai sáu hai bảy tuổi. Trong khi chỉ huy các đơn vị khác lớn tuổi hơn chúng tôi lắm, lại có nhiều kinh nghiệm về quân sự. Điều quan trọng là tìm được người có bản lĩnh, năng lực và uy tín để tập hợp, lãnh đạo thống nhất các lực lượng võ trang. Do đó, anh Ba Trà và tôi cùng nhiều anh em khác ủng hộ anh Nguyễn Bình là điều tự nhiên.

- Nhưng thừa Thiếu tướng, hình như lúc đầu không phải ai cũng tâm phục Nguyễn Bình.

- Đơn giản: Nguyễn Bình vốn là đảng viên Quốc dân đảng. Sau thất bại khởi nghĩa Yên Bái năm 1930, Quốc dân đảng chia làm hai phái. Một phái theo Tàu theo Tây. Một phái theo cộng sản, mà tiêu biểu là các anh Trần Huy Liệu, Trần Xuân Độ, Nguyễn Phương Thảo tức Nguyễn Bình,... Tuy vậy một số anh em vẫn còn kỳ thị, nên không chịu để Nguyễn Bình làm tư lệnh Nam Bộ, mà muốn tôi hoặc anh Ba Trà.

Như tôi đã nói, anh Nguyễn Bình là người lớn tuổi, hơn tui tôi tới mười lăm tuổi, biết cách tổ chức quân đội, tính tình hào phóng, hợp với anh em Nam Bộ, lại là người do Bác Hồ và Bộ Tổng tư lệnh cử vào, nên hội đủ các điều kiện. Thực tình, trước đó tôi với anh Ba Trà cũng đã tính chuyện làm cách nào để thống nhất các lực lượng võ trang. Do đó, khi Nguyễn Bình vào, vì sự nghiệp chung, tui tôi ủng hộ ngay, tạo mọi điều kiện thuận lợi để anh làm việc.

- Nghe nói lễ thành hôn của Thiếu tướng với hiền nội Trần Thị Tân do Trung tướng Nguyễn Bình làm chủ hôn, có đúng không?

- Nguyễn Bình là cấp trên trực tiếp, lại sống làm việc chung với tôi tình thân như anh cả, nên việc anh đến dự đám cưới lúc đó xem như chủ hôn cũng được. Tôi nhớ khi tới dự, anh Ba đi ngựa. Anh cười ngựa giỏi như bắn súng.

- Thiếu tướng gặp bà nhà trong hoàn cảnh nào?

- Cùng đi kháng chiến. Nhà tôi cũng người Hóc Môn, học hết tiểu học, tham gia Thanh niên Tiền phong, rồi vào chiến khu làm công tác hội phụ nữ. Chúng tôi hiện có bốn con, hai trai, hai gái đều đã trưởng thành.

...Từ chuyện chinh chiến, Thiếu tướng Tô Ký "lái" sang chuyện đời thường lúc nào tôi không hay biết. Bởi đã cao hứng rồi thì vị lão tướng thao thao bất tuyệt. Ông tỏ ra rất tâm đắc chuyện ẩm thực: "Khi còn trong tù tôi đã khá sành nấu ăn, Tây Tàu gì tôi cũng nấu ráo. Nấu bài bản đàng hoàng. Tôi thích nấu ăn chẳng kém đánh giặc" ! Tôi chợt nhớ lời nhà văn Nguyễn Quang Sáng nói trước khi tôi đến đây: Tô Ký là một con người độc đáo, từ sự nghiệp tới tính cách ! Ngẫu hứng, tôi đọc tặng ông mấy vần lục bát vui :

Vượt Tà Lài bắm Vườn Trầu

Chỉ huy liên quân mưu sâu nghĩa dày

Giao thông đi gió về mây

Đã nấu ăn thì Tàu Tây cũng rành

Vị lão tướng lại nở tròng cười sang sảng, đứng dậy nắm chặt tay tôi: "Chú mày giỏi thiệt. Khi nào rảnh tới chơi để bàn chuyện khởi nghĩa Nam Kỳ. Đây là việc lớn, phải viết cho có hệ thống, cho đúng sự thật lịch sử".

*

Một cuốn sách đầy đủ, trung thực, có hệ thống về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ là mơ ước lớn cuối đời của tướng quân Tô Ký. Rất tiếc, chưa thực hiện trọn vẹn ước mơ ấy thì ông đột ngột vĩnh viễn ra đi vào mừng Hai Tết Kỷ Mão, tức ngày 17 tháng 02 năm 1999, thọ tám mươi một tuổi. Đại tá Nguyễn Văn Tòng, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, một đồng đội thân thiết của tướng Tô Ký, ngâm ngùi: "Anh mất đi để lại một công trình lớn về lịch sử cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vừa mới được khởi động mặc dù anh đã để tâm đến việc này mấy năm nay. Anh đầu tư nhiều trí tuệ và công sức vào công trình lịch sử này vì các thế hệ mai sau và cũng vì những đảng viên cộng sản, những đồng bào đã ngã xuống một cách oanh liệt trong cuộc khởi nghĩa anh hùng bị thực dân Pháp dìm trong máu lửa".

Trong nỗi thương tiếc vị thủ lĩnh kiên trung, hào hiệp và nhân hậu xuất thân từ Mười tám thôn Vườn Trầu, một tướng lĩnh hàng đầu, một "khai quốc công thần", Đại tá Nguyễn Văn Quảng - một trong những chiến binh kỳ cựu của Nam Bộ và nguyên thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đã tỏ lòng tri ân trước vong linh Thiếu tướng Tô Ký: "Được Đảng và nhân dân tín nhiệm giao anh nhiều trọng trách, suốt cuộc đời cách mạng mà anh từng tự giác lao vào từ giữa những năm 30 tóc xanh rực lửa đến buổi đầu bạc dạn dày. Nhiệm vụ nào, khó khăn bao nhiêu anh đều hoàn thành; gian nan và thử thách hiểm nguy nhất đến tánh mạng có lẽ là lúc trong lao tù đế quốc ở Tà Lài, anh không hề nao núng. Cơ thể và nghị lực anh như "thép được tôi luyện", như "vàng qua lửa đỏ" đã đưa anh vững bước trên các chặng đường.

Anh nằm xuống rồi mà như anh đang yên bình trong giấc ngủ thiên thu nơi miền lạc cảnh. Anh đã đi xa mà vẫn lưu lại cho đời một gương sáng về "nhơn cách" của một con người cộng sản chân chính. Cái còn vĩnh viễn của anh chính là điểm đó. Tôi nghĩ như thế và thấy anh như còn mãi bên chúng tôi".

Càng xúc động hơn khi bà Trần Thị Tân trong cơn đau khổ tột cùng đã viết nên một bài thơ dài, được chuyển thể sang vọng cổ, ca ngợi cuộc đời kiên trung nghĩa hiệp của đáng phu quân Tô Ký. Mỗi lời ca là một tiếng nấc trước anh linh của ông - người bạn chiến đấu, người chỉ huy, người chồng và hơn hết là thần tượng của bà. Tình yêu của quả phụ Trần Thị Tân đối với tướng quân Tô Ký làm tôi bồi hồi liên tưởng đến tình yêu của công chúa Ngọc Hân trong *Ai tư văn* khóc Quang Trung thuở nào.

10 - Thiếu tướng DŨNG MÃ

Thoạt nghe giọng nói qua điện thoại, tôi không nghĩ đó là giọng một cụ già. Càng ngạc nhiên hơn khi đối diện với ông: tướng Dũng Mã trẻ hơn nhiều so với cái tuổi giữa thất tuần! Là một tri thức trẻ xung phong vào quân đội, được cử làm thư ký riêng cho Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ với tư cách trung đoàn trưởng đặc phái viên Bộ chỉ huy chiến dịch, “Nho tướng” Dũng Mã lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: tham mưu trưởng Quân khu Đông Bắc, tham mưu trưởng Hải quân Đông Bắc, phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Mặt trận 31 Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng ở Lào, chủ nhiệm Khoa Lịch sử quân sự rồi cục trưởng Cục Huấn luyện Học viện Quân sự cao cấp... Ông được thăng quân hàm từ Đại tá lên Thiếu tướng năm 1984. Trong ký ức những chiến binh thời đánh Pháp ở Việt Nam, hai cái tên Dũng Mã - Sơn Mã khá quen thuộc. Nhờ lập công xuất sắc, Dũng Mã là một trong ba cán bộ chỉ huy trẻ, đều tên Dũng, đã được Hồ Chủ tịch gọi lên khen ngợi sau Chiến dịch Biên Giới - 1950. Bất cứ nơi đâu, trong lòng tướng Dũng Mã hình ảnh người em ruột Sơn Mã cũng hiện diện như một niềm thôi thúc thân thương. Trong ngôi nhà ở làng Đại học, quận Thủ Đức câu chuyện giữa ông với chúng tôi cũng bắt đầu từ Sơn Mã. Chỉ tay về hướng một bức ảnh khổ lớn lồng khung kính treo trang trọng trên bàn thờ, Thiếu tướng Dũng Mã xúc động nói:

- Đây là ảnh chú Sơn Mã, người em ruột kế tôi, hy sinh ở Việt Bắc. Tên thật của tôi là Nguyễn Xáng, còn Sơn Mã là Nguyễn Huynh. Chú ấy sinh năm 1925, nhỏ hơn tôi hai tuổi.

- *Thưa Thiếu tướng, vì sao hai người lại mang tên Dũng Mã - Sơn Mã?*

- Khi tham gia cách mạng, hoạt động bí mật, mỗi người đều cần bí danh. Tôi vốn rất ham cười ngra, lại mê bài hát hùng tráng của nhạc sĩ Văn Cao: “*Bao chiến mã lên đường. Lạnh lùng vung gươm ra sa trường...*”, nên đã lấy tên Dũng Mã. Em tôi thấy vậy, về sau đặt bí danh cho mình là Sơn Mã.

- *Anh em Thiếu tướng tòng quân từ lúc nào?*

- Sau Cách mạng tháng Tám, tôi được gọi học tiếp năm thứ hai Trường Cao đẳng Công chính Hà Nội, và tham gia hoạt động trong Hội Sinh viên Cứu quốc. Theo lời kêu gọi của đoàn thể, tôi cũng “xếp bút nghiên” lên đường nhập ngũ và được cử đi học Trường Quân chính Bắc Sơn tại Thái Nguyên đầu năm 1946. Toàn quốc kháng chiến, tôi chiến đấu ở phía bắc Hà Nội rồi lên Việt Bắc làm thư ký riêng cho Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Cũng năm 1946, sau khi tốt nghiệp Trường Quân chính Quảng Ngãi, Sơn Mã được điều ra Việt Bắc làm huấn luyện viên Trường Sĩ quan Trần Quốc Tuấn. Giữa năm 1949, Đại đoàn 308 - Quân Tiên Phong, đại đoàn đầu tiên của quân đội ta được thành lập, do anh Vương Thừa Vũ làm tư lệnh và anh Song Hào làm chính uỷ, tôi cùng Sơn Mã được về đó công tác. Hai anh em chúng tôi tuy ở hai tiểu đoàn khác nhau, nhưng thường tham gia cùng một chiến dịch, có khi cũng phối hợp tác chiến một số

trận, chia sẻ thắng lợi lẫn khó khăn.

- *Thiếu tướng còn nhớ thời điểm Sơn Mã hy sinh?*

- Nhớ chứ. Thu đông 1952, quân ta mở Chiến dịch Lê Hồng Phong 2 giải phóng Tây Bắc. Lúc đó, tôi là trung đoàn phó Trung đoàn 209 - Sông Lô thuộc đại đoàn 312. Còn Sơn Mã là tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 84 thuộc Trung đoàn 36 Đại đoàn 308. Quân ta đang thắng lớn trên chiến trường phía Tây Bắc, bộ chỉ huy địch cho một binh đoàn tinh nhuệ nhảy dù xuống Đèo Hùng giáp ranh hai tỉnh Tuyên Quang và Phú Thọ nhằm đánh vào hậu phương ta để đỡ đòn cho hướng Tây Bắc. Trung đoàn 36 được lệnh cấp tốc quay về đánh địch rút lui từ Đèo Hùng về Việt Trì (Phú Thọ) giành thắng lợi lớn tiêu diệt trên bốn trăm tên và nhiều xe cơ giới.

Trên đường truy kích địch tháo chạy theo đường số 2, đoạn cầu Hai - Trạm Thản, Sơn Mã đang hăng say dẫn đầu một bộ phận Trung đoàn 84 đánh địch, thì bất ngờ bị trúng đạn vào đầu tại Trạm Thản và hy sinh khi trận đánh sắp kết thúc vào lúc 5 giờ 30 chiều ngày 17 tháng 11 năm 1952. Sơn Mã là một cán bộ chỉ huy tiểu đoàn được đánh giá xuất sắc. Khi chú ấy ngã xuống, cả tiểu đoàn đều khóc. Hơn mười ngày sau, lúc chuẩn bị đánh trung tâm Nà Sản ở Sơn La tôi mới hay tin. Đau lòng lắm anh ạ! Hai anh em ruột từ miền Trung xa xôi ra Việt Bắc chiến đấu, giờ chỉ còn lại mình tôi...

- *Thưa Thiếu tướng, nghe nói sau đó Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp có viết thư chia buồn và Hồ Chủ tịch gửi tặng Thiếu tướng một tấm áo lụa.*

- Đúng vậy. Tôi hết sức bất ngờ và cảm động. Tôi không nghĩ anh Văn - người anh cả và Bác Hồ - người cha của các lực lượng vũ trang, đã quan tâm đến cán bộ và chiến sĩ như vậy. Lúc đó là đầu tháng 12 năm 1952, tôi vừa bị thương trong trận tấn công cứ điểm Bản Vây của địch, một điểm cao nằm không chế phía tây trung tâm Nà Sản. Được đưa về điều trị tại bệnh viện dã chiến gần thị xã Hòa Bình, khoảng mười ngày sau, tôi nhận được thư anh Văn cùng thiệp chúc mừng năm mới của Bác Hồ kèm theo một chiếc áo lụa. Tôi nhớ thư anh Văn thế này: “Lúc đầu tôi được tin Sơn Mã và Dũng Mã đều hy sinh nên rất buồn, nhưng sau được biết Dũng Mã chỉ bị thương nên viết thư thăm và chia buồn. Cậu tranh thủ viết kinh nghiệm về trận đánh vừa qua. Bác có quà gửi tặng cậu đây...”.

(Thiếu tướng Dũng Mã lật cuốn album lưu niệm lấy ra tấm thiệp). Đây là tấm thiệp chúc Tết Quý Tỵ - 1953 của Bác Hồ gửi tôi. Tựa tay Bác viết mấy dòng bằng mực đỏ: “Bác gửi biếu chú 1 cái áo lụa và chúc chú mau lành mạnh. Nhờ chú chuyển cho anh em thương binh, bệnh binh, cán bộ và nhân viên ở nhà thương - lời thân ái chúc năm mới của Bác”. Tôi cũng nhớ trên ngực chiếc áo lụa Bác tặng có thêu dòng chữ màu xanh “Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Đông kính tặng”. Rất tiếc, thời chống Mỹ tôi sang Lào, gia đình tôi ở Hà Nội do đi sơ tán, chiếc áo lụa quý giá đó đã bị thất lạc.

- *Vậy tấm hình Thiếu tướng chụp chung với Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ Nguyên Giáp, treo trên vách tường kia, có xuất xứ từ đâu?*

- À, đó là vào cuối năm 1950. Lúc bế mạc hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên Giới tại khu rừng núi đá

gần phía nam thị xã Cao Bằng, nhà nhiếp ảnh Vũ Năng An đến bảo tôi: “Theo đề nghị của anh Văn, Bác cho gọi ba cậu Dũng đến gặp Bác tại nhà riêng”. Nghe vậy, tôi phấn khởi thu xếp đi ngay. “Ba cậu Dũng” là Thái Dũng - trung đoàn trưởng Trung đoàn 88, Thế Dũng - chính trị viên Trung đoàn 102, và tôi - Dũng Mã, tiểu đoàn trưởng Trung đoàn 11 - Phủ Thông. Tất cả đều thuộc Đại đoàn 308.

“Nhà riêng” của Bác thật ra là một cái lán nhỏ ở cửa hang núi đá Lam Sơn. Anh Thái Dũng và tôi đến trước. Sau khi nghe báo cáo của chúng tôi, Bác gật đầu khen ngợi “Hai Dũng đánh giặc giỏi, tên xứng với người”. Rồi Bác ân cần căn dặn “Dũng cảm nhưng cần phải mưu trí nữa”. Chúng tôi lắng nghe Bác nói mà vô cùng xúc động. Suốt đời binh lửa, tôi nhớ mãi lời dặn của Người !...

Thấy cánh tay phải của Thái Dũng bị cụt bàn tay, bác hết sức xúc động. Người hỏi: “Chú có gặp khó khăn lắm trong sinh hoạt và chiến đấu không?”. Anh Thái Dũng thưa: “Thưa Bác, dần dần cháu cũng quen. Chỉ có trèo cây và leo núi đá là khó thôi ạ!”. Bốn bác cháu cùng cười vui vẻ. Chờ mãi mà không thấy Thế Dũng đến, anh Vũ Năng An sợ trời hết nắng, mới xin phép Bác cho chụp một vài bức ảnh kỷ niệm nhân buổi gặp thân mật. Bức ảnh trên vách tường kia là do Viện Bảo tàng Quân đội tặng tôi sau ngày đất nước thống nhất.

- Về cánh tay phải bị cụt của ông Thái Dũng, nghe kể do quân Pháp tập kích bất ngờ vào một đêm năm 1948, vừa lao ra khỏi cửa, ông đã bị một loạt đạn của địch băm nát bàn tay. Dù vậy, Thái Dũng vẫn cố nén nỗi đau, tiếp tục chỉ huy bộ đội đẩy lùi quân địch. Có đúng không, thưa Thiếu tướng?

- Về chuyện của anh Thái Dũng tôi cũng chỉ nghe kể lại. Vì hai chúng tôi ở hai đơn vị khác nhau, lúc đó chưa thành lập Đại đoàn 308.

- Hai ông Thái Dũng và Thế Dũng bây giờ ở đâu?

- Anh Thế Dũng về sau chuyển ngành ra ngoài. Còn anh Thái Dũng, thời chống Mỹ từng làm sư đoàn trưởng chiến đấu ở mặt trận Trị Thiên và Đường 9 - Nam Lào. Anh Thái Dũng được thăng quân hàm Thiếu tướng và qua đời năm 1993 do bệnh tim.

- Ngoài kỷ niệm lần đầu được gặp Hồ Chủ tịch trên đây, về sau Thiếu tướng còn có dịp gặp lại lãnh tụ?

- Tôi được gặp Bác ba lần, ngoài những lần được đón Bác đến thăm đơn vị hay lớp tập huấn. Nhưng lần làm tôi xúc động nhất là khi tôi được túc trực bên linh cữu của Bác quản tại Hội trường Ba Đình đêm mừng 5 tháng 9 năm 1969. Đêm hôm ấy, tôi được phân công cùng ba đồng chí trực hai phiên, mỗi phiên ba mươi phút; tuy luôn ở tư thế đứng nghiêm nhưng tôi không kìm được tiếng nấc và nước mắt ràn rụa. đầu óc tôi luôn hiện lại những hình ảnh kính yêu và những lời dạy bảo ân cần của Bác, tôi thề hứa sẽ cố gắng làm theo lời Bác suốt đời.

- Những kỷ niệm về Hồ Chủ tịch, về đồng đội là thế, còn kỷ niệm về thời thơ ấu của mình, Thiếu tướng còn nhớ những gì?

- Cha tôi quê ở xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nhưng ông lấy vợ và ở rể tại nhà ông bà ngoại (không có con trai) thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, anh chị em chúng tôi đều sinh ra và lớn lên ở quê mẹ. Nhà tôi tạm đủ ăn, nhưng thường xuyên phải ăn cơm độn khoai sắn, trừ những ngày mùa. Cha tôi là một nông dân rất hiếu học nhưng lại không có điều kiện đi học đến nơi đến chốn. Ông tự học chữ Nho và chữ quốc ngữ, viết được văn tự, giúp bà con trong làng khi có việc. Ông là người nghiêm khắc, còn mẹ tôi là một phụ nữ chân quê, hiền lành, hết lòng vì chồng con.

Nhà tôi đông anh chị em, ba gái bảy trai. Cha tôi bảo rằng do không có điều kiện nên chỉ đứa nào lanh lợi, tiếp thu nhanh, sức khỏe tốt mới được học lên cao. Tôi học hết cấp hai thì đậu diplôme, đang học tiếp cấp ba thì thi đỗ vào Trường Cao đẳng Công chính Hà Nội. Nếu không vào bộ đội, thì sau bốn năm tôi sẽ tốt nghiệp kỹ sư xây dựng.

- Trong đời binh nghiệp, những nhiệm vụ chính nào Thiếu tướng được giao?

- Thời chống Pháp, sau khi tốt nghiệp Trường Quân chính Bắc Sơn, tôi làm thư ký riêng cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp gần hai năm, rồi ra chiến đấu ở Đại đoàn 308 và Đại đoàn 312, tham gia nhiều chiến dịch lớn trên chiến trường Bắc Bộ. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi là trung đoàn trưởng - đặc phái viên tác chiến của Bộ chỉ huy chiến dịch. Về Hà Nội, tôi được phân công làm trưởng khoa chiến thuật Trường Trung Cao Quân sự (tiền thân của Học viện Lục quân ngày nay). Sau đó, tôi làm tham mưu trưởng Quân khu Đông Bắc, rồi tham mưu trưởng Hải quân Đông Bắc. Năm 1970, tôi sang Lào làm phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Mặt trận 31 Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng phối hợp tác chiến với bộ đội Pathét Lào.

Đối tượng tác chiến chính trên chiến trường Lào bấy giờ là lực lượng đặc biệt của tướng phi Vàng Pao và quân chính Quân uỷ Thái Lan với sự yểm trợ về không quân, hậu cần của Mỹ. Cuối năm 1973 tôi bị thương khá nặng tại sở chỉ huy tiền phương đặt ở sườn núi Phu-Húa-Sạn (điểm cao 1830 mét), trong lúc trực tiếp chỉ huy cuộc đánh trả cuộc tiến công lấn chiếm của địch ra phía nam Cánh đồng Chum. Tôi được đưa về Hà Nội rồi sang Moskva điều trị gần một năm, nên rất tiếc không được tham gia đợt Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 giải phóng miền Nam.

Sau khi bình phục, tôi được chuyển về công tác ở Bộ Tổng tham mưu. Đến cuối năm 1977, tôi được điều về làm chủ nhiệm Khoa lịch sử quân sự, rồi Cục trưởng Cục Kế hoạch huấn luyện của Học viện Quân sự cao cấp (nay là Học viện Quốc phòng) do Thượng tướng Hoàng Minh Thảo làm giám đốc. Đến cuối năm 1989 thì về hưu.

- Trên chiến trường, chuyện thắng bại là lẽ đương nhiên. Trong quá trình cầm quân, có khi nào Thiếu tướng không hoàn thành “sứ mạng” được giao không?

- Có vài lần, kể cả trong chính phủ lẫn chống Mỹ. Chẳng hạn như trận đánh cao điểm Khâu Luông trong Chiến dịch Biên Giới năm 1950. Sau khi Đông Khê bị ta tiêu diệt, địch cho một binh đoàn từ

Lạng Sơn lên nhằm chiếm lại Đông Khê để đón binh đoàn từ Cao Bằng rút về. Binh đoàn phía nam do tên quan năm Lepage chỉ huy đã bị ta đánh chặn ở phía nam Đông Khê, buộc chúng phải dừng lại và chiếm lĩnh một số điểm cao phía bắc đường số 4, trong đó có Khâu Luông, do một tiểu đoàn Âu Phi phòng ngự. Lúc đó, tiểu đoàn của tôi phối thuộc cho Trung đoàn 36, trong đó có Trung đoàn 84 của Sơn Mã được phân công đánh điểm cao này.

Từ 3 giờ chiều đến tối vẫn không giải quyết được như kế hoạch. Một số chiến sĩ bị thương vong. Cấp trên hạ lệnh cho đơn vị củng cố lực lượng, bám chắc địch, chuẩn bị 4 giờ sáng hôm sau tiếp tục tấn công. Mờ sáng hôm sau, chúng tôi xung phong lên mới biết mình bị địch đánh lừa: toàn bộ tiểu đoàn địch đóng ở đây đã bí mật rút hết về phía tây nam đường số 4, chỉ để lại xác chết, thương binh nặng và một tổ bắn súng nghi binh.

Tôi đang hỏi cung tù binh thì Sơn Mã chạy tới: “Anh Bảy ơi, chúng mình bị đánh lừa, bây giờ làm thế nào?”. Tôi bảo: “Đề địch chạy là phải đuổi, đuổi đến cùng”. Ngày chiều tối hôm đó, các đơn vị bộ đội đã đuổi kịp và bao vây chúng ở núi đá Cốc Xá, chúng tôi lại suốt đêm đến sáng phối hợp chiến đấu cùng đơn vị bạn, tiêu diệt và bắt gọn một binh đoàn địch, trong đó có Đại tá Lepage.

- *Ranh giới giữa sống và chết, chiến thắng và thất bại ở trên chiến trường nhiều khi rất mong manh. Sau mỗi trận đánh hay chiến dịch, Thiếu tướng thường có tâm trạng như thế nào?*

- Khi chiến thắng, dù chiến thắng giòn giã đến đâu vẫn có ít nhiều thương vong. Do đó, tôi thường cảm thấy lẫn lộn vui buồn, nhất là thương tiếc khôn nguôi nhưng đồng đội không còn nữa. Còn khi không hoàn thành nhiệm vụ thì càng buồn và ân hận, càng thấy rõ trách nhiệm của người chỉ huy hơn. Dù trong hoàn cảnh nào cũng luôn xác định “thắng không kiêu, bại không nản”.

- *Ngoài những kỷ niệm kể trên, Thiếu tướng còn những kỷ niệm nào đáng nhớ trong những ngày trực tiếp cầm súng?*

- Kỷ niệm thì nhiều, làm sao kể hết. Tôi luôn nhớ về những ngày còn chiến đấu ở Tiểu đoàn Phủ Thông còn thiếu kinh nghiệm nhưng thừa khí thế. Những đồng đội sát cánh bên nhau lúc đó gồm tôi - tiểu đoàn trưởng, Đào Đình Luyện - chính trị viên, Hồ Quang Hòa - tiểu đoàn phó, bây giờ đều là cấp tướng. Riêng anh Đào Đình Luyện đã trải qua các cương vị trung đoàn trưởng Trung đoàn Không quân đầu tiên, tư lệnh Quân chủng Không quân, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, quân hàm cao nhất là Thượng tướng.

Bên cạnh đó, tôi còn có những kỷ niệm đẹp như khi gặp Nguyên soái Chu Đức bên Trung Quốc, hay Chủ tịch Suphanuvong bên Lào. Tháng 9 năm 1951, tôi vinh dự là đại biểu quân đội tham gia đoàn “Phỏng vấn Hữu nghị Việt - Trung - Triều: gồm trên mười người, đủ thành phần, đã đi thăm hai nước bạn.

- *Thiếu tướng có thể kể chi tiết về đoàn “Phỏng vấn Hữu nghị Việt - Trung - Triều”.*

- Đầu năm 1951, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục thu được nhiều thắng lợi, có tác dụng phối

hợp với nhân dân Triều Tiên kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bọn chư hầu xâm lược. Tháng Chín năm ấy, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tổ chức một đoàn “phỏng vấn” nhằm mục đích cổ vũ và thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước anh em chống kẻ thù chung là hai đế quốc Pháp và Mỹ. Đoàn gồm trên mười người, có đại biểu công, nông, binh, trí thức, thanh niên, phụ nữ, tôn giáo... do Bác Tôn Đức Thắng rồi đến Bác Hoàng Quốc Việt dẫn đầu.

Một buổi chiều, trời mưa dầm trong một gian nhà lá ở Tân Trào, trong khi mọi người đang nhộn nhịp chuẩn bị hành lý thì được báo tin Bác Hồ đến thăm. Cả đoàn rất vui mừng, xúc động đón bác và nghe Bác căn dặn. Bác nói cụ thể thêm nhiệm vụ của đoàn, chúc đoàn giữ gìn sức khỏe và gắng sức hoàn thành tốt đẹp sứ mệnh được giao.

Trong thời gian ba tháng, đoàn đã thăm Bắc Kinh, Bình Nhưỡng và trên mười thành phố ở Trung Quốc và Triều Tiên, một quân đoàn Chí nguyện quân Trung Quốc và một quân đoàn của Quân đội nhân dân Triều Tiên. Tất cả những nơi đoàn đến được đón tiếp nồng nhiệt, đều có tổ chức mít tinh để nghe nói chuyện về tình hình kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ nhằm động viên cổ vũ lẫn nhau. Nhân dân Trung Quốc đang xây dựng hòa bình, đồng thời sôi sục vận động “Kháng Mỹ viện Triều”. Ở Triều Tiên, cuộc chiến tranh đang diễn ra rất ác liệt ở nam bắc vĩ tuyến 38 và cả ở hậu phương. Thủ đô Bình Nhưỡng gần như bị phá trụi. Các cuộc mít tinh đều tổ chức vào ban đêm ở các hội trường ngầm dưới đất an toàn, cũng có cái chứa được hai-ba trăm người.

Cuộc viếng thăm hữu nghị của đoàn đã thực hiện được nhiệm vụ Bác Hồ giao và góp phần làm tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước anh em trong giai đoạn lịch sử đó.

- Trong cuộc đời binh nghiệp của mình, Thiếu tướng từng có dịp tiếp xúc và gần gũi với nhiều cán bộ quân đội cao cấp, vậy trong lòng Thiếu tướng, những vị tướng Việt Nam nào thật sự đem lại cho Thiếu tướng sự mến phục?

- Tôi chỉ xin nêu một số vị tướng mà tôi được gần gũi nhất, hiểu biết nhất. Trước tiên là Đại tướng Võ Nguyên Giáp mà tôi quen gọi thân mật là anh Văn. Như trên đã nói, tôi từng làm thư ký riêng cho anh trong năm 1948 và nửa năm 1949. Anh rất mê mải công việc, đúng là có khi quên ăn quên ngủ, có khi làm việc gần suốt đêm chợp mắt một vài tiếng, dậy ăn điểm tâm qua loa rồi lên ngựa đi công tác luôn. Anh sống chan hòa với cán bộ và chiến sĩ xung quanh; đặc biệt rất chặt chẽ khi viết hoặc thông qua các mệnh lệnh, chỉ thị, các tài liệu,... Tôi nghĩ rằng nhân dân, quân đội ta rất tự hào về một Đại tướng Tổng Tư lệnh đức độ, tài năng kiệt xuất mà lại rất gần gũi. Mỗi lần tôi có dịp đến thăm Đại tướng tại nhà riêng thì anh Văn và chị Hà (vợ Đại tướng) đón tiếp và trò chuyện như người thân trong gia đình.

- Vâng, ngay chính đối thủ, Thống tướng Westmoreland của Mỹ cũng từng thán phục rằng mọi đức tính tạo thành một thống soái quân sự lớn đều có ở tướng Giáp! Ngoài Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì Thiếu tướng còn thân thiết với ai?

- Với Đại tướng Lê Trọng Tấn, tôi đã từng chiến đấu và công tác dưới quyền chỉ huy của anh từ ngày

đầu thành lập Đại đoàn 312 (ngày 27 tháng 12 năm 1950), được cùng Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn tham gia các chiến dịch Trung Du, đường số 18, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào... Trong thời gian tôi công tác ở Bộ tư lệnh Mặt trận 31 Cánh đồng Chum -Xiêng Khoảng, khi mở chiến dịch tiến công lớn cuối năm 1971 đến đầu năm 1972 thì anh Lê Trọng Tấn trên cương vị là phó tổng tham mưu trưởng đi sát giúp đỡ Bộ tư lệnh mặt trận triển khai chiến dịch thu được thắng lợi giòn giã. Anh Lê Trọng Tấn là một vị chỉ huy sắc sảo, cương quyết, nhưng cũng rất gần gũi, thường được cấp trên phái đến những chiến trường nóng bỏng, khó khăn và thực sự đã làm cho cục diện chuyển biến thuận lợi.

- *Thế còn Thượng tướng Hoàng Minh Thảo, người mà Thiếu tướng cũng từng gắn bó rất lâu?*

- Thượng tướng Hoàng Minh Thảo đã từng là đại đoàn trưởng, quân khu trưởng, tư lệnh mặt trận Tây Nguyên, giám đốc Trường Quân sự trung cao cấp (sau khi tiếp quản Thủ đô), giám đốc Học viện Quân sự cấp cao... được phong Giáo sư - Nhà giáo nhân dân. Anh Hoàng Minh Thảo là một nhà quân sự có tài đồng thời cũng là một nhà chính trị vững vàng rất được cán bộ, chiến sĩ thương yêu. Tôi được công tác dưới quyền anh Hoàng Minh Thảo khoảng mười năm tại Trường Quân sự trung cao cấp và Học viện Quân sự cấp cao luôn có tình cảm sâu sắc với anh. Khi nhà tôi mất ở Thành phố Hồ Chí Minh, anh Thảo cũng vào thấp hương và chia buồn với gia đình tôi.

- *Thưa Thiếu tướng, bà nhà...*

- Bà nhà tôi mất vì bệnh ung thư, lúc còn đang dạy học tại Học viện Quân y ở Hà Đông. Sau khi nhà tôi được đưa vào Viện quân y 108 ở Hà Nội điều trị, tôi xin đưa vào Viện Quân y 175 ở Thành phố Hồ Chí Minh cho gần chồng con, nhưng cũng không qua được.

- *Thời trẻ, Thiếu tướng mãi xông pha trận mạc, vậy làm sao gặp được bà?*

- Một sự tình cờ. Nhà tôi quê gốc Hà Đông, sinh sống ở Bắc Ninh, xung phong vào bộ đội từ năm mười sáu tuổi. Năm 1949, tôi đi thăm một người bạn nằm ở bệnh viện dã chiến. Qua giới thiệu, tôi làm quen với cô gái tên Dương Trâm Anh, nhỏ hơn tôi tới mười tuổi. Vừa gặp nhau, tôi có cảm tình ngay và linh cảm rằng... (cười).

Trở về đơn vị, chúng tôi thường xuyên thư từ cho nhau và sau mỗi chiến dịch tôi tranh thủ về thăm. Đến đầu năm 1953, chúng tôi được đơn vị cô ấy tuyên bố lễ cưới. Nói là lễ cưới nhưng đơn giản thôi: trong đêm văn nghệ quần chúng ở bệnh viện, chúng tôi ra mắt, rồi về dự bữa cơm thân mật với ban chỉ huy. Nhà tôi vừa làm y tá, vừa tự học, thi vào Đại học y khoa, tốt nghiệp rồi học tiếp ở Học viện Quân y. Năm 1970, cô ấy sang Hungary tu nghiệp ba năm chương trình sau đại học.

- *Theo Thiếu tướng, tình vợ chồng có vai trò thế nào trong sự nghiệp mỗi con người?*

- Tình vợ chồng là hậu phương vững chắc, có khi ảnh hưởng lớn đến sự thành bại cả đời người. Tôi may mắn có được một người vợ hết mực chung thủy, có nghị lực trong học tập, công tác và đời sống, gia đình, biết cách dạy dỗ con cái nên người, là nguồn động viên lớn đối với tôi trên chiến trường và những ngày xa nhà. Nhà tôi từng là phó chủ nhiệm Khoa Sinh lý và ủy viên Đảng ủy Học viện Quân y.

Năm 1988, nhà tôi được phong quân hàm Đại tá. Chúng tôi có hai đứa con cũng đều đi bộ đội. Đứa lớn chiến đấu ở Lào thời đánh Mỹ, cuối năm 1975 xuất ngũ thi vào Đại học Bách khoa Hà Nội, nay là kỹ sư công tác ở Tổng công ty Cấp điện (CADIVI). Đứa nhỏ hiện là trung tá không quân đóng ở sân bay Tân Sơn Nhất.

- *Lần đầu tiên Thiếu tướng đặt chân đến Sài Gòn lúc nào? Vì sao cuối đời Thiếu tướng lại rời Hà Nội vào sống ở thành phố này?*

- Vào giữa tháng 8 năm 1975, tôi được tháp tùng Đại tướng Hoàng Văn Thái, thứ trưởng Bộ Quốc phòng đi vào miền Nam để nắm tình hình các cơ sở và công trình quốc phòng, mà trọng điểm là khu vực Sài Gòn. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi đặt chân đến thành phố này. Sau đó mấy năm, hai con trai tôi lần lượt được điều vào công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh; nhà tôi cũng đã hai lần vào giảng dạy ở cơ sở 2 (nay là Bệnh viện nhân dân 115) của Học viện Quân y. Vì vậy, cuối năm 1989, sau khi nghỉ hưu, chúng tôi xin vào Thành phố Hồ Chí Minh thường trú để sum họp gia đình. Thành phố này đúng là một nơi “đất lành chim đậu” như ông bà ta từng nói.

- *Cuộc sống hiện nay của Thiếu tướng ra sao?*

- Bình thường và thoải mái. Tôi được anh em cử tham gia lãnh đạo Hội Cựu chiến binh quận Thủ Đức, cố gắng đóng góp phần tâm lực còn lại của mình cho đồng đội, cho xã hội. Đây là trách nhiệm cũng là nguồn vui quý báu. Nhờ thường xuyên tập thể dục và chơi thể thao, nhất là môn bóng bàn nên tôi mới giữ được sức khỏe khá tốt thế này.

- *Nếu được trở lại thời trai trẻ giữa lúc đất nước được thanh bình, Thiếu tướng sẽ làm gì?*

- Tôi sẽ đi vào ngành giao thông, xây dựng cầu đường, đó là mơ ước của tôi khi còn ngồi trên ghế nhà trường cách đây năm mươi năm.

*

Kim đồng hồ chỉ 11g30. Thiếu tướng Dũng Mã dứt khoát mời chúng tôi ở lại dùng cơm. Ông hướng dẫn chúng tôi tham quan mảnh vườn tươi xanh hoa trái, cây kiểng, ở một góc có một khu cầu môn bóng đá mà ông cùng đứa cháu trai hay chơi. Còn sau nhà là phòng bóng bàn. Ông khoe mấy năm liền mình đã đoạt giải bóng bàn quận Thủ Đức dành cho người cao tuổi.

Qua chuyện trò, chúng tôi còn được biết, được sự giới thiệu của ông anh ruột và các cháu ở Nha Trang, Thiếu tướng đã quen với cô giáo Nguyễn Thị Chín. Nhờ sự động viên của hai người con trai mong tìm cho cha “điểm tựa” trong tuổi già, tướng Dũng Mã và cô giáo Nguyễn Thị Chín đã đi đến thành hôn. Ông đưa bà từ Nha Trang vào Thành phố Hồ Chí Minh chung sống cách đây vài năm. Tướng Dũng Mã nở nụ cười hạnh phúc: “Năm ngoái tôi có đưa nhà tôi ra Hà Nội vào viếng lăng Bác, thăm đền Hùng, Tân Trào rồi lên nghĩa trang Trăm Thán - Phú Thọ thắp hương cho các đồng đội và chú Sơn Mã”. Vâng, dưới suối vàng người em Sơn Mã và các đồng đội hẳn cũng chúc mừng niềm hạnh phúc muộn màng của thiếu tướng!

11 - Thiếu tướng TRẦN ĐẠI NGHĨA

Trần Đại Nghĩa, cái tên nhuộm màu huyền thoại từ lâu đã đi vào tâm khảm người Việt Nam với một niềm ngưỡng phục lớn lao. Cái tên ấy cũng từng làm kinh ngạc cả thế giới khi Tổ quốc còn chìm trong lửa đạn chiến tranh. Trần Đại Nghĩa là ai? Người anh hùng có biệt danh nổi tiếng ấy đang ngồi trên chiếc salon gỗ trước mặt chúng tôi, giữa phòng khách được bài trí đơn sơ trong một căn nhà không có vẻ gì là "dinh thự" của một vị giáo sư, viện sĩ, một tướng lĩnh khai quốc và nguyên là bộ trưởng cả. Con người ấy đang bước vào tuổi bát tuần. Trong giọng nói run run của tuổi già, vẫn toát ra một nghị lực phi thường, một sự hóm hỉnh thông minh, một tình yêu đời vô hạn của một trí tuệ lớn. Mỗi nét đăm chiêu, mỗi nụ cười rạng rỡ của ông khi nói chuyện với tôi và nghệ sĩ Phan Tấn Thi hay quay sang người bạn đời mà ông hết mực quý trọng - bà Nguyễn Thị Khánh, đang ngồi đối diện, chúng tôi cảm thấy ông gần gũi, thân thiết và còn lớn lao hơn tất cả những gì mà người ta đã viết, nói và biết về ông...

- Thưa Viện sĩ, ra Hà Nội tìm Viện sĩ thì được biết gia đình đã chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh?

- Vâng, tôi vào trong này đã được 3 năm. Mắt đã mờ nên ít đi đâu. Năm ngoái - 1993 tôi trở ra Hà Nội dự lễ mừng sinh nhật lần thứ 80 của mình, rồi vào lại. Ở đây không khí dễ chịu hơn. Thỉnh thoảng anh em, bạn bè đến chơi cũng vui.

(Viện sĩ giới thiệu : “Đây là bà nhà tôi, người góp sức rất quan trọng để Trần Đại Nghĩa hoàn thành nhiệm vụ đây”, rồi ông nở nụ cười hồn nhiên. Căn phòng bỗng trở nên ấm cúng đến lạ thường).

- Thưa Viện sĩ, cuộc đời và sự nghiệp của Trần Đại Nghĩa là cả một “hành trình bí mật”, mà nhiều người ngưỡng mộ muốn tìm hiểu...

- Công việc của Trần Đại Nghĩa thì bí mật chứ đời thường chẳng có gì bí mật cả.

- Nếu không có gì bí mật, xin Viện sĩ thổ lộ một nét về mình.

- Tôi sinh ngày 13 tháng 9 năm 1913, tuổi Sửu, tại Vĩnh Long. Tên cha mẹ đặt là Phạm Quang Lễ. Mới 7 tuổi, tôi đã mồ côi cha. Nhà nghèo, chị gái tôi 8 tuổi đã phải nghỉ học để cùng má tôi tảo tần mua bán nuôi tôi ăn học. Thời đó, học trò nghèo mà được gia đình tạo điều kiện đến trường như tôi hiếm

lắm, vì thế, thế hệ tôi đa số bị thất học. Cuộc sống hết sức nghèo khổ, tù túng. Cảnh đói khát, chết chóc diễn ra triền miên rất đau lòng.

Tôi còn nhớ năm 1925, lúc tôi mới 12 tuổi, đi học qua cầu Thiềng Đức, hai lần tôi chứng kiến cảnh người nhảy xuống sông tự tử. Tôi ngạc nhiên hỏi vì sao, thì mọi người xung quanh bảo rằng do cuộc sống cơ cực đói khổ quá. Chế độ thuộc địa hà khắc của thực dân Pháp, lại thêm cường hào địa phương áp bức bóc lột khiến họ không chịu đựng nổi. Hình ảnh hai cái chết thương tâm ray rứt mãi trong lòng tôi, gây cho tôi nhiều suy nghĩ. Tôi bắt đầu nuôi ý tưởng đánh đuổi người Pháp để cho dân mình bớt khổ. Mà muốn đuổi được người Pháp ra khỏi đất nước mình thì phải có vũ khí.

- Và Viện sĩ không theo học những ngành có thể thăng quan tiến chức, mà đã quyết tâm theo học ngành chế tạo vũ khí?

- Vâng. Hành trình học tập của tôi là cả một chặng đường cam go. Từ năm, 1926 đến 1930, tôi xa nhà lên Mỹ Tho học. Chung lớp tôi có anh Phạm Hùng sau này là Thủ tướng đấy. Qua những giờ lịch sử, tôi được biết thêm về cụ Phan Chu Trinh và những phong trào chống Pháp. Tôi học khá giỏi về khoa học tự nhiên như toán, lý, hoá, cơ học. Tôi càng hiểu thêm: muốn đánh giặc phải có chiến lược, chiến thuật và vũ khí. Tôi chú tâm theo học môn chế tạo vũ khí cho bằng được.

Từ năm 1930-1933 tôi lên Sài Gòn học ở trường Pétrus Ký. Tôi đỗ đầu tú tài bản xứ và tú tài Pháp cả hai môn triết và toán học, được học bổng đi Hà Nội nhưng tôi không đi, vì ở Việt Nam không có trường dạy về vũ khí và cũng không có tài liệu. Tôi trở về Mỹ Tho làm thư ký. Thời gian này tôi quen nhà báo yêu nước Vương Quan Ngươu, ông vận động và xin cho tôi học bổng 1 năm tại Pháp vào cuối tháng 9 năm 1935. Học bổng này là của hội phụ huynh học sinh người Pháp và người Việt có quốc tịch Pháp mới được cấp. Học trình của một số trường Pháp thời đó là: sau khi đậu tú tài phải học thêm 2 năm mới có đủ trình độ thi vào hệ cao đẳng hay đại học. Học bổng cấp cho tôi chỉ có 1 năm, nên khi mới qua Pháp tôi liền nhảy vào học năm thứ 2, ở nhà trọ, tìm sách tự học năm thứ 1. Cuối năm 1936 tôi thi đậu vào trường Quốc gia cầu cống và được học bổng tiếp. Tôi học công khai ở các trường: Quốc gia cầu cống, điện, hàng không, Đại học Sorbonne, nhưng cái chính là bí mật thu thập tài liệu để học về chế tạo vũ khí qua 7 trường, mà các trường này dù là người Việt có quốc tịch Pháp cũng không được đặt chân đến. Các đảng viên Cộng sản Pháp hết sức quý trọng và nhiệt tình giúp đỡ tôi nhiều tài liệu học tập.

- Hình như Viện sĩ có thời gian sang Đức làm việc?

- Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra. Đức ký kết liên minh phe Trục với Nhật. Đa số người châu Á được Đức xem là... “Nhật Bản”, nên chúng tôi được thoải hơn người Pháp chính gốc. Một nhà máy chế tạo máy bay nằm ở miền Trung nước Đức là Halle nhận tôi vào làm. Kỹ thuật hàng không của Đức vốn tiến bộ nhất châu Âu lúc đó, nên đây là dịp để tôi tìm hiểu, học hỏi. mấy tháng sau, thấy việc làm không thích hợp, tôi trở lại Paris làm cho công ty Sud-Avion. Chỉ một thời gian ngắn sau khi tôi rời

Đức, máy bay quân Đồng minh đã oanh tạc tan tành nhà máy Halle. Thật may mắn cho tôi.

- Thừa Viện sĩ, Viện sĩ trở về Việt Nam trong hoàn cảnh nào?

- Tháng 5-1946, Bác Hồ sang Pháp cùng với phái đoàn đàm phán của ta do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn. Lúc ấy, anh Hoàng Xuân Mạn (em của Hoàng Xuân Hãn) là Chủ tịch Hội Việt kiều ở Pháp. Biết trước Hội nghị Fontainebleau sẽ thất bại và phải đánh nhau với Pháp, nên anh Phạm Văn Đồng tìm người hiểu biết về vũ khí. Ở bên nước ta lúc bấy giờ có nhiều tướng giỏi nhưng am hiểu về vũ khí thì không có. Anh Hoàng Xuân Mạn mới giới thiệu tôi cho anh Phạm Văn Đồng. Sau đó, tôi được gặp Bác Hồ. Bác hỏi tôi về vũ khí và kinh nghiệm Chiến tranh thế giới thứ hai. Rồi bác bảo rằng, thế nào chúng ta cũng đánh nhau với Pháp và bảo tôi chuẩn bị sẵn sàng tư liệu về vũ khí để về nước.

Đúng như dự đoán, Hội nghị Fontainebleau thất bại. Nước Pháp không chịu công nhận chủ quyền và nền độc lập của nước Việt Nam. Bác Hồ và chúng tôi về nước. Lúc ấy, chính phủ Pháp sắp xếp đưa Bác về bằng đường hàng không, nhưng Bác từ chối. Bác đi theo đường biển.

- Ngoài Viện sĩ, còn có trí thức Việt kiều nào ở pháp theo Hồ Chí Minh về nước?

- Ngoài tôi, còn có bác sĩ Trần Hữu Tước, kỹ sư luyện kim Võ Quý Huân, kỹ sư mỏ và luyện kim Võ Đình Quỳnh theo về với Bác.

- Ngay sau khi đặt chân lên Tổ quốc, Viện sĩ lao vào công việc nghiên cứu và chế tạo vũ khí?

- Ngày 20 tháng 1 năm 1946, tôi đặt chân lên cảng Hải Phòng. Tôi còn nhớ đó là ngày kỷ niệm thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Nghỉ ngơi được mấy hôm là tôi nhận nhiệm vụ. Ngày 5 tháng 11 năm 1946, anh Tạ Quang Bửu đưa tôi lên Thái Nguyên để nghiên cứu đạn chống tăng. Lúc đó, anh Tạ Quang Bửu là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Về vũ khí, ngành quân giới của ta chưa biết gì nhiều. Lúc tôi mới về, anh Võ Nguyên Giáp có nói: “Nghe tin anh về, anh em bên này mừng lắm!”. Bấy giờ xe tăng là con chủ bài của quân Pháp. Làm sao để chống được xe tăng khi chúng tấn công?

Thuận lợi là tình báo Mỹ có giúp ta 3 khẩu súng và hơn 20 viên đạn Bazooka để chống Nhật mà Bộ Quốc phòng có giao cho bên quân giới trước đó. Dựa vào mẫu vũ khí của Mỹ, chúng tôi chế tạo Bazooka, với quyết tâm phải làm cho bằng được trong hoàn cảnh khó khăn lúc đó. Đạn nổ tốt nhưng không xuyên thép được. Vậy là phải tiếp tục nghiên cứu, sửa chữa và điều chỉnh thật gấp rút, vì thời điểm toàn quốc kháng chiến (ngày 19 tháng 12 năm 1946) sắp nổ ra.

Trong khi đó, quân Pháp lớn tiếng tuyên bố sẽ tiêu diệt quân đội chính quy Việt Nam trong vòng 8 ngày. Điều này trưởng phái đoàn của Pháp tại Hội nghị Fontainebleau cũng đã tuyên bố với trưởng đoàn của ta là Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Con chủ bài chính về vũ khí của Pháp là máy bay và xe tăng, mà họ lại biết rất rõ là ta làm gì có súng chống tăng.

Và trận chiến đầu tiên đã nổ ra vào ngày 3 tháng 3 năm 1947 tại chùa Trầm ở Sơn Tây. Dẫn đầu đội hình quân Pháp gồm 4 xe tăng. Ta lại chỉ có đúng 5 viên đạn để bắn thử. Thế nhưng, viên đầu tiên bắn

ra thì chiếc xe tăng dẫn đầu bốc cháy. Không thể kể hết niềm hân hoan vui sướng của quân ta lúc đó, nhất là anh em quân giới. Quân Pháp hoảng hồn bỏ chạy. Sau đó, thêm một trận chiến nảy lửa có tính chất quyết định cuộc chiến mà quân Pháp có ý đồ nhằm chấm dứt chiến tranh vào tháng 9 năm 1947. Nhưng quân Pháp cũng đã tiếp tục thất bại.

Sau súng Bazooka đến súng SKZ (súng không giật) ta cũng chế tạo trong điều kiện không đúng theo yêu cầu lý thuyết sách vở. SKZ mạnh hơn Bazooka, có khả năng chọc thủng dễ dàng các bức tường bê tông dày 600-1000 mm của lô cốt địch.

- *Thưa viện sĩ, được biết sau khi về nước Viện sĩ bị mất một tấn sách tài liệu về vũ khí...*

- Đúng là tôi bị mất gần một tấn sách tài liệu về vũ khí, do thất lạc khi gửi cho một người bạn. May mắn là ngay khi về nước, tôi có phân phát cho anh em trong quân đội một số tài liệu cơ bản. Còn phần lớn công việc là phải làm lại từ đầu. Bằng trí nhớ của mình, tôi cố gắng moi tất cả kiến thức về vũ khí từ trong đầu, nối kết và tính toán trở lại để làm tư liệu sản xuất vũ khí. Trong việc này, sự giúp đỡ về "hậu cần" của nhà tôi rất lớn. Nhờ vậy mà tôi mới an tâm ngày này qua ngày khác lao vào nghiên cứu.

Nói đến đây, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa quay sang phía bà nhà, cười. Bà Nguyễn Thị Khánh hồn hậu vui vẻ cho biết.

- Ôi vất vả lắm các anh ạ! Có khi nửa đêm, ông chợt thức giấc, ngồi dậy, ghi chép công thức cho đến sáng. Ông nhớ đâu là liền ngồi ghi chép ở đó. Lúc nào cũng vũ khí với vũ khí. (cười) Chuyện quên ăn quên ngủ với ông là chuyện thường. Đến bữa ăn, có khi gọi hoài mà ông chẳng hề nhúc nhích động đây.

- *Thưa Viện sĩ, thế còn SAM 2 hạ pháo đài bay B52 trong chống Mỹ thì sao?*

- Đây cũng là thứ vũ khí cải tiến với mẫu mã có sẵn của Liên Xô cũ. B52 lúc bấy giờ đúng là loại pháo đài bay bất khả xâm phạm, tầm bay rất cao, sức phá hoại do chúng oanh tạc ghê gớm. Chúng tôi có hai việc phải làm. Một là, B52 gây nhiễu làm rối loạn sóng radar của SAM 2, khiến SAM2 nổ từ xa chứ không tiếp cận được B52. Hai là, tầm bay B52 cao hơn tầm bắn của SAM 2. Biết được hai yếu tố cơ bản trên, chúng tôi tập trung giải quyết.

- *Phương thức giải quyết tiến hành ra sao ?*

- Đây là bí mật quốc phòng.

- *Viện sĩ đánh giá thế nào về vai trò vũ khí trong chiến tranh?*

- Ngoài yếu tố con người, vũ khí đóng vai trò quyết định. Vũ khí có khả năng gây yếu ló bất ngờ và thay đổi cục diện chiến tranh.

- *Viện sĩ có thường theo dõi tình hình phát triển và sản xuất vũ khí trên thế giới nữa không?*

- Có. Tiềm lực phát triển vũ khí hiện đại rất mạnh. Tôi vẫn còn một tủ sách tài liệu về vũ khí ở bên Pháp, bạn bè cất giữ. Nhưng so với hiện nay thì đã lạc hậu, nên không đưa về.

- *Được biết, Viện sĩ còn là một trong những người được phong thưởng đầu tiên của Quân đội*

nhân dân Việt Nam.

- Vâng. Lúc đó anh Võ Nguyên Giáp được phong quân hàm Đại tướng; anh Nguyễn Bình là Trung tướng; còn tôi cùng các anh Nguyễn Sơn, Văn Tiến Dũng, Trần Tử Bình, Lê Thiết Hùng, Hoàng Văn Thái, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm là Thiếu tướng.

- *Thế quân hàm hiện nay của Viện sĩ?*

- Vẫn là Thiếu tướng (cười).

- *Còn những nhiệm vụ chính mà Viện sĩ được giao phó ?*

- Khi còn bên Pháp, Bác Hồ đã nói trước nhiệm vụ của tôi là phục vụ cho kháng chiến. Ngày 05 tháng 12 năm 1946 tôi nhận nhiệm vụ cục trưởng Cục Quân giới, sau đó (năm 1949), kiêm cục trưởng Cục Pháo binh, phó chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam. Đến năm 1950 tôi nhận thêm chức vụ thứ trưởng Bộ Công thương, rồi thứ trưởng Bộ Công nghiệp và tiếp tục nghiên cứu khoa học. Ngày 08 tháng 02 năm 1966 tôi được tặng danh hiệu viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

- *Ngoài ra, Viện sĩ cũng từng là bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, chủ nhiệm ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam và là người đề xuất thành lập rồi đứng đầu Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam,... Một khối lượng công việc không ít, nếu không nói là quá tải.*

- Có năng lực đến đâu tôi sẵn sàng cống hiến đến đó. Chỉ sợ mình bất tài, làm hư việc mà thôi.

- *Thưa Viện sĩ, vì lý do nào anh kỹ sư Phạm Quang Lễ lại có bí danh Trần Đại Nghĩa ?*

- Trần Đại Nghĩa là tên do Bác Hồ đặt cho tôi tại Bắc Bộ phủ vào ngày 05 tháng 12 năm 1946. Lúc đó Bác giao cho tôi nhiệm vụ lãnh đạo Cục Quân giới, hơn nữa tôi mới ở nước ngoài về, nên yếu tố bí mật phải được tôn trọng, nhất là tôi còn gia đình, người thân ở trong Nam sợ địch trả thù. Từ đó tôi mang cái tên này.

- *Là người được tiếp xúc và làm việc nhiều với Hồ Chủ tịch, xin Viện sĩ cho biết vài ấn tượng của mình đối với Bác.*

- Trước đây ở Pháp, tôi đã nghe kể rất nhiều về Bác, nhưng đến hội nghị Fontainebleau tôi mới được gặp mặt. Không có vị lãnh tụ nào của Việt Nam đi và sống nhiều như Bác. Hơn ba mươi năm trời Bác bôn ba học hỏi và nghiên cứu không ngừng ở hầu khắp thế giới, trong mọi hoàn cảnh gian khổ.

Tôi được may mắn kề cận Bác suốt một trăm lẻ hai ngày: sáu mươi hai ngày tại Paris và bốn mươi ngày lên đên trên tàu từ cảng Toulouse về Hải Phòng. Và cả sau này, trong hai cuộc trường kỳ kháng chiến, Bác luôn là hình ảnh thiêng liêng nhưng rất gần gũi với tôi. Bất kỳ lúc nào tôi có ý muốn gặp Bác, thì điện thoại cho anh Vũ Kỳ (thư ký riêng của Bác), nếu không bận, Bác sẵn sàng tiếp. Và mỗi lần điện thoại cho Bác là tôi đều chuẩn bị xe trước. Hễ Bác đồng ý, tôi đến ngay.

Mãi cho đến bây giờ, Bác vẫn vô cùng gần gũi và như vẫn còn sống trong tôi như ngày nào. Trong

tâm khám tôi, một bên là ba má tôi và chị tôi, còn một bên là Bác !

- *Nếu như có một sự định vị, thừa Viện sĩ, Trần Đại Nghĩa là một nhà yêu nước hay một chiến sĩ cộng sản ?*

- Làm thế nào tách rời được hai con người này. Với Trần Đại Nghĩa yêu nước và cộng sản là một.

- *Thưa Viện sĩ, có một thời ta chỉ nói đến cái chung mà ít nói đến cái riêng, hay nói rõ hơn là quên đi sự đóng góp của cá nhân đối với tiến trình lịch sử dân tộc. Là chứng nhân sống của hai cuộc kháng chiến, Viện sĩ có suy nghĩ gì về điều này?*

- Tất nhiên, tập thể quyết định sự thành bại của lịch sử. Nhưng cá nhân đóng vai trò hết sức quan trọng. Trần Điện Biên Phủ chẳng hạn, nếu như không có vai trò của anh Võ Nguyên Giáp thì tôi tin cục diện sẽ khác đi và chiến thắng không lừng lẫy như thế.

- *Là một nhà bác học uyên thâm, Viện sĩ có thể cho thế hệ trẻ ngày nay biết vài kinh nghiệm về phương pháp học tập và nghiên cứu của mình?*

- Tại các trường học dân dụng mà tôi học thì có thầy dạy, tốt nghiệp thì có bằng cấp. Nhưng về quân sự, mà nhất là ngành chế tạo vũ khí, thì làm sao học công khai được, nên phải tìm cách khác. Tôi làm quen, rồi dần thân thiết với các quân thủ thư viện, mượn sách “mật” về quân sự của thế giới để tự học. Tôi chỉ mượn loại sách này đúng vào khoảng thời gian: từ 5 giờ chiều thứ bảy đến 7 giờ sáng thứ hai phải trả, nếu không, bị lộ, cả quân thủ và tôi có thể bị tù. Sách thì thường dày hàng ngàn trang, nên làm sao có thể ghi chép cho kịp, chỉ vận dụng bằng trí nhớ. Và tôi phải thức suốt cả ngày lẫn đêm để học, đến sáng thứ hai trả sách xong thì về nhà lăn ra ngủ bù.

- *Viện sĩ có thể sử dụng được bao nhiêu ngoại ngữ?*

- Thông thạo thì có Pháp, Đức, Anh, Nga, còn nghe hiểu và đọc được thì có tiếng Trung Quốc và một vài thứ tiếng khác.

- *Để có một vốn liếng ngoại ngữ hiếm có như vậy, Viện sĩ học bằng cách nào?*

- Có nhiều cách. Thí dụ, khi tôi muốn nghiên cứu sách quân sự Đức, tôi hỏi một anh bạn Đức: “Biết được bao nhiêu chữ thì có thể đọc sách quân sự bằng tiếng Đức?”. Anh bạn trả lời: “Khoảng 4.000 chữ”. Tôi về mua một quyển tự vựng Đức - Pháp khoảng 1 vạn chữ và học thuộc lòng. Tôi còn nhớ khoảng 40% tức khoảng 4.000 chữ và như thế là đọc sách quân sự tiếng Đức được. Cách học song ngữ ấy tôi cũng thường áp dụng để đọc sách triết học và quân sự của thế giới.

- *Ở tuổi bát tuần, nhìn lại cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Viện sĩ có cảm tưởng như thế nào?*

- Bác Hồ đã nói với tôi từ lúc còn ở Pháp: “Chú về, chú sẽ làm được việc nhưng không sung sướng đâu”. Đúng như vậy. Các bạn tôi còn ở lại Pháp, cho đến giờ, họ sướng hơn tôi nhiều về vật chất và không phải lo nghĩ gì cả. Nhưng rõ ràng về mặt phụng sự cho Tổ quốc thì họ cũng chẳng có gì cả. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, tôi ghi trong sổ tay của mình là đã hoàn thành

nhiệm vụ và, đó là việc lớn nhất của đời tôi mà tôi đã làm xong. Tôi cũng nói với các anh em mỗi lần gặp gỡ như thế. Và công việc tiếp theo xin chuyển giao cho thế hệ trẻ. Anh Hoàng Xuân Hãn ở Paris có gửi thư về nói rằng: Tôi chúc anh sống lâu để xem bọn trẻ làm ăn thế nào.

- *Nếu có một lời khuyên suy nhất đối với thế hệ trẻ thì Viện sĩ muốn khuyên điều gì?*

- Cố gắng giữ gìn và phát triển đất nước. Đó là mong mỏi của đời tôi và cho cả các thế hệ sau này. Không có đất nước nào trên thế giới này phải chống trả 14 cuộc xâm lăng như đất nước mình. Nhiều lúc tôi nghĩ, giả như Việt Nam là một đảo quốc tách khỏi đất liền, xung quanh biên giới là biển thì hay hơn.

- *Còn với tư cách là một nhà khoa học, Viện sĩ có suy nghĩ gì về nền khoa học Việt Nam hiện nay?*

- Tôi rất hiểu và thông cảm cho nỗi khó khăn của anh chị em làm công tác khoa học. Bởi tôi cũng từng là hiệu trưởng đầu tiên của Trường đại học Bách khoa Hà Nội. Chúng ta cần nhiều kinh phí hơn để tổ chức nghiên cứu khoa học cơ bản, vì lý thuyết có vững thì thực hành mới tiến xa được. Và cần thiết phải mua phát minh, sáng chế của nước ngoài, mới theo kịp tiến độ phát triển của khoa học thế giới. Thí dụ, Nhật là một nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng thắng lợi trong xây dựng kinh tế nhanh chóng, bởi họ biết tranh thủ “chất xám” tiên tiến của các nước. Nhiều nước khác cũng tương tự như thế.

Sẵn đây nói vui, cũng vì vấn đề kinh phí cho khoa học, mà tôi với một đồng chí lãnh đạo cao cấp hiểu lầm nhau, khi tôi đòi tăng kinh phí cho công việc nghiên cứu khoa học, sau ngày miền Nam giải phóng. Nhưng cuối cùng đồng chí ấy cũng hiểu ra và cho rằng tôi đúng. Cho đến nay, kinh phí cho khoa học của ta so với thế giới vẫn còn thấp. Chẳng hạn số liệu năm 1990, Mỹ 205 tỉ đôla, Pháp 10 tỉ, Trung Quốc 4 tỉ, còn ta chỉ vắn vắn có 12 triệu đôla cho lĩnh vực khoa học. Tôi mong các nhà làm ngân sách phải chú ý đến điều này. Một đất nước không thể có tương lai xán lạn nếu không có sự đầu tư đúng mức cho giáo dục khoa học.

- *Thưa Viện sĩ, cả cuộc đời hiến dâng cho Tổ quốc, giờ đã vượt quá tuổi “cổ lai hi”, cuộc sống hưu trí của Viện sĩ có thoải mái không?*

- Viện sĩ hàn lâm thì không được về hưu. Còn cuộc sống tất nhiên là chật vật, không thể nào sung sướng hơn kẻ tham nhũng.

- *Viện sĩ ăn uống và sinh hoạt thế nào?*

- Buổi sáng thức dậy, tôi đi bộ quanh nhà và tập thể dục nhẹ, tay không. Sức khỏe tôi bình thường, chỉ cặp mắt thì hơi yếu. Vì lúc bên Pháp tôi làm việc rất nhiều, về nước kháng chiến gian khổ, thiếu thốn thuốc men nên mắt yếu dần. Tôi ăn uống rất dễ, món nào cũng được. Tôi ăn ít vì y học có khuyên người già ăn ít sống lâu. Bà bác sĩ nhà tôi là một đầu bếp giỏi.

- *Thế mỗi lần Viện sĩ cần đi đâu...*

- À, có xe của viện khoa học đến đón. Tôi nhờ anh em giới khoa học nhiều lắm. Họ cũng không sung

sướng gì, nhưng biết tôi khó khăn, nên họ sẵn sàng giúp.

Như chợt nhớ điều gì, bà đứng dậy đi ra phía cửa. Tôi hỏi nhỏ Viện sĩ: Thưa Viện sĩ, bà có phải là mối tình đầu của Viện sĩ không?

- *(Ông mỉm cười, tay run run cầm chén nước trà)* Lúc ở Pháp tôi chủ trương không lấy vợ. Vì tôi sẽ về nước kháng chiến bất kỳ lúc nào khi cần. Lúc đó, có một cô bạn gái người Pháp rất mến tôi và thường đến gặp để trò chuyện, tỏ vẻ chăm sóc tôi. Tôi cũng rất quý cô ấy. Nhưng rồi tôi khuyên cô ấy nên tìm người bạn trai khác, vì theo tôi cô ấy sẽ khổ... Có lẽ sau nhiều lần như vậy, cô hiểu, cô nghe lời tôi... Vậy là thôi.

- *Thế còn Viện sĩ với bà nhà gặp nhau trong hoàn cảnh nào?*

- Nhà tôi bây giờ là y tá riêng của Cục quân giới. Chúng tôi làm đám cưới lúc bà ấy mới 20, còn tôi đã 34 tuổi. Đám cưới tổ chức đơn sơ ở Bắc Cạn - thủ đô kháng chiến 9 năm chống Pháp. Hiện nay bà ấy là bác sĩ về hưu. Chúng tôi có 4 con trai. Con trai trưởng là Trung tá đang phục vụ trong quân đội.

- *Là người từng sống nhiều năm ở phương Tây, Viện sĩ có ý kiến gì về khái niệm “gia đình”...*

-Cái này tôi thấy Không Tử đúng. Tôi không bị Tây hóa, bởi Tây phương ly dị quá nhiều (cười).

Thành phố tháng Năm không khí oi nồng. Trong câu chuyện vui, chúng tôi còn được biết thêm cách đây vài năm, được sự giới thiệu của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới thứ ba có mời hai nhà khoa học Việt Nam là Trần Đại Nghĩa và Nguyễn Văn Hiệu làm viện sĩ. Nhưng nghĩ tuổi già sức yếu, muốn nhường các nhà khoa học trẻ hoá, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa đã không làm hồ sơ.

Sau khi chúc sức khỏe ông bà, tôi và anh Phan Tấn Thi xin phép ra về. Viện sĩ Trần Đại Nghĩa run run gượng đứng dậy tiễn. Hơi thở của viện sĩ dồn dập, hơi thở của con người ở tuổi bát tuần. Chúng tôi cảm kích nhìn ông, rồi nhìn nhau, không nói nên lời. Theo chân bà xuống cầu thang, ra cửa. chúng tôi cùng quay lại nhìn căn nhà một lần nữa. Vâng, căn nhà đơn sơ ấm áp ở đất Phú Nhuận này, không chỉ hôm nay mà mãi mãi sẽ là một kỷ vật đẹp: lưu dấu những tháng năm cuối cùng của cuộc đời vợ chồng vị anh hùng huyền thoại Trần Đại Nghĩa!

*

Hơn ba năm sau cuộc trò chuyện này, vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 09 tháng 8 năm 1997, Thiếu tướng - Giáo sư - Viện sĩ Trần Đại Nghĩa đã từ trần tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 85 tuổi. Trong nỗi xúc động lớn của nhân dân cả nước, Tổng bí thư Đỗ Mười đến viếng và ghi vào sổ tang: "Vô cùng thương tiếc Giáo sư - Viện sĩ Trần Đại Nghĩa, một trí thức cách mạng giàu lòng yêu nước; một nhân cách lớn, một tấm gương sáng tận tụy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; người học trò tin yêu của Chủ tịch Hồ Chí Minh; một trong những Anh hùng Lao động đầu tiên của nước ta.

Cả cuộc đời đồng chí luôn gắn bó với cách mạng, với nhân dân. Đồng chí đã có nhiều công lao trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Là một nhà khoa học lớn,

đồng chí đã góp phần xứng đáng trong xây dựng và phát triển nền khoa học và kỹ thuật nước nhà.

Tổ quốc, nhân dân mãi mãi ghi nhớ công lao và sự nghiệp của đồng chí."

Tân Bình, tháng 5 năm 1994 - tháng 11 năm 1999

12 - Trung tướng ĐỒNG SĨ NGUYỄN

Trong lễ tưởng niệm mười năm ngày mất của Thượng tướng Đinh Đức Thiện tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10 tháng 1 năm 1997, Đại tướng Võ Nguyên Giáp xúc động nói: “Đồng chí Đinh Đức Thiện và đồng chí Đồng Sĩ Nguyên có công lớn trong việc xây dựng tuyến đường Trường Sơn 559, xây dựng hệ thống giao thông vận tải lớn từ hậu phương miền Bắc đến các chiến trường, trong đó có tuyến đường ống dẫn xăng dầu, nhằm bảo đảm chi viện cho miền Nam, tạo cơ sở hạ tầng cho cơ động lực lượng và vận chuyển lớn, phục vụ đắc lực cho thời cơ chiến lược, nhất là cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975”. Và ở những năm cuối thế kỷ XX này, khi tướng Đinh Đức Thiện đã mãi mãi ra đi thì thật may mắn, người đồng đội chí thiết - tướng Đồng Sĩ Nguyên, vị tư lệnh lừng danh Trường Sơn năm xưa, vẫn còn đồng hành với thế hệ hôm nay, với Quốc lộ Hồ Chí Minh, trở thành trục đường bộ xuyên Việt thứ hai trong tương lai của đất nước...

- Thành phố Hồ Chí Minh với tôi có nhiều kỷ niệm lắm! Mỗi lần đặt chân đến thành phố này là tôi nhớ tới anh Đinh Đức Thiện, một nhà chiến lược tài ba, cấp trên trực tiếp của tôi trong chiến tranh. Sau ngày giải phóng Sài Gòn 30 tháng 4 năm 1975 một tuần, vào ngày 8 tháng 5 năm 1975, anh Thiện triệu tập tôi đến bàn ngay kế hoạch xây dựng kinh tế Tây Nguyên để đệ trình lên Chính phủ, mà lực lượng nòng cốt là bộ đội Trường Sơn.

Kế đó, anh Thiện chỉ đạo lên phương án tiềm kiếm dầu khí ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Đó cũng chính là nền tảng đầu tiên để liên doanh với Liên Xô xây dựng ngành dầu khí Việt Nam. Nghĩa là, giống như sau chiến thắng Điện Biên Phủ được Đảng và Nhà nước tin cậy giao xây dựng Khu Công nghiệp gang thép Thái Nguyên có qui mô lớn nhất nước bấy giờ, anh Đinh Đức Thiện đã lao ngay vào những công việc tầm cỡ quốc gia ngay sau khi giải phóng Sài Gòn, thống nhất đất nước!

Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên đã mở đầu câu chuyện một cách nồng nhiệt, thân tình khi tôi cùng đồng nghiệp Hoàng Ngọc Châu tìm đến nhà riêng của ông ở phố Nguyễn Bình Khiêm vào một chiều thu Hà Nội.

Thân hình vạm vỡ. Cử chỉ hoạt bát. Phong cách giản dị, thâm trầm. Thời gian như có vẻ chùn bước trước sức khỏe lẫn dáng dấp oai phong của một người lính dạn dày trận mạc, một nhà lãnh đạo giàu bản lĩnh kinh nghiệm nay đang ở giữa tuổi thất tuần.

Quê xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, Đồng Sĩ Nguyên cất tiếng khóc chào đời ngày 1 tháng 3 năm 1923. Sáu tuổi bắt đầu đến trường. Bảy tuổi học chữ Hán. Rồi học chữ quốc ngữ hết bậc tiểu học ở trường huyện, lên tỉnh học trung học tư thực. Cũng từ đó ông bắt đầu tham gia cách mạng. Đang học năm thứ ba Thành chung Trường Saint Marie ở thị xã Đồng Hới, Đồng Sĩ Nguyên được Xứ ủy Trung Kỳ cho thoát ly sang Thái Lan tránh khủng bố khi bị truy nã gắt gao và tiếp tục hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước Thái - Lào. Cuối năm 1944 phát xít Nhật tấn công quân Pháp ở Đông Dương. Ông bí mật trở về quê hương, củng cố Phủ ủy ở Quảng Trạch, làm chủ nhiệm báo Hồng Lạc, trực tiếp đàm phán với chỉ huy tàn quân Pháp để phối hợp đánh Nhật, rồi phụ trách chiến khu Trung Thuần, huấn luyện tự vệ cứu quốc địa phương chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Cách mạng tháng Tám thành công, Đồng Sĩ Nguyên làm chủ nhiệm Việt Minh tỉnh, chỉ huy bộ đội địa phương. Ông được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I. Chính thời điểm này trong một lần tiếp xúc với cử tri, “ông Nghị” trẻ Đồng Sĩ Nguyên gặp Nguyễn Thị Ngọc Lan, một cô gái duyên dáng xinh đẹp, con của một nhân sĩ yêu nước, về sau trở thành bạn đời chung thủy của ông. Bà Ngọc Lan năm lần “vượt cạn” hạ sinh sáu người con, bốn trai hai gái. Các con ông cũng lần lượt tiếp bước cha ra trận. Trong đó, có một người con trai khi tham gia giải phóng Sài Gòn năm 1975, ra chiến đấu ở biên giới phía Bắc đã vĩnh viễn ngã xuống năm 1979.

Năm 1948 - 1949, Đồng Sĩ Nguyên được phân công làm chính trị viên kiêm tỉnh đội trưởng Quảng Bình. Cuộc đời chàng học sinh nghèo yêu nước Quảng Trạch năm xưa đã thực sự gắn liền với con đường binh nghiệp, với những bước thăng trầm của hai cuộc chiến tranh vệ quốc. Trải bao cuộc trường chinh vào sinh ra tử, từ người chiến sĩ vệ quốc Đồng Sĩ Nguyên đã trở thành danh tướng của Quân đội nhân dân Việt Nam, đứng đầu Bộ tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn 559, trực tiếp chỉ huy tuyến đường Hồ Chí Minh huyền thoại mà giới truyền thông phương Tây gọi là “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm” trong chống Mỹ. Cùng với các bậc tiền bối Trần Đăng Ninh, Đinh Đức Thiện, Phan Trọng Tuệ... Đồng Sĩ Nguyên được xem là tướng chỉ huy hậu cần chiến lược tài ba hàng đầu, lập nhiều công trạng. Đất nước im tiếng súng. Hai mươi tám vạn quân từ chiến trường lửa đạn tiến hẳn sang chiến trường kinh tế góp phần khắc phục hậu quả chiến tranh. Tướng Đồng Sĩ Nguyên cũng chuyển sang mặt trận mới, giữ chức thứ trưởng Bộ Quốc phòng phụ trách Tổng cục Xây dựng kinh tế, rồi Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra năm 1979, ông được

điều khiển cấp trở lại quân đội làm tư lệnh kiêm chính uỷ Quân khu Thủ đô.

Đồng Sĩ Nguyên được bầu làm uỷ viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị khóa V, uỷ viên Bộ Chính trị khóa VI và là phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Trên cương vị này, Đồng Sĩ Nguyên trực tiếp chỉ đạo xây dựng các công trình: nhiệt điện Phả Lại, thủy điện Hòa Bình, thủy điện Trị An, cầu Thăng Long, cầu Chương Dương, cầu Bến Thủy, các nhà máy xi măng Bỉm Sơn, giấy Bãi Bằng, Kiên Lương, kính Đáp Cầu, dầu khí Vũng Tàu, Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, mở rộng năm cửa ô Thủ đô Hà Nội... Cho đến khi thôi giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông vẫn được tin cậy giao làm đặc phái viên Chính phủ phụ trách Chương trình 327 về bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ban Chỉ đạo Nhà nước về Quốc lộ Hồ Chí Minh.

Vì sao từ chỉ huy quân sự Đồng Sĩ Nguyên lại chuyển sang phụ trách công tác hậu cần? Ân cần rót nước suối mời chúng tôi, vị tướng cho biết:

- Trong những ngày diễn ra Chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi đang là phái viên của Tổng cục Chính trị được Bộ Tổng tư lệnh cử tham gia Bộ tư lệnh cánh phối hợp Trung - Hạ Lào. Sau Hiệp định Genève, tôi về Bộ Tổng tham mưu phụ trách Cục Động viên dân quân. Năm 1964, sau ba năm học tập tốt nghiệp Học viện Cao cấp Quân sự Bắc Kinh, về nước tôi được đề bạt làm Tổng tham mưu phó Bộ Tổng tham mưu. Năm 1965, tôi được điều vào làm chính uỷ, bí thư Quân khu 4 và tư lệnh kiêm chính uỷ Bộ đội tình nguyện Trung - Hạ Lào. Trong một trận chiến đấu tôi bị thương.

Về Hà Nội điều trị lành bệnh, tôi được điều sang làm phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần kiêm chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần tiền phương năm 1966. Sở chỉ huy Tổng cục Hậu cần tiền phương đóng tại xã Hương Đô, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vốn ngày xưa là căn cứ địa của cụ Phan Đình Phùng. Một nhiệm vụ rất mới mẻ. Tôi trực tiếp lo tổ chức thực hiện việc chi viện cho các chiến trường ta và hai nước bạn Lào, Campuchia ở phạm vi Nam Đông Dương.

- Việc phụ trách hậu cần tiền phương phải chăng là bước chuẩn bị cho nhiệm vụ chỉ huy tuyến đường Hồ Chí Minh mà Trung tướng được đề bạt sau đó, thừa Trung tướng?

- Trách nhiệm ấy do Quân uỷ Trung ương quyết định. Là người lính, tôi luôn cố gắng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao phó. Một năm chỉ huy vận tải ở tuyến lửa Nam Khu 4 đối với tôi là một năm thực tập bổ ích, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu. Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1966, Tổng cục Hậu cần tiền phương với lực lượng 750 xe vận tải, 5 tiểu đoàn của bốn binh trạm, đã lập được chân hàng ở các cửa khẩu tuyến đường 559 đạt tới 75% kế hoạch cả năm, trong bối cảnh máy bay Mỹ đánh phá ngăn chặn ác liệt.

- Hình như trong chiến tranh chống Mỹ, Trung tướng là một trong hai sĩ quan cao cấp vinh dự được thăng quân hàm vượt cấp từ Đại tá lên tướng Trung tướng?

- Vâng, tôi với anh Lê Đức Anh, được thăng vượt cấp vào năm 1974. Tôi được phong Đại tá từ năm

1958 khi làm Cục trưởng Cục Động viên dân quân.

- *Thưa Trung tướng, phẩm chất cần nhất của người làm tướng khi ra trận là gì?*

- Bình tĩnh. Không nóng nảy, không chủ quan, đánh giá đúng địch đúng ta. Tập trung cao độ tư duy, hạ lệnh đúng lúc, dứt khoát, sát đúng.

- *Trong đời thường, điều gì dễ gây Trung tướng dị ứng?*

- Quan cách. Nịnh hót. Luồn lách. Nói xấu, bôi nhọ người khác. Nạn quan liêu giấy tờ. Bệnh phô trương hình thức.

- *Khi còn trên chiến trường, ai là đồng đội thân thiết của Trung tướng?*

- Trong kháng Pháp, khi ở chiến trường Bình Trị Thiên cũng như lúc về Tổng cục Chính trị, tôi được sự dìu dắt của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Chính anh cũng đã góp phần tạo nên nhân cách của tôi về sau.

Ngay trên chiến trường quê nhà trong buổi đầu kháng chiến, những người bạn thân thiết nhất của tôi là các anh Lê Văn Tri, Đoàn Khuê, Nguyễn Hòa, Trần Sự, Phan Khắc Hy,... Khi về Bộ Tổng tư lệnh thì có các anh Nguyễn Trọng Vĩnh, Lê Quang Đạo, Phạm Ngọc Mậu, Hoàng Văn Thái, Đinh Đức Thiện, Trần Sâm,... Trong suốt hai cuộc kháng chiến, ngoài anh em thân thiết trong Bộ tư lệnh 559 Trường Sơn, trên các chiến trường tôi còn quen thân nhiều bạn bè, trong đó có các anh Chu Huy Mân, Trần Văn Trà, Vương Thừa Vũ, Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo, Trần Quý Hai, Nam Long, Nguyễn Quyết, Hoàng Cầm, Đặng Kỉnh, Vũ Lăng...

- *Thành phần Bộ tư lệnh khi Trung tướng phụ trách gồm những ai?*

- Ngoài tôi, Bộ tư lệnh 559 còn có các phó tư lệnh qua các thời kỳ: Hoàng Kiện, Nguyễn An, Lê Đình Sum, Nguyễn Quang Bích, Phan Khắc Hy, Nguyễn Lang, Nguyễn Hòa. Chính uỷ và các phó chính uỷ: Vũ Xuân Chiêm, Đặng Tính, Lê Xy, Hoàng Thế Thiện, Lê Nghĩa Sĩ, Bùi Đức Tạm, Trần Quyết Thắng, Nguyễn Lệnh.

- *Trung tướng nhớ thời điểm Chính uỷ Đặng Tính hy sinh?*

- Nhớ chứ. Năm 1972, anh Đặng Tính vào làm chính uỷ 559. Trên đường đi kiểm tra tuyến đường Trường Sơn anh bị trúng bom hy sinh vào ngày 3 tháng 4 năm 1973 ở Pắc Xoòng.

- *Đối với hai vị chỉ huy cao cấp nhất của quân đội là Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng, Trung tướng có được nhiều thời gian gần gũi?*

- Trong lòng tôi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp như người anh thân thiết. Tôi được làm việc với Đại tướng rất nhiều lần. Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là danh tướng, một nhà chiến lược về quân sự, chính trị của Đảng và dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh.

Còn đối với Đại tướng Văn Tiến Dũng, tôi cũng được làm việc nhiều lần, kể từ lúc tôi còn là Phó Tổng tham mưu trưởng cũng như khi phụ trách đường Hồ Chí Minh. Đại tướng là một vị tướng quân sự, chính trị song toàn, dày dặn, thao lược trong việc dùng binh.

- *Đối với các tướng lĩnh là thế, còn với Chủ tịch Hồ Chí Minh, trung tướng còn nhớ lần đầu được trực tiếp gặp lãnh tụ? Ấn tượng sâu sắc nào của Người đọng lại trong tâm khảm Trung tướng?*

- Với tư cách đại biểu Quốc hội khóa I, tôi được cử vào ban sửa đổi hiến pháp năm 1959. Tôi vinh dự gặp Bác Hồ trong một số buổi thảo luận dự thảo hiến pháp sửa đổi. Bác thông thạo chữ Hán cổ lẫn tiếng Trung Quốc hiện đại cùng nhiều thứ tiếng khác. Bác cũng hết sức tôn trọng các nước bạn. Tuy nhiên, khi viết hay nói cho đồng bào trong nước, bao giờ Bác cũng dùng tiếng Việt. Tôi còn nhớ có lần thảo luận hiến pháp, khi đề cập tới cụm từ nam - nữ, Bác nói: Tại sao không dùng từ con trai, con gái?... Từ những việc cụ thể đó làm cho chúng tôi trong ban sửa đổi hiến pháp ai cũng thấy sự anh minh của Bác đối với giá trị cội nguồn dân tộc.

*

Trong dòng cảm xúc có tính riêng tư, Trung tướng lật cuốn album cho chúng tôi xem một số tấm ảnh mà ông chụp với bạn bè, đồng đội và người thân. Chợt ông dừng lại ở một tấm ảnh trắng đen còn khá mới. Ảnh ông cùng bà Ngọc Lan chụp từ năm 1960. Thật trẻ trung và hạnh phúc. Nhìn anh, tôi lại nhìn ông. Vị tướng không thấy tôi nhìn. Ông đang theo đuổi một ý nghĩ nào đó. Hình như tấm ảnh gợi cho ông về một thời tuổi trẻ hào hùng và gian khổ, hạnh phúc và chia ly? Cắt dòng suy tư của vị tướng, tôi từ tốn hỏi:

- *Thưa Trung tướng, một trong những cái đích vươn tới của con người là tình yêu và hạnh phúc. Quan niệm của Trung tướng về điều này ra sao?*

- Tình yêu và hạnh phúc phải bắt đầu từ cái “tâm”. Trời thì cao, biển thì rộng nhưng tấm lòng con người còn có thể cao hơn trời, rộng hơn biển. tấm lòng là cội nguồn của tình yêu và hạnh phúc!

- *Thời của Trung tướng xã hội vẫn còn đặt nặng chuyện “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Vậy mối tình giữa Trung tướng với người bạn đời do gia đình sắp đặt hay tự nguyện?*

- Do chúng tôi tự đến với nhau. Nhà tôi xuất thân từ một gia đình Nho giáo nghèo. Một thiếu nữ bình thường ở nông thôn, trụ cột lo toan việc nhà. Cô ấy cũng sớm tham gia phong trào địa phương chuẩn bị khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám. Đó là quan sát ban đầu trong một vài lần tôi đến nhà cô vận động ông cụ tham gia Việt Minh. Tình cảm giữa chúng tôi dần dần nảy nở! Khi bắt đầu bén duyên, tôi rất quan tâm đến “tâm lòng” của người mình yêu. Và tôi đã nhận biết điều đó qua biểu hiện ở một vài việc nhỏ.

- *Những biểu hiện tấm lòng ấy cụ thể ra sao...*

- (Cười) Hồi tháng 9 năm 1945, Việt Minh tỉnh Quảng Bình tổ chức một cuộc mít tinh toàn tỉnh, tôi là người chủ trì, phát biểu chính. Cô ấy cùng một số chị em phụ nữ từ quê vào tỉnh lý dự mít tinh và mong trực tiếp... nghe người mình yêu! Một lần khác, trước lúc tôi từ Quảng Trạch lên ga tàu hỏa về Vinh họp khu uỷ, cô ấy đã mời tôi cùng cô về nhà. Khi sang sông, tôi để ý thấy cô dốc hết năm chữ tiền

đồng trong túi trả tiền đồ. Về tới chiếc cầu gần nhà, cô ra hiệu nói nhỏ anh: “Anh đi chậm lại. Em về trước, anh vào sau!”.

Khi tôi đến nhà, ông bà cụ ra đón. Tôi liếc xuống bếp thấy cô đang loay hoay thái rau, nấu cơm. Không hề biết giờ tôi lên tàu nhưng vì sao cô ấy đoán được lại khăn trương chuẩn bị cơm? Chỉ một lát sau bữa cơm đã dọn tươm tất. Ông bà cụ mời tôi cùng ăn. Tôi ước lượng thời gian ăn xong vẫn lên ga kịp. Trên đường ra Vinh tôi cứ miên man nghĩ, đúng là một cô gái nhanh nhẹn, tháo vát, đảm đang, lại có “tâm lòng” hết sức nhiệt thành, chân thật... Tôi càng quý mến, quyến luyến!

Rồi một lần khác, lúc giặc Pháp đóng đồn gần nhà cô ấy, tôi chỉ huy một đơn vị nhỏ Vệ quốc quân đến đánh. Trong thời gian chuẩn bị, tôi đóng quân tại một làng gần đó. Không hiểu sao cô ấy biết được, liền vượt qua đồn địch, đến tận nơi trú quân để thăm. Cô còn mang theo một gói lạc và nói lại nguyện vọng của nhân dân trong vùng mong Vệ quốc quân sớm đánh tan đồn địch ở ga Minh Lệ. Nghe cô nói, tôi rất cảm động!

- Ông bà thực sự đến với nhau lúc nào?

- Khi quân Pháp chiếm huyện lỵ Quảng Trạch, cơ quan huyện dời lên chiến khu Trung Thuần, cô ấy theo bố ra thăm. Ông cụ được mời ở lại hãn chiến khu làm chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt. Cô cũng ở lại. Từ đó, chúng tôi nên vợ nên chồng ngay trên chiến trường.

Một thời gian sau, tôi nhận quyết định ra Trung ương học lớp trung cao quân sự thì nhà tôi mang thai đứa con đầu lòng. Dù trong túi không tiền nhưng nhờ sự tháo vát và được cơ quan giúp đỡ, bà đã một mình vượt cạn, tần tảo nuôi con. Rồi nhà tôi ra Việt Bắc, vào làm ở Tổng cục Chính trị. Tôi tiếp tục đi chiến dịch. Bà ở nhà vừa công tác vừa chăm sóc con cái. Cả trong chống Mỹ cũng thế. Bằng đồng lương ít ỏi, bà tính toán chu đáo lo cho sáu đứa con ăn học đến trưởng thành, rồi năm đứa lần lượt vào bộ đội. Bà lặng lẽ vất vả một đời nhưng không bao giờ có lời kêu ca, trách móc chồng. Nhờ vậy, tôi mới an tâm tập trung công tác nơi chiến trường!

- Thừa Trung tướng, trong suốt hành trình chinh chiến của mình, thời gian nào Trung tướng cảm thấy khó khăn nhất?

- Khó khăn nhất là giai đoạn 1947-1948, đánh Pháp phần lớn bằng vũ khí thô sơ, tri thức quân sự lại kém, chủ yếu dựa vào tinh thần xả thân của anh em. Trong chống Mỹ, đó là thời gian làm tư lệnh kiêm chính uỷ Bộ đội Trung - Hạ Lào, tôi bị thương phải rời chiến trường điều trị một thời gian. Thời kỳ phụ trách đường Trường Sơn, khó khăn là lúc đường cầu còn độc đạo, binh chủng hợp thành còn yếu; từ năm 1965 - 1967 bộ đội rất thiếu thốn, nhất là ở Tây Nguyên.

- Trung tướng chính thức nhận trọng trách tư lệnh Bộ đội Trường Sơn lúc nào?

- Đầu năm 1967, tôi vào thay anh Hoàng Văn Thái làm tư lệnh Đoàn 559 kiêm chủ nhiệm Tổng cục Hậu Cần tiền phương, đồng thời là tư lệnh một quân khu trực thuộc Bộ Tổng.

- “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”. Một câu thơ của nhà thơ Tố Hữu luôn gợi nhớ đến con

đường Hồ Chí Minh lịch sử khi đất nước còn chìm trong máu lửa thương đau. Nhưng thưa Trung tướng, vì sao phải xẻ dọc Trường Sơn mà không chọn con đường khác?

- Đông, Tây Trường Sơn vừa là bên sườn vừa là bên ruột của chiến trường ba nước Đông Dương, là một căn cứ chiến lược vĩ đại, có địa lợi, nhân hoà, thế địch yếu, tấn công phòng ngự vô cùng lợi hại. Được ba nước đồng lòng, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch quyết định thành lập tuyến chi viện chiến lược, không chỉ bằng đường núi mà còn bằng cả đường biển. Ngày 19 tháng 5 năm 1959 nhân sinh nhật lần thứ sáu chín của Bác Hồ, đường Trường Sơn chính thức ra đời, được đặt tên đường Hồ Chí Minh, mang mật danh đường 559. Anh Võ Bẩm là người đầu tiên được Quân uỷ Trung ương cử phụ trách mở đường. Nó gồm ba giai đoạn. Đầu tiên là đường bộ, gùi thồ. Từ năm 1964 phát triển thành nhiều phương thức: đường bộ, đường sông, đường ống. Bên cạnh đường Hồ Chí Minh trên Trường Sơn thì đường Hồ Chí Minh trên biển Đông cũng được thành lập với mật danh 759.

- Được biết trước khi Trung tướng về phụ trách, thì đường Trường Sơn còn ở dạng thô sơ, những cuộc thử nghiệm vận tải cơ giới qui mô bị thất bại. Bên cạnh đó lại có ý kiến chỉ muốn quay lại gùi thồ. Và tranh luận đã diễn ra. Vậy nhờ đâu cuối cùng Trung tướng thành công?

- Nhờ thừa kế kinh nghiệm các năm trước. Năm 1964, anh Võ Bẩm cho thí điểm mở đường vận tải cơ giới. Mùa khô 1964 - 1965, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Đoàn 559 Phan Trọng Tuệ cùng Chủ nhiệm Tổng cục Hậu Cần Đinh Đức Thiện tiếp tục thử nghiệm vận tải cơ giới cấp tiểu đoàn 100 xe trên cung đường 300 km. Do thời gian quá ngắn, chưa nắm được qui luật đánh phá ngăn chặn của địch và cũng chưa tổ chức được bộ đội hợp thành, chỉ huy chưa tập trung thống nhất, nên cuộc thử nghiệm không thành công. Tuy nhiên, hai anh Phan Trọng Tuệ và Đinh Đức Thiện luôn cương quyết bảo vệ quan điểm tiếp tục mở đường vận tải cơ giới chứ nhất định không quay lại gùi thồ.

- Và thực tế đã chứng minh quan điểm của hai ông là hoàn toàn đúng?

- Vâng. Cuối năm 1966, Quân uỷ Trung ương triệu tập cuộc họp do Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp chủ trì. Tôi được mời dự thính. Hai loại ý kiến trái ngược nhau được đưa ra thảo luận sôi nổi, đôi lúc hết sức gay gắt. Anh Tuệ và anh Thiện thẳng thắn tự phê bình việc thử nghiệm chưa thành công, phản bác mọi lý lẽ muốn lùi về gùi thồ và phân tích một cách thuyết phục sự cần thiết cấp bách của vận tải cơ giới nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu theo tình hình phát triển của chiến trường, vì mục tiêu cuối cùng phải đạt tới là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước!

Hai anh cũng đề nghị tranh thủ tập trung mọi trí tuệ, sức lực ưu tiên cho chiến trường mà trước hết phải tăng cường đồng bộ lực lượng đủ mạnh cho con đường huyết mạch Trường Sơn, cầu nối hậu phương với tiền tuyến. Theo hướng đề nghị đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tổng kết nhấn mạnh rằng “địch dùng chiến tranh để ngăn chặn, ta cũng phải tổ chức bộ đội hợp thành để chống lại, cương quyết thực hiện thành công đường vận tải cơ giới, có kết hợp gùi thồ nơi và lúc cần”.

- Sau đó, chính Trung tướng là người trực tiếp thực hiện quyết định có tầm chiến lược của

Quân uỷ Trung ương vốn xuất phát từ ý tưởng của tướng Tuệ và tướng Thiện?

- Tôi nhớ khi giao nhiệm vụ cho tôi làm chủ nhiệm Tổng cục Hậu Cần tiền phương sau khi cuộc họp trên vừa kết thúc, anh Đinh Đức Thiện bức xúc nói rằng do thử nghiệm vận tải cơ giới chưa thành công nên mới có ý kiến bàn thụt lùi. Anh rất tức! Và anh hy vọng chắc chắn ở tôi: “Lần này, cậu vào chính quê cậu, tâm điểm đánh phá ác liệt của giặc Mỹ, hãy cố thực hiện cho được vận tải cơ giới qui mô lớn để chứng minh kết luận của Quân uỷ Trung ương là hoàn toàn đúng đắn”.

- Từ kinh nghiệm ở Tổng cục Hậu cần tiền phương, Trung tướng đã vận dụng như thế nào đối với đường 559? Nếu không thuộc phạm vi bí mật quốc gia, xin Trung tướng cho biết những nguyên tắc chủ yếu để thực hiện thành công nhiệm vụ vận tải quân sự chiến lược.

- Nguyên tắc chủ yếu là phải chuyển đổi tổ chức và lực lượng thành lực lượng chiến đấu. Phải chuyển vận tải chiến lược đường Hồ Chí Minh thành một hướng chiến trường, một căn cứ chiến lược. Phải tổ chức bộ đội hợp thành dưới sự chỉ huy tập trung thống nhất ở các cấp. Phải vận dụng được nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, lấy đánh lâu dài, lấy tư tưởng tiến công làm chủ đạo.

- Những nguyên tắc ấy được cụ thể ra sao, xin Trung tướng vui lòng cho biết rõ hơn?

- Thứ nhất, trong điều kiện chiến tranh ác liệt phải lấy tư tưởng tiến công làm chủ đạo, đồng thời coi trọng phòng tránh. Đó là nguyên tắc đánh được địch, giữ được mình. Thứ hai, không thể để xe vận tải “đơn thương độc mã” trên đường, mà phải có công binh thiện chiến túc trực, pháo cao xạ yểm trợ chống máy bay địch oanh tạc, bộ binh bảo vệ và các lực lượng phục vụ chiến đấu tích cực hỗ trợ thường xuyên trên tuyến đường. Đồng thời còn cơ động pháo theo đội hình xe vận tải. Tất cả bám đường trên nguyên tắc binh chủng hợp thành, lấy bộ đội xe làm chủ lực, nắm trọng điểm, coi trọng diện. Thứ ba là tập trung thống nhất chỉ huy về một mối, lệnh phát ra có hiệu lực ngay.

- Trung tướng còn nhớ thời điểm quân số cao nhất của bộ đội Trường Sơn là bao nhiêu?

- Mười hai vạn. Trong đó có mười ngàn thanh niên xung phong. Gồm chín sư đoàn. Tám sư thuộc Bộ tư lệnh 559. Một sư cao xạ, tên lửa của Bộ phối thuộc.

- Thế còn mốc thời gian nào vận tải cơ giới được xem phát triển đến đỉnh cao.

- Năm 1972-1973. Chúng tôi bắt đầu chuyển sang mốc mới vận tải quân sự chiến lược. Bỏ cung, trạm. Vận tải xuyên suốt Bắc - Nam, đi theo đội hình sư đoàn, cơ động gọn từng quân đoàn sư đoàn bộ binh, binh chủng kỹ thuật, cơ sở vật chất đến thẳng từng chiến trường. Nếu trước đây đi bộ mất bốn tháng thì bây giờ vận chuyển chỉ mười hai ngày. Hai sư đoàn ô tô vận tải quân sự cũng đã hình thành. Gồm mười ngàn xe. Có thể nói đây là những sư đoàn vận tải đầu tiên và duy nhất trong lịch sử chiến tranh của dân tộc. Đến năm 1975 hai sư vận tải đã đón đúng thời cơ thực hiện lệnh thần tốc, thời gian từ miền Bắc vào đến Bù Đăng rút xuống chỉ còn bảy - tám ngày để phục vụ kịp thời Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Về hạ tầng cơ sở, đến năm 1975 đã xây dựng 16.700 km đường, chủ yếu là đường dã chiến, trong đó có

hơn 800 km đường kín, 1.500 km rải đá, 200 km nhựa. Ngoài ra, còn có 1.500 km đường ống dẫn dầu, 1.350 km đường dây thông tin tải ba, 3.800 km đường giao liên, 500 km đường sông.

- *Đường ống dẫn xăng dầu Trường Sơn là một công trình ngoài sức tưởng tượng, nhất là trong điều kiện không quân Mỹ thường xuyên oanh kích. Ai là người đề xuất sáng kiến táo bạo này?*

- Anh Đinh Đức Thiện. Từ đầu năm 1969, anh cùng Bộ tư lệnh 559 bàn bạc hạ quyết tâm lắp đặt đường ống dẫn xăng dầu vào đến Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay. Nhiều chính khách trên thế giới cũng từng phải ngạc nhiên: trong lúc không quân Mỹ đánh phá dữ dội, làm sao chúng ta có thể sử dụng đến hàng sư đoàn xe vận tải, cơ động bằng cơ giới từng quân đoàn, sư đoàn bộ binh, cơ động khối lượng lớn binh chủng kỹ thuật vào tận chiến trường Nam Bộ, chỉ cách Sài Gòn 100 km. Xăng dầu được tiếp tế như thế nào?

- *Báo chí phương Tây còn gọi đường mòn Hồ Chí Minh là “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”?*

- Đường Hồ Chí Minh không chỉ là một tuyến vận tải mà còn là một chiến trường, một căn cứ địa chiến lược rộng lớn vững chắc hậu thuẫn cho các chiến trường của ta và bạn. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, nó là một trong những yếu tố quyết định thần tốc. Lúc đầu dự kiến giải phóng miền Nam trong vòng hai năm. Sau, Bộ Chính trị rút còn một năm. Nhưng đánh xong Buôn Mê Thuột, nhờ sự chuẩn bị chu đáo ở các chiến trường và tuyến chi viện đường Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị quyết định giải phóng miền Nam trong tháng 4 năm 1975.

- *Hình như sự so sánh trên còn xuất phát từ thất bại của không quân Mỹ...*

- Đúng! Nhưng Mỹ đâu chỉ tấn công đường Hồ Chí Minh bằng không quân. Từ năm 1965, Mỹ ngụy cấu kết với các nước chư hầu bắt đầu đánh phá bằng nhiều binh chủng kết hợp, với đủ loại phương tiện vũ khí chiến tranh hiện đại như hàng rào điện tử, mưa nhân tạo, mù nhân tạo, bom từ trường, chất độc hoá học... Năm 1971, địch lại tiến hành chiến dịch tổng hợp Đường 9 Nam Lào gồm cả bộ binh, không quân, hải quân quyết tâm một lần nữa cắt đứt mạch máu chi viện cho các chiến trường. Nhưng một lần nữa chúng lại chuốc lấy thất bại. Nhờ lưới lửa phòng không tập trung mạnh, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh ta đã bắn rơi mấy mươi chiếc trực thăng Mỹ. Điều chưa từng có. Mỹ ngụy vô cùng hoảng hốt, cam chịu thất bại. Cũng từ đó, đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại vĩnh viễn không bị cắt đứt, được cả thế giới biết đến!

- *Theo Trung tướng, yếu tố nào đóng vai trò quyết định làm nên huyền thoại đó? Nghệ thuật chỉ huy, sức mạnh của vũ khí hiện đại hay con người?*

- Đương nhiên có nhiều yếu tố tổng thành, nhưng yếu tố quyết định là con người! Chính con người cá nhân lẫn con người tập thể là yếu tố quan trọng nhất làm nên điều kỳ diệu Trường Sơn. Những con người của thời đại Hồ Chí Minh biết kết hợp sức mạnh yêu nước truyền thống với tinh thần cách mạng tiến công, kết hợp dũng và mưu, quyết chiến quyết thắng trong chiến tranh lâu dài.

- *Thắng lợi càng lớn, cái giá phải trả càng lớn. Cho đến khi kết thúc nhiệm vụ lịch sử, có bao*

nhiều chiến sĩ Trường Sơn đã ngã xuống?

- Mười chín ngàn người đã vĩnh viễn nằm xuống. Hơn ba mươi ngàn người bị thương. *(Vị tướng xúc động mạnh khi nhắc đến những con số chừng như khô khốc nhưng hết sức đau thương. Mắt ông ngấn đỏ. Giọng nói như chùng hẫng xuống)*. Là người chỉ huy rực tiếp cao nhất, tôi hiểu hơn ai hết sự hy sinh to lớn của các chiến sĩ Trường Sơn. Họ đi vào cõi vĩnh hằng cho đất nước vĩnh hằng. Họ là anh hùng của dân tộc anh hùng!

- *Vâng, thưa Trung tướng, cái giá vì sự thống nhất Tổ quốc trong hai cuộc kháng chiến vừa qua có lẽ đến các thế hệ sau còn vang vọng! Bây giờ hồi tưởng lại, Trung tướng đánh giá như thế nào? Có một cách nào đó có thể tiết kiệm được thời gian lẫn xương máu không?*

- Tôi nghĩ nếu như từ năm 1967 đường Trường Sơn rải đá theo hai trục Bắc-Nam, xoá bỏ vận tải theo mùa, tập trung và quyết tâm hơn thì tình hình sẽ khác. Hay giá như làm đường kín 800 km dưới rừng già Lào sớm hơn chứ không phải tới năm 1972 mới tiến hành, để xe chạy cả ban ngày, thì ta đỡ thiệt hại hơn, mà hiệu quả lại cao hơn. Bởi thời gian là lực lượng. Con đường kín này ta chỉ mới sử dụng một năm thì Hiệp định Paris được ký kết.

Tuy nhiên, đối với những việc đã qua lẽ thường hay tiếc những thiếu sót, “giá như thế này, giá như thế kia”. Ở đây một cuộc kháng chiến kéo dài ba mươi năm, với hai kẻ thù hùng mạnh nhất của thế giới trong thế kỷ XX. Cả hai cuộc kháng chiến tương quan lực lượng, mức độ có khác nhau nhưng nói chung lúc đầu ta đều yếu về kinh tế, quân sự, trang bị kỹ thuật. Nhưng tại sao ta thắng? Ta thắng vì ta biết kết hợp sức mạnh truyền thống dân tộc và thời đại, có một nền tảng khoa học quân sự chiến tranh nhân dân lỗi lạc, độc đáo; có một đường lối chiến tranh tài trí, thao lược, độc lập, sáng tạo, làm chủ mọi thời cơ của Đảng và Bác Hồ. “Lấy yếu đánh mạnh” thì phải chịu đựng được trường kỳ, sử dụng tốt vị thế địa chính trị, tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi của bạn bè thế giới, vừa đánh vừa giữ gìn lực lượng, không ngừng phát triển, đuổi va vượt sức mạnh đối phương.

Thắng lợi nào cũng đều phải trả giá. Mười sáu năm chiến đấu trên đường Hồ Chí Minh, Bộ đội Trường Sơn cùng với các chiến trường đã phải trả một giá cực kỳ xứng đáng để phát triển và giành thắng lợi, thống nhất Tổ quốc, giữ được độc lập, tự do, chủ quyền dân tộc. Điều đó là vô giá, không thể tính đắt rẻ.

- *Trung tướng có quan điểm ra sao khi Chính phủ quyết định xây dựng đường Trường Sơn xưa thành đường Quốc lộ Hồ Chí Minh xuyên Bắc - Nam.*

- Đây là quyết định đúng. Một đất nước như nước ta, từ Bắc đến Nam nếu chỉ có duy nhất một con đường Quốc lộ 1 thì sẽ rơi vào thế độc đạo, ngõ cụt. Và phải trả giá khi thiên tai hay chiến tranh xảy ra. Tôi nhớ năm 1972, chúng tôi từng đứng ôm nhau khóc trên đỉnh Bù Lạch, khi binh lực đủ sức tiến đánh Đà Nẵng từ phía Tây nhưng không có đường đủ tiêu chuẩn! Nếu được triển khai, Quốc lộ Hồ Chí Minh Bắc - Nam sẽ cùng với Quốc lộ 1 hợp thành mạng lưới giao thông liên hoàn vững chắc, giảm bớt

lưu lượng xe cho Quốc lộ 1, giúp đưa các vùng ở miền núi Tây Nguyên và dọc Trường Sơn vào quỹ đạo phát triển chung của đất nước, nối thông với hai nước bạn láng giềng. Quốc lộ Hồ Chí Minh không chỉ là mục tiêu của thế hệ hôm nay, mà tôi nghĩ đó cũng chính là ước mơ của hàng vạn chiến sĩ đã ngã xuống trên Trường Sơn, trong đó có sáu ngàn liệt sĩ hiện vẫn còn nằm biệt tích trong mưa rừng gió núi!

- Ai cũng biết rằng đường Hồ Chí Minh trên Trường Sơn là sản phẩm của tình đoàn kết ba nước Đông Dương, đặc biệt là với Lào trong thời gian đầu mở tuyến đường Tây Trường Sơn. Riêng bản thân mình, hình như Trung tướng có nhiều duyên nợ với đất nước Triệu Voi?

- Vâng, tôi xem Lào như quê hương thứ hai của mình. Năm 1944, khi bị địch truy lùng, tôi bí mật sang hoạt động ở Thái - Lào, chủ yếu là Lào. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung - Hạ Lào là một trong các cánh phối hợp, tôi được tham gia Bộ tư lệnh cánh quân này. Đến năm 1965, tôi nhận nhiệm vụ tư lệnh kiêm chính uỷ Bộ đội tình nguyện ở Trung - Hạ Lào, trong một trận chiến đấu tôi đã bị thương trên chiến trường nước bạn. Và khi trở thành tư lệnh đường Trường Sơn, tôi lại có dịp trở lại Lào lần thứ tư. Các bạn Lào đón tôi như đón người thân trở về. Cho đến khi kết thúc chiến tranh, ta đã mượn đất bạn mười một năm để xây dựng tuyến đường Tây Trường Sơn. Một mối quan hệ nghĩa tình đặc biệt khó có trong lịch sử bang giao giữa các nước láng giềng.

Đồng thời, bộ đội tình nguyện Việt Nam cũng đã sát cánh cùng quân dân nước bạn giải phóng sáu tỉnh Trung - Hạ Lào: Salavan, Savanakheth, Attapur, Sekon, Chambasak, Khăm Muộn. Thời điểm quyết định nhất là năm 1962, ta giải phóng từ biên giới theo Đường 9 đến Mường Phìn tỉnh Savanakheth và dọc Tây Trường Sơn, mở toang cánh cửa biên giới ba nước Đông Dương để mở đường 128.

- Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung tướng giữ nhiệm vụ gì?

- Tôi là tư lệnh bộ đội Trường Sơn kiêm phó tư lệnh cánh quân phía Đông mà anh Lê Trọng Tấn là tư lệnh. Tấn công Sài Gòn ta huy động gần năm quân đoàn cộng các mũi phối hợp. Đây là lần đầu dùng binh qui mô lớn nhất trong lịch sử các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh nằm trong quá trình chiến đấu và chiến thắng từng bước cộng lại của suốt cuộc chiến tranh. Do đó, khi đánh vào Sài Gòn thế và lực quân ta đã trở nên áp đảo. Đặc biệt, sau khi thất thủ Buôn Mê Thuột, tan rã Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng... tư tưởng và ý chí của Mỹ nguy hoàn toàn sụp đổ. Trên đường tiến vào Sài Gòn tuy có đánh một số trận ác liệt ở ngoại vi, nhưng khi đại quân tấn công vào trung tâm thì đối phương hầu như ngồi chờ đầu hàng.

- Trung tướng có mặt ở trung tâm Sài Gòn lúc nào? Ấn tượng của Trung tướng vào thời điểm lịch sử này?

- Tôi có mặt ở Sài Gòn trưa ngày 1 tháng 5 năm 1975. Khi đi ngang dinh Độc Lập và lướt qua trung tâm thành phố, tôi thầm khâm phục tài thao lược của Bộ thống soái tối cao mà trực tiếp là Bộ chỉ huy chiến dịch. Cuộc tổng tấn công to lớn như vậy mà ta vẫn giữ được trọn vẹn tính mạng và tài sản của nhân dân, thành phố hầu như còn nguyên vẹn, có chăng chỉ một cánh cổng sắt ở dinh Độc Lập bị xe

tăng húc đỏ.

Sài Gòn bị chiếm đóng lâu đến thế, nhưng khi quân ta vào tiếp quản thành phố, quân dân hoà hợp rất nhanh chóng, trật tự trị an được lập lại ngay từ đầu. Các tầng lớp nhân dân hồ hởi đón nhận thắng lợi vĩ đại như chính bản thân họ. Giải phóng Sài Gòn là một bức tranh đẹp!

- Trong tình hình khu vực và thế hiện nay, theo Trung tướng nguy cơ chiến tranh xâm lược đối với nước ta có thật sự bị đẩy lùi?

- Thế giới ngày nay, tuy đa cực nhưng cuộc chiến cục bộ dưới nhiều hình thức vẫn âm ỉ nơi này nơi khác. Cuộc chạy đua vũ trang dưới nhiều hình thức vẫn không ngừng. Trước mắt, nguy cơ chiến tranh lớn có hạn chế, nhưng tương lai thế giới vẫn chưa loại trừ nguy cơ chiến tranh. Nước ta có một vị thế địa - chính trị đặc biệt nên phải coi trọng cả hai nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng. Có thể khẳng định ta không đánh ai chứ không dám chắc không ai đánh ta. Tuy nhiên với thế và lực hiện nay, chúng ta đủ khả năng giữ được ổn định để xây dựng đất nước, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Từ người lính trở thành tướng lĩnh cao cấp, từ cán bộ cơ sở trở thành nhà lãnh đạo hàng đầu của Đảng và Chính phủ, từ chiến trường đến công nông trường, có thể nói cuộc đời và sự nghiệp phong phú của Trung tướng thật hiếm có. Đó cũng là một trong những hình ảnh đặc trưng của con người Việt Nam ở thế kỷ XX. Bằng kinh nghiệm sống dày dặn của mình, Trung tướng hình dung ra sao về đất nước trong khoảng ba đến năm mươi năm nữa?

- Giờ lại lịch sử, chúng ta vô cùng tự hào lớp lớp kế thừa truyền thống cha ông từ thời này sang thời khác, một lòng một dạ vì độc lập, tự do, chủ quyền dân tộc. Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại vinh quang nhất trong mọi thời đại. Hiện đất nước ta đang tiến bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy về kinh tế, trang bị quân sự, khoa học ta còn kém xa các nước tiên tiến, nhưng với đường lối đối nội đối ngoại đúng đắn của Đảng, nền chính trị ổn định, với sự thừa kế son sắt của lớp trẻ, chúng ta tin rằng trong nửa thế kỷ tới đất nước vẫn vững bước đi lên mạnh mẽ. Tuy vậy, chúng ta không thể không cảnh giác với mọi cuồng vọng, bằng mọi hình thức tấn công vào sự ổn định của đất nước.

*

Câu chuyện càng lúc càng cuốn hút. Đã hơn năm giờ chiều. Nắng tắt hẳn trên bầu trời Hà Nội. Còn nhiều điều chúng tôi muốn hỏi. Và ông như cũng còn nhiều điều muốn tỏ bày. Chụp chung mấy tấm ảnh kỷ niệm, tiễn chúng tôi ra cổng, vị tướng nắm chặt tay nhấn nhủ: “Anh trở về Nam, qua tạp chí Kiến thức ngày nay, cho tôi gửi lời chào thân thiết nhất đến những chiến sĩ Trường Sơn và gia đình, nhất là gia đình những đồng chí đã hy sinh!”.

Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 1998

13 - Trung tướng DUƠNG CỰ TÂM

Cuối năm 1974, có một vị tướng Quân giải phóng miền Nam được phép rời chiến trường ra Bắc thăm vợ con, sau gần mười một năm xa biệt. Quà cáp núi rừng chứa đầy ba lô dã chiến. Lên đường! Đột ngột có lệnh: ở lại, chuẩn bị đánh lớn vào mùa xuân 1975. Vị tướng đó chính là Dương Cự Tâm, một trong những tướng lĩnh kỳ cựu ở chiến trường Nam Bộ, dưới bí danh Năm Thanh. Vốn là một học sinh yêu nước vùng Kinh Bắc, mười bảy tuổi đã đứng cứng đầu trước vành móng ngựa thực dân, hai mươi ba tuổi được Bộ Quốc Phòng biệt phái mang số tiền lớn tương đương một ngàn lượng vàng bí mật sang Thái Lan mua vũ khí; sát cánh cùng hoàng thân Suphanuvong trong liên quân Lào - Việt; rồi đưa một cánh quân hải ngoại vượt Campuchia về tiếp tế Nam Bộ kháng chiến. Kể từ đó, trên mỗi bước đường chinh chiến, hết đánh Pháp đuổi Mỹ đến tiêu diệt tập đoàn diệt chủng Pol Pot - Iêng Sary, tướng Dương Cự Tâm được tiếp thêm sức mạnh bởi một “nguồn lực” mới: tình yêu của một cô gái đồng bằng sông Cửu Long suốt đời dành cho ông - người chiến binh đến từ đồng bằng sông Hồng. Ông được thăng quân hàm thiếu tướng năm 1974, lên Trung tướng năm 1984 lúc đang là phó tư lệnh Quân khu 7 và được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng nhất.

- *Thưa Trung tướng, giả sử bây giờ một mình trở lại sống giữa điệp ngàn Trường Sơn, thì trong ba lô Trung tướng cái gì nhất định không thể thiếu?*

- Chiếc máy ảnh (cười sảng khoái). Tôi mê chơi ảnh lắm. Cả anh Trần Văn Trà và anh Trần Độ cũng vậy. Mà phong cảnh Trường Sơn thì tuyệt!

- *Bây giờ Trung tướng vẫn còn chơi ảnh.*

- Không bỏ được. Hồi ở Quân khu 9, thấy tôi mê ảnh, anh Đồng Văn Cống đã tặng tôi chiếc máy ảnh Canon không vỏ, trụi lủi. Tôi nhờ một chiến sĩ biết nghề ảnh, chỉ giùm cách chụp, tráng phim, pha thuốc, rửa ảnh... Nay có dịp gặp anh em hay về thăm quê, tôi mới chụp.

- *Tuổi thơ là một “tài sản” quan trọng của cuộc đời mỗi con người. Với Trung tướng, hình ảnh tuổi ấu thơ còn lưu gì trong ký ức của mình, thưa Trung tướng?*

- Tổ tiên tôi vốn theo Nguyễn Công Trứ vào khai hoang ở đất Kim Sơn, Ninh Bình. Cha tôi là một nhà Nho, làm thuốc Đông y. Còn mấy ông chú tôi theo Tây học. Mẹ tôi là một phụ nữ thuần hậu, chất phác. Mẹ bảo tôi tuổi Tuất, tức sinh năm 1922. Giấy khai sinh tốt nghiệp tiểu học của tôi lại đề sinh năm 1924. Còn tuổi nghỉ hưu thì năm 1921. Lúc nhỏ, tôi học tiểu học ở Kim Sơn, có một năm theo học

trường dòng Phát Diệm. Năm 1939, tôi vào học trường kỹ nghệ Hà Nội, được giác ngộ tham gia phong trào cách mạng phản đế tại trường.

Vì tổ chức bí mật của học sinh yêu nước bị vỡ, năm 1942 tôi bị bắt cùng một nhóm thanh niên học sinh Hà Thành. Trong đó có anh Nguyễn Văn Kha, sau này là Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; anh Hoè, sau này làm chủ tịch thành phố Hải Phòng, rồi trưởng Ban Kinh tế Trung ương. Chúng tôi bị chính quyền thực dân đưa ra toà án quân sự. Nhờ Luật sư Phan Anh cãi kịch liệt, với lý do tôi mới mười bảy tuổi, nên chỉ bị đưa đi trại cải tạo trẻ vị thành niên ở Bắc Giang. Năm 1943, tôi bị đưa về quản thúc ở địa phương, gia đình tổ chức cho tôi trốn lên huyện Yên Mô dạy học tư kiếm sống và tiếp tục hoạt động cách mạng.

- Được biết sau Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám. Trung tướng được phân công mang nửa triệu bạc Đông Dương sang Thái Lan mua vũ khí. Trung tướng có thể kể vài nét về sứ mệnh đặc biệt này?

- Vâng. Cách mạng thành công, tôi được anh Trần Văn Tuyên phân công phụ trách công đoàn Hà Nội. Lúc đó Trần Văn Tuyên là chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, anh trực tiếp giới thiệu tôi vào Đảng. Và tôi đã dẫn đầu đoàn đại biểu công nhân thủ đô - đoàn đại biểu quần chúng cách mạng đầu tiên vào Phủ Chủ tịch để tiếp kiến Hồ Chủ tịch. Tiếp theo là một nhiệm vụ mới: tháng 11 năm 1945, tôi cùng các anh Lê Thiệu Huy - sinh viên luật, Hoàng Xuân Bình và Lê Trọng Thời là sinh viên y khoa, được Bộ Quốc phòng cử sang Thái Lan mua vũ khí tiếp tế cho Nam Bộ.

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Vũ Anh gọi tôi lên, viết giấy giới thiệu sang ngân hàng nhận nửa triệu đồng tiền Đông Dương, tương đương một ngàn lượng vàng. Trong điều kiện khó khăn của chính quyền non trẻ bấy giờ, đây là số tiền rất lớn. Tôi sang ngân hàng thì hết tiền mặt, chỉ còn có loại 5 hào. Biết làm sao? Tôi phải chạy đến các tiệm bánh quen ở phố Hàng Đào nhờ anh em công nhân vận động chủ tiệm đổi thành tiền loại 10 đồng, 20 đồng để dễ dàng mang đi. Tôi nhớ khi đến tiệm bánh đầu tiên, có hai cô gái khá xinh con ông chủ tiệm, nghe tôi là phái viên Bộ Quốc phòng mà còn quá trẻ, hai cô cứ lấp ló trộm nhìn (cười thích thú). Sau đó, hai cô cũng giúp tôi đắc lực trong việc đi đổi tiền.

- Bằng cách nào đoàn mua vũ khí sang được Thái Lan?

- Vượt qua đất Lào. Trước tiên, chúng tôi hẹn gặp nhau ở Huế. Tôi là đảng viên duy nhất trong đoàn, được phân công giữ tiền và được Bộ Quốc phòng cấp một thẻ “hoả tốc” đặc biệt ưu tiên. Muốn sang Thái Lan phải qua Savanakhét. Mà lúc đó, quân Pháp đã trở lại Nam Lào, cắt đứt con đường này. Nhưng theo qui định của quân Đồng Minh, từ vĩ tuyến 17 trở ra thuộc quyền kiểm soát của quân đội Tưởng Giới Thạch, nên dù có trở lại quân Pháp ở Lào vẫn “dưới cơ” quân Tưởng.

Bộ chỉ huy quân sự Huế làm cho tôi một căn cước giả và tôi ăn mặc giả người Tàu để đi. Tài xế sắp xếp cho tôi ngồi ở trước, bên cạnh một thiếu úy quân Tưởng về Huế công tác, trở sang Lào. Vali tiền tôi để dưới chân. Nhờ có học chữ Nho nên tôi bút đàm với viên thiếu úy quân Tưởng. Anh ta rất thích

thứ. Xe hành khách hai lăm chỗ ngồi chạy qua những khu rừng toàn cây dầu. Thịnh thoảng có vài tên lính Pháp mang súng chặn xe kiểm tra, nhưng thấy viên thiếu úy Tường, chúng liền gật đầu chào, để xe qua. Đến Savanakhet, ông Nguyễn Văn Tiến, chủ tịch Tổng hội Việt kiều ở Thái Lan sang chờ đón tôi. Thở phào nhẹ nhõm, thế là tôi hoàn thành nhiệm vụ. Tôi giao lại toàn bộ tiền cho ông Tiến. Mấy ngày sau, các anh Bình, Huy, Thời cũng sang.

- Sao lúc đó Thái Lan có vũ khí mà ta sang mua?

- À, vì Thái Lan bây giờ có phong trào du kích chống Nhật do Đảng Seri Thay lãnh đạo. Tổng hội Việt kiều có quan hệ tốt với đảng này. Mỹ đã thả dù vũ khí tiếp tế cho du kích Thái, nhưng Nhật vừa đầu hàng quân Đồng Minh, nên số vũ khí đó không sử dụng.

- Thừa Trung tướng, vậy lực lượng Việt kiều Giải phóng quân mà Trung tướng tham gia chỉ huy đã ra đời như thế nào?

- Do Trung ương chỉ đạo tổ chức giúp Lào khởi nghĩa giành chính quyền. Vì thiếu cán bộ, ông Nguyễn Văn Tiến đã đề nghị với Hà Nội để tôi ở lại làm chính trị viên Bộ Chỉ huy Việt kiều Giải phóng quân tỉnh Thakhet. Ba anh Huy, Bình, Thời tiếp tục lo việc mua vũ khí. Anh Nguyễn Chánh vốn là lính khố xanh của Pháp, sau Cách mạng tháng Tám, đã đưa lính về gia nhập Giải phóng quân, được phân công làm chỉ huy trưởng ở Thakhet. Nguyễn Chánh hải ngoại này hiện là Trung tướng, khác với Nguyễn Chánh vốn là tư lệnh kiêm chính uỷ Liên khu 5 đã mất.

- Việc Trung tướng cộng tác với hoàng thân Suphanuvong bắt đầu từ đâu?

- Khi nhận nhiệm vụ chính trị viên, tôi đã tiếp xúc với hoàng thân. Chính phủ Cách mạng lâm thời do hoàng thân Suphanuvong làm chủ tịch đã ra mắt tại Thakhet. Tôi nhớ trong buổi lễ, hoàng thân mặc bộ quân phục kaki vàng, tay chống ba-toong lên duyên thuyết giữa tiếng hoan hô như sấm dậy. Nhân dân Lào tự hào về vị lãnh tụ của mình lắm! Sau bao năm chịu ách đô hộ của thực dân Pháp, họ đã có người dẫn đường giành lại độc lập cho đất nước.

- Còn phu nhân hoàng thân Suphanuvong, nghe nói là người Việt, Trung tướng có dịp tiếp xúc?

- Có. Phong cách hoàng thân ảnh hưởng đậm văn hoá phương Tây, nên đi đâu cũng có “bà đầm” bên cạnh. Ông quý mến bà lắm. Bà hoàng vốn là người gốc Huế. Khi xuất hiện trước công chúng, tóc bà cũng búi cao như phụ nữ Lào, mặc saron. Trong buổi đại lễ lập nước, khi hoàng thân dâng đàn, và cũng lên đứng cạnh ông. Sau buổi lễ, ông bà đã mở tiệc chiêu đãi.

- Trung tướng còn nhớ gì về hoạt động của lực lượng liên quân Lào - Việt lúc bấy giờ?

- Cuối tháng 9 năm 1945, sau khi gây hấn ở Nam Bộ, quân Pháp đã trở lại chiếm đóng Campuchia và các tỉnh Hạ Lào. Sau Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, từ Nam Lào quân Pháp tập trung lực lượng lớn tấn công lên phía Trung và Bắc bằng máy bay, xe tăng, cơ giới. Các thành phố, thị xã Viêng Chăn, Savanakhet và Thakhet bị bao vây. Liên quân Lào - Việt được thành lập từ cuối năm 1945, đã chống trả ngoan cường. Nhưng do quân Pháp quá mạnh, liên quân chống giữ một thời gian thì phòng

tuyển bị chọc thủng.

Đêm 23 tháng 3 năm 1946, liên quân đánh yểm trợ cho đồng bào rút lui, làm vườn không nhà trống, vượt sông Mê Kông sang Thái Lan. Sáu vạn Việt kiều ở ba tỉnh lớn của Lào cũng cùng di cư. Địch tập kích, hoàng thân Suphanuvong bị thương nặng khi qua sông. Anh Lê Thiệu Huy trúng đạn hy sinh ngay trên chiếc canô có hoàng thân. Chuyến vượt sông này quân cách mạng bị tổn thất khá nặng. Đồng bào di cư cũng bị chết rất nhiều. Chính phủ Thái Lan yêu cầu quân giải phóng phải giao nộp vũ khí. Nhưng nhờ Tổng hội Việt kiều ngoại giao tốt với chính quyền địa phương, nên chỉ giao nộp tượng trưng, còn phần lớn vũ khí được phân tán cất giấu.

Tháng 5 năm 1946, có lệnh tập hợp lực lượng quân giải phóng chiến đấu ở Lào. Tôi cùng các anh Nguyễn Chánh, Lê Quốc Sản, Đỗ Huy Rừa được giao nhiệm vụ tổ chức, huấn luyện. Tại chiến khu Noong Kè, trong vòng mười ngày, chúng tôi đã lựa chọn và tập trung được hơn 400 chiến sĩ trong số những người tình nguyện từ các cơ sở Việt kiều, thành Chi đội Trần Phú. Anh Nguyễn Chánh là chi đội trưởng, tôi làm chính trị viên, hai anh Lê Quốc Sản và Đỗ Huy Rừa làm chi đội phó. Chi đội được tổ chức thành bốn đại đội, hoạt động dưới danh nghĩa công nhân làm đường để che mắt chính quyền Thái Lan ở Trung ương.

Qua Tổng hội Việt kiều, chúng tôi cũng nhận thầu xây dựng một con đường dài mười cây số từ Noong Kè ra Phnôm. Ban ngày làm đường, ban đêm bí mật ra cánh đồng đã gặt để tập luyện. Hậu cần đều do con Việt kiều ở Thái tiếp tế.

- Trung tướng đánh giá thế nào về sự đóng góp của Việt kiều Thái - Lào lúc đó cũng như trong suốt hai cuộc kháng chiến đối với Tổ quốc?

- Rất lớn. Cả sức người lẫn của cải vật chất. Việt kiều Thái - Lào đã ghi thêm những trang sử vàng vào lịch sử truyền thống yêu nước của dân tộc. Sự hình thành khối người Việt ở Thái - Lào có đặc điểm lịch sử riêng, mà nổi rõ nhất là dân tị nạn sau khi phong trào Cần Vương thất bại, đến Xô viết Nghệ - Tĩnh bị đàn áp dã man và công nhân khai thác mỏ ở Lào, phu làm đường nổi ba nước Đông Dương. Vì vậy, lòng căm thù ngoại xâm và tinh thần yêu nước luôn nung nấu trong họ.

Phong trào cách mạng của Việt kiều Lào - Thái có mối liên hệ chặt chẽ với trong nước. Nhiều nhà cách mạng đã sang Thái Lan bí mật hoạt động trong sự che chở, giúp đỡ của Việt kiều. Mùa thu năm 1928 đến cuối năm 1929, Bác Hồ dưới bí danh Thầu Chín cũng từng hoạt động trong cơ sở Việt kiều ở đây. Từ năm 1941, các tổ chức Việt kiều phát triển mạnh, với Tổng hội Việt kiều là cơ quan lãnh đạo cao nhất. Đầu năm 1945, theo chỉ thị của Trung ương, Xứ uỷ Thái - Lào được sự giúp đỡ của Đảng Seri Thay - một đảng chính trị có xu hướng độc lập, dân chủ và chống phát xít Nhật, có chính sách thân thiện với Việt kiều, đã tổ chức thành lập chiến khu Sakon với lực lượng vũ trang lấy tên Việt Nam độc lập quân. Đây là chiến khu bí mật nhưng đã thu hút khá đông nam nữ thanh niên Việt kiều yêu nước, làm nòng cốt xây dựng Việt kiều giải phóng quân ở Lào sau này.

- *Thừa Trung tướng, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, có tất cả mấy cánh quân hải ngoại xuất phát từ Thái Lan về tiếp tế Nam Bộ?*

- Gồm bốn đơn vị. Thứ nhất là Bộ đội Độc lập số 1, còn gọi là Hải ngoại 1. Đây là lực lượng vũ trang của cộng đồng người Việt ở Campuchia, chủ yếu là vùng Battambang, được xây dựng cuối năm 1945 tại chiến khu Biền Hồ - lúc này còn thuộc quyền kiểm soát của Thái Lan. Tháng 8 năm 1946, Hải ngoại 1 có hơn 100 quân, do các anh Huỳnh Văn Vàng (Dương Tấn) là chỉ huy trưởng, Ngô Thất Sơn làm chỉ huy phó và Đặng Văn Duyệt làm bí thư chi bộ. Đơn vị hành quân theo hướng Siêm Riệp - Kompong Thom - Kompong Chàm về Tây Ninh. Cuối năm 1947, do yêu cầu mới, anh Ngô Thất Sơn được chỉ định làm chỉ huy trưởng Hải ngoại 1, đến đầu năm 1949 anh bị địch phục kích bắt rồi hy sinh trong tù.

Đơn vị thứ hai là Bộ đội Quang Trung, thành lập tháng 10 năm 1946 tại chiến khu Tippođây. Quân số lúc đầu gần 50 người sau lên hơn 100. Tháng 11 năm 1946, ông Nguyễn Đức Quý - đại diện Chính phủ ta sang Thái Lan và ông Trần Văn Giàu giao nhiệm vụ anh Hoàng Xuân Bình làm chỉ huy quân sự đưa Bộ đội Quang Trung về Nam Bộ chiến đấu. Hoàng Xuân Bình cùng 15 người bí mật đưa vũ khí bằng đường xe lửa từ Bangkok sang Tippođây. Ngày 15 tháng 11 năm 1946, Bộ đội Quang Trung làm lễ xuất phát, với các nhiệm vụ chính: mở đường mới về Nam Bộ qua vùng phía tây Biền Hồ, chuyển về Nam Bộ một số vũ khí đạn dược, hộ tống một số cán bộ cần về nước làm nhiệm vụ, kết hợp gây thanh thế cho lực lượng Issarak - Quân giải phóng nhân dân Campuchia. Hành quân theo hướng Battambang - Pursat - Kômpng Chnăng - Kongpong Spur - Tà Keo về Châu Đốc. Ban chỉ huy gồm có các anh: Phạm Văn Thuận làm tổng chỉ huy kiêm chính trị viên, Hoàng Xuân Bình phụ trách chỉ huy trưởng quân sự, Võ Hoành và Hoàng Ngọc Cừ làm chính trị viên phó. Nguyễn Trọng Thường và anh Giao làm phó chỉ huy quân sự, Trần Ngọc Quế chỉ huy trung đội chiến đấu.

Đơn vị thứ ba là Chi đội Trần Phú. Ngày 20 tháng 12 năm 1946 đơn vị hành quân bằng xe bus chở hành khách từ That - Phanôm đến tập kết ở khu rừng gần Mưong Đêk, Đông Nam Thái Lan. Có ba cán bộ được tăng cường cho đơn vị: anh Sơn Ngọc Minh - cán bộ cách mạng Campuchia, anh Trần Văn Sáu - uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ Trà Vinh sang Thái Lan mua vũ khí và anh Lê Quán Trung (Hải Nam). Đến ngày 26 tháng 12, Chi đội Trần Phú làm lễ xuất phát. Tiến về biên giới Thái - Campuchia, vượt qua dãy núi Đăng Rek về biên giới dựng đứng, đơn vị hành quân về hướng phum Présenke trên bờ sông Mêkông thuộc tỉnh Kompong Chàm để về Tây Ninh.

Ban chỉ huy Chi đội Trần Phú lúc này gồm các anh: Nguyễn Chánh làm tư lệnh trưởng, Lê Quốc Sản và Đỗ Huy Rừa làm tư lệnh phó, Trần Văn Sáu là chính trị viên, Hải Nam và Dương Cự Tầm làm chính trị viên phó, Sơn Ngọc Minh làm cố vấn. Chi đội tổ chức thành ba đại đội chiến đấu, một phân đội đại liên, một phân đội trinh sát, một phân đội vận tải và đoàn bộ, gồm tất cả 426 người. Chiến sĩ nhỏ nhất là em Ngọc mới mười ba tuổi. Quân phục màu xanh lá cây, nón sắt, dép da, dây nịt gọn gàng.

Vũ khí trang bị phần lớn là các loại súng liên thanh mới. Mỗi người đều mang vác khá nặng. Đơn vị thứ tư là Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long 2. Quân số gần 300 người được thành lập ngày 15 tháng 5 năm 1947 tại chiến khu Prakpong thuộc tỉnh Pracchin - Boari của Thái Lan, gồm phần lớn là con em Việt kiều ở Lào, có bốn người là cán bộ du kích Mã Lai và sáu người Campuchia. Ban chỉ huy gồm có các anh: tiểu đoàn trưởng Dương Quang Đông, chính trị viên Trương Văn Kinh và tiểu đoàn phó Bông Văn Dĩa. Bộ đội Cửu Long 2 được trang bị vũ khí mới, nhiều đạn dược, tập kết về chiến khu Mai Ruột, vùng biên giới Nam Thái Lan giáp Pailin của Campuchia. Ngày 7 tháng 11 năm 1947, đơn vị được lệnh hành quân về Hà Tiên của Khu 9, qua địa bàn Battambang - Kompông Spur. Trước khi lên đường, bộ đội Cửu Long 2 đã gây tiếng vang bằng trận đánh tiêu diệt đồn Sam Lop thuộc căn cứ Pailin do một trung đội quân Pháp chiếm đóng.

- *Riêng Chi đội Trần Phú mà Trung tướng tham gia chỉ huy, sau khi về nước, đã có những hoạt động gì?*

- Về tới Tây Ninh, chứng kiến cảnh nòi da xáo thịt do bọn Cao Đài phản động gây ra, xóm làng đầy cảnh tang tóc, chi đội đã đề nghị tỉnh ủy cho phép lấy danh nghĩa một đơn vị hải ngoại mới về nước, ra lời kêu gọi đoàn kết gởi đến các chức sắc, tín đồ Cao Đài. Vì lý do chính trị, đơn vị ký tên Chi đội Hải ngoại 4. Điều này cũng nhằm thông báo là chiến trường Nam Bộ đã có 4 đơn vị hải ngoại về nước. Tháng 3 năm 1947, Hải ngoại 4 đã tham gia Liên quân B với Chi đội 11 bộ đội Hoàng Thọ, hành quân chiến đấu ở Gò Dầu và Trảng Bàng thuộc Tây Ninh. Đặc biệt, có một phân đội đi bảo vệ hai anh Nguyễn Chánh và Trần Văn Sáu về Bộ Tư lệnh Quân khu 7 để trình diện và nhận nhiệm vụ, đã tham gia hai trận đánh "trình làng" vang dội tại giồng Dinh và giồng Thổ Địa. Cả hai trận chống quân Pháp nhảy dù đều thắng lớn, tiêu diệt gần hai đại đội địch thu nhiều súng đạn. Sau đó, Chi đội Hải ngoại 4 được phân về hoạt động ở Quân khu 8.

- *Bắt đầu từ đây, cuộc đời Trung tướng gắn chặt với chiến trường Nam Bộ.*

- Vâng. Năm 1954 đình chiến, tôi ra Bắc làm chủ nhiệm chính trị Sư đoàn 332 đi tiểu phỉ ở biên giới Lạng Sơn trong hai năm. Sau thời gian công tác ở Tổng cục Chính trị, năm 1962 tôi đi Chiến dịch Nam Thà bên Lào làm chủ nhiệm chính trị chiến dịch mà anh Bằng Giang là tư lệnh, anh Trần Độ là chính ủy. Tháng 7 năm 1964 tôi bí mật vượt biển vào Nam, đổ bộ lên Bến Tre, cùng các anh Lê Văn Ngọc, Lê Văn Lựu,... Về Bộ Chỉ huy Miền, tôi được cử làm cục phó Cục Chính trị Quân giải phóng miền Nam. Đến năm 1967 tôi về làm chính ủy Sư đoàn 7 còn anh Nguyễn Hòa là tư lệnh.

Để chuẩn bị cho cuộc tấn công xuân Mậu Thân 1968, tôi được điều xuống Quân khu làm phó chính ủy quân khu do anh Đồng Văn Cống làm tư lệnh, tham gia mặt trận tiền phương ở Cần Thơ. Năm 1969, tôi về làm chính ủy Quân khu 8, đi chiến trường nghiên cứu chống bình định trọng điểm của địch ở Mỹ Tho. Năm 1974, tôi lại lên làm chính ủy Quân khu 7, chuẩn bị cho cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975. Có thể nói, cuộc đời chiến đấu của tôi trải gần hết chiến trường Nam Bộ.

- Nghe nói, cuối năm 1974, trung tướng được nghỉ phép ra Bắc, nhưng khi vừa lên đường thì có lệnh ở lại tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh. Đúng không, thưa Trung tướng?

- Đúng vậy. Đang chờ xe, tôi được anh Lê Đức Anh - phó tư lệnh kiêm tham mưu bộ Tư lệnh Miền, gọi về báo chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới. Lúc đó, tôi thực sự hết sức bồn thần. Đã gần mười một năm xa vợ con. Rất thèm một chút không khí gia đình riêng tư. Anh Lê Đức Anh chỉ nói có nhiệm vụ mới, chứ không cho biết cụ thể, vì bí mật quân sự. Anh khuyên tôi nên ở lại, vì tôi đã lăn lộn ở chiến trường Nam Bộ bao năm, nếu không có mặt thì không hay, khi có khả năng đánh lớn.

- Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung tướng tham gia cánh quân nào?

- Cánh quân phía Đông. Nhiệm vụ của tôi là đón Quân đoàn 2 và chọn người đưa đường đưa xe tăng tiến vào dinh Độc Lập.

- Trung tướng còn giữ kỷ niệm gì về những ngày đầu tiên tiếp quản Sài Gòn?

- Bất ngờ nhất là tôi gặp vợ và con trai cũng vào tiếp quản thành phố. Vợ tôi sau khi vào Đà Nẵng tiếp quản các cơ sở công nghiệp, tiếp tục vào Sài Gòn làm nhiệm vụ. Con trai tôi cũng vào Đà Nẵng bằng đường thủy rồi bay vô Sài Gòn tiếp quản ngành không quân. Điều thú vị là cả vợ và con tôi cũng hoàn toàn bất ngờ khi gặp nhau tại Sài Gòn.

- Khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, Trung tướng có ra trận?

- Có chứ! Tôi và anh Năm Ngà cùng làm phó tư lệnh Quân khu 7 phụ trách chung hai mặt trận tiền phương của quân khu: Siêm Riệp do anh Hồ Quang Hóa làm tư lệnh và Kompông Châm do anh Đặng Quang Long làm tư lệnh, cùng tiến vào giải phóng Campuchia khỏi ách diệt chủng.

- Là vị tướng nhiều kinh nghiệm về công tác chính trị, Trung tướng đánh giá thế nào về vai trò của chính trị trong quân đội? Và theo Trung tướng có nên tách chính trị ra khỏi quân đội như nhiều quốc gia đã làm?

- Quân đội mỗi nước có đặc thù riêng. Đối với quân đội ta, chính trị phải luôn gắn liền với công tác quân sự, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực tế lịch sử cho thấy, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng thì quân đội khó vượt qua những khó khăn mà đôi lúc tưởng chừng như tan rã. Và nếu không có Đảng lãnh đạo thì không có một đội ngũ cán bộ cốt cán là đảng viên trong quân đội, luôn gánh lấy những nhiệm vụ nặng nề nhất, thử thách nhất.

- Trong chiến tranh có hiện tượng tham nhũng không, thưa Trung tướng?

- Có, nhưng chẳng đáng kể. Tham ô chỉ xảy ra ở những anh giữ kho quân trang, quân dụng, nói chung là bên hậu cần. Nhưng cũng dừng lại ở mức lặt vặt thôi. Bởi điều kiện đâu cho phép. Thứ nhất là anh rất dễ lộ diện giữa cuộc sống gian khổ và như thế, không thể tồn tại trên chiến trường. Thứ hai là trong rừng làm gì có hàng quán để ăn chơi xa xỉ, với lại chuyện sống chết luôn kề bên thì còn tâm trí đâu mà nghĩ tới chuyện thủ lợi cho riêng mình.

- Hồi ấy, là một chính ủy quân khu, những buổi tiếp khách sang nhất của Trung tướng gồm

những gì ?

- Một, hai con gà đã ngon lành. Sang hơn nữa thì nhờ anh em cần vụ chạy kiếm con cầy.

- Ở chiến trường như thế, còn trong đời sống gia đình, theo Trung tướng làm thế nào để bảo vệ được hạnh phúc vợ chồng, nuôi dạy con cái nên người?

- Tôi chiến đấu xa nhà có lúc hàng chục năm trời, việc nuôi dạy con cái đều do bà nhà lo hết. Bây giờ khi da mồi tóc bạc mới có dịp gần gũi chăm sóc nhau. Kinh nghiệm cho thấy để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhất thiết phải tôn trọng lẫn nhau. Trong gia đình phải có người thực sự làm chủ, bởi điều đó còn quan hệ đến vấn đề thu nhập, chi tiêu...

- Trung tướng còn nhớ kỷ niệm lần đầu gặp bà nhà trong hoàn cảnh nào ?

- À, trong buổi lễ thương binh - xã hội lần đầu tiên do tỉnh Sa Đéc tổ chức vào ngày 27 tháng 7 năm 1947. Tôi đang là chính trị viên Trung đoàn 109 đóng ở đây. Trong Ban Chấp hành Hội Phụ nữ tỉnh Sa Đéc lúc đó có mấy cô khá xinh. Tôi để ý một cô tên Mau, Vũ Thị Mau, trông gọn gàng, hoạt bát mà lại rất có "uy" với những cô khác. Anh em bộ đội thấy vậy... cấp đôi. Tôi nhớ một lần hai chúng tôi gặp nhau ở sở chỉ huy trung đoàn đóng tại nhà dân, cô ấy hỏi:

- Anh quê ở đâu?

Tôi đùa:

- Quê tôi là bộ đội !

Cô ấy ngẫm giận mãi. Sau này tôi mới biết (cười).

- Đám cưới ông bà được tổ chức ở đâu ?

- Ban Chỉ huy Trung đoàn 109 đứng ra tổ chức tại xã Mỹ Thọ huyện Cao Lãnh, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp, nhân hội nghị Xứ ủy diễn ra ở đây năm 1949. Các anh Lê Duẩn, Phan Trọng Tuệ, Trần Văn Trà, Ung Văn Khiêm cùng nhiều anh chị Xứ ủy đã đến dự. Vui lắm ! Trung đoàn trưởng Đặng Văn Thông xin được một ít tiền bên tỉnh, đã tổ chức bữa ăn mặn đàng hoàng. Khi làm lễ, đồng chủ hôn là ủy viên xã hội tỉnh đã nghiêm trang hỏi: Tên anh là gì? Tên chị là gì? Anh có yêu chị không? Chị có yêu anh không?... Còn có cả giấy hôn thú mà bây giờ bà ấy còn giữ.

- Hình như bà nhà còn có tên Mai Thanh ?

- Vâng, đó là bí danh hồi kháng chiến. Ra bắc, bà ấy đi học và làm việc bên ngành công nghiệp dệt. Sau này trở thành phó giám đốc Nhà máy dệt 8/3. Chúng tôi có ba con, hai trai một gái. Con trai lớn bây giờ là Đại tá giám đốc Phân viện Kỹ thuật Quốc phòng.

- Hỏi nhỏ ông: thời còn học sinh ở quê nhà, ông có mối tình nào đáng nhớ không?

- (Ngập ngừng) Có một kỷ niệm khá vui mà tôi nhớ mãi. Khi còn học ở thị xã Ninh Bình, ông đốc học rất thương tôi và hay rủ tôi về nhà chơi. Ông đốc học có cô con gái dễ thương lắm, hợp tính, nên thường trò chuyện. Chúng tôi có tình cảm với nhau, nhưng tôi cũng chẳng biết đó là tình bạn hay tình yêu. Đến khi tôi tham gia cách mạng, bị bắt, mãn hạn tù về lại nhà. Một trưa nọ, bất ngờ có một cô gái

mặc áo dài màu hồng nữ sinh đến nhà tôi, trông rất xinh đẹp. Làng xóm ai cũng trầm trồ. Tôi đang ở trần, lom khom phơi rơm. Ngẩng đầu lên, nhìn tận mặt, thì ra... cô Liên, con gái ông đốc học, lặn lội từ thị xã về làng hơn ba mươi cây số để thăm tôi !

Vào nhà, hỏi thăm nhau một lúc thì cô ấy chào về. Cô ấy xưng tôi, nhưng gọi tôi bằng anh. Tôi rất xúc động. Người trong làng thì xầm xì với nhau: cô ấy thích tôi! Tiếc rằng, vì nhiệm vụ cách mạng, tôi rời quê hương ra đi, không có dịp đến thăm thầy và cho đến bây giờ tôi cũng chưa có dịp gặp lại được cô Liên. Cô ấy bây giờ cũng đã thành bà cụ, nghe đâu lúc sống ở Hà Nội lúc thì cũng vô Sài Gòn cùng con cháu.

- *Thế còn lúc ở Thái Lan và Lào. Trung tướng có làm bạn với cô gái Thái hay Lào...?*

- Khi Chi đội Trần Phú được thành lập, đóng trong khuôn viên một ngôi trường của người Thái.

Trường có một thầy hiệu trưởng và một cô giáo sống nội trú. Tôi làm công tác chính trị, hay giao thiệp. Cô giáo tỏ ra mến tôi và thường rủ tôi đi picnic, mời về nhà cô ấy chơi. Tôi cũng cảm thấy mình có một tình cảm đặc biệt, nhưng không thể thổ lộ được. Cô ấy da ngăm ngăm, có duyên, hình dáng gần giống người Lào. Tôi đâu biết tiếng Thái, nên nhờ cậu Ba Đen là bạn đồng đội đi theo phiên dịch. Chẳng biết Ba Đen có thêm bớt gì không, nhưng cứ nói ra thì cả ba người ngất,...

*

Kỷ niệm thời thanh xuân như làm vị tướng trẻ lại. Trông ông hết sức hồn nhiên. Khuôn mặt phúc hậu càng hồng hào hơn. Cử chỉ càng thanh thoát hơn. Tôi ngỡ như mái tóc bạc phơ của lão tướng phút chốc trở nên xanh thẫm cùng ký ức của ông. Châm nước trà mời tôi, Trung tướng hạ thấp giọng: "Tổ quốc là thiêng liêng. Tình yêu và gia đình đối với mỗi con người cũng không thể thiếu. Suốt đời chiến đấu vì độc lập tự do cho dân tộc, tôi may mắn hơn nhiều anh em khác là có được một gia đình yên ấm, hạnh phúc !". Hòa vào cảm xúc của vị tướng, tôi đọc bốn câu lục bát ứng khẩu tặng ông:

Đặc phái viên thành kiều bào

Lập liên quân giúp bạn Lào giải vây

Viện binh Nam Bộ đánh Tây

Mê hò sông Hậu vương dây tơ hồng

Trung tướng Dương Cự Tầm nở tròng cười sáng khoái, đứng lên nắm chặt lấy tay tôi !

Tân Bình, tháng 9 năm 1997

14 - Thượng tướng TRẦN VĂN TRÀ

Từ cậu bé miền Trung sớm ý thức nỗi đau quê hương dưới gót dày đinh nô lệ, Nguyễn Chấn đã hoạt động cách mạng trở thành danh tướng Trần Văn Trà được nhân dân, đồng đội tin yêu, kẻ thù nể trọng. Cuộc đời và tên tuổi tướng Trần Văn Trà gắn liền với chiến trường B2 máu lửa trong hai cuộc kháng chiến. Ông từng được giao nhiều trọng trách: khu trưởng Khu 8, phó tư lệnh Nam Bộ thời chống Pháp; phó tổng tham mưu trưởng, chánh án Tòa án Quân sự Trung ương, tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, trưởng Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam trong Ban Liên hiệp Quân sự bốn bên, phó tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh trong chống Mỹ; rồi chủ tịch ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu 7, thứ trưởng Bộ Quốc phòng, phó chủ tịch Hội Cự chiến binh Việt Nam kiêm chủ tịch Hội Cự chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh..., được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Tuổi thanh xuân trôi qua trong đạn bom. Về già, vị tư lệnh chiến trường lừng danh năm xưa mới thành thoi sống hạnh phúc bên cạnh người bạn đời - Phó tiến sĩ Lê Thị Thoa cùng con cháu. Tôi đến với ông đúng lúc cả nước chuẩn bị kỷ niệm hai mươi năm ngày kết thúc chiến tranh chống Mỹ - cuộc chiến đã khẳng định tài năng và nhân cách Trần Văn Trà. Bằng giọng nói âm vang của một tâm hồn nhạy cảm, một trí nhớ phi thường, một trái tim luôn sục sôi nhiệt huyết, Thượng tướng đưa tôi trở về những kỷ niệm gian lao, anh dũng của dân tộc của bản thân ông hơn hai mươi năm trước.

- Thưa Thượng tướng, một đời lặn lội với chiến trường, bí quyết nào giúp Thượng tướng vẫn giữ được sức khỏe tốt như vậy?

- Không có bí quyết gì cả. Tôi đi nhiều, làm việc nhiều, tập thể dục và ăn uống điều độ. Thế thôi.

- Thượng tướng có ăn kiêng không?

- Không. Do ở vùng biển miền Trung từ nhỏ, nên tôi rất thích ăn cá, ăn rau.

- Còn thú tiêu khiển?

- Đánh cờ. Hồi còn ở trong rừng thì thỉnh thoảng chơi tú-lơ-khơ (cười). Tôi cũng rất thích chơi ảnh nghệ thuật và mê điện ảnh.

- Hiện nay, công việc bình thường hàng ngày của Thượng tướng là gì?

- Một phần thời gian dành cho hội cựu chiến binh, thỉnh thoảng tiếp các đoàn khách trong và ngoài nước, còn chủ yếu là nghiên cứu lịch sử về tư tưởng, chiến lược, chiến thuật quân sự và viết lại những bài học, kinh nghiệm trong chiến tranh. Ngoài ra, tôi cũng tranh thủ thường xuyên theo dõi tin tức qua báo đài. Tạp chí Kiến thức ngày nay của các bạn thì tôi không bỏ số nào. (Ông vừa nói vừa đưa tay chỉ vào giá sách được xếp rất cẩn thận ngăn nắp).

- Thời gian tới, Thượng tướng có dự định cho xuất bản tác phẩm mới nào không?

- Tôi có viết cuốn hồi ký *Những chặng đường lịch sử B2 thành đồng*. Năm 1982, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh đã in tập 5 - *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*. Gần đây, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in thêm tập 1 - *Hoà bình hay chiến tranh* và sách nghiên cứu *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Các tập còn lại đang chuẩn bị ra mắt độc giả.

- Trong lịch sử chiến tranh của Việt Nam cũng như thế giới, vị tướng nào đem lại cho Thượng tướng sự khâm phục lớn lao nhất?

- Quang Trung Nguyễn Huệ. Tôi chưa thấy vị tướng nào trên thế giới bách chiến bách thắng như ông. Chỉ cần một trận đánh tại Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Huệ đã đuổi được quân xâm lược Xiêm ra khỏi bờ cõi, giải quyết xong một cuộc chiến tranh. Rồi chỉ trong vòng một khoảng thời gian ngắn, thần tốc, Nguyễn Huệ lại đánh tan quân xâm lược Thanh... Cả cách hành quân, cách đánh, nghệ thuật chỉ huy cũng khó ai sánh bằng, rất mưu lược và sáng tạo.

- Cả một đời vào sinh ra tử, bây giờ nhìn lại, Thượng tướng có cảm thấy hối tiếc điều gì không?

- Không. Tôi rất thỏa mãn về cuộc đời mình vì đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Tổ quốc, nhân dân giao phó.

- Xưa Nguyên Công Trứ ở tuổi “cổ lai hi” khi nghe tin bờ cõi bị xâm lấn, vẫn thanh gươm yên ngựa sẵn sàng ra trận. Còn bây giờ, nếu đất nước lại lâm nguy, Thượng tướng có sẵn sàng đi Nam về Bắc như xưa không?

- Sẵn sàng, đó là trách nhiệm thiêng liêng của một người lính, một công dân.

- Thế sao Thượng tướng không trở lại tham gia chính trường?

- Có lẽ điều này tôi chịu ảnh hưởng tư tưởng Bác Hồ:

Kháng chiến thành công ta trở lại

Trăng xưa, hạc cũ, nước non này

Nhiệm vụ do nhân dân, đất nước giao phó, mình hoàn thành được nhiệm vụ nào trong giai đoạn nào của lịch sử cũng đều rất quý; chỉ vì nhiệm vụ, không nên vì danh lợi, địa vị, chức quyền. Vì lẽ đó, mà cuộc sống bây giờ của tôi rất thư thái. Cuộc đời con người ai cũng phải đến lúc nghỉ ngơi, nhưng nghỉ thế nào, lúc nào cho trọn vẹn, cho thanh thản thì mới là điều quan trọng.

*

Giống như tướng Nguyễn Bình khi lãnh sứ mạng vào Nam thống nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng một khẩu súng lục, một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất mà tướng Trần Văn Trà tự hào trong ba mươi năm chinh chiến là được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao thanh gươm báu khi ông quay về Nam Bộ trong lần đầu tiên ra Việt Bắc "diện kiến" lãnh tụ tối cao vào cuối năm 1948. Lúc đó, Đoàn đại biểu Quân dân chính Nam Bộ do Khu trưởng Trần Văn Trà dẫn đầu sau mấy tháng trời rời bưng biển Đồng Tháp Mười vượt Trường Sơn trong sự ngăn chặn của địch, đã đặt chân đến chiến khu Việt Bắc báo cáo tình hình với Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch. Một chuyến đi

lịch sử!

Từ trước Cách mạng tháng Tám, tên tuổi Nguyễn Ái Quốc đã trở thành niềm ngưỡng vọng tin yêu đối với chàng trai Nguyễn Chấn. Rồi ước mơ được gặp lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn thôi thúc vị chỉ huy chiến trường trẻ tuổi Trần Văn Trà ở căn cứ địa Đồng Tháp Mười xa xôi. Và mơ ước ấy đã trở thành hiện thực. Ông cùng đồng đội được lãnh tụ tiếp đón bằng tình cảm nồng hậu, chân tình, gần gũi như người thân. Những ngày ở Việt Bắc với Hồ Chủ tịch đã đem lại cho Trần Văn Trà sự vững tin hơn ở tương lai, dù cuộc chiến đấu trước mắt đầy cam go thử thách. Đặc biệt trước khi trở về Nam, Hồ Chủ tịch còn đích thân đến trao cho vị tư lệnh chiến trường một thanh gươm căn dặn: "Bác trao chú thanh gươm quý này đưa về để đồng bào miền Nam diệt thù. Các chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng". Lời ủy thác ấy của lãnh tụ càng giúp Trần Văn Trà và đồng đội tự tin hơn, mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn, thôi thúc họ nhanh chân trở lại chiến trường lập công.

Năm 1954, với tư cách tư lệnh Phân liên khu miền Đông, Trần Văn Trà chuyển quân tập kết ra Bắc, được cử làm phó tổng tham mưu trưởng, rồi được phong quân hàm Trung tướng năm 1958. Đến năm 1974, khi đang là tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, ông nhận quyết định thăng Thượng tướng ngay trên chiến trường. Ông còn được bầu làm ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, đại biểu Quốc hội khóa VI... Dù sau này nhiều lần gặp làm việc với Hồ Chủ tịch, nhưng đối với tướng Trà, ấn tượng đầu tiên vào năm 1948 vẫn sâu sắc hơn cả. Thanh gươm báu Bác trao đã trở thành "bầu bới" thiêng liêng bên ông trên bước đường chinh chiến nơi đầu sóng ngọn gió.

- Thừa Thượng tướng, tên tuổi Trần Văn Trà không xa lạ gì đối với nhân dân Việt Nam, bạn bè thế giới lẫn cả đối phương trong hai cuộc trường kỳ kháng chiến. Nhưng để bắt đầu sự nghiệp gian khổ và anh hùng của mình, tuổi thơ Thượng tướng đã gắn bó nơi đâu?

- Đó là một vùng quê nghèo khó nhưng giàu tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau ở vùng duyên hải miền Trung, một vùng mà phong trào cách mạng rất cao, kể cả thời Văn thân cho đến phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tôi sinh ngày 15 tháng 9 năm 1919, tuổi Mùi ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, tên thật là Nguyễn Chấn. Gia đình tôi không có ruộng. Cha tôi là thợ xây, còn mẹ tôi mua gánh bán bưng nuôi anh em tôi ăn học. Cha tôi tham gia phong trào cách mạng 1930-1931. Do chịu ảnh hưởng của phong trào cách mạng đó và đọc thơ văn của các bậc tiền bối yêu nước, nên tôi luôn mơ tưởng làm được việc giải phóng dân tộc. Mơ ước tuổi thơ ấy cũng chính là lý tưởng của cả đời tôi. Và 4 câu thơ:

Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc

Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày

Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ

Ngựa hí vang lừng trận gió may

Không biết tác giả là ai, nhưng nó có tác động đến tâm hồn lãng mạn cách mạng của tôi. Nó diễn tả được tâm trạng và mơ ước tuổi thơ. Vì vậy, khi được cầm súng chiến đấu vì độc lập tự do, tôi như thoả mãn được ước vọng.

- *Và xuất phát từ đây, Thượng tướng bắt đầu hành trình binh nghiệp của mình?*

- Năm 1936, tôi thi vào trường kỹ nghệ Huế. Tôi tham gia phong trào học sinh yêu nước. Năm 1938, tôi được chỉ bộ Đảng nhà trường kết nạp Đảng Cộng sản. Năm 1939, tôi vô Sài Gòn làm công nhân hoả xa và tiếp tục hoạt động cách mạng. Sau đó tôi bị thực dân Pháp bắt. Ra tù, hoạt động bí mật, lại vào tù lần 2. Ngày 22 tháng 8 năm 1945 chính phủ Trần Trọng Kim phóng thích tù chính trị, ra khỏi tù tôi tham gia tổng khởi nghĩa, giành chính quyền ở Sài Gòn. Tôi bắt liên lạc với Xứ uỷ và được phân công về Kỳ bộ Việt Minh do anh Nguyễn Văn Nguyễn phụ trách.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp tái chiếm Nam Bộ. Kháng chiến bùng nổ. Tôi trở thành người lính, tham gia trận đầu tiên giữ mặt trận Cầu Bông trong nội thành Sài Gòn. Mặt trận Sài Gòn vỡ. Cơ quan lãnh đạo ta về Mỹ Tho. Tôi xin ở lại Sài Gòn chiến đấu. Trung ương tăng cường cho Nam Bộ lực lượng Nam tiến. Anh Nguyễn Bình vào chỉ huy khu 7, Đào Văn Trường chỉ huy khu 8 và Vũ Đức (tức Hoàng Đình Giông người dân tộc Tày) chỉ huy khu 9. Dù vậy, tình hình vẫn hết sức khó khăn. Sau đó, tôi đưa một bộ phận Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa về tăng cường, chấn chỉnh khu 8. Tôi cùng anh em lập ra Chi đội 14 (chi đội bằng trung đoàn sau này), tôi làm Chi đội trưởng và bắt đầu xây dựng căn cứ địa Đồng Tháp Mười.

Tháng 9 năm 1946, tôi được Trung ương chỉ định làm Khu trưởng khu 8, anh Trương Văn Giàu làm Khu phó, còn anh Nguyễn Văn Vịnh là Chính uỷ. Cuối năm 1947, đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên của Nam Bộ được thành lập, đó là tiểu đoàn 307 thuộc khu 8. Các khu khác cũng lần lượt thành lập những tiểu đoàn chủ lực. Tiểu đoàn 307 sau này rất nổi tiếng và đi vào thơ, nhạc đầy. Giữa năm 1948, tôi cùng đoàn đại biểu Quân dân chính Nam Bộ được cử ra Việt Bắc báo cáo tình hình với Trung ương. Lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ, đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà khi còn hoạt động bí mật trước năm 1945 tôi từng biết qua tài liệu và tiếng tăm.

Nam Bộ có bộ đội chủ lực, lại được phát triển củng cố các lực lượng địa phương và dân quân du kích, nên đã đánh thắng những trận vang dội như trận Cổ Cò, Giồng Dứa, Tầm Vu, La Ngà... Nhiều chiến dịch được mở ra. Bây giờ anh Nguyễn Bình là Tư lệnh Nam Bộ, còn tôi là Phó tư lệnh. Năm 1950, tôi về làm Tư lệnh kiêm Chính uỷ khu Sài Gòn - Gia Định. Năm 1951, anh Nguyễn Bình ra Bắc và bị hy sinh trên đường đi. Lúc đó, Nam Bộ cũng được chia làm hai phân liên khu: miền Đông gồm các tỉnh tả ngạn và miền Tây gồm các tỉnh hữu ngạn sông Tiền. Miền Đông tôi làm Tư lệnh, anh Phạm Hùng làm Chính uỷ, anh Nguyễn Văn Nguyễn làm Phó tư lệnh. Miền Tây thì anh Lê Hiến Mai làm Tư lệnh, anh Phan Trọng Tuệ làm Chính uỷ. Sau Hiệp định Geneve, tôi chỉ huy lực lượng tập kết ra Bắc và làm Tổng tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam.

- *Lúc đó Thượng tướng mới vừa tròn 35 tuổi!*

- Vâng, cho đến năm 1956-1958, tôi sang Liên Xô cùng với các anh Nam Long, Vũ Lăng, Vũ Yên, Nguyễn Văn Minh, Đỗ Đức Kiên. Đây là đoàn cán bộ quân sự Việt Nam đầu tiên sang học ở Học viện cao cấp Liên Xô. Nhưng rồi bị bệnh tôi phải về. Năm 1960 -1961 mới sang học lại. Từ năm 1959, sau khi có Nghị quyết 15, tôi đã xin vào Nam chiến đấu, nhưng bệnh chưa lành, không được đi. Năm 1963 tôi mới thực hiện được mong ước của mình, là trở về chiến trường xưa với đồng bào Nam Bộ.

- *Được biết, Thượng tướng còn là người trực tiếp vạch kế hoạch và chỉ đạo việc mở đường 559 - đường mòn Hồ Chí Minh, mà báo chí phương Tây gọi là “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”?*

- Năm 1959, việc tổ chức lực lượng cán bộ tập kết ra Bắc trở vào Nam được đặt ra. Tôi và anh Nguyễn Văn Vịnh đề đạt với Tổng bí thư và được chấp thuận. Tôi được Trung ương và Quân uỷ Trung ương giao nhiệm vụ chọn, huấn luyện, đưa cán bộ tập kết trở về chiến đấu và tổ chức con đường này, trước nhất là vào đến khu 5. Tôi mời anh Võ Bẩm người Quân khu 5, đến giao thực hiện cụ thể kế hoạch... Và nói đến đường mòn Hồ Chí Minh trên Trường Sơn thì cũng phải nhớ tới đường mòn Hồ Chí Minh trên biển. Cùng thời gian làm đường 559, tôi cũng giao cho anh Võ Bẩm tổ chức vận tải đường biển cho đến khu 5 lấy tên là 759. Nhưng rồi bị thất bại. Cho đến năm 1960-1961, nhờ một số đồng chí và ghe thuyền do Trung ương Cục miền Nam phái ra xin vũ khí, tôi nghiên cứu phương án khả thi và cho tổ chức đường 759 trên biển trở lại. Chuyến đầu tiên đi bằng tàu gỗ, khởi hành năm 1962, chở 28 tấn vũ khí, cập bến Rạch Gốc thuộc Cà Mau thành công. Sau mới đóng tàu sắt chở 100 tấn. Tôi mời anh Nguyễn Văn Đảnh, Cục trưởng đường biển, trước làm việc ở Ba Son, tham gia vào việc đóng tàu. Tôi đã trực tiếp lo tổ chức vận chuyển người và vũ khí cả 2 đường 559 và 759 cho đến năm 1963 khi tôi trở về Nam mới giao lại cho Bộ tổng tham mưu phụ trách.

- *Thưa Thượng tướng, trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, khi chuẩn bị bước đầu, trong tâm tưởng Thượng tướng có khi nào nghĩ rằng sẽ gặp phải thất bại hoặc chỉ thắng lợi ở mức độ nào đó, chứ không thắng lợi hoàn toàn?*

- Thực tế đối đầu với quân nguy tại chiến trường chủ yếu, chúng tôi đã hiểu rõ địch, rõ ta, hiểu rõ tương quan lực lượng và nhất là thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn. Sau mùa mưa năm 1974, Trung ương Cục miền Nam đã có hội nghị nhận định tình hình và ra nghị quyết Trung ương Cục để thông qua kế hoạch mùa khô 1974-1975 của Bộ tư lệnh Miền, nhằm đánh lớn thắng lớn. Tháng 9-1974, Trung ương Cục đã nhận định tình hình sẽ diễn biến nhanh, nguy quân nguy quyền đang suy yếu trông thấy. Nếu xảy ra đột biến về quân sự chính trị ở Sài Gòn, chiến trường B2 phải tự mình tiến hành tấn công trận cuối cùng vào sào huyệt địch, kết thúc chiến tranh, mà không để lỡ thời cơ. Cũng từ tháng 9-1974, Trung ương Cục đã dự kiến chủ lực Miền đánh giải phóng Sài Gòn và các tỉnh thuộc B2 phải xây dựng lực lượng ngay, mạnh gấp 2-3 lần, để lúc ấy hiệp đồng tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện và xã giải phóng xã. Tình hình lúc ấy sẽ cho phép như vậy. Và thật ra, đây là kế hoạch chúng tôi ôm ấp từ

lâu, bắt đầu từ khi chuẩn bị kế hoạch Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân 1968.

- Thế lúc ấy, kế hoạch của cả miền Nam, ngoài B2 thì thế nào, thưa Thượng tướng?

- Trung ương Cục và Quân uỷ Miền đã gửi báo cáo ra Hà Nội và đề nghị Bộ chính trị triệu tập cuộc họp với đại diện tất cả các chiến trường, để bàn kế hoạch thống nhất toàn miền Nam. Tháng 11-1974, tôi và anh Phạm Hùng ra Bắc họp. Hội nghị của Bộ chính trị mở rộng có lãnh đạo và chỉ huy các chiến trường tham dự vào tháng 12-1974, đã hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975-1976. Ta phải đánh mạnh vào năm 1975 mới kết thúc thắng lợi vào năm 1976. Thời cơ nằm vào năm 1975, chứ không phải năm 1976. Quyết tâm này được củng cố sau khi ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, mà Bộ chính trị đánh giá trận Phước Long như một đòn “trình sát chiến lược” để ta hiểu rõ Mỹ ngụy và hiểu ta hơn. Cần phải nắm kịp thời cơ để hành động là mấu chốt của thành công. Đó là tư tưởng Hồ Chí Minh, là trí tuệ của lãnh đạo.

- Thượng tướng đánh giá thế nào về sự đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống Việt Nam cộng hoà Dương Văn Minh?

- Có nhiều người nghĩ rằng Dương Văn Minh đầu hàng để tránh cho Sài Gòn đổ nát, điều đó hoàn toàn sai lầm. Thật ra lúc ấy Mỹ vận động Nguyễn Văn Thiệu từ chức là có ý muốn nhường ngay ghế tổng thống Sài Gòn cho Dương Văn Minh, để Minh điều đình với ta. Nhưng Thiệu không chịu, mà mượn cơ Hiến pháp nhường cho Phó tổng thống Trần Văn Hương lên thay. Trần Văn Hương lên cuối ngày 21-4-1975 đến ngày 28-4-1975 mới giao chức Tổng thống lại cho Dương Văn Minh. Đó là ý đồ của đại sứ Mỹ và đại sứ Pháp tại Sài Gòn, mong Dương Văn Minh có thể nói chuyện được với Việt Cộng nhằm tránh cái thua triệt để.

Về phía ta, ta hiểu rõ mưu đồ của địch dùng ngoại giao để chặn bớt thắng lợi của ta, không để ta thắng lợi triệt để. Vì vậy ta đánh mạnh đánh nhanh, thời gian là lực lượng, để địch không còn gì mà nói chuyện. Dương Văn Minh chỉ rủi ro hứng lấy sự đầu hàng vô điều kiện.

- Khi chỉ huy quân giải phóng tiến vào Sài Gòn, Thượng tướng có nghĩ rằng sẽ tránh cho Sài Gòn khỏi sự đổ nát?

- Kế hoạch tấn công chiếm Sài Gòn đã dự kiến chiếm Sài Gòn nguyên vẹn. Thần tốc tấn công mãnh liệt không để cho địch tổ chức kháng cự, bằng 5 mũi dũng mãnh thọc vào trung tâm từ 5 hướng, chiếm cùng lúc 5 mục tiêu trọng yếu. Đó là nghệ thuật quân sự cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ tối đa sinh mệnh của nhân dân, tiết kiệm tối đa máu của chiến sĩ ta và giảm tối đa sát hại binh lính địch.

- Thượng tướng có cảm tưởng gì khi vào tiếp quản thành phố?

- Trở lại Sài Gòn nơi tôi từ đó ra đi kháng chiến 30 năm về trước, rồi nhận nhiệm vụ Trưởng đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam trong Ban liên hợp quân sự bốn bên tại Tân Sơn Nhất vào năm 1973. Ngày 30-4-1975 là ngày hạnh phúc và đẹp nhất đời tôi. Giấc mơ đời tôi đã thành hiện thực. Nhiệm vụ đã hoàn thành. Và hơn bao giờ hết, lòng tôi chạnh nhớ đến hàng triệu đồng bào,

đồng đội đã hy sinh để có được ngày vinh quang. Đó là hình ảnh Trần Đình Xu, người chỉ huy bình tĩnh kiên cường trong mọi tình huống, đã hy sinh anh dũng trong lúc anh đang là Tư lệnh khu Sài Gòn năm 1969. Đó là Sư đoàn trưởng Nguyễn Thế Truyện dũng cảm vô song, là Hai Nhỏ (Nguyễn Văn Nhỏ), Phó tư lệnh Quân khu 8, một con người coi thường gian khổ hiểm nguy. Đó còn là hình ảnh Sáu Tâm (Nguyễn Việt Châu), người em ruột thân thương đã hy sinh anh dũng ở ven Cần Thơ năm 1969 khi làm nhiệm vụ Bí thư thành uỷ lãnh đạo Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa năm Mậu Thân 1968 ở Tây Đô...

- Thừa Thượng tướng, cả đời gắn bó với chiến trường, vậy còn thời gian nào Thượng tướng dành cho gia đình?

- Khoảng thời gian trở thành tướng về hưu. Gia đình thì có bà nhà lo...

- Thượng tướng gặp bà từ lúc nào?

- Vào năm 1949, khi tôi từ Việt Bắc trở về. Lúc đó vừa xảy ra trận càn lớn của quân Pháp ở Đồng Tháp Mười. Cụ Lê Đình Chi, Trưởng ban quân pháp Nam Bộ bị hy sinh cùng một người con gái ruột của ông. Cụ là một trí thức yêu nước cùng thế hệ với Phạm Văn Bạch, Nguyễn Văn Hưởng, đã tham gia cướp chính quyền ở dinh Gia Long, Sài Gòn trong Tổng khởi nghĩa. Sau cụ làm Trung đoàn trưởng chiến đấu ở Tây Ninh. Rồi Trung tướng Nguyễn Bình mời cụ về phụ trách quân pháp Nam Bộ. Trước tình cảnh mất mát của cụ và gia đình, tôi vô cùng xúc động. Tôi gặp gỡ và chia buồn với bà Lê Đình Chi (tức Lê Thị Tường Lân, nay là Bà mẹ Việt Nam anh hùng vì có thêm người con trai hi sinh trong chống Mỹ) và với người con gái đầu còn lại của cụ, cô Lê Thị Thoa. Không biết từ lúc nào, hai bên có cảm tình nhau. Phải chăng tình cảm riêng tư cũng bắt nguồn từ tình cảm chung yêu thương những người biết xả thân vì nước. Rồi cô ấy chuyển xuống rừng U Minh miền Tây học ngành y. Tôi lên nhận nhiệm vụ ở miền Đông. Lúc ấy tôi cũng chưa nghĩ tới việc lập gia đình.

Mãi cho đến năm 1954, anh em miền Tây mới đánh tiếng môi giới giữa chúng tôi. Thế rồi đám cưới được tổ chức ở Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh). Mấy tháng sau, cả gia đình tập kết ra Bắc. Cô ấy vừa nuôi dạy con vừa công tác và hết sức nhẫn nại, đã học lấy bằng phó tiến sĩ khoa học vào năm 1972. Trở về Nam, cô ấy làm Phó giám đốc Viện Pasteur tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bây giờ thì cũng đã về hưu. Nhờ cô ấy lo cho từng miếng ăn, giấc ngủ, thuốc thang mà tôi mới vượt qua được bệnh tật, yên tâm hoàn thành tập hồi ký về cuộc chiến 30 chống Mỹ. Chúng tôi có 3 con, 2 gái, 1 trai và 4 cháu nội, ngoại đang sống hạnh phúc bên nhau.

- Xin cảm ơn Thượng tướng. Kính chúc Thượng tướng cùng bà luôn hạnh phúc và trường thọ.

- Cảm ơn anh. Qua Kiến thức ngày nay cho tôi gửi lời chào trân trọng đến tất cả đồng bào, đồng đội nhân ngày 30-4 lịch sử này.

Thượng tướng đứng lên tiễn tôi ra về. Thành phố tháng Tư thật sôi động. Khắp nơi nhộn nhịp kỷ niệm ngày lịch sử của hai mươi năm về trước. Vị tướng về hưu - một nhân vật trung tâm của sự kiện trên -

đang cuốn hút theo dòng thời sự với những cuộc gặp gỡ, phỏng vấn, hội thảo,... Nghe ông nói, nhìn dáng đi với mái tóc bạc phơ cùng đôi mắt sáng quắc của ông, không hiểu sao tôi như thấy ẩn hiện đâu đây hình ảnh vị Bình Tây đại nguyên soái Trương Định hùng dũng năm nào... Và thật là một sự trùng hợp thú vị : cả hai danh tướng, Trương Định và Trần Văn Trà, đều cùng sinh ra ở Quảng Ngãi nhưng tên tuổi và sự nghiệp lại gắn liền với mảnh đất Nam Bộ, với chín khúc sông Rừng cuộn cuộn phù sa, dũng khí, hào hiệp.

*

Đáng tiếc thay, vừa tròn một năm sau cuộc phỏng vấn trên, Thượng tướng Trần Văn Trà đã đột ngột ra đi sau một cơn bạo bệnh vào ngày 20 tháng 4 năm 1996. Sứ mệnh hoàn thành. "Thiên mã" thanh thản và đột ngột "thăng", như bốn câu thơ mà vị danh tướng để lại:

Ra đi hai bàn tay trắng

Trở về một dải giang sơn

“Trăng xưa, hạc cũ” , dòng sông lặng

Mây nước yên bình, thiên mã thăng

Thượng tướng Trần Văn Trà đã ngã xuống trên chiến trường. Đây không phải chiến trường lửa đạn. Đây là chiến trường của tinh thần trách nhiệm đối với Tổ quốc, nhân dân và đồng đội. Ông ngã xuống giữa lúc đang tìm kiếm "đối tác" ở Singapore mong xây dựng ở Việt Nam một bệnh viện quốc tế hiện đại để chữa bệnh cho thương bệnh binh, những đồng đội đã từng sát cánh cùng ông trên chiến trường dầu sôi lửa bỏng và cho những người lớn tuổi !

Tướng Trà ra đi !

Người thân khóc ông. Đồng đội khóc ông. Nhân dân tiếc thương ông, lặng lẽ nghiêng mình tiễn đưa ông.

Có lẽ thời gian gần đây, chưa có cuộc ra đi nào gây bàng hoàng và xúc động nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lẫn nhiều nơi trong cả nước như cuộc ra đi của Thượng tướng Trần Văn Trà và Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ. Nếu như Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ là vị lãnh tụ đầy uy tín, là trung tâm đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân miền Nam trong cuộc đối đầu với Mỹ, thì Thượng tướng Trần Văn Trà là hình ảnh người chiến binh tiêu biểu trên chiến trường, là tấm gương, là niềm tin của hàng vạn người lính !

Trong vòng chưa đầy một năm, hai tên tuổi lớn của miền Nam, của Việt Nam, của thế giới đấu tranh vì độc lập, tự do, vì danh dự và quyền bình đẳng của con người đã bước vào cõi hư vô. Đi, nhưng hình ảnh đẹp của họ mãi còn lại trong ký ức dòng giống Lạc Hồng.

Tân Bình, tháng 4 năm 1995 - tháng 4 năm 1997

15 - Trung tướng LÊ VĂN TRI

Cuộc chiến tranh giữ nước đã đi qua hai mươi năm. Những người lính sống sót sau cuộc chiến nay đã già. Ký ức về một thời hào hùng và bi thương của dân tộc luôn sống động trong trái tim họ. Một trong những người lính già chúng tôi tìm đến để hầu chuyện nhân kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 tháng 12 năm 1995 là vị tướng tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân năm xưa: Lê Văn Tri. Mồ côi cha từ lúc ba tuổi, Lê Văn Tri phấn đấu học tập, tham gia cách mạng trở thành vị tướng mà bước chân in dấu trên nhiều chiến trường. Là trung đoàn trưởng trung đoàn cao xạ đầu tiên, ông có công trong việc xây dựng binh chủng phòng không non trẻ. Lê Văn Tri còn là người thực thi kế hoạch đánh máy bay thần sấm F111 và pháo đài bay B52 của Mỹ trên bầu trời Hà Nội mà lịch sử gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không". Ông cũng là vị chỉ huy trực tiếp trận không kích sân bay Tân Sơn Nhất phát tín hiệu tổng công kích và nổi dậy trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, góp phần giải phóng miền Nam. Năm 1974, Lê Văn Tri được thăng từ Đại tá lên Thiếu tướng, đến năm 1982 là Trung tướng. Trước khi lui về an dưỡng tuổi già ở Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp, ông được Bộ Quốc phòng tín nhiệm cử làm chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật. Có thể nói Lê Văn Tri là một chiến binh Việt Nam điển hình: đi từ người lính lên sĩ quan cấp tướng, đi từ tầm vông vạt nhọn đến máy bay, tên lửa...

Năm 1948, trước tình hình nguy cấp của chiến trường, để ngăn chặn bước tiến của quân Pháp từ Lào xuống Quảng Bình, chỉ huy trưởng mặt trận đường 12 là Lê Văn Tri đã chủ động ra lệnh bộ đội đánh phá tuyến đường này ở vùng biên giới Chalo. Đó cũng là trận đánh đầu tiên của Lê Văn Tri trên cương vị người chỉ huy. Tuy nhiên, khi trận đánh vừa kết thúc thắng lợi thì có lệnh của Tư lệnh Lê Thiết Hùng bắt đưa Lê Văn Tri về Bộ Tư lệnh Quân khu 4. Lý do? Lê Văn Tri tự ý chỉ huy bộ đội đánh phá đường 12 mà không được phép của Bộ tư lệnh Quân khu 4. Như thế là vi phạm kỷ luật.

Lúc Lê Văn Tri trên đường về Bộ Tư lệnh Quân khu 4 thì Tư lệnh Lê Thiết Hùng nhận được điện khẩn của Bộ Tổng tư lệnh: Nhanh chóng đưa một tiểu đoàn công binh lên phá đường 12! Cầm bức điện trên tay, Tư lệnh Lê Thiết Hùng biết cấp dưới mình đã đúng khi chủ động đi trước một bước. Ông ra lệnh đưa Lê Văn Tri trở về đơn vị tiếp tục chỉ huy bộ đội chặn bước tiến của quân Pháp. Chính vì "sự kiện" này mà về sau Lê Thiết Hùng và Lê Văn Tri rất quý mến nhau, có lần hai vị tướng đã ôm nhau khóc khi nhắc lại những ngày đầu kháng chiến gian khổ ác liệt, thiếu thốn trăm bề.

Nhớ về trận đánh ở "cổng trời" biên giới Chalo gần nửa thế kỷ trước. Trung tướng Lê Văn Tri vuốt mấy sợi tóc lưa thưa trên trán hói, nụ cười lấp lánh sau cặp kính lão, xúc động đọc cho tôi nghe bốn câu thơ ông cảm tác ngay khi trận đánh trên kết thúc:

Chalo sương mù lạnh lẽo

Người lính biên thùy mưu mẹo đánh Tây

Cổng trời cao vút tầng mây

Tây ra Tây chết bỏ thây đầy đường

Những câu thơ hào sảng kết tinh từ sương gió máu lửa chiến tướng. Nó không phải thứ thơ "sản xuất" từ sa lông cờ hoa "hoan hô" chiến trận. *"Thơ cháy trong tim đạn xoáy trên*

đầu". Có lẽ trên thế giới này ít nơi đâu có những người lính - thi - sĩ như Việt Nam. Những người lính vô danh hay lừng danh như Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Sơn, Hoàng Minh Thảo, Đinh Đức Thiện, Đặng Tính,... Tay súng tay bút, họ vừa đánh giặc vừa viết văn làm thơ. Độc lập tự do của Tổ quốc là lẽ sống. Văn chương là một trong những thứ "vũ khí" phục vụ cho lẽ sống đó !

- Thừa Trung tướng, thời xông pha trận mạc đã kết thúc hơn hai mươi năm, đất nước đang thay đổi từng ngày, vậy trong ký ức Trung tướng hình ảnh của một thời binh lửa có thường sống lại ?

- Làm sao có thể quên được biết bao đồng chí đồng đội đã ngã xuống để có được ngày hôm nay ! Tôi hay nằm mơ thấy họ, thấy cảnh đánh nhau, ngỡ như mới hôm qua đây thôi. Những chiến sĩ chân đất quả cảm với vũ khí thô sơ xông thẳng vào giặc Tây. Những pháo thủ, phi công anh hùng hạ pháo đài bay B52 của Mỹ ngay trên bầu trời thủ đô...

- Vốn là lính bộ binh, vì sao Trung tướng lại trở thành sĩ quan chỉ huy phòng không - không quân ?

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, một nửa đất nước được giải phóng. Trung ương quyết định từng bước chính qui hóa, hiện đại hóa quân đội. Quân ủy Trung ương đặc biệt quan tâm xây dựng các quân binh chủng mới như hải quân, phòng không, không quân, xe tăng, pháo binh, thông tin,... Riêng phòng không thì xây dựng lực lượng phòng không dã chiến, phòng khi bảo vệ các yếu điểm chiến lược quốc gia. Trung đoàn 367 đơn vị cao xạ điều trên của quân đội mà tôi làm trung đoàn trưởng được nâng thành Đại đoàn 367 trực thuộc Bộ Tư lệnh Binh chủng pháo binh, sau trực thuộc Bộ Quốc phòng. Đại đoàn 367 do Hoàng Kiện làm đại đoàn trưởng, Đoàn Phùng làm chính ủy, tôi làm đại đoàn phó.

Anh Hoàng Kiện cùng một số cán bộ đại đoàn đi học, tôi được lệnh chuyển binh chủng pháo 40, 88, và 90 ly thành lập các trung đoàn để bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và Vinh. Nhờ các đồng chí Đào Sơn Tây, Nguyễn Quang Tuyến, Dương Hán và Nguyễn Cận đi học các loại súng pháo trên trở về nên việc chuyển binh chủng diễn ra nhanh. Cuộc bắn đạn thật đầu tiên tổ chức ở Vai Cày cũng đạt kết quả tốt, được Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thiếu tướng Lê Thiết Hùng đến dự khen ngợi.

Đại đoàn trưởng Hoàng Kiện đi học trở về. Anh Đào Sơn Tây lên làm đại đoàn phó kiêm tham mưu trưởng. Tôi rời Đại đoàn 367 xuống Kiến An, Hải Phòng học văn hóa, học tiếng Trung Quốc cho tới đầu tháng 8 năm 1956 thì được lệnh về Hà Nội chuẩn bị sang Liên Xô học tập ở Học viện Pháo binh Leningrad. Nghĩa là kể từ lúc làm trung đoàn trưởng Trung đoàn 367 cao xạ, tôi đã thuộc về binh chủng phòng không.

- *Thời gian Trung tướng học ở Liên Xô bao lâu ?*

- Gần bốn năm. Đoàn học viên khi ấy gồm năm mươi người sang học tại nhiều học viện quân sự khác nhau, do anh Đàm Quang Trung làm đoàn trưởng, anh Lê Tự Đồng phụ trách chính trị, tôi làm đoàn phó hậu cần. Trước khi đi, anh Nguyễn Chí Thanh đến thăm và nói chuyện. Ngày 20 tháng 8 năm 1956 đoàn rời Hà Nội, đi xe lửa qua Bắc Kinh, Mãn Châu Lý rồi sang Mạc Tư Khoa. Tại đây, đại diện các học viện nước bạn ra đón học viên Việt Nam, rồi ai về trường nấy. Tôi cùng một số anh em về Leningrad.

Chúng tôi học tập rất vất vả, nhất là phải nghe, đọc, viết và nói hoàn toàn bằng tiếng Nga. Mỗi đến năm thứ hai mới có thể tiếp thu tương đối hoàn chỉnh. Tôi đặc biệt thích xạ kích, một môn học đòi hỏi phải giỏi xác suất. Nó giải quyết được vấn đề bắn trúng mục tiêu rất khoa học.

- *Trung tướng nhận nhiệm vụ Tư lệnh Quân chủng Phòng không-Không quân vào thời điểm nào?*

- Năm 1969. Sau khi học ở Liên Xô 4 năm trở về, tôi làm việc ở Cục tác chiến, rồi chuyển sang làm Phó tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, lúc ấy anh Phùng Thế Tài làm Tư lệnh, anh Đặng Tính làm Chính uỷ. Khi anh Phùng Thế Tài chuyển lên Bộ quốc phòng làm Phó tổng tham mưu trưởng, anh Đặng Tính kiêm luôn Tư lệnh. Sau đó, anh Đặng Tính vào làm Chính uỷ Bộ đội Trường Sơn 559 mà anh Đồng Sĩ Nguyên là Tư lệnh, tôi thay anh Đặng Tính làm Tư lệnh Quân chủng, còn anh Hoàng Phường làm Chính uỷ.

- *Là Tư lệnh trực tiếp đánh trả cuộc không kích 12 ngày đêm của “thần sấm” B52 Mỹ tháng 12-1972, xin Trung tướng cho biết vài nét về trận “Điện Biên Phủ trên không” này?*

- Sau khi dùng đủ mọi phương tiện chiến tranh hiện đại nhất nhưng vẫn chuốc lấy thất bại, quân Mỹ đã dùng đến lực lượng máy bay chiến lược tinh nhuệ B52 để ném bom rải thảm vùng giải phóng ở miền Nam, rồi tiến hành đánh phá miền Bắc, hòng ngăn chặn sự chi viện của hậu phương đối với chiến trường. Trận “Điện Biên Phủ trên không” là diễn biến tất yếu của tình hình đó. Thực sự lúc bấy giờ có nhiều ý kiến khác nhau về sức mạnh của lực lượng B52 Mỹ. Có người cho rằng ta không đánh nổi. Bộ chính trị cũng đã họp đặt vấn đề vì sao ta không đánh máy bay B52 và nếu đánh thì đánh bằng cách nào. Vì đây là lực lượng tinh nhuệ nhất của quân Mỹ bấy giờ, đã xâm nhập vùng trời Bắc Việt khiêu khích, đánh phá. Và Bộ tư lệnh phòng không - không quân đã đề xuất kế hoạch kiên quyết đánh trả các cuộc tấn công bằng B52. Kế hoạch này lần lượt được các anh Văn Tiến Dũng, Võ Nguyên Giáp và Bộ chính trị thông qua.

- *Dựa vào đâu mà Trung tướng và Bộ tư lệnh Quân chủng khẳng định có thể đánh được B52?*

-À , đó là quá trình tập luyện của anh em và quan trọng nhất là kinh nghiệm. Trước đó, tôi đã cho lực lượng tên lửa đánh thử và đã bắn rơi B52 trên sông Mekong. Chính quân Mỹ đi kiểm tra đã khẳng định chiếc B52 bị rơi đó do bộ đội tên lửa của ta bắn.

- *Trung tướng có thể cho biết cụ thể hơn?*

- Từ năm 1965, trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của Chiến tranh đặc biệt, Mỹ huy động quân viễn chinh và chur hầu vào miền Nam, sử dụng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc. Hồ Chủ tịch tiên đoán Mỹ nhất định sẽ dùng máy bay chiến lược B52 tấn công Hà Nội. Đại tướng Bộ trưởng Bộ quốc phòng Võ Nguyên Giáp và Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng lệnh cho Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân vạch kế hoạch đánh B52; đồng thời đưa tên lửa và không quân vào tuyến lửa Quân khu 4, vừa đánh địch bảo vệ giao thông vừa rút kinh nghiệm đánh B52. Một tổ chuyên môn nghiên cứu cách đánh B52 cũng được lập do Tham mưu phó Vũ Xuân Vinh làm Tổ trưởng.

Đêm 20-5-1971, một tổ bay của ta do Đinh Tôn và Vũ Đình Rạng cất cánh từ sân bay dã chiến Đồng Hới thuộc tỉnh Quảng Bình, đã bắn bị thương một chiếc B52 trên bầu trời Khe Sanh, Lao Bảo rồi về hạ cánh an toàn. Bộ tư lệnh cho không quân hoạt động sâu vào Tây Nguyên để có thêm kinh nghiệm đánh B52. Tháng 4-1972, Mỹ liên tiếp dùng B52 đánh Vinh, cầu Hàm Rồng và Hải Phòng. Đầu thán 10-1972, Quân chủng tổ chức hội thảo “Cách đánh B52 của Quân chủng”, nhất trí rằng ta có khả năng đánh rơi B52 tại chỗ, dù còn phải khắc phục nhiều khó khăn. Ngày 22-11-1972, một tin bất ngờ: Tiểu đoàn 43 và 44 thuộc Trung đoàn 263 bố trí ở phía tây Nghệ An đã bắn rơi một chiếc B52 bên bờ sông Mekong, gần địa phận Nakhon Phanom của Thái Lan. Một phái đoàn khoa học quân sự Mỹ đã tới xác nhận. Như thế, lý luận đánh B52 do Quân chủng đề ra đã được thử nghiệm thực tế một cách thắng lợi.

- *Nhưng thưa Trung tướng, dù sao đây cũng chỉ mới ở mức thử nghiệm. Trong khi đó lực lượng B52 mà Mỹ huy động lại khá hùng hậu để tập kích Hà Nội và các trung tâm chiến lược khác của miền Bắc. Một cuộc đối đầu không cân sức. Trước thực tế ấy, khi bước vào cuộc chiến, có lúc nào Trung tướng nghĩ rằng quân ta kho đủ sức đánh trả trước hoả lực quá mạnh và tinh nhuệ của đối phương.*

- Tôi luôn luôn tin tưởng vào thắng lợi. Từ tháng 9-1971, Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân đã hoàn thành kế hoạch tác chiến đánh B52. Ngày 24-11-1972, Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và các Tổng tham mưu phó Trần Quý Hai, Vương Thừa Vũ, Cao Văn Khánh, Phùng Thế Tài đã chính thức phê chuẩn bản kế hoạch tác chiến, có tầm vóc một chiến dịch phòng không tổng hợp độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam, gồm các lực lượng vũ trang Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh phía Bắc mà nòng cốt là lực lượng phòng không - không quân. Mục tiêu bảo vệ chủ yếu là thủ đô Hà Nội, đối tượng tác chiến chủ yếu là B52. Quyết tâm bắn rơi B52 tại chỗ với hiệu suất cao. Kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch và phòng tránh - một kinh nghiệm quý báu trong quá trình chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Trước đó, tôi và anh Lê Thanh Cảnh - Trưởng phòng tác chiến Quân chủng, người trực tiếp dự thảo kế hoạch trên, đã đến báo cáo với Đại tướng Võ Nguyên Giáp về khả năng bắn rơi B52 tại chỗ. Đại

tướng hỏi rất kỹ từng chi tiết. Chúng tôi báo cáo rằng, mặc dù rada còn bị nhiễu rất nặng, nhưng cơ bản đã tìm ra chỗ yếu của B52 và hứa với Đại tướng sẽ bắn rơi B52 tại chỗ với tỉ lệ cao. Kết quả cuối cùng đã chứng minh cho lời hứa ấy. Ngày 30-12-1972, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cho pháp chính thức bản thông báo chiến thắng oanh liệt của quân dân ta.

- *Chắc Trung tướng còn nhớ hình ảnh chiếc B52 đầu tiên rơi trên bầu trời Hà Nội?*

- Ô, nhớ chứ! Hồi hộp lắm! Lúc 20 giờ 30 ngày 18-12-1972, Tiểu đoàn 59 thuộc Trung đoàn 261 đã bắn rơi tại chỗ chiếc B52 đầu tiên mang số hiệu 52122001, ở cánh đồng Chuôm, xã Phú Lỗ thuộc huyện Đông Anh. Khi Trung đoàn trưởng báo cáo lên thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Thượng tướng Văn Tiến Dũng và Bộ tư lệnh Quân chủng đều hỏi vặn lại: có phải B52 đã rơi tại chỗ và bắt được giặc lái không? Và mờ sáng hôm sau, trời rét cóng và sương mù dày đặc, tôi cùng anh Phùng Thế Tài đáp trực thăng tới chỗ chiếc B-52 rơi. Chúng tôi đứng trên chiếc pháo đài bay hình thù rất to đang vỡ tan tành, động cơ bị cháy rụi...

- *Trung tướng nghĩ sao khi có ý kiến cho rằng, nếu Mỹ tiếp tục ném bom sau 12 ngày đêm khủng khiếp đó, thì Bắc Việt sẽ đầu hàng?*

- Không bao giờ có chuyện đó. Đơn giản: Mỹ đã huy động 193 máy bay B52 chiếm 48% lực lượng B52 quân đội Mỹ. Máy bay chiến thuật của không quân và hải quân được huy động tới gần 1.100 chiếc từ các căn cứ Thái Lan và 6 tàu sân bay ngoài biển Đông. Và đây cũng là lần đầu tiên Mỹ sử dụng tập trung nhất, cao độ nhất các phương tiện chiến tranh điện tử. Sau 12 ngày đêm, có 81 máy bay các loại, trong đó có 31 máy bay B52 và 5 chiếc F111 bị bắn rơi. Lực lượng phi công Mỹ khủng hoảng tinh thần trầm trọng. Nhân dân Mỹ, nhân dân tiến bộ thế giới xuống đường đòi chấm dứt chiến tranh. Trong lúc đó, quân đội Mỹ chỉ có tất cả 400 chiếc B52, nếu tiếp tục đưa vào Việt Nam thì các vùng chiến lược khác của Mỹ trên thế giới sẽ bỏ trống ư? Nghĩa là tài sản chiến lược của Mỹ không cho phép. Hơn nữa, số B52 sống sót từ miền Bắc Việt Nam trở về, đa số đều bị hư hại. Chiếc hỏng ít nhất cũng mất 3 tháng để sửa chữa. Báo chí phương Tây đã công nhận chiến thắng này là “Điện Biên Phủ trên không”. Thực ra, qua tin tình báo, chúng tôi cũng đã biết trước ngày Mỹ nhất định phải ngừng oanh tạc.

- *Có nhiều tin tức không chính thức khác nhau về vấn đề điều chỉnh tên lửa SAM 2 do Liên Xô viện trợ bấy giờ, vậy Trung tướng có nắm được tình hình cải tiến SAM 2 không?*

- Có chứ! Việc cải tiến tên lửa SAM 2 là nhằm khắc phục hiện tượng tên lửa mất điều khiển vì bị nhiễu radar nặng nên đạn rơi xuống đất; khắc phục một phần nhiễu tạp. Trong chuyện này hoàn toàn không có việc cải tiến nâng cao tầm bắn của SAM 2 như có một số người hiểu nhầm. Việc cải tiến là do xưởng sửa chữa A31 tiến hành, trên cơ sở ý kiến tổng hợp, nhất là các đơn vị đã sử dụng SAM 2 đề xuất. Đội trinh sát điện tử của Quân chủng gồm các đồng chí Vinh, Cần, Thuận do Phan Thu làm Tổ trưởng, có nhiệm vụ vừa trinh sát vừa nghiên cứu các biện pháp chống nhiễu do B52 gây ra, chứ không phải để cải tiến tên lửa SAM 2.

- Thừa Trung tướng, còn trận ném bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất do Trung tướng chỉ huy được xem như là hiệu lệnh cho cuộc tổng công kích giải phóng Sài Gòn vào mùa xuân năm 1975. Xin Trung tướng cho biết vài nét cơ bản về trận đánh lịch sử này?

- Đây là trận đánh rất đáng nhớ trong cuộc đời cầm súng của tôi. Một trận đánh đầy tự hào sau “Điện Biên Phủ trên không”, để tôi cùng đồng đội hoàn thành nhiệm vụ góp phần vào sự nghiệp thống nhất Tổ quốc sau 20 năm bị chia cắt. Tôi nhớ như in vào tối 25-4-1975, Bộ Quốc phòng đánh điện gọi tôi đúng 8 giờ sáng hôm sau lên nhận nhiệm vụ. Khi tôi lên mới biết rằng tối qua, Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng, Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, từ chiến trường đã gọi điện về Hà Nội cho Đại tướng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp đề nghị: “Cho không quân ta dùng máy bay vừa lấy được của địch ném bom vào sào huyệt quân nguy ở Sài Gòn ngày 28-4, chỉ đánh vào ngày này, chậm nữa không được”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp hỏi tôi:

- Hiện ta thu được bao nhiêu máy bay A-37 của địch có thể dùng được?

- Thừa Đại tướng, tại Đà Nẵng có một chiếc, phi công ta đang sử dụng học chuyển loại, còn sân bay Phù Cát ở Bình Định thì có 5 chiếc nguyên vẹn, chưa cho bay thử.

Đại tướng rất vui mừng và cho biết Bộ chính trị đã đồng ý cho không quân ném bom xuống sào huyệt địch, nhưng chỉ được dùng máy bay chiếm được của địch mà thôi.

Ngay chiều hôm đó, tôi nhận điện khẩn từ Đà Nẵng: “Đồng chí Văn Tiến Dũng đã cho Nguyễn Thành Trung ra tới sân bay này”. Xem báo cáo tôi rất mừng liền điện đề nghị anh Dũng: “Cho đồng chí Hoàng Ngọc Diêu, Phó tư lệnh Quân chủng hiện đang ở trong Bộ tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh sáng 28 ra sân bay Thành Sơn để tôi hiểu rõ ý định của anh”. Sáng 28-4, chúng tôi chuyển gấp 5 chiếc A37 vào sân bay Thành Sơn - Phan Rang tiếp cận mục tiêu. Phi đội gồm Phi đội trưởng Nguyễn Văn Lục và các phi công Từ Đễ, Hoàng Mai Vượng, Hán Văn Quảng, do Nguyễn Thành Trung - số 1 dẫn đầu. Nguyễn Thành Trung vốn là điệp báo của ta ở trong không quân địch, đã lái E 5 ném bom xuống dinh Độc Lập vào ngày 8-4-1975. Bên cạnh đó còn có Trần Văn On là một phi công nguy tình nguyện ở lại, tôi bố trí cho bay cùng Hoàng Mai Vượng trong chiếc cuối cùng.

Đúng 17 giờ, tôi phát cờ lệnh. 5 chiếc A37 xuất phát. Trong tình trạng không có rada dẫn đường, các phi công phải tự “mò mẫm” bay đi. Họ cũng không được liên lạc với nhau khi chưa tới mục tiêu. Bên cạnh việc sẵn sàng ứng phó với sự đánh trả của không quân và pháo phòng không của địch, các phi công còn phải tránh lưới lửa của quân ta bắn nhằm dọc đường. Một điều tối quan trọng khác, là không được thả bom nhằm vào phái đoàn quân sự ta đang trú ở trại David - Tân Sơn Nhất. Sau khi các phi công bay đi, tôi đứng ngồi không yên, cho đến khi nghe được giọng nói của Nguyễn Thành Trung nhắc Từ Đễ nhớ bật đèn pha để hạ cánh. Cả 5 chiếc A37 đều hạ cánh an toàn, sau khi hoàn thành xuất sắc việc ném bom các mục tiêu. Hơn 20 máy bay địch bị phá hủy. Tân Sơn Nhất hoàn toàn hỗn loạn sau trận bom. Các cánh quân áp sát giải phóng Tân Sơn Nhất...

- *Nghe Trung tướng kể chuyện như được nghe người lính già thời Trần kể chuyện Nguyên Phong. Một đời chinh chiến, hình ảnh quê hương và tuổi thơ hiện còn đọng lại gì trong ký ức Trung tướng?*

- Tuổi thơ tôi vất vả lắm! Tôi tuổi Dậu, sinh năm 1921 nhưng giấy khai sinh đi học thì đề 13-9-1922. Quê tôi ở Hà Trạch, thuộc huyện Bố Trạch, Quảng Bình. Đây là nơi đã sinh ra hai vị đại khoa thời Nguyễn, nhà thơ Lưu Trọng Lư, và cũng là quê hương võ tướng Lê Mô Khởi trong phong trào Cần Vương cùng hai vị tướng lĩnh khác của quân đội ta hiện nay là Võ Nguyên Giáp và Đồng Sĩ Nguyên. Bố tôi mất năm tôi mới 13 tuổi. Một ông anh của tôi làm thuê ở đồn điền B'laio, Lâm Đồng. Một ông anh khác làm thuê ở Sài Gòn. Còn một ông anh ở nhà thì mất. Từ đó tôi phải nghỉ học, sau khi đậu bằng yếu lược, ở nhà cùng đưa em gái theo mẹ đi buôn bán kiếm sống. Rồi tôi vào Sài Gòn với ông anh và cùng đi làm thuê.

Năm 1939, hai anh em trở lại quê, tôi vào Đồng Hới vừa đi dạy thêm vừa học. Đúng ra là 3 năm, nhưng chỉ sau 1 năm học tôi thi đậu bằng primaire và thi vào trường kỹ nghệ Huế học cùng lớp với anh Hoàng Văn Thái, còn học lớp trước có anh Trần Văn Trà, Trần Sâm... Tôi rất mê thể thao, chơi bóng rổ giỏi, nên học 3 năm trường kỹ nghệ xong, tôi học tiếp thể dục thể thao 1 năm rồi về làm huấn luyện viên thể thao ở Đồng Hới. Một thời gian sau, do mâu thuẫn dẫn đến xô xát với con của quan tuần vũ, án sát nên tôi bị cách chức huấn luyện viên và phạt 6 tháng tù. Tôi liền trốn vào Biên Hoà làm công nhật ở Sở Công chính.

- *Trung tướng tham gia cách mạng từ lúc nào?*

- Tháng 6-1945, tôi gia nhập Thanh niên tiền phong ở Biên Hoà, mà thủ lĩnh là anh Huỳnh Văn Nghệ. Tháng 8-1945, tôi tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn. Khi cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ, tôi quay về Quảng Bình, tham gia Giải phóng quân thuộc Chi đội Lê Trục của tỉnh.

- *Đời lính của Trung tướng trải qua các chiến trường nào?*

- Chủ yếu là Bình Trị Thiên - Lào. Năm 1954, cấp trên điều tôi về làm Trung đoàn trưởng đầu tiên của Trung đoàn pháo cao xạ 367 tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ. Tôi chưa từng biết cao xạ là gì và lần đầu tiên nhận trọng trách ở mặt trận “đất đói không” thật hết sức khó khăn. Sau chiến thắng Điện Biên, tôi được đưa sang Trung Quốc học 2 năm, rồi Liên Xô 4 năm.

Trong kháng chiến chống Pháp, tôi là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Quảng Bình kiêm tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 274 chủ lực. Trước khi chuẩn bị nghỉ hưu năm 1988, tôi được phân công làm Chủ nhiệm Tổng cục kỹ thuật.

- *Trong lòng Trung tướng, vị tướng nào của thế giới và Việt Nam đem lại cho Trung tướng sự nể phục và kính trọng?*

- Nguyên soái Jukov của Liên Xô, ông tướng cầm quân rất giỏi trong Thế chiến thứ hai. Ở Việt Nam là Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng.

- *Thế còn Đại tướng Nguyễn Chí Thanh?*

- Đại tướng Nguyễn Chí Thanh thì khỏi nói rồi. Anh ấy không phải là một nhà quân sự chuyên nghiệp. Anh ấy giỏi tất cả mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế... Nguyễn Chí Thanh từng là thủ trưởng trực tiếp của tôi, giúp đỡ chỉ bảo tôi nhiều điều. Tôi với Đại tướng có nhiều kỷ niệm, thể hiện qua những lần gặp gỡ để lại dấu ấn trong cuộc đời tôi.

- *Trung tướng còn nhớ kỷ niệm lần đầu gặp Đại tướng?*

- Tháng 6-1949, anh ấy đến thăm Tiểu đoàn bộ 274 đóng ở Minh Cẩm thuộc huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Bấy giờ tôi là Tỉnh đội phó kiêm Tiểu đoàn trưởng 274. Anh Nguyễn Chí Thanh đã dặn rằng: Nam Quảng Bình có mạnh thì Quảng Bình mới mạnh. Muốn vậy, phải rời chiến khu, đưa lực lượng về đồng bằng bám sát dân, sống chết với dân, ra sức xây dựng làng kháng chiến thì mới đánh Pháp thắng lợi được. Theo chỉ thị của anh Thanh, trong vòng 3 tháng trời, tiểu đoàn đã rời chiến khu về đồng bằng, và đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Lần thứ hai tôi gặp anh Thanh tại Chiến khu Việt Bắc tháng 7-1953. Anh ấy giao nhiệm vụ mới cho tôi: rời chiến trường Bình Trị Thiên về tổ chức và xây dựng Trung đoàn pháo cao xạ 367. Tôi có ghi vào nhật ký lời anh Thanh dặn: “Bây giờ về với đơn vị chính qui hiện đại, nên ngoài việc rèn luyện ý chí chiến đấu còn phải ra sức học tập quân sự và giữ gìn xe với pháo cho tốt” (cười).

- *Thế lần cuối cùng Trung tướng gặp Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vào thời điểm...*

- Vào buổi chiều trước khi anh ấy mất. Tôi nhớ như in ngày 4-7-1967, tôi đến nhà riêng của anh ở phố Lý Nam Đế, Hà Nội để báo cáo tình hình chiến sự. Lúc đó tôi là Cục phó Cục tác chiến của Bộ tổng tham mưu. Sẵn dịp, tôi đề nghị với anh Thanh hãy nói với anh Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng cho tôi vào Nam chiến đấu. Anh hẹn sau 3 ngày sẽ trả lời. Chiều ngày 5-7-1967, trên đường đi làm về, thấy xe anh cũng vừa rời công sở chạy ngang qua, tôi đưa tay lên chào, anh cười chào lại. Sáng hôm sau, 6-7-1967, tôi vừa tới cơ quan thì nghe tin anh Nguyễn Chí Thanh qua đời. Quá đau đớn, đột ngột. Tôi không thể nào tin ở tai mình nữa. *(Trung tướng chợt dừng câu chuyện. Khuôn mặt ông ra chiều trầm ngâm nỗi niềm khó tả).*

- *Thưa Trung tướng, xung quanh cái chết của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh có nhiều tin đồn khác nhau...*

- Anh Thanh mất vì bệnh tim tại Hà Nội. Sự thật là thế. Anh ấy ra đi là một tổn thất lớn cho đất nước. Bác Hồ từng nói Nguyễn Chí Thanh là một trong những ngôi sao sáng của Đảng. Đối với những người lính chúng tôi, anh Thanh là một người anh lớn, một người thầy. Anh ấy là một danh tướng, một nhà lãnh đạo có tư tưởng lớn: luôn bám sát dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc.

- *Còn với Chính uỷ, kiêm Tư lệnh Đặng Tịch thì sao? Trung tướng nhớ gì về hình ảnh vị chính uỷ khá nổi tiếng từng một thời sát cánh bên nhau?*

- Theo tôi, Đặng Tịch cũng là một con người đặc biệt. Có 3 điều tôi muốn nói về anh. Thứ nhất, Đặng

Tính là người mà tất cả mọi chiến sĩ, nhân viên cơ quan đều biết mặt. Anh ấy luôn đi sâu sát đơn vị, nắm bắt tình hình, đề ra chủ trương, biện pháp kịp thời và đúng đắn. Thứ hai, Đặng Tính là người có bản tính hiền lành, điềm đạm và hết sức khiêm tốn, không bao giờ đề cập đến thành tích của mình. Thứ ba, Đặng Tính là vị lãnh đạo rất dân chủ và hết lòng thương yêu giúp đỡ cán bộ cấp dưới... Anh cũng làm thơ khá hay đấy!

- Tôi cũng được nghe khá nhiều giai thoại độc đáo và những lời ca ngợi về năng lực, phẩm cách của Chính uỷ Đặng Tính. Tiếc rằng, ông ra đi quá sớm. Nếu không, ông có thể trở thành một lãnh đạo cần thiết cho đất nước.

- Tôi cũng tin như thế!

- Trung tướng có thường tiếp xúc với Trung tướng Vương Thừa Vũ - nguyên Tư lệnh chiến trường Bình Trị Thiên.

- Vương Thừa Vũ là một trong những vị tướng rất nổi tiếng, dạn dày trận mạc. Trước khi làm Tư lệnh chiến trường Bình Trị Thiên, Vương Thừa Vũ là Tư lệnh Quân khu 4. Sau này, anh ấy trở thành Phó tổng tham mưu trưởng. Tôi với anh ấy cũng thường gặp nhau. Vương Thừa Vũ là một nhà chiến thuật quân sự tâm cỡ của quân đội ta. Lần đầu tiên tôi gặp anh Vũ ở Quảng Bình khi anh vào làm tư lệnh chiến trường Bình Trị Thiên. Anh đã tận tình chỉ bảo tôi về chiến thuật.

- Thời kỳ chiến đấu ở khu 4, chắc Trung tướng từng có dịp gặp tướng Nguyễn Sơn?

- Khi tôi làm Tỉnh đội trưởng Quảng Bình, có ra xin súng ở Bộ tư lệnh Quân khu 4, do Nguyễn Sơn làm Tư lệnh. Trong một trận đánh do tôi chỉ huy đánh thắng ở Quảng Bình, Nguyễn Sơn viết thư khen ngợi và nhắc nhở rằng chỉ huy thì lo chỉ huy chứ không được trực tiếp bắn súng chiến đấu.

Trên đường sang Liên Xô học vào mùa thu năm 1956, khi tàu dừng ở Bắc Kinh, anh Nguyễn Sơn lúc ấy đang công tác ở đây đã mời tôi cùng các anh Đàm Quang Trung và Lê Tự Đồng đến nhà riêng ăn cơm. Anh cho biết sắp sửa về nước vì bệnh tình ở giai đoạn hiểm nghèo. Chúng tôi hết sức xúc động. Là những đồng đội từng chiến đấu dưới quyền anh ở Bình Trị Thiên khói lửa, chúng tôi rất hiểu và chia sẻ cùng anh. Nguyễn Sơn gốc người Hà Nội, được phong tướng cả ở quân đội ta lẫn quân đội Trung Quốc, nên mọi người hay gọi là "Lưỡng quốc tướng quân". Anh là vị tướng đầy tài năng, với rất nhiều giai thoại được truyền tụng. Anh cũng là người có tâm hồn nghệ sĩ, kiến thức uyên thâm, được giới văn nghệ sĩ, trí thức mến mộ.

*

Năm 1957, là đại đoàn phó Đại đoàn 367, Lê Văn Tri được phong quân hàm Thượng tá. Năm 1970 ông được thăng Đại tá giữ chức tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, rồi năm 1974 thăng Thiếu tướng. Năm 1982, Lê Văn Tri lại được tiếp tục thăng Trung tướng, làm chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, cho đến năm 1988 thì nghỉ hưu. Có thể nói, cuộc đời tướng Lê Văn Tri là một hình ảnh điển hình cho người lính Việt Nam thế kỷ XX: đi từ tầm vông vạt nhọn của những ngày Cách mạng tháng Tám

đến máy bay, tên lửa; từ người anh lính bình nhất bình nhì trở thành sĩ quan cao cấp và đồng thời, vừa là bộ đội chủ lực vừa dân quân.

Khi cuộc trò chuyện sắp đến hồi kết thúc thì bà Lưu Thị Khinh, người bạn đời chung thủy của tướng Tri từ nhà dưới đem đĩa bưởi lên đãi khách. Đứng dậy chào cảm ơn bà, tôi quay sang hỏi Trung tướng:

- *Thưa Trung tướng, thời trẻ liên tục đi Nam về Bắc, làm sao Trung tướng quen được bà nhà?*

- (Cười kha kha) Tôi và bà ấy cùng làng, nên hiểu rõ nhau từ nhỏ. Hai gia đình lại rất thân nhau.

Lớn lên, tôi vào bộ đội, còn bà làm công tác phụ nữ ở địa phương. Nhưng chúng tôi vẫn luôn "theo dõi" nhau! Tôi với bà ấy thời chống Pháp cứ đi nghịch chiều hoài: khi tôi hành quân vào, thì bà ấy lại đi công tác ra và ngược lại. Khi tôi làm tỉnh đội trưởng thì bà ấy làm ở Hội phụ nữ tỉnh Quảng Bình. Nhờ sự giúp đỡ của gia đình và hai cơ quan, chúng tôi đã tổ chức đám cưới một cách giản đơn. Bà ấy là "điểm tựa" để tôi hoàn thành nhiệm vụ trong hai cuộc kháng chiến. Chúng tôi sinh được bốn đứa con, giờ đều trưởng thành.

- *Đối với thế hệ trẻ ngày nay, ngoài những vấn đề có tính chất chung, theo Trung tướng, giới trẻ cần chú ý đến một vấn đề cụ thể gì?*

- Rèn luyện thể lực. Người Việt Nam mình nhỏ con quá. Đây là một chiến lược quốc gia. Người Nhật, người Hàn Quốc trước đây họ cũng nhỏ con như mình nhưng bây giờ đã khác!

*

Trước năm 1945, chàng trai trẻ Lê Văn Tri vào Sài Gòn để sinh sống rồi tham gia cách mạng. Mùa xuân 1975, Thiếu tướng Tư lệnh Lê Văn Tri là người chỉ huy Phi đội Quyết Thắng tấn công Tân Sơn Nhất phát tín hiệu cho các cánh quân hợp vây đánh vào trung tâm Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Cuối đời, Trung tướng về hưu Lê Văn Tri lại chọn Thành phố Hồ Chí Minh làm nơi nghỉ ngơi trong tuổi già cùng hiền nội Lưu Thị Khinh và con cháu. Một mối "duyên" kỳ ngộ, có mở đầu có kết thúc, mặc dù tướng Tri không sinh ra ở thành phố này!

Tuy đã là "người Sài Gòn" nhưng âm giọng Quảng Bình của vị tướng vẫn còn đặc sệt. Trán hói cao, mắt sáng, cử chỉ khoáng đạt, cởi mở, song dứt khoát trong từng cái phát tay, bước đi, dáng đứng. Tác phong của một chiến binh chuyên nghiệp, dù đã ở giữa tuổi thất tuần. Trung tướng Lê Văn Tri ân cần bắt tay tiễn tôi: "Chợ Hạnh Thông Tây này khá xa trung tâm thành phố, nhưng được cũng rất đông. Hy vọng chúng ta sẽ còn nhiều buổi trò chuyện khác về những năm tháng không thể nào quên" !

Tân Bình, tháng 12 năm 1995

16 - Thượng tướng TRẦN NAM TRUNG

Giương mặt phúc hậu. Trán rộng. Mắt nhỏ sáng. Thân hình vạm vỡ. Phong cách điềm đạm chân chất, nhiệt thành như một lão nông lực điền nhưng vẫn không mất vẻ oai phong của một vị tướng dạn dày trận mạc. Hai Hậu - Trần Nam Trung, cái tên quen thuộc, nhất là đối với nhân dân miền Nam và đối phương thời đánh Mỹ. Trước khi được giao trọng trách bí mật vào Nam “chiêu hiền mộ sĩ” tổ chức xây dựng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và làm bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, tướng Trần Nam Trung từng là một trong những “thủ lĩnh” du kích Ba Tơ, rồi phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, bí thư Liên khu ủy 5. Cuộc đời chiến đấu của ông phần lớn gắn liền với chiến trường Nam Trung Bộ. Tướng Trần Nam Trung từng là trợ thủ đắc lực bên cạnh tướng Nguyễn Chí Thanh, góp phần xây dựng Bộ thống soái của quân đội vững mạnh, trực tiếp vận động và chỉ huy việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho mặt trận Điện Biên Phủ. Rồi lại sát cánh cùng tướng Nguyễn Chí Thanh ở miền Nam, tướng Trần Nam Trung là ủy viên Trung ương Đảng đã góp phần lãnh đạo Trung ương Cục, Quân ủy Miền và các lực lượng vũ trang từng bước hoàn thành sự nghiệp giải phóng đất nước. Sứ mệnh thực thi vẻ vang, không màng địa vị, chức quyền, ông nhanh chóng thu xếp hành trang lui về sum họp cùng gia đình trong phần đời còn lại...

Quảng Ngãi là một trong những "địa linh" đã sản sinh nhiều "nhân kiệt" mà tên tuổi sáng ngời sử sách. Từ nơi đây, Trương Định đã được sinh ra và lớn lên trước khi trở thành vị anh hùng vẫy vùng sông nước Cửu Long, được dân phong Bình Tây đại nguyên soái làm giặc Pháp "thất điên bát đảo". Quê hương núi Ấn sông Trà còn là nơi "chôn nhau cắt rốn" của chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, các tướng lĩnh Nguyễn Chánh, Trần Văn Trà, Trần Nam Trung, Phạm Kiệt và bao nhà yêu nước, cách mạng khác.

Thượng tướng Trần Nam Trung tên thật Trần Khuy, còn có tên thường gọi khác là Trần Lương quê ở xã Đức Thành, huyện Mộ Đức cùng quê với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ông cầm tinh Con Hổ sinh năm Giáp Dần - 1914, năm mà hàng loạt "hổ tướng" khác cũng chào đời như Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Chánh, Lê Trọng Tấn, Huỳnh văn Nghệ... Nhờ tác động mạnh của tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội, qua sự dìu dắt giới thiệu của người anh họ là Trần Cừ năm mười bảy tuổi chàng trai họ Trần đã tham gia Liên đoàn Cộng sản đảng ở Nghệ An, về sau đổi thành tổ chức An Nam Cộng sản đảng. Từ đó, Trần Nam Trung dấn thân vào con đường cách mạng, trải qua tra tấn ngục tù, trở

thành một nhà lãnh đạo chính trị cao cấp của Đảng, Chính phủ và quân đội mà dấu chân in khắp mọi miền dầu sôi lửa bỏng.

Trong ngôi nhà ở đường Tú Xương, quận 3 lão tướng hồn hậu tiếp chuyện chúng tôi. Cầm tấm ảnh ông chụp chung với Chủ tịch Fidel Castro Ruz, tôi hỏi:

- *Thưa Thượng tướng, Thượng tướng còn nhớ gì về kỷ niệm đón Chủ tịch Fidel Castro vào thăm đất lửa Quảng Trị?*

- Đó là vào tháng 9 năm 1973. Bây giờ tôi là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay mặt Chính phủ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt nam ra đón Chủ tịch Fidel từ Hà Nội vào thăm vùng đất mới giải phóng. Thật xúc động. Đây là một sự động viên tinh thần to lớn mà Fidel và những người bạn chiến đấu Cuba từ hàng vạn dặm mang đến cho quân dân ta, giữa lúc cuộc chiến đấu đang ở thời kỳ gian khổ nhất, quyết liệt nhất.

- *Tổng tư lệnh Fidel là vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên thời chiến tranh đã vượt qua vĩ tuyến 17...*

- Đúng vậy. Có thể nói, đây là một sự kiện lịch sử. Vừa gặp nhau, tôi và Fidel ôm nhau trong nỗi mừng vui nghẹn ngào. Fidel đã dừng lại rất lâu để ngược nhìn lá cờ Giải phóng bay trong gió. Khi cùng ngồi lên xe đi thăm vùng giải phóng, Fidel nhìn chăm chăm từng dấu tích tàn khốc của chiến tranh vừa mới xảy ra. Thình thoảng, Fidel lại đề nghị dừng xe, xuống đi bộ để dễ quan sát cảnh vật và thăm hỏi bộ đội, đồng bào. Thật vui khi Fidel bất ngờ rẽ vào bãi xe tăng chiến lợi phẩm, rồi trèo đứng hiên ngang trên một chiếc xe tăng Mỹ.

Lúc đó, tôi sợ địch bất ngờ bắn tia. Bởi đồn lính của chúng còn chốt khá gần. Và Fidel còn đến tận các căn cứ quân sự mà quân ta và mới chiếm, lắng nghe bộ đội kể chuyện vô hiệu hoá hàng rào điện tử McNamara của địch, cùng những chiến công mới vừa lập được. Mỗi lần nghe xong một câu chuyện, Fidel vui mừng nói: “Mỗi chiến thắng của Việt Nam trước đế quốc Mỹ cũng là chiến thắng của nhân dân Cuba”.

- *Theo Thượng tướng, chuyến vượt vĩ tuyến 17 của Chủ tịch Fidel vào lúc cuộc chiến còn ác liệt như vậy, có mạo hiểm không?*

- Tất nhiên là mạo hiểm. Nhưng nó đã thể hiện sự dũng cảm, tình cảm sâu sắc, một cách “chia lửa” của lãnh tụ Fidel và những người bạn Cuba hết lòng vì Việt Nam. Thật sự thì Trung ương và chúng tôi cũng rất lo lắng, bằng mọi cách phải tổ chức thành công tốt đẹp chuyến thăm đặc biệt này. Anh em công binh rà mìn ngay tại chỗ Fidel đột xuất đến thăm. Anh em cảnh vệ luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu... Tôi nhớ mãi hình ảnh Tổng Tư lệnh Fidel trong bộ quân phục cùng màu sắc với các chiến sĩ Quân giải phóng, ngực đeo huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ”, bước đi giữa rừng cờ hoa và tiếng hoan hô của nhân dân Quảng Trị vang dậy núi đồi; rồi Fidel hoà vào đội ngũ Quân giải phóng, tay đỡ ngọn cờ truyền thống từ tay một chiến sĩ ta, giương cao cùng bước trong đoàn quân...

- *Thưa Thượng tướng, từ người lính trở thành vị tướng lãnh đạo cao cấp của quân đội, cả đời lăn lộn trên chiến trường, bây giờ đã ở tuổi bát tuần, Thượng tướng có dịp nào ngồi hồi tưởng lại khoảng trời tuổi thơ cùng người thân và bè bạn?*

- Mỗi lần gặp lại bà con hay bạn bè đồng hương Quảng Ngãi, tôi lại nhớ những kỷ niệm xưa. Gia đình tôi làm nông. Cha tôi là một nông dân chất phác, có chút học thức và am hiểu về lịch sử dựng và giữ nước của dân tộc. Dòng họ Trần của tôi di cư từ Nghệ An vào. Còn mẹ tôi vốn là con gái nhà giàu ở miền Trung du, sống rất có tâm hồn. Mẹ tôi hát hay, múa giỏi, là cây văn nghệ nghiệp dư sáng giá nên thời trẻ và được nhiều chàng trai chú ý. Nhưng cha tôi đã may mắn (cười)...

Sau khi đậu Sơ học yếu lược, tôi lên học trường tỉnh. Nhưng rồi cha tôi quyết định đưa tôi về quê, thuê thầy dạy chữ Nho, mong giữ gia phong, sợ tôi bị Tây hoá. Ông thầy có nhiều ảnh hưởng đối với tôi, khi dạy cho tôi văn thơ yêu nước của các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và phong trào Đông Kinh nghĩa thực.

- *Tên thật của Thượng tướng là Trần Khuy, nhưng vì sao Thượng tướng lấy tên là Trần Lương rồi Trần Nam Trung?*

- Trần Lương là bí danh khi tôi về hoạt động ở căn cứ Ba Tơ, một huyện miền núi phía tây Quảng Ngãi. Sau một cuộc họp Tỉnh ủy ở căn cứ, anh em tự đặt bí danh cho mình. Trương Quang Viên lúc đó đang ngồi cầm con dao, anh em bảo đặt luôn tên Giao - Trương Quang Giao. (Thời kỳ 1954 - 55, Trương Quang Giao làm Bí thư Liên khu ủy 5. Một nhà lãnh đạo có tài chu đáo, cẩn trọng. Anh ấy là bạn thân thiết của tôi)... Thấy tôi mãi chần chừ, anh em bảo lấy đại tên Trần Lương đi. Bởi thời trẻ, tôi mập mạp, mỗi lần cười híp cả con mắt lại như mắt lươn (cười).

- *Vậy còn tên Trần Nam Trung?*

- Đây là tên khi tôi vào B2 tổ chức, xây dựng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Nam Trung, tức Nam Trung Bộ.

- *Là một trong những nhà lãnh đạo khởi nghĩa Ba Tơ, Thượng tướng đánh giá thế nào về cuộc khởi nghĩa này?*

- Ba Tơ là cuộc khởi nghĩa khá thành công trong bốn cuộc khởi nghĩa trong cả nước trước Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám: Bắc Sơn, Đô Lương, Ba Tơ, Nam Kỳ. Là một huyện miền núi phía tây tỉnh Quảng Ngãi, Ba Tơ nằm giáp ranh giữa ba tỉnh: Quảng Ngãi, Kon Tum, Bình Định, với hai trăm người Kinh và hơn mười ngàn người dân tộc Hrê sinh sống. Ba Tơ có một đồn lính khố xanh do tên quan tư Pháp chỉ huy, một nha kiểm lý và một căn "an trí" những người cộng sản. Cán bộ nòng cốt ở Ba Tơ có tôi, các anh Trương Quang Giao, Nguyễn Chánh, Trần Quý Hai, Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt,...

Ngày 11 tháng 3 năm 1945, khởi nghĩa bùng nổ. Lực lượng vũ trang cách mạng phát động quần chúng ở châu lỵ nổi dậy tuần hành thị uy, đánh chiếm nha kiểm lý, bao vây đồn lính khố xanh. Tên quan

tư Pháp bỏ chạy, lính đồn đầu hàng. Ngày hôm sau, đội du kích Ba Tơ chính thức ra mắt nhân dân có mười bảy người và hai mươi tám khẩu súng, sau kết nạp thêm gần ba mươi người. Đội du kích Ba Tơ xây dựng chiến khu mở rộng địa bàn hoạt động xuống đồng bằng, bắt liên lạc với các tỉnh lân cận.

Thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tơ đã tác động mạnh đến phong trào đấu tranh chống Nhật vừa thay chân Pháp ở khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Tại Hội An, đồng bào biểu tình rầm rộ đòi thả hết tù chính trị. Tại Buôn Mê Thuột, hàng trăm tù chính trị đã thoát khỏi gông cùm. Rồi ở khu "an trí" Trà Kê của Phú Yên, không những được tự do mà anh em tù chính trị còn vận động được binh lính buông súng trốn về với nhân dân...

- *Thượng tướng rời miền Trung ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới lúc nào ?*

- Năm 1951, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh bị bệnh nặng, Trung ương gọi tôi ra làm phó chủ nhiệm thường trực để giúp anh Thanh. Tôi quen biết anh Nguyễn Chí Thanh từ những năm 1930 khi ở tù chung với anh và anh Tố Hữu tại Buôn Mê Thuột, nên rất hiểu nhau.

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi được Trung ương phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo và trực tiếp về các địa phương vận động nhân dân đóng góp, vận tải lương thực thực phẩm, quân trang cung cấp kịp thời cho chiến trường...

- *Được biết thời kỳ Thượng tướng phụ trách Nam Trung Bộ cũng là thời kỳ gặp phải nhiều khó khăn nhất.*

- À, đó là khoảng thời gian từ năm 1955 - 1958. Tháng 3 năm 1955, do anh Trương Quang Giao, bí thư Liên khu ủy bị bệnh nặng, tôi được Trung ương điều từ Tổng cục Chính trị vào làm bí thư Liên khu ủy 5. Bấy giờ, Ngô Đình Diệm lên thay Bảo Đại, với sự cố vấn của Mỹ, đã tiến hành chiến dịch "tố cộng" rộng khắp miền Nam. Hàng vạn chiến sĩ cách mạng đã bị bắt bớ, tra tấn, tù đày, bắn giết. Riêng Nam Trung Bộ, cách mạng tổn thất rất nặng. Bốn mươi phần trăm tỉnh ủy viên và sáu mươi phần huyện ủy viên đương chức đã bị bắt và hy sinh. Anh Lê Đài, bí thư Tỉnh ủy Phú Yên, bị địch bắt tra tấn, sát hại trong nhà tù, chúng còn dựng chứng cứ giả để bôi nhọ anh Lê Đài.

Dù vậy, nhờ có tinh thần yêu nước của vùng đất có truyền thống cách mạng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng mà trực tiếp là Liên khu ủy 5, quân và dân Nam Trung Bộ đã từng bước lớn mạnh trong cuộc đấu tranh bền bỉ và gian khổ.

Chính nhờ trui rèn trong máu lửa hai cuộc kháng chiến, mà nhiều chiến dịch trưởng thành ở chiến trường Nam Trung Bộ, về sau trở thành những tướng lĩnh, nhà lãnh đạo cao cấp. Có thể kể tới các anh: Nguyễn Chánh, Hà Văn Lâu, Chu Huy Mân, Trần Quý Hai, Cao Văn Khánh, Nam Long, Đoàn Khuê, Đàm Quang Trung, Nguyễn Bá Phát, Nguyễn Quyết, Nguyễn Đôn, Nguyễn Đường, Nguyễn Minh Châu, Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Giáp Văn Cương, Trần Công Khanh, Lư Giang, Hà Vĩ Tùng, Nguyễn Thế Lâm, Võ Quang Hồ, Nguyễn Trọng Xuyên, Phạm Hoài Chương, Hồ Xuân Anh, Đặng Vũ Hiệp, Nguyễn Chơn, Phan Hàm, Phan Hạo, Đoàn Huyền...

- Với tướng Nguyễn Chánh - người được mệnh danh là anh cả lực lượng vũ trang miền Trung, Thượng tướng còn hình dung về ông?

- Anh Nguyễn Chánh cũng là đồng chí thân thiết của tôi. Một con người sống có đạo đức. Một vị tướng thao lược, xuất sắc toàn diện, được bộ đội vô cùng quý mến. Anh cùng tuổi tôi, quê ở Sơn Tịnh. Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Chánh rời chiến khu Ba Tơ ra Huế nhận nhiệm vụ uỷ trưởng quốc phòng Trung Bộ, trở thành người chỉ huy quân sự đứng đầu miền Trung. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, anh về lại Quảng Ngãi, sát cánh cùng các anh Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh và anh em chúng tôi lãnh đạo chống Pháp.

Năm 1954 đình chiến, Nguyễn Chánh ra Hà Nội và được phân công làm chính uỷ kiêm tư lệnh Binh chủng Pháo binh rồi chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ở cương vị nào anh cũng cống hiến nỗ lực hiếm có của mình. Đầu năm 1958, tôi từ Nam Trung Bộ ra Hà Nội mới hai tin anh đã mất vì một căn bệnh hiểm nghèo. Tôi đau đớn lắm! Anh đóng góp công sức rất lớn đối với Liên khu 5 thời đánh Pháp, với tư cách là uỷ viên Trung ương Đảng được phân công lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trên chiến trường, một chiến trường phức tạp đầy gian khổ, mà cương vị trực tiếp là tư lệnh kiêm chính uỷ.

- Vâng. Có lẽ vì vậy mà nhân dân Liên khu 5 không bao giờ quên công lao của tướng Nguyễn Chánh. Tên ông đã được đặt tên đường tại nhiều thị xã, thành phố. Thế còn Lư Giang và Hà Vi Tùng, hai vị tướng cũng khá lừng lẫy trận mạc thời Nam tiến, thừa Thượng tướng.

- À, hai anh chiến đấu chủ yếu ở mặt trận Phú Yên - Khánh Hoà. Hà Vi Tùng gắn bó suốt đời với vùng đất này. Trước khi qua đời ở Nha Trang, Hà Vi Tùng là Thiếu tướng hiệu trưởng Sĩ quan Lục quân 3. Còn Lư Giang về sau ra Bắc, được cử làm tư lệnh Quân khu Thủ đô. Anh được thăng hàm Trung tướng và mất cách đây vài năm. Có thể nói, trong đoàn quân Nam tiến vào Trung Bộ thời đánh Pháp, đã xuất hiện nhiều cán bộ chỉ huy tài năng, bản lĩnh trận mạc. Điển hình nhất là Nguyễn Bá Phát, một con người tài ba, dũng cảm, đảm lược mà tôi rất quý.

- Vậy còn tướng Trần Quý Hai và tướng Cao Văn Khánh, cũng từng sát cánh với Thượng tướng ở chiến khu Ba Tơ?

- Trần Quý Hai cũng là người tốt. Tôi với anh ấy có nhiều kỷ niệm. Quê Trần Quý Hai ở vùng biển Dung Quất. Sau khởi nghĩa Ba Tơ, anh phụ trách việc liên lạc với các tỉnh phía Bắc miền Trung, hoạt động hết sức năng nổ. Trước khi mất, Trần Quý Hai từng được đề bạt làm phó tổng tham mưu trưởng, rồi thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Xuất thân là người không biết chữ, nhưng một cô nữ sinh viên lại rất mê anh và trở thành bạn trăm năm. Nhờ chị, anh bắt đầu học và rất giỏi tiếng Pháp.

Cao Văn Khánh cũng có người vợ rất giỏi vốn là con quan thượng thư Bộ lại Thái Quang Toàn của triều Nguyễn. Hồi ở Khu 5, tôi là chính uỷ còn Cao Văn Khánh là tư lệnh. Cũng chính tôi là người đề nghị rút anh Khánh ra Hà Nội công tác, rồi sau đó thay anh Vương Thừa Vũ làm tư lệnh Đại đoàn 308

- Quân Tiên phong. Về sau Cao Văn Khánh được giao nhiệm vụ phó tổng tham mưu trưởng phụ trách huấn luyện. Trên mọi cương vị, anh đều thể hiện được trách nhiệm và tài năng của mình.

- *Thuộc thế hệ những nhà cách mạng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi, chắc Thượng tướng có biết ông Nguyễn Nghiêm ?*

- Ô, sao lại không biết ! Nguyễn Nghiêm là bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi đầu tiên, là người giác ngộ, dẫn dắt tôi vào con đường cách mạng. Ông vốn là nhà Nho nổi tiếng, trở thành nhà lãnh đạo cách mạng đầy uy tín. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp ông, ông hỏi: "Em có phải là em của anh Trần Cừ không?". Tôi thưa: "Dạ, anh Trần Cừ là anh con ông bác". Trần Cừ cũng là người có uy tín bấy giờ, có thể nói cùng với Nguyễn Nghiêm là hai vị thủ lĩnh cách mạng trong tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng Trần Cừ theo quan điểm cực đoan, mắc nhiều sai lầm.

Lần gặp gỡ đầu tiên ấy, Nguyễn Nghiêm đã nhờ tôi chuyển thư bí mật cho Trần Cừ, mong gặp gỡ để trao đổi, thống nhất quan điểm, cách hành động. Và tôi cũng đã chuyển thư của Trần Cừ lại cho Nguyễn Nghiêm. Tôi nhớ trong thư hai ông đều xưng hô "Thưa tiên sinh" rất trân trọng... Về sau, Nguyễn Nghiêm bị truy nã gắt gao, rồi bị thực dân Pháp bắt bêu đầu bên bờ sông Trà Khúc nhằm thị uy phong trào cách mạng. Khi ấy ông mới hai mươi tám tuổi. Ông là người cộng sản đầu tiên ở miền Trung bị thực dân Pháp tử hình.

- *Xin Thượng tướng cho biết nhiệm vụ chính của mình khi vào Nam nhận chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam.*

- Cuối năm 1959, tôi nhận lệnh vào Nam. Tháng 5-1961, tôi trở vào Nam lần hai cùng Đoàn Phương Đông 1 do anh Trần Văn Quang làm trưởng đoàn, tôi làm chính ủy vượt Trường Sơn. Tôi trực tiếp lo tổ chức, xây dựng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, tập hợp các lực lượng yêu nước khác nhau, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân đánh Mỹ, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đứng đầu. Tôi là ủy viên Thường vụ Trung ương Cục, phụ trách Bộ Quốc phòng trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, còn Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm chủ tịch, anh Trần Bửu Kiếm rồi chị Nguyễn Thị Bình thay nhau làm bộ trưởng Bộ Ngoại giao, anh Phùng Văn Cung làm bộ trưởng Bộ Nội vụ,...

Cuối năm 1960, khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập, ta chưa có bộ đội chủ lực. Nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng là lãnh đạo phong trào du kích và đấu tranh quần chúng. Có thể nói, đây là lực lượng quan trọng có vai trò rất lớn trong sự nghiệp cách mạng miền Nam. Đây cũng là nền tảng cho sự ra đời các đơn vị bộ đội chủ lực sau này.

- *Sau ngày đất nước thống nhất, Thượng tướng được phân công làm gì?*

- Lo tổ chức hiệp thương hai miền, tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Các anh ở Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề nghị tôi phụ trách một bộ trong Chính phủ. Tôi nói rằng: Suốt đời chỉ lo đánh nhau trên chiến trường, làm công tác chính trị, dân vận nên tôi đâu biết gì về kinh tế mà làm bộ trưởng. Tôi

không nhận. Các anh đã tạo điều kiện cho tôi nghỉ ngơi một thời gian, đi thăm các nước bạn bè anh em trên thế giới đã từng giúp đỡ mình thời đánh Mỹ. Sau đó, tôi được phân công làm chủ nhiệm ủy ban Thanh tra Chính phủ cho đến khi nghỉ hưu.

- *Suốt đời hoạt động cách mạng, vậy còn thời gian nào Thượng tướng dành cho tình cảm riêng tư và gia đình, thưa Thượng tướng?*

- Thời tôi vào Nam chiến đấu, Trung ương rất ưu ái đối với gia đình tôi. Bởi con cái tôi còn nhỏ, nhà tôi thì ốm đau thường xuyên. Tôi rời Hà Nội từ cuối năm 1959, mãi đến năm 1973 ra đón Chủ tịch Fidel Castro, mới có dịp ghé thăm nhà. Chúng tôi sinh được hai trai hai gái. Đám cưới các con, tôi đều vắng mặt, nhờ anh em ở Trung ương lo giùm. Đất nước thống nhất, tôi mới có dịp đoàn tụ gia đình. *(Nghe ông nói tôi liền nhảm tính: mười bốn năm. Vâng, đúng mười bốn năm vị tướng xa vợ con, lại là mười bốn năm ở vào thời kỳ đẹp nhất xuân nhất của đời người. Và tôi lại tự hỏi: Phải chăng đây cũng chính là một chiến thắng, chiến thắng đặc biệt trong những chiến thắng, chiến thắng chính mình?).*

- *Thượng tướng còn nhớ lần đầu tiên gặp bà nhà ?*

- (Cười hồn nhiên) Hồi đó, tôi ở tù Buôn Mê Thuật mới về. Ông Nguyễn Công Phương, là nhà Nho có uy tín ở Quảng Ngãi, tham gia cách mạng và là cán bộ tình ủy, về sau là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Liên Việt Nam Trung Bộ; tôi thường lui tới hội họp tại nhà ông. Tôi "phát hiện" ông Phương có cô cháu gái gọi bằng cậu, tên Đoàn Thị Mỹ, nét na dễ thương. Dem lòng yêu mến, rồi qua ông Phương, chúng tôi quen nhau, được gia đình đồng ý cho làm lễ thành hôn. Ông nhạc của tôi cũng từng tham gia phong trào yêu nước Đông Du, Duy Tân nên rất có cảm tình với cách mạng. Khi chúng tôi đặt vấn đề "trăm năm", ông cụ đồng ý ngay.

*

Nụ cười tươi rói nở trên môi vị lão tướng. Nụ cười lạc quan trên gương mặt phúc hậu. Tôi chợt nhớ đến lời của một cựu binh nói về tướng Trần Nam Trung rằng: ông là Mười Hậu chứ không phải Hai Hậu. Bởi ông hiền lành quá, chân chất quá! Qua câu chuyện với chị Thi - người con dâu hiện sống cùng ông bà, tôi còn được biết, từ khi chồng chị - anh Trần Đăng đột ngột qua đời, tướng Trần Nam Trung cũng ngã bệnh, có lúc tưởng chừng không qua khỏi. Nhờ tập vật lý trị liệu ông dần khỏe ra. Mắt dần tỏ. Tai dần thính. Nhưng việc đi lại rất khó khăn. Cây gậy và chiếc ghế xếp trở thành "bạn" thường trực của ông. Dù vậy, vị lão tướng vẫn không ngừng theo dõi tin tức qua báo chí và truyền hình.

Một nguồn cung cấp thông tin quan trọng khác là từ hai cô cháu nội Hà - Phương luôn bên cạnh. Lâu lâu, người bạn đời cũng gần tuổi bát tuần, bà Đoàn Thị Mỹ mới rời căn phòng trên lầu xuống với ông. Thấy bà, ông cười! Ông thường nằm mơ gặp lại đồng đội thời chinh chiến, rồi ôn tồn kể cho hai cô cháu nội bé bỏng nghe. Thỉnh thoảng, bạn bè nhớ ông đến thăm, ông vui hẳn lên...

Tân Bình, tháng 5 năm 1997

17 - Thiếu tướng BÙI CÁT VŨ

Trong lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam, không ít những vị tướng đồng thời là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Riêng Nam Bộ, nếu như miền Đông có Huỳnh Văn Nghệ thì miền Tây lại có Bùi Cát Vũ. Sinh ra và lớn lên trong tình thương của người mẹ nghèo góa bụa, Bùi Cát Vũ vừa học vừa làm thuê kiếm tiền giúp mẹ nuôi em. Tuổi thơ gian khổ là bệ phóng quan trọng, đưa cậu bé hiếu học Bùi Cát Vũ trở thành một tướng lĩnh từng sát cánh cùng Huỳnh Văn Nghệ trực tiếp chỉ huy trận La Ngà lừng danh lịch sử thời kháng Pháp và là tư lệnh pháo binh, tham mưu phó Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, phó tư lệnh Quân đoàn 4 thời chống Mỹ; rồi phó tư lệnh Quân khu 7 tham chiến ở Campuchia. Đồng thời, Bùi Cát Vũ còn là nhà văn với nhiều tác phẩm có giá trị. Trong đó riêng cuốn truyện thiếu nhi *Gió bụi Sài Gòn* của ông được giải thưởng của Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh và Hội Nhà văn Việt Nam. đã tái bản đến năm lần, với hơn năm mươi ngàn bản. Đối với vị tướng có tâm hồn nghệ sĩ Bùi Cát Vũ, mỗi tác phẩm được đến với độc giả là một tấm huân chương công trạng. Và cho đến nay, con người có biệt danh "Võ Tòng chiến khu Đ" hay "Trùm đại bác Đông Dương" này, là vị tướng chiến trường Việt Nam duy nhất xin về hưu để được... viết văn.

- *Thưa, Bùi Cát Vũ trước hết là một nhà văn hay một vị tướng?*

- Tôi tham gia làm báo, viết văn từ hồi còn thiếu niên, mà làm cách mạng, làm người lính cũng rất sớm. và sau này, trên mỗi chặng đường chiến đấu, tôi không bao giờ ngưng ngòi bút của mình. Thời gian ở trong rừng, nhất là mỗi dịp xuân về Tết đến, tôi đều có bài viết được đọc trên Đài tiếng nói Việt Nam.

- *Là một nhà quân sự chuyên nghiệp bận rộn trăm công nghìn việc, nhưng bút lực không bao giờ ngừng nghỉ, cho ra đời những tác phẩm có giá trị gắn liền với những chặng đường lịch sử của dân tộc, như Quê hương, Đường vào Sài Gòn, Trong rừng sâu chiến khu Đ, Đường vào Phnôm Pênh, từng được giải thưởng cao nhất cả văn học quân đội, ông suy nghĩ gì mỗi khi ngồi trước trang bản thảo của mình?*

- Mỗi tác phẩm đến với độc giả, thính giả với tôi là một tấm huân chương chiến công thầm lặng. Khi đứng trước sự kiện lịch sử lớn lao của nhân dân, của bản thân mình, tôi nghĩ rằng đến cây gỗ mục cũng

phải rung động hướng chi tôi là con người, mà lại là người biết viết, ham viết nữa! Cái máu ấy nó đeo đẳng tôi từ thuở nhỏ. Mà những cái hay, cái đẹp của con người của đất nước của tình đồng đội, nếu không viết thì không ai biết và cũng chẳng để lại được gì cho đời sau.

- Cho đến bây giờ, ông còn nhớ tác phẩm đầu tay của mình?

- Nhớ chứ. Đó là truyện ngắn *Phía sau ánh đèn điện* tôi viết năm 15 tuổi khi đi phát hành báo Dân chúng, được ông Trần Thanh Mại góp ý, về viết lại, đổi tựa thành *Gió bụi Sài Gòn* và đăng trên báo này. Gần đây, thấy rất cần sách văn học cho thiếu nhi, tôi đã viết một cuốn truyện cũng lấy tên là *Gió bụi Sài Gòn* và được giải thưởng cuộc thi Văn học thiếu nhi vì tương lai đất nước của hội nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, rồi lại được giải thưởng của hội nhà văn Việt Nam 1993.

- Hình ảnh nhân vật chính trong *Gió bụi Sài Gòn* có phải là hình ảnh cậu bé Bùi Cát Vũ ngày xưa, thừa ông?

- Đúng vậy, *Gió bụi Sài Gòn* là một cuốn tự truyện. Nhưng tên thật của tôi không phải là A mà là Bê. Tên A là tên của người em trai kế tôi, người em chịu nhiều hy sinh để tôi có điều kiện ăn học. Quê tôi ở xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tôi tuổi Tý, sinh năm 1924 trong một gia đình nông dân nghèo, cha mẹ tôi phải đi làm mướn cho người ta, còn 3 đứa em thì nhỏ. Cha tôi mất lúc tôi mới 11 tuổi. Mẹ tôi lúc ấy mới 30 tuổi, nhưng vì khổ quá, không hề hình dung nổi tuổi trẻ của mình. Dù nghèo nhưng tôi rất hiếu học và học giỏi.

Học xong ở trường làng, tôi thi tiểu học đỗ đầu tỉnh, được học bổng 5 đồng tiền Đông Dương mỗi tháng. Do quên khai sinh, nên đứa em kế tôi khai cùng tuổi với tôi, như anh em sinh đôi, nhưng kỳ thực thì nó nhỏ hơn tôi 1 tuổi. Và nó cũng thi đậu cùng lớp với tôi nhưng không có học bổng. Hai anh em ở trọ trong một ngôi chùa, quét lá, tụng kinh gõ mõ để có cơm ăn học. Còn tiền học bổng 5 đồng để dành sắm quần áo, sách vở, bút mực. Học hết 3 năm, lãnh bằng sơ học Pháp - Việt, tôi thi vào trường trung học Mỹ Tho, được học bổng toàn phần. Mấy năm trước đó tỉnh tôi không có học sinh thi đậu bổng lên trung học, nên khi nghe tin tôi đậu, cả trường rất phấn khởi, nhất là ông thanh tra Durant đích thân bồi dưỡng cho tôi và thầy Trung - người thầy dạy tôi suốt 3 năm trường làng và còn nuôi tôi gần hai năm cuối tiểu học.

- Thế ông bắt đầu làm báo từ khi nào?

- Được công văn gọi đi học, mẹ con tôi chưa trọn mừng vui thì bỗng như từ chín tầng mây rơi xuống đất. Bởi bên cạnh đó, còn có tờ kê khai những trang phục đồ lễ qui định mang theo. Mẹ tôi ngồi đứng không yên, đốt nhang khấn vái ba tôi, khấn vái tổ tiên, mong những người khuất mặt, chia sẻ nỗi lòng của mẹ. Mấy hôm sau, thằng em theo người thầy dạy đôn lên Châu Đốc, ca cải lương kiếm sống. Còn tôi chờ thư từ Sài Gòn, để đi học vẽ. Và bắt đầu từ đây, tôi phải trải qua nhiều nghề khác nhau, lầy lắt sống trên đất Sài Gòn. Trước khi tập làm báo, tôi sống lang thang khắp nơi, không nhà không cửa, ngủ gầm cầu, vỉa hè, làm phụ hồ, bán báo...

- Thời gian làm báo đem lại cho ông những kinh nghiệm gì?

- Dù chỉ một năm, nhưng nó rất quan trọng trong cuộc đời của tôi. Tôi được sống và viết lách chung với những bậc thầy như Nguyễn Văn Nguyễn, Trần Thanh Mại. Tôi học được ở các vị ấy rất nhiều, từ cách lấy tin tức, đến viết phóng sự, truyện ngắn... Rồi khi tờ báo Dân chúng bị đóng cửa, vào tù, tôi được tiếp xúc với nhiều bậc trí thức lớn nữa: Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Nguyễn Văn Táp, Tạ Thu Thâu, Dương Bạch Mai... Mặc dù có những quan điểm khác nhau, nhưng đó là những trí thức yêu nước chân chính, biết được nỗi nhục mất nước và tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

- Rồi sau đó, ông đi vào con đường binh nghiệp?

- Được sự bênh vực của Luật sư Trịnh Đình Thảo và Trạng sư Loye người Pháp chuyên cãi không lấy tiền cho những người làm cách mạng, tôi được tại ngoại hầu tra, buộc về quê quán, chờ ngày xử án toà sẽ gọi. Trở lại quê nhà một thời gian, tôi được anh Dương Quang Đông, thông qua anh Nguyễn Văn Nguyễn, đã liên lạc với tôi. Đó là thời điểm sau Nam Kỳ khởi nghĩa. Cướp chính quyền, giải giáp quân Pháp, Dương Quang Đông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh, Nguyễn Duy Khâm làm Chủ tịch Ủy ban hành chánh, còn tôi làm Giám đốc Cộng hoà vệ binh. Sau khi Pháp tái chiếm Nam Bộ, tôi lên Sài Gòn, Biên Hoà bắt liên lạc với chiến khu của Nguyễn Bình và Huỳnh Văn Nghệ...

- Được biết ông cùng với tướng Huỳnh Văn Nghệ đã trực tiếp chỉ huy trận La Ngà nổi tiếng. Xin ông cho biết sơ lược về trận đánh lịch sử này?

- À, đó là vào năm 1947, anh Huỳnh Văn Nghệ làm chỉ huy trưởng, còn tôi là chỉ huy phó. Đây là trận đánh là rung động cả nước Pháp và thế giới. Ta phục kích đoàn xe lửa và đường quốc lộ 20 (Sài Gòn - Đà Lạt), bắt sống nhiều quân Pháp, thu được nhiều vũ khí, quân trang quân dụng. Có 3 Đại tá Pháp bị tử trận. Đặc biệt trong đó có một viên đại tá dòng dõi hoàng tộc là De Sérigué. Sau đó, do nghi ngờ bị ta bắt sống, nên vợ De Sérigué làm đơn kiện khắp nơi. Bà ta cũng viết thư cho Huỳnh Văn Nghệ, đề nghị gởi cho bà một lá thư có bút tích của chồng để làm tin, bao nhiêu tiền bà ta cũng trả... Sau trận La Ngà, Trung tướng Nguyễn Bình trao cho Huỳnh Văn Nghệ Huân chương Độc lập hạng nhì, còn tôi hạng ba.

- Thừa ông, thời chống Mỹ những nhiệm vụ chính nào ông được giao trong quân đội?

- Năm 1954, tôi ra Bắc học tập, làm luận án phó tiến sĩ về pháo binh. Trở vào miền Nam chiến đấu, tôi được cử giữ chức Tư lệnh pháo binh Miền. Khi Quân đoàn 4 được thành lập, tôi được cử làm Phó tư lệnh còn anh Hoàng Cầm làm Tư lệnh. Năm 1975 tham gia cánh quân phía Đông vào giải phóng Sài Gòn. Đến năm 1970 cùng Quân đoàn 4 sang giải phóng Phnôm Pênh. Tôi là người đầu tiên điện đàm về cho Trung ương, mà trực tiếp là đồng chí Lê Đức Thọ, báo tin bộ đội ta đã có mặt ở Hoàng cung Campuchia, đẩy lùi hoàn toàn tập đoàn diệt chủng Pol Pot. Năm 1981 tôi về nhận chức Phó tư lệnh Quân khu 7 cho đến khi về hưu hồi năm 1990. Thật tình thì sau khi miền Nam được giải phóng, tôi

nhiều lần xin về nghỉ hưu để giành phần đời còn lại cho công việc viết lách. Nhưng các anh ở trên không đồng ý.

- *Vì sao thời chống Mỹ, ông lại có biệt danh là “Trùm đại bác Đông Dương”?*

- Anh em gọi vui đấy mà. Bởi bây giờ tôi là Tư lệnh pháo binh Miền nhiều lần chỉ huy kéo pháo vượt Trường Sơn sang biên giới Lào - Campuchia phối hợp với bạn đánh Mỹ.

- *Trong câu chuyện về cuộc đời 50 năm binh nghiệp nghiệp của mình, ông thường nhắc đến các vị tướng lĩnh, sĩ quan cấp trên và đồng đội. Riêng về Nguyễn Bình và Huỳnh Văn Nghệ, ông còn nhớ những kỷ niệm gì về họ không?*

- Kỷ niệm thì nhiều lắm. Sau trận La Ngà, anh Nguyễn Bình bây giờ đang đóng quân ở Đồng Tháp Mười kêu tôi xuống báo cáo kinh nghiệm. Bởi tôi là người nghiên cứu, chế tạo mìn lữ đánh xe tăng, thiết giáp, đánh đoàn xe lửa của địch thu nhiều vũ khí. Đây là lần đầu tiên tôi gặp Nguyễn Bình. Tôi nhận thấy anh em làm việc xung quanh rất khoái Nguyễn Bình và gọi anh một cách thân mật: Anh Ba! Sau này, khi Nguyễn Bình được thụ phong Trung tướng, tôi cũng có dự. Trong buổi lễ ấy, đồng chí Lê Duẩn chủ trì. Một điều mà ai cũng biết, là bây giờ hàm Trung tướng của anh Nguyễn Bình chỉ đứng sau Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nguyễn Bình là một vị tướng tài ba, có công rất lớn trong việc thống nhất các đội quân hỗn tạp của Nam Bộ về một mối, trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp.

- *Vâng, các nhà báo và sử gia Pháp cũng từng trận trọng gọi “Nguyễn Bình - ông tướng một mắt”, “Lư Bá Thừa Việt Nam”, người có toàn quyền tổ chức, chỉ huy về quân sự ở Nam Bộ. Một vị tướng gương mẫu thông minh, mạo hiểm, hào hiệp,...*

- ...Và anh cũng sống hết sức tình nghĩa với anh em, đồng đội, và rất trân trọng trí thức, văn nghệ sĩ.

Khi mới vào Nam Bộ, Nguyễn Bình nhiều lần vào tận nội thành Sài Gòn điều nghiên tình hình. Anh ấy muốn đem chiến tranh vào ngay hang ổ địch. Xung quanh cuộc đời Nguyễn Bình có rất nhiều giai thoại. Chẳng hạn, có lần anh đi dọc đường Catinat, nay là Đồng Khởi, từ bót mật thám kẻ nhà thờ Đức Bà tới khách sạn Majestic, rồi ghé vào tiệm hớt tóc. Anh ngồi giữa hai tên sĩ quan Pháp đúng vào lúc chúng đang trao đổi với nhau rằng: nghe nói tướng Nguyễn Bình đã vào Sài Gòn...

Khi Trung tướng Nguyễn Bình được lệnh trở ra Bắc, tôi cũng có mặt trong buổi lễ tiễn đưa. Lúc ấy dân Sài Gòn vô căn cứ tiễn anh đi đông lắm. Nam có nữ có, già có trẻ có, họ mang cả bộ phận nhà hàng vô để nấu nướng, chiêu đãi. Dân địa phương thì đem bò, gà, vịt...(Nói đến đây, Thiếu tướng Bùi Cát Vũ chột dưng lại, khuôn mặt trầm ngâm, đôi mắt ông ánh lên nỗi buồn. Gần năm phút sau ông mới tiếp tục câu chuyện bằng âm giọng trầm lắng).

Lúc ấy, chị Hoàng Thị Thanh, vợ anh Nguyễn Bình được đưa từ ngoài Bắc vào để gặp anh. Vợ chồng sum họp không được bao lâu thì anh được lệnh phải ra đi. Chị ở lại Sài Gòn. Đêm tiễn Nguyễn Bình, anh Huỳnh Văn Nghệ đọc bài thơ *Tiếng địch sông Ô* của Phạm Huy Thông rất hay, rất thống thiết. Bài thơ nói về tích Hạng Võ biệt Ngưu Cơ. Chị Hoàng Thị Thanh tựa vai anh khóc nức nở. Có ai ngờ đó là

lần cuối cùng anh chị được sống bên nhau...

Tôi rất mừng là thời gian gần đây, hình ảnh Trung tướng Nguyễn Bình đã xuất hiện trở lại một cách xứng đáng với tầm vóc của anh. Đó cũng là niềm an ủi cho chị Hoàng Thị Thanh và các cháu. Nghe nói ở quê nhà anh ngoài Hưng Yên, bia liệt sĩ cũng đã được dựng lên trang trọng lắm!

- *Thật ra, sau khi Trung tướng Nguyễn Bình hy sinh ngày 29-9-1951 thì tới 29-2-1952, tức chỉ 5 tháng sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh 84-SL truy tặng Huân chương Quân công hạng nhất cho Trung tướng.*

- Đúng vậy. Và Nguyễn Bình chính là người lính đầu tiên của quân đội ta được truy tặng phần thưởng cao quý ấy!

- *Với Trung tướng Nguyễn Bình là thế, còn với tác giả hai câu thơ nổi tiếng “Từ độ mang gươm đi mở bờ cõi, Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long” - tướng Huỳnh Văn Nghệ thì sao thưa ông?*

- Huỳnh Văn Nghệ không chỉ là vị chỉ huy quân sự tài ba, mà còn là nhà thơ được kính trọng. Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, tôi với anh luôn chiến đấu bên nhau. Sau trận La Ngà (1-3-1948), được tặng Huân chương Quân công; Huỳnh Văn Nghệ còn được Quốc hội và Mặt trận tổ quốc Việt Nam gọi vào tận chiếc áo trấn thủ màu nhung đỏ đính cờ. Và có lẽ, chúng tôi là những người lính đầu tiên được tặng Huân chương Quân công trong lịch sử quân đội ta.

Sau khi thống nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ, anh Nguyễn Bình được phong làm Tư lệnh Nam Bộ, kiêm Tư lệnh Quân khu 7, còn anh Huỳnh Văn Nghệ làm Phó tư lệnh Quân khu 7. Lúc bấy giờ, Bảy Viễn là Tư lệnh của Liên khu Bình Xuyên cũng được phong làm Phó tư lệnh Quân khu 7. Nhưng, mặc dù có lệnh của Trung ương lẫn Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, Bảy Viễn vẫn không chịu về làm phó cho Nguyễn Bình. Đám tay chân của Bảy Viễn, nhất là Lại Văn Sang (mật thám phòng nhì Pháp) kiểm Bảy Viễn rằng: “Nguyễn Bình nó “điều hổ ly sơn” anh đó, để lựa lúc anh đi vắng nó sẽ lấy lực lượng của anh! Bảy Viễn ái ngại, không chịu về.

Trước tình hình ấy, Huỳnh Văn Nghệ quyết định xuống thuyền đi một mình vào rừng Sác làm thuyết khách, không mang theo bất kỳ thứ vũ khí nào. Lại Văn Sang cho bố trí quân lính với vũ khí hạng nặng, hùng hùng hổ hổ hòng uy hiếp tinh thần Huỳnh Văn Nghệ. Cuối cùng anh cũng vô tới nơi nói chuyện với Bảy Viễn. Bảy Viễn vốn rất phục Huỳnh Văn Nghệ là một tướng giỏi, có trận đánh Bàu Cá, La Ngà nổi tiếng. Khi hai người đang ngồi nói chuyện thì Lại Văn Sang cứ viết giấy thúc ép Bảy Viễn:

- Anh gạt đầu một cái là tôi bắt Huỳnh Văn Nghệ ngay. Nó vô dụng anh đó...

Bảy Viễn mới giận mà nói rằng:

- Người ta dám vô tâm sào huyệt của mình bằng hai bàn tay trắng, nếu bắt người ta thì hèn quá!

Rồi Bảy Viễn sai bày tiệc nhậu. Giữa buổi tiệc Bảy Viễn mới nói:

- Tôi phục anh trận Bàu Cá, La Ngà chỉ có một chi đội mà đánh thắng lấy lòng, làm chấn động cả thế giới (lúc ấy trong tay Bảy Viễn có mấy chi đội). Trong Nam Bộ này tôi chưa thấy ai đánh giặc giỏi

như vậy. Mà anh lại còn làm thơ nữa. Nhưng đó là tài trí, còn tài mọn mà anh cũng hơn tôi nữa thì tôi tâm phục và sẽ về cùng với anh. Bây giờ hãy bắn súng lục với tôi đi, nếu giỏi hơn, tôi phục anh một trăm phần trăm, chớ giờ thì mới sáu bảy mươi phần thôi.

Huỳnh Văn Nghệ cười nói:

- Anh bắn thế nào tôi không biết, chớ tôi thì ném đồng xu lên trên, đồng xu rớt xuống, tôi bắn trúng lỗ đồng xu đó!

Bảy Viễn ngạc nhiên:

- Nếu quả thật như vậy thì tôi chịu thua anh. Tôi chỉ bắn được cái chén, cái lon hoặc cái đĩa, vòng tròn cách mười, hai mươi thước mà thôi.

Trước sự chứng kiến của Bảy Viễn, Lại Văn Sang và tay chân Bảy Viễn, Huỳnh Văn Nghệ lấy đồng xu ném lên, đồng xu rớt xuống đất, anh lấy súng lại kề vô lỗ đồng xu bắn. Lúc này, Bảy Viễn mới giật mình, cười:

- Thế là tôi thua trí anh rồi!

Nhờ đó mà Bảy Viễn mới cho quân đưa Huỳnh Văn Nghệ ra khỏi rừng Sác đàng hoàng, rồi sau đó mới chịu kéo quân về Đồng Tháp Mười lãnh chức Phó tư lệnh Quân khu 7 dưới trướng Trung tướng Nguyễn Bình...

- *Huỳnh Văn Nghệ và tận “hang cọp” Bảy Viễn để thuyết khách. Còn “Võ Tòng chiến khu Đ” Bùi Cát Vũ đã hổ như thế nào, thưa ông?*

- (Cười). Cũng là chuyện khá ly kỳ đây. Sau trận La Ngà, tại chiến khu Đ có con cọp ăn xác lính Pháp mãi thành nghiện món thịt người. Con cọp này có một chân chỉ ba móng, rất tinh quái và liêu lĩnh. Lại có tin đồn là biệt kích giả dạng thú dữ, để khủng bố tinh thần đồng bào và bộ đội. Chỉ một hồi gian ngắn, nó đã ăn thịt tới 106 người. Thật kinh khủng. Lần nọ, chị Bảy Cao, Hội trưởng phụ nữ xã Lạc An, đi công tác cùng hai cán bộ nữa và vào ngủ trọ nhà đồng bào. Chỉ Bảy có dáng người cao lớn, nằm trong cùng sát vách chủ nhà. Thế mà nửa đêm cọp vào bắt mất chị không gây ra một tiếng động. Phát hiện lần theo dấu vết, chỉ tìm thấy còn lại một phần xương thịt hằn vết xước cọp cào cùng vài mảnh quần áo rách nát.

Bây giờ, ở Chiến khu Đ xảy ra chuyện bi hài thế này: Có hai ông thầy chùa không chịu làm gác tránh cọp, mà lại còn gởi kinh thông điệp cho nhân dân rằng “ngài” ba móng chỉ về “rước” những người tới số. Nếu ai chịu tụng kinh gõ mõ thì “ngài” sẽ không bắt. Chẳng may, mấy tuần sau chính một trong hai ông thầy chùa kia đã bị “ngài” về “rước” mất. Ông thầy còn lại mếu máo sợ cọp bắt liền lập cập chạy vào một đơn vị bộ đội xin ở nhờ (cười).

Trước tình hình ấy, tôi được Tư lệnh Nguyễn Văn Lung trực tiếp giao nhiệm vụ trừ khử con cọp tinh quái. Mới vừa nhận lệnh thì một đêm nọ ở Bình công xưởng do tôi làm gác đốc lại có một người bị cọp về bắt lúc đang làm việc. Đó là anh Sáu Lùn, giữ lò than. Theo dấu máu, chúng tôi tìm được phần

xác còn lại của anh Sáu mà con cạp để giành bữa trưa. Tôi quyết định lấy dây cột chặt xác anh Sáu lại, rồi cùng hai đồng chí nữa trèo lên chạc cây ngồi rình.

Nhìn xác anh Sáu phơi trong nắng, tôi ứa nước mắt, thầm khấn: “Anh Sáu ơi! Anh có không thiêng thì dụ nó về đây để tôi trả thù cho anh!”. Đúng như lời khấn, con ác thú xuất hiện. Một con cạp lông vàng, dài khoảng 3 mét, phần dưới cổ và bụng trắng như bông. Mò đến cách xác anh Sáu chừng 5-6 mét, nó thu mình ngồi trong tư thế thủ, rồi lừ lừ ngược lên nhìn lên chạc cây chúng tôi ngồi. Đoàng! Cây súng Calip hai nòng của anh Sáu Mẹo, một tay thợ săn lão luyện nổ vang trời. Một vệt sáng màu vàng vụt qua trước mặt tôi. Con cạp biến mất. Thế là hụt rồi. Quá tức giận, đem thi thể anh Sáu về chôn cất, nước mắt chúng tôi cứ chực trào ra. Tối hôm đó, cạp lại mò về đơn vị tôi vô hụt một con heo. Tôi cho gài hai quả mìn tự tạo vào con heo để nhử, vì đoán thế nào nó cũng mò về tìm miếng mồi cũ. Không sai. Và hai trái mìn phát nổ. Nhưng cũng chẳng hề hấn gì con ranh thú này. Thật cay đắng! Cuối cùng, với bốn quả mìn hạng nặng gài vào một xác người chết bị cạp vô do người thân chấp nhận hiến, chúng tôi đã hạ thủ được con cạp dữ. Khi ruột gan của nó đã bung ra ngoài rồi, vậy mà nó vẫn còn gặm thét cổ kéo lê gần cả trăm mét nữa mới chịu gục xuống bằng một loạt đạn cuối cùng vào đầu. Nỗi sợ cạp bắt ở Chiến khu Đ từ đó mới hoàn toàn được giải toả.

- Thưa ông, chuyện cuộc đời, chuyện đồng đội phong phú, sôi động như vậy, còn chuyện tình cảm riêng tư của mình có kỷ niệm nào đáng nhớ không?

- Thế hệ chúng tôi lúc đó lớn lên trong hoàn cảnh mất nước, được giác ngộ cách mạng, nên lấy việc chung làm hạnh phúc, ít nghĩ đến chuyện riêng tư. Tôi còn nhớ trận phục kích đầu tiên mà tôi bị thương, khi nhìn thấy bọn lính Pháp - Anh đi mặt mày lấm la lấm lét trên đường thì tôi sững sờ! Bởi trước đây gặp chúng tôi là tôi cúi xuống thôi, không dám ngó thẳng mặt. Nhưng bây giờ thì chúng biết sợ mình. Chúng đánh với mình cũng giống như trong Đại chiến thế giới lần thứ hai mà tôi thấy qua phim ảnh: đội nón sắt, mang giày da, mặc quân phục, tay xách súng, mắt lom lom sợ hãi. Nghĩ bao nhiêu đó, tôi sững muốn chết rồi. Tự hào lắm! Nên không nghĩ đến chuyện gia đình nữa.

Lúc đó, tôi đã 23-24 tuổi. Tôi cũng còn nhớ trên đường hành quân đi đánh trận Bàu Cá năm 1947, vì mệt nên khi được lệnh nằm xuống, là nằm co rúm lại liền. Đất ướt, sợ vắt chui vào lỗ tai nên đầu người nọ gối lên hông người kia. Có khi gối phải mông... phụ nữ, nhưng tôi chẳng có rung động gì và lắm lúc cũng chẳng nghĩ họ là... phụ nữ nữa, mà là phụ nữ đẹp mới chết kia chứ (*cười vang*)!

- Vậy ông “nghĩ” đến bà nhà từ lúc nào?

- Duyên số đây. Trong hàng ngũ kháng chiến lúc đó, có hai cô y tá học hệ Pháp ở Sài Gòn là Trần Thị An và chị Tư Tương. Hai chị rất giỏi tiếng Pháp lại ân cần đảm đang hết lòng với bộ đội. Anh em thương binh từ mặt trận trở về gặp hai bà này chăm sóc thì họ mừng lắm. Các anh trong chiến khu muốn ghép chị Trần Thị An cho tôi. Bây giờ tôi là Giám đốc Binh công xưởng mà ham đi đánh giặc lắm. Và trận nào không có tôi thì anh em không tin. Đơn giản là vì trình độ văn hóa, kỹ thuật của anh

em không có, nên chỉ cần để lựu đạn phải sương cũng đã lép rồi.

Trong trận Bàu Cá, tôi đang phục kích ngoài trận địa, thì ah em bố trí cho mấy chị đem cơm vắt ra, trong đó có chị này nè (*Ông đưa tay chỉ về hướng bà Trần Thị An đang ngồi thái rau, bà quay lại cười: "Cái ông này sao mà nhớ dai quá"*). Lúc đó, chiến sĩ nam giới thiếu gì, nhưng các anh cố ý như thế. Sau này, bác sĩ Võ Cương mới nói: “Cơm vắt là của chị An đó. Chị nhường lại cho anh đó!”. Chúng tôi dần thân thiết, thương yêu nhau và được đơn vị tổ chức đám cưới ngay trong Chiến khu Đ, bên bờ sông Đồng Nai...

- Ông bà được bao nhiêu người con?

- Chúng tôi có ba đứa con, hai trai một gái. Tôi cứ nói chơi với anh em hoài: Nếu có thêm đứa nữa thì tan nhà nát cửa. Bởi vì năm 1954 chúng tôi đã chia tay rồi. Tôi ra ngoài Bắc. Bà ôm ba đứa con từ chiến khu về quê Cần Giuộc dạy học, khai với chính quyền cũ là chồng tử trận, để tránh tai mắt địch, âm thầm đợi tôi cho tới ngày giải phóng. Ba đứa con đều sinh trong chiến khu, nên năm nay tụi nó phải 40 tuổi trở lên, còn nếu nhỏ hơn thì... không phải là con mình. (*Ông quay sang bà, cùng cười*).

*

Nhìn nụ cười tràn đầy hạnh phúc của ông bà, tôi cảm thấy vui lây. Tiếng hót con chim xanh vẫn đều đều gõ nhịp. Một ngọn gió nhẹ lướt qua mặt sông Sài Gòn lùa vào khu vườn sum suê hoa trái. Thật kỳ thú. Tuổi xuân dăm dài trên mọi ngã đường chinh chiến. Khi tuổi xế chiều mới có dịp điền viên cùng vợ con, văn chương chữ nghĩa. Với nhiều thế hệ người Việt Nam từ hàng ngàn năm nay, điều ấy dường như trở thành qui luật. Nhìn tướng Bùi Cát Vũ, lòng tôi chợt nhớ đến một nhà chế tạo vũ khí khác, cũng là Thiếu tướng và người Nam Bộ mà tên tuổi đã đi vào lịch sử Giáo sư Viện sĩ Trần Đại Nghĩa. Dù mỗi người ở trong hoàn cảnh khác nhau, nhưng chất phù sa của dòng Cửu Long trong mạch máu của họ thật mạnh mẽ, vô tận. Và ở họ, lý tưởng và hạnh phúc là điều gì đó thật hồn nhiên, trong sáng.

Tân Bình, tháng 3 năm 1995

Tướng Nguyễn Hữu Xuyến là nhà chỉ huy quân sự có mặt xuyên suốt chiến trường Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến. Vốn là một “đô vật nhí” vùng Kinh Bắc, đơn độc lưu lạc với nhiều nghề mưu sinh khác nhau tận phương Nam, Nguyễn Hữu Xuyến đã dấn thân vào con đường cách mạng, bị địch bắt đày đi Côn Đảo, rồi trở thành một trong những nhà cầm quân nổi tiếng thời đánh Pháp ở miền Tây Nam Bộ, nhất là Sa Đéc - thánh địa của “Bộ đội ông Xuyến”. Hiệp định Genève năm 1954 ký kết. Chuyển quân ra Bắc. Giờ chót, Nguyễn Hữu Xuyến được lệnh “nằm” lại, nắm quyền chỉ huy trưởng quân sự bí mật toàn miền Nam. Một sự tín nhiệm cao của Trung ương, đồng thời cũng là một sứ mạng đặc biệt vừa tế nhị vừa nguy hiểm giữa lòng đôi phương! Bộ Chỉ huy các lực lượng võ trang giải phóng miền Nam được thành lập. Nguyễn Hữu Xuyến được cử làm phó tư lệnh. Đất nước thống nhất, trên cương vị mới, tướng Tám Kiến Quốc tổ chức xây dựng lại Quân khu 9, nơi mà ba mươi năm trước ông đã khởi đầu binh nghiệp. Nguyễn Hữu Xuyến được phong Thiếu tướng năm 1974, thăng Trung tướng năm 1982... và được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Đằng sau thân hình vạm vỡ, uy nghi của tướng Xuyến, tôi bắt gặp một trái tim giàu xúc cảm, một khối óc còn ẩn chứa nhiều tư liệu sống về lịch sử một thời giữ nước.

Tuổi Mẹo, Trung tướng Nguyễn Hữu Xuyến sinh tháng 10 năm 1915 tại làng Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đây chính là cái nôi của nhà Lý, hiện có đền thờ Lý Bát Đế cùng nhiều di tích liên quan đến triều đại phong kiến đầy hiển hách này. Vùng đất "linh kiệt" Tiên Sơn còn là nơi sản sinh nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng và các tướng lĩnh: Lê Quang Đạo, Phạm Văn Trà,... Gia đình Nguyễn Hữu Xuyến làm nghề nông kiêm nghề thủ công nhưng vẫn không đủ ăn. Vì quá nghèo khổ, bố mẹ cùng người anh cả dắt díu nhau vào Nam tìm kế sinh nhai. Những người con nhỏ còn lại nương nhờ bà con họ hàng nuôi giúp. Nguyễn Hữu Xuyến ở chăn trâu cho người anh con ông bác họ và được cấp sách đến trường làng một thời gian ngắn. Ham học, vừa chăn trâu Nguyễn Hữu Xuyến vừa cố gắng tìm cách tự học và đọc được nhiều sách như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Tam quốc diễn nghĩa*, *Thủy Hử*...

Năm 1940, nghe tin mẹ bệnh mất, Nguyễn Hữu Xuyến liền lên tàu vào Nam. Đến Sài Gòn gặp được cha và các anh chị em, viếng mộ mẹ, Nguyễn Hữu Xuyến bắt đầu cuộc sống tự lập. Chàng trai làng Đình Bảng lang bạt từ Sài Gòn sang Phnôm Pênh rồi Sa Đéc, Cần Thơ với nhiều nghề mưu sinh: sơn guốc, may quần áo, bán hàng, giặt ủi,... Đủ cả. Cuộc sống vô gia cư của một con người giàu nghị lực đã đưa Nguyễn Hữu Xuyến đến với cách mạng. Ông hoạt động bí mật và được kết nạp vào Đảng Cộng sản ở Sa Đéc.

Cuối năm 1941, do cơ sở bị lộ, Nguyễn Hữu Xuyến bị địch bắt giam, đưa lên bót Catinat - Sài Gòn. Ở đây, ông bị tra tấn sáu tháng trời, trước lúc bị đày đi Côn Đảo. Nơi trường học cách mạng ở chốn lao tù xa xôi, ông được gặp nhiều nhà cách mạng đàn anh nổi tiếng thuộc nhiều đảng phái khác nhau. Cách mạng tháng Tám thành công, ông cùng các chính trị phạm được đón về đất liền. Nhờ kinh nghiệm tổ chức đấu tranh ở Côn Đảo, Nguyễn Hữu Xuyến được hai người bạn tù bây giờ là cán bộ

hàng đầu tỉnh Sa Đéc, ông Phạm Văn Lầu - chủ tịch và bà Sáu Ngai - bí thư, đề nghị về Sa Đéc phụ trách công tác quân sự địa phương, rồi kết hợp chỉ huy bộ đội chủ lực.

Chín năm chống Pháp, Nguyễn Hữu Xuyến làm chỉ đội trưởng Chi đội 18, chỉ huy trưởng Liên trung đoàn 109 - 111, đến năm 1951 ông được đề bạt làm tham mưu trưởng Phân liên khu miền Tây Nam Bộ mà tướng Lê Hiến Mai, tức Dương Quốc Chính là tư lệnh, tướng Phan Trọng Tuệ là chính ủy. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Hữu Xuyến, nhiều trận đánh vang dội đồng bằng sông Cửu Long đã diễn ra. Chẳng hạn các trận tấn công nhà thờ Cù lao Giêng, chi khu quân sự Gò Quao, tiêu diệt Tiểu đoàn Tidoa - Néon ở Cổ Cò - trận giao thông chiến đầu tiên ở miền Nam, đánh chìm tàu biển trên sông Cửu Long, rồi cùng chỉ huy các chiến dịch Cầu Kè, Trà Vinh, An Biên - U Minh Thượng,...

Năm 1954, đất nước bị chia cắt. Giờ cuối trước khi tập kết ra Bắc, Bí thư Trung ương Cục miền Nam Lê Duẩn đề nghị Nguyễn Hữu Xuyến ở lại làm trưởng ban quân sự, bí mật xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị cho cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. Ông trở thành vị tướng bám trụ chiến trường Nam Bộ xuyên suốt hai cuộc chiến tranh vệ quốc đầy gian khổ đau thương nhưng cũng vô cùng oanh liệt. Vượt trên mọi hàm tước, tướng Xuyến được xem là vị chỉ huy kiên cường, bản lĩnh, dạn dày trận mạc và sâu nặng nghĩa tình. Ông có nhiều công lao to lớn đối với Nam Bộ, được quân lính tin yêu, đồng đội nể trọng. Ở tuổi bát tuần, vị tướng mang biệt danh Tám Kiến Quốc lừng lẫy, hưu trí cùng "người đẹp Sa Đéc" năm xưa, bà Nguyễn Thị Hai và con cháu ở gần chợ Vườn Chuối, Thành phố Hồ Chí Minh. Một sáng tháng Bảy, tôi đến gặp ông...

- *Thưa Trung tướng, một ngày bình thường của Trung tướng bây giờ là gì?*

- Thực hiện ba mục tiêu mà tôi đề ra khi về hưu. Thứ nhất là theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình đất nước lẫn thế giới để mình không trở thành người lạc hậu. Hai là giáo dục con cháu trong gia đình nên người có ích cho xã hội. Ba là bảo vệ sức khỏe cho tốt ở tuổi già.

- *Trung tướng vui lòng cho biết một trong những kinh nghiệm nuôi dạy con cháu của mình?*

- Nếu có điều kiện thì ba tháng họp gia đình một lần, định kỳ thì sáu tháng họp một lần. Mục đích là liên hoan họp mặt và có vấn đề nào cần bàn bạc thì đưa ra trao đổi một cách dân chủ để tìm sự nhất trí. Trong gia đình, ai có năng khiếu mặt nào, phải tập trung giúp đỡ, tạo điều kiện phát huy hết khả năng, để phục vụ tốt cho xã hội. Chúng tôi có bốn đứa con, một trai ba gái, nay đều là bác sĩ, kỹ sư.

- *Còn về đời sống vợ chồng, thưa Trung tướng?*

- Phải biết tôn trọng và luôn chung cố niềm tin lẫn nhau, mới có hạnh phúc. Trước khi là vợ chồng, thường thấy các mặt đều tốt đẹp. Nhưng khi đã thành hôn rồi lại dễ phát hiện những khác biệt của nhau. Nguyên nhân có thể do tính cách hoặc sự chênh lệch về trình độ văn hoá, thu nhập kinh tế không đáp ứng nhu cầu và đặc biệt là nhận thức về chính trị khác nhau. Nếu không biết cách giúp đỡ, xây dựng, tìm sự hoà hợp thì hôn nhân dễ đi đến tan vỡ.

- *Đối với bà nhà, Trung tướng yêu quý đức tính nào nhất?*

- Hiện thực, biết cách đối nhân xử thế. Bà là hậu phương vững chắc của tôi!

- *Về vấn đề bảo vệ sức khoẻ, Trung tướng có tích lũy được kinh nghiệm nào không?*

- Tôi nhớ một nhà bác học đã nói rằng, nếu con người giữ gìn được sức khoẻ từ lúc mới lọt lòng cho đến già, không chết vì bệnh lý, thì có thể sống đến hai trăm tuổi về mặt sinh lý. Tôi cũng nhớ một bác sĩ Liên Xô cũ đã viết: Trong con người, bảo vệ được cái não tốt là yếu tố quyết định nhất trong sức khoẻ con người, vì não là trung tâm điều khiển hoạt động của con người. Còn theo một bác sĩ Mỹ, bảo vệ được ngũ tạng là yếu tố quyết định nhất, vì chúng là cơ quan thu nhận thức ăn và điều tiết tất cả các bộ phận cơ thể con người.

Theo tôi, các lý thuyết trên đều có cơ sở đúng đắn. Dựa vào đó mà mỗi người tìm cho mình cách tập luyện phù hợp để bảo vệ sức khoẻ.

- *Theo Trung tướng, ở thời điểm nào trong cuộc đời, con người có thể xác định hướng đi tốt cho mình...*

- Từ mười sáu đến ba mươi lăm tuổi. Nhưng chín chắn nhất là khoảng tuổi từ ba mươi đến ba lăm. Từ tuổi bốn mươi trở lên, có người vẫn tìm được cơ hội thay đổi cuộc đời mình. Nhưng cũng chỉ là cá biệt.

- *Bây giờ nếu trở lại từ đâu thì Trung tướng sẽ chọn cho mình nghề gì?*

- Nghề... lính (cười). Với tôi, không gì đáng tự hào hơn hình ảnh người lính, nhất là người lính trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Họ không nghĩ gì cho riêng mình. Họ xem cái chết nhẹ tựa lông hồng.

- *Thưa Trung tướng, một đời chinh chiến, hình ảnh bố mẹ và tuổi thơ còn đọng lại gì trong ký ức Trung tướng?*

- (*Giương mặt lão tướng ra chiều trầm tư*). Tôi nhớ mãi kỷ niệm lúc năm tuổi, hai lần mẹ tôi đưa tôi xuống Hải Dương thăm người bà nuôi mẹ, để gửi chú Ngọan - em tôi. Khi đi qua núi Bà Lý Chiêu Hoàng, mẹ ghé nghỉ chân và mua bánh cho tôi ăn. Vì nghèo khổ, nợ nần mà bố mẹ bỏ vào Nam. Từ đó, tôi không bao giờ gặp được mẹ nữa! Trong tâm trí tôi luôn hiện lên rất rõ hình ảnh cái nhà, cái sân, cái bếp, cái cối giã gạo để gần cổng đi vào. Cả hình ảnh hai nhà hàng xóm bên cạnh nữa. Cùng một ngõ có nhà cụ Hiếu, trước đi lính Pháp được hàm cửu phẩm. Cụ có người con gái gọi là cô Hiếu, đẹp lắm, nhưng lớn tuổi chưa có chồng, sau phải đi làm vợ lẽ cho tên cai tổng làng Sặt. Vì ở nhờ, tôi chỉ được đi học hơn ba năm trường làng. Học trò bấy giờ có người gần mười tám tuổi cùng học lớp sơ học, tóc để chỏm. Tôi nghỉ học ở nhà cắt cỏ, chăn trâu, làm ruộng, nhuộm hàng. Nhờ có sức khoẻ và gan góc, một mình tôi chăn bầy trâu hàng chục con.

- *Trung tướng còn nhớ người thầy đầu tiên của mình?*

- Nhớ chứ! Đó là thầy giáo Khang, là người duy nhất trong làng lúc đó học đến trung học. Thầy Khang là ông giáo tốt, nhưng vì nhà nghèo, học trò ít, dạy học không đủ nuôi sống gia đình, nên sau đó thầy bỏ dạy vào Nam kiếm sống.

- Ngoài những điều bất hạnh, thời thơ ấu ở vùng văn hoá Kinh Bắc có lưu lại hình ảnh đẹp nào trong lòng Trung tướng?

- Nhờ tài đánh đáo giỏi, nên tôi hay đánh được tiền, mua quà (cười). Cứ đến tháng giêng, tháng hai, tháng ba bạn bè rủ nhau đi chơi hội các làng: hội đền Lý Bát Đế, hội làng Đồng Kỵ, hội Lim - với từng đoàn trai gái riêng biệt hát đối đáp quan họ trên khắp các ngọn đồi. Đến tháng tư thì đi xem hội Gióng. Đây là hội tưởng nhớ vị anh hùng Thánh Gióng đánh giặc cứu nước. Bây giờ, cứ tới hội này, trai các làng thường đi từng đoàn và hay đánh nhau. Quan lính trên huyện, trên phủ về xem, họ cũng đánh. Tôi cũng thường rủ bạn bè đi học võ, học vật; tôi nổi tiếng vật giỏi cả vùng. Bạn bè đủ hạng, nhất là con nhà nghèo, rất yêu mến tôi, chiều tôi hay rủ nhau sang xóm khác chơi vật, chơi hát đối đáp, đặc biệt là hát trống quân: “*Thình thùng thình, mong ai đừng sớm có chồng, thình thùng thình, ngày mai ta hẹn ra đồng gặp nhau...*”. Vui lắm! Hồn nhiên lắm!

- *Vốn xuất thân là một cán bộ hoạt động chính trị, sau Cách mạng tháng Tám mới chuyển sang chỉ huy quân sự. Vậy thời gian đầu Trung tướng có gặp nhiều khó khăn?*

- Đây là qui luật tất yếu ở các nước bị trị, khi người dân muốn thoát khỏi ách nô lệ ngoại bang. Đấu tranh quân sự chính là bước phát triển cao của đấu tranh chính trị, vào thời điểm quyết liệt nhất, phải dùng đến lực lượng vũ trang. Buổi đầu cầm quân đánh giặc, ai không gặp khó khăn, nhưng càng đánh càng có kinh nghiệm; đồng thời tôi cũng luôn học tập, nghiên cứu về lý luận quân sự để áp dụng những điều phù hợp vào thực tiễn. Bởi quân sự là vấn đề khoa học về chiến tranh, đối kháng giữa người với người, mà bên nào cũng muốn thắng.

- *Chắc Trung tướng còn nhớ trận đầu tiên mà mình cầm quân.*

- Trận tấn công nhà thờ Cù lao Giêng. Năm 1945, lúc Pháp chưa tái chiếm được Sa Đéc, bọn Nhật vẫn đi lại hoành hành tự do. Một số tên lính Nhật không chịu rút, muốn ở ẩn lại chờ thời cơ. Do đó, trận tấn công nhà thờ Cù lao Giêng có cả quân Nhật và Pháp. Lực lượng của ta gồm bộ đội, du kích từ ba tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc bao vây tấn công ba ngày đêm. Địch có hỏa lực mạnh, phòng thủ tương đối chặt. Một số tổ xung kích của ta lọt được vào trung tâm nhà thờ, nhưng đều bị hy sinh. Lực lượng ba tỉnh bị tiêu hao, có đơn vị hết đạn, nên bộ chỉ huy mặt trận rút lui. Còn lại ba tư lệnh của ba tỉnh ở ba hướng tấn công liền họp lại, bầu ban chỉ huy thay thế và bàn cách đánh tiếp.

Chúng tôi đưa đội hình áp sát nhà thờ, cho nhiều đội xung kích bắt thang treo vào bên trong để tấn công, đồng thời kết hợp chiến thuật hỏa công. Do nhà thờ cấu trúc và bố trí như một cứ điểm lớn, nên nếu chỉ dùng mìn, lựu đạn và sức người thì không thể phá vỡ nổi. Vì vậy, chúng tôi dùng chiến thuật hỏa công, đưa xăng dầu vào đốt hành lang nhà thờ chính được năm phút, địch sợ bị cháy rụi nên kéo cờ trắng ra hàng, ta bắt sống hơn 20 tên Nhật, 10 tên Pháp, với gần 100 súng các loại... Đánh chiếm nhà thờ Cù lao Giêng là trận thắng đầu tiên vang dội cả đồng bằng sông Cửu Long.

- *Trung tướng có thể kể sơ lược thêm vài trận đánh tiêu biểu khác thời chống Pháp mà Trung*

tướng trực tiếp chỉ huy.

- Năm 1947, tại Sa Đéc ta bắt đầu kiểm soát toàn bộ vùng nông thôn, chuyển mọi hoạt động quân sự sang thế chủ động, tự do về tác chiến. Ngay từ đầu năm Tết âm lịch, ta mở trận giao thông chiến tại Cỏ Cò - Mỹ Tho, với sự phối hợp lực lượng của hai tỉnh Sa Đéc, Mỹ Tho và toàn bộ học sinh trường quân chính của Khu 9. Quân ta phục kích đoạn đường dài mười hai cây số, hình thành thế trận: dẫn địch vào sâu khu trung tâm, bao vây nhiều lớp và chặn viện nhiều chặng. Tiểu đoàn Tidoa-Néon anh hùng của Pháp thắng Đức trong Thế chiến thứ hai, đã bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn, với mười lăm xe cơ giới, trong đó có tám xe thiết giáp. Viện binh của địch ở hai đầu đều bị đánh chặn. Cánh viện binh từ Sài Gòn xuống phá vỡ được tuyến phòng thủ thứ nhất nhưng bị tuyến phòng thủ thứ hai của ta chặn đứng lại.

Trận Cỏ Cò là trận giao thông chiến đầu tiên của Nam Bộ và có lẽ cũng là trận giao thông chiến đầu tiên trong cả nước. Tiếng súng vừa dứt, đồng bào các ngả kéo đến đông nghịt chúc mừng và uý lạo bộ đội. Tôi còn ghi lại mấy câu thơ của ông già Ba ở ngay Cỏ Cò tặng bộ đội hôm đó rằng:

Xưa nay Việt Nam lắm anh hùng

Tết thắng giặc Tàu nhắc Quang Trung

Xuân đánh bại Tây trận Cỏ Cò

Diệt “anh hùng Néon”, thật anh hùng

Hoa xuân nở khắp non sông

Mừng Tết Cỏ Cò lập công đánh Pháp

- Nếu như Cỏ Cò là trận giao thông chiến đầu tiên thì Cầu Kè được xem là chiến dịch đầu tiên ở Nam Bộ đã giành thắng lợi vang dội. Là vị chỉ huy trực tiếp, xin Trung tướng cho biết những điểm chính của Chiến dịch Cầu Kè.

- Năm mà ta và địch ở vào thế giằng co quyết liệt nhất là năm 1949. Địch hòng quét sạch, đẩy ta ra khỏi từng khu vực. Ta cũng chuyển thế tấn công ở từng vùng để tiến đến giải phóng từng phần. Cuộc chiến đấu diễn ra liên tục, nổi bật là hai trận chống càn của địch đánh vào căn cứ của ta, bằng đường bộ và đường sông. Cho đến cuối năm 1949, ta mở Chiến dịch Cầu Kè thuộc tỉnh Trà Vinh với mục đích tiêu diệt, bức hàng, bức rút một số đồn bót ở địa phương và diệt viện của địch; đồng thời xây dựng lại tình đoàn kết đang bị chia rẽ giữa người Việt và người Việt gốc Khmer.

Lực lượng gồm hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh phối hợp với Liên trung đoàn 109 - 111 cùng Tiểu đoàn 307 vừa được tăng cường. Sau mười ngày, ta bức hàng bức rút hai mươi cứ điểm, đồn bót và diệt hai cánh địch viện bằng đường bộ và đường sông, hơn một trăm quân Pháp và lính lê dương Maroc bị bắt, thu nhiều vũ khí đạn dược. Chiến dịch Cầu Kè là chiến dịch tấn công mở vùng, mở mảng đầu tiên ở Nam Bộ đã giành thắng lợi. Và nếu tôi không lầm, hình như trên toàn quốc lúc này chưa mở chiến dịch tấn công nào.

- *Tiếng súng Nam Bộ đã khởi đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc chín năm chống Pháp. Trung tướng từng là một trong những vị chỉ huy quân sự am tường và trực tiếp trên chiến trường. Theo Trung tướng có điểm khác biệt nào giữa Nam Bộ với các chiến trường khác lúc bấy giờ?*

- Nam Bộ là chiến trường mang tính chất đấu tranh du kích ở hậu phương địch. Giữa chủ động tấn công và bị động chống càn xảy ra liên tiếp. Mỗi đơn vị hàng năm phải đánh cả trăm trận. Người chỉ huy quân sự luôn phải tự lực cao, có sức sáng tạo lớn, mới không bị động, đòi hỏi người chỉ huy phải biết cách đánh, biết xây, biết bảo vệ và phát triển lực lượng dựa vào phong trào cách mạng quần chúng; đồng thời phải hiểu biết căn cứ tình hình địch - ta.

Thời chống Pháp ở Nam Bộ chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa có trường quân sự chính qui. Chủ yếu dựa trên kinh nghiệm thực tế chiến trường, mà tìm ra cách đánh phù hợp, đề ra chiến thuật. Trên cơ sở đó, bắt đầu mở các chiến dịch, từ chiến dịch tấn công đến chiến dịch chống càn, từ chiến dịch đánh độc lập đến chiến dịch phối hợp với toàn quốc. Và Nam Bộ là nơi mở các chiến dịch sớm hơn tất cả các chiến trường. Tuy nhiên, dưới con mắt của một vài nhà quân sự chính qui hiện đại, họ lại xem cách đánh trên là đánh du kích không khoa học!

- *Được biết sau Hiệp định Genève - 1954, Trung tướng được Trung ương tin cậy giao nhiệm vụ bí mật ở lại phụ trách quân sự miền Nam. Trung tướng còn nhớ gì về tình hình tế nhị và phức tạp đó?*

- Ngay từ lúc đầu ngừng chiến, địch đã lo ổn định tình hình, tổ chức chính quyền ở vùng cách mạng trước đây. Mỹ tìm cách hắt cẳng Pháp, đưa Ngô Đình Diệm lên cai trị miền Nam chia cắt đất nước. Trước tình hình ấy, ta vừa chuyển quân tập kết ra Bắc, đồng thời chuyển một số cán bộ vào hoạt động bí mật để lãnh đạo, chỉ huy phong trào chiến đấu trong lòng địch. Tôi đang phụ trách chuyển quân tập kết, đến chuyển cuối cùng, thì bất ngờ nhận lệnh ở lại. Bởi nhiệm vụ này vốn đã được phân công cho người khác chứ không phải tôi.

- *Giữa lúc chiến hữu và người thân chuyển ra Bắc, Trung tướng đột ngột nhận nhiệm vụ ở lại giữa vòng vây đối phương, tâm trạng Trung tướng lúc ấy thế nào?*

- Vừa ngậm ngùi, vừa tự hào. Bước chân xuống ghe, nhìn cảnh vợ con đứng trên bờ chuẩn bị ra Bắc, lòng làm sao không bùi ngùi cho được. Tôi nhớ đêm hôm trước, hình như linh tính báo rằng ba không cùng ra Bắc, nên thằng Hoàng con tôi khóc dữ, mẹ dỗ mãi mới thôi (cười). Biết ở lại phải đối mặt với vô vàn khó khăn, nguy hiểm, nhưng tôi cảm thấy toại nguyện. Vì tình cảm của mình đối với dân bấy giờ thật khó tả, có lúc nghĩ đến cảnh dân phải ở lại trong lòng địch tôi rơi cả nước mắt. Ngay đêm đó, tôi vào căn cứ ở chung bộ phận với các anh Ba Duẩn, Sáu Dân, Tám Cao, Ba Bụng, Cao Đăng Chiếm...

- *Như thế cả hai cuộc kháng chiến, Trung tướng đều không rời chiến trường miền Nam?*

- Vâng. Do tình hình mới, tôi bắt tay nghiên cứu tài liệu, xây dựng các lực lượng vũ trang, công tác binh vận, thanh niên. Hoạt động vừa có tính hợp pháp, bán hợp pháp, lại bất hợp pháp. Mặc dù nằm

giữa lòng địch, bị khủng bố và tàn sát dã man, nhưng lực lượng cách mạng vẫn tồn tại và từng bước phát triển. Sau phong trào Đồng Khởi năm 1960, Trung ương mới tăng cường anh Trần Văn Quang vào Nam cùng tôi phụ trách về quân sự. Đến khi anh Quang ra Bắc, anh Trần Văn Trà, anh Nguyễn Chí Thanh, anh Lê Trọng Tấn và một số đồng chí khác được cử vào chiến trường. Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam được thành lập, tôi được cử làm phó tư lệnh Miền và tiếp tục cầm quân tham gia tác chiến. Có hai lần tôi xa chiến trường. Lần thứ nhất từ cuối năm 1963 đến 1965, tôi sang Trung Quốc học. Lần thứ hai là cuối năm 1974, tôi ra Hà Nội làm thường trực Ban Chỉ đạo Quân sự miền Nam, trong ban gồm có anh Võ Nguyên Giáp, anh Văn Tiến Dũng và một số cán bộ quân sự khác.

- Có thể nói, cách mạng miền Nam thời kỳ 1954-1960, nghĩa là trước khi phong trào Đồng Khởi bùng nổ và các đoàn công tác từ miền Bắc vào, đã gặp nhiều gay go, tổn thất. Với tư cách người chỉ huy quân sự đứng đầu miền Nam lúc đó, Trung tướng có thể phác họa sơ lược về tình hình và hoạt động quân sự thời kỳ này?

- Năm 1954 - 1956 là giai đoạn còn đấu tranh thực hiện Hiệp định Genève. Ở Nam Bộ, có chỉ đạo chung là xây dựng lực lượng vũ trang mật và tranh thủ các giáo phái. Tuy nhiên ở các địa phương việc chỉ đạo và xây dựng không đồng nhất. Có nơi hoạt động tốt. Có nơi không xây dựng được. Thậm chí có nơi liệng súng xuống sông để chỉ đơn thuần đấu tranh chính trị. Hoạt động của các lực lượng vũ trang bấy giờ là tự vệ, bảo vệ cán bộ, bảo vệ dân và vũ trang tuyên truyền, bằng phương pháp không chế bọn ác ôn và chính quyền của địch ở nông thôn. Thời gian này ở Nam Bộ sơ khai hình thành trở lại ba căn cứ: U Minh, Đồng Tháp và chiến khu Đ.

Mặc dù bị chính quyền Ngô Đình Diệm khủng bố, tàn sát dã man, nhưng thế và lực cách mạng vẫn chuyển biến nhanh. Thế chính trường như có hai nhánh chính quyền hình thành ở nông thôn mà nhất là Khu 9, nhiều nơi thế lực cách mạng mạnh hơn địch.

- Nghe nói thời kỳ này, Trung tướng có đề xuất với ông Lê Duẩn việc cướp chính quyền. Điều này có hay không, thưa Trung tướng?

- Có. Lúc đó anh Lê Duẩn là người lãnh đạo trực tiếp cao nhất của cách mạng miền Nam. Bằng lực lượng vũ trang ngầm nổi, trong ngoài, kết hợp với phong trào quần chúng, tôi đã đề nghị với Đảng mà trực tiếp là anh Lê Duẩn, cho cướp chính quyền. Nhưng anh trả lời chưa đủ điều kiện. Vì lúc đó, chỉ có lực lượng ở Khu 9 là mạnh, còn Khu 8 và Khu 7 lực lượng còn yếu. Ngoài Khu 5 trừ một bộ phận nhỏ ở Trà Bồng, thì lực lượng chưa có gì. Từ đề nghị này mà về sau, có cán bộ lãnh đạo cao cấp cứ mãi nhắc nhở đề phòng việc bạo động non cướp chính quyền.

- Vậy còn tình hình chung từ năm 1956-1960?

- Cuối năm 1956, địch ra sức xây dựng chính quyền đều khắp vùng căn cứ cách mạng, tiến hành bình định, lập ấp chiến lược, tăng cường khủng bố, đàn áp. Hầu hết các lực lượng vũ trang giáo phái thân

Pháp ra đầu hàng Mỹ, chỉ còn lại một bộ phận nhỏ được giác ngộ ở lại bưng biền với cách mạng. Miền Tây bị tổn thất khá nặng. Tuy nhiên ở miền Đông từ cuối năm 1957 trở đi, ta xây dựng được căn cứ và lực lượng vũ trang mạnh dần. Thành phần bao gồm cả cán bộ, chiến sĩ từ Khu 9 và Khu 8 lên cộng với người ở Khu 7. Đồng thời, còn có cả lực lượng Bình Xuyên, Cao Đài được sát nhập vào lực lượng giải phóng. Nhờ đó lực lượng chính trị ở miền Đông được củng cố và mạnh dần lên, có tác dụng duy trì thể chính trị chung trong tình hình cả miền Nam khó khăn.

Cho đến phong trào Đồng Khởi năm 1960, lực lượng quần chúng nổi dậy là chủ yếu, nhưng vai trò quân sự hỗ trợ cũng rất đặc lực.

- Đánh chiếm tỉnh lỵ Phước Thành năm 1961 có thể nói là hoạt động quân sự gây tiếng vang lớn thời kỳ đầu chống Mỹ mà nhiều người thường nhắc. Vốn trực tiếp chỉ huy trận đánh này, xin Trung tướng kể lại một số diễn tiến chính.

- Tỉnh lỵ Phước Thành là một đặc khu mới xây dựng của địch lúc ấy, để chế áp cách mạng ở chiến khu Đ và vùng rừng núi miền Đông. Ta sử dụng ba tiểu đoàn cộng ba đại đội để tấn công và chặn viện. Quân ta dùng chiến thuật kỳ tập bằng đặc công tiến trước và kết hợp chiến thuật tập kích tấn công của các tiểu đoàn tiếp theo, hình thành thế tấn công vào năm khu vực bằng năm cánh quân hợp vây, chia cắt địch ra từng mảnh ngay từ đầu để chúng không ứng cứu nhau được, mà trọng điểm là khu vực cơ quan đầu não tỉnh.

Trận đánh mang yếu tố bí mật, bất ngờ chỉ sau hai giờ, ta đã làm chủ toàn bộ tỉnh lỵ Phước Thành, bắt sống tinh phó, giải thoát bốn trăm tù chính trị, tiêu diệt và bắt gọn hơn một ngàn tên địch của ba tiểu đoàn bảo an, một tiểu đoàn cộng hoà, một tiểu đoàn công an, thu toàn bộ vũ khí trong đó có cả xe thiết giáp và pháo 105. Quân tiếp viện của địch ở các hướng cũng bị đẩy lùi. Về sau dùng máy bay yểm trợ chiếm lại, nhưng địch vẫn phải bỏ hãn tỉnh lỵ Phước Thành, xoá tên tỉnh này khỏi bản đồ hành chánh. Trận Phước Thành có tác động rất lớn ở miền Đông. Nó gây hoang mang dao động dây chuyền đối với địch. Quân ta tiếp tục khuếch trương chiến quả, bao vây uy hiếp các đơn vị của địch ở ven rừng, đánh chiếm và bức rút hàng chục đồn bót và chi khu, phá các ấp chiến lược, giải phóng hàng chục ngàn dân, mở rộng vùng giải phóng.

- Nghĩa là theo Trung tướng, sau trận Phước Thành, cục diện chiến trường dần chuyển biến qua thế có lợi cho ta...

- Vâng, nhất là kể từ năm 1962, khi hàng loạt cuộc tấn công của ta diễn ra khắp nơi. Các lực lượng biệt động ở thành thị cũng bắt đầu hoạt động gây được tiếng vang trên cơ sở tấn công địch ở chiến trường miền Đông, lần lần các chiến trường khác chuyển động mạnh. Trước hết là Khu 9, rồi đến Khu 5. Riêng Khu 8 sau trận thắng vang dội Ấp Bắc đầu năm 1963 đã thật sự mạnh đều lên và có thể nói, sau chiến thắng Ấp Bắc, quân ta đã nắm lại quyền chủ động tấn công trên toàn miền Nam. Điều đó có tác động lớn đến việc “thay ngựa giữa dòng” của Mỹ khi lật đổ Ngô Đình Diệm và chế độ độc tài gia

đình trị của ông ta.

- Về cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, có nhiều ý kiến trái ngược nhau cả phía đối phương lẫn phía ta về kết quả của nó. Riêng Trung tướng có nhận định thế nào, thưa Trung tướng?

- Đúng như anh nói, lúc đầu phía đối phương công nhận họ thua, sau họ bảo thắng. Còn ta cũng có người cho rằng không thắng vì không dứt được điểm nào, mà còn bị tổn thất khá nặng. Theo tôi, cuộc tấn công Tết Mậu Thân - 1968 cho thấy sự đánh giá đúng về mặt chủ quan của địch, tạo được một bước chuyển biến về chiến lược có lợi cho ta, đem lại kinh nghiệm quý cho các cuộc tấn công chiến lược về sau.

Mặt khác nó cũng chỉ ra rằng, sức tấn công quân sự của ta còn có hạn, nên không thúc đẩy được phong trào nổi dậy của quần chúng giành chính quyền. Chẳng hạn, tại Tây Ninh, nếu ta có được một trung đoàn thì sẽ đánh chiếm toàn bộ tỉnh lỵ một cách nhanh gọn. Bởi lúc ấy chỉ với một lực lượng ít ỏi, chủ yếu là bộ đội địa phương, nhưng ta vẫn chiếm, bao vây một số điểm quan trọng, làm chủ thị xã Tây Ninh hai đêm hai ngày. Tại các đô thị khác cũng vậy.

Một điểm cũng đáng chú ý là bấy giờ thế và lực của đối phương vẫn còn mạnh. Địch nhanh chóng khôi phục lực lượng, còn ta thì cần thời gian dài hơn. Nhưng nhờ thắng lợi Mậu Thân 1968, ta đã buộc Mỹ ngồi vào bàn đàm phán, rút quân về nước, để ta có điều kiện đánh nguy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Với tầm nhìn bao quát: của một vị tướng có mặt xuyên suốt trên chiến trường, theo Trung tướng, sự tài tình về nghệ thuật chỉ huy trong chống Mỹ thể hiện ở những điểm nào?

- Thể hiện ở các cuộc tấn công chiến lược; cách đánh giá chính xác tình hình địch ta; nghệ thuật chỉ huy quân sự ở từng trận đánh với thế tấn công bất ngờ, chuyển từ bị động sang chủ động, từ yếu lên mạnh đến mạnh tuyệt đối để hoàn toàn áp đảo đối phương, kết thúc chiến tranh.

- Nghe Trung tướng kể chuyện, cứ ngỡ như những ngày hào hùng và bi tráng mới thoáng qua. Theo Trung tướng, trong hai cuộc chiến đấu vừa qua, phụ nữ có vai trò như thế nào?

- Vai trò của người phụ nữ không chỉ thể hiện trên chiến trường mà cả ở hậu phương, trong từng gia đình. Chính vì vậy mà nhiều bà mẹ Việt Nam đã được phong tặng anh hùng. Trên thế giới không nước nào có nhiều bà mẹ anh hùng như thế!

- Có điều chiến tranh đã đi qua hơn hai mươi năm, nhiều bà mẹ đã mãi mãi ra đi không kịp nhận vinh dự mà Nhà nước phong tặng!

- Đây cũng là điều cần suy nghĩ. Nhưng muộn còn hơn không. Theo tôi, trong việc phong tặng cho các bà mẹ cũng cần phải chú ý đến một thực tế: có những bà mẹ liệt sĩ, đồng thời bản thân còn trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng, chịu cảnh tù đày, tra tấn. Đó là những bà mẹ anh hùng. Còn những bà mẹ có con là liệt sĩ, nhưng bản thân không trực tiếp hoạt động cách mạng, thì đó là bà mẹ Việt Nam

yêu nước.

- *Đã có bà mẹ Việt Nam anh hùng sao không có ông cha Việt Nam anh hùng, thừa Trung tướng?*

-(Cười) Tôi cũng nghĩ cần có danh hiệu này.

*

Tôi đề nghị mượn Trung tướng mấy tấm ảnh tư liệu. Ông bước vào nhà trong. Vừa lúc người bạn đời của Trung tướng, bà Nguyễn Thị Hai, bước ra châm thêm bình nước. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi chuyển câu chuyện sang bà. Đã ở tuổi bảy mươi sáu nhưng trông bà còn khỏe và hoạt bát lạ thường. Tôi hỏi:

- *Thưa bà, cả đời sống với nhau, điều gì làm bà vừa lòng và điều gì làm bà không ưng ý đối với ông nhà?*

- Ông nhà tôi là con người hiền hậu, chất phác. Là tướng nhưng không tỏ vẻ là tướng, mà luôn sống giản dị. Tuy là vợ chồng, nhưng thời gian chúng tôi sống bên nhau rất ít. Cả đời ông ấy gắn với chiến trường, chỉ nghĩ chuyện đánh giặc, ít nghĩ chuyện gia đình. Đến bây giờ, cả việc lớn việc nhỏ thường cũng tự tôi lo liệu.

- *Chắc bà còn nhớ thời điểm ông bà thành hôn với nhau...*

- Tôi đến với ông ấy hoàn toàn do quyết định của cha tôi. Quê tôi ở Gò Công, cha tôi hay xuống Cần Thơ buôn bán và gặp ông nhà tôi. Thấy ông đơn côi, làm ăn thực thà, cha tôi đem lòng yêu quý. Qua một người cô ở Cần Thơ, chúng tôi “coi mắt” nhau và... Vậy thôi. Không có chuyện được tìm hiểu, yêu thương trước khi cưới như bây giờ.

Năm 1941 chúng tôi có đứa con đầu, ông ấy bị địch bắt đày đi Côn Đảo. Ở nhà, bà nội tôi cứ đòi đem tôi gả cho người khác (cười). Nhưng cha tôi nhất quyết không chịu. Vì lúc đó, đi Côn Đảo chẳng biết ngày về. Và khi ông ấy trở về thì tiếp tục hoạt động cách mạng, rồi đi đánh giặc suốt tới ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Cứ mỗi lần gặp nhau, chỉ trong thời gian ngắn, chúng tôi lại có... một đứa con (cười)! Cứ thế. Bốn đứa bây giờ đều trưởng thành. Tôi nhớ khi tập kết ra Bắc năm 1954, tôi đòi ở lại miền Nam với ông nhưng ông không cho. Đợt ấy gần chín năm sau mới gặp lại. Ra Hà Nội, một mình tôi vừa nuôi con, vừa làm việc để... đợi ông!

Nghe phu nhân Trung tướng Nguyễn Hữu Xuyến tâm sự, tôi càng thấm thía nỗi thống khổ do hai chữ “chiến tranh” đem lại. Nó không chỉ là nỗi đau chung của một dân tộc, mà còn “bắn” vào từng gia đình. Và ở đó, người phụ nữ luôn âm thầm chịu đựng bao nỗi mất mát: xa chồng, xa con, mất chồng mất con và theo tôi, nỗi đau lớn nhất trong những nỗi đau: sự mỏi mòn chờ đợi trong tuổi thanh xuân!

Tân Bình, tháng 7 năm 1997

PHAN HOÀNG VỚI CẢM ĐỀ VỀ CÁC VỊ TƯỚNG

Từ “Mùa thu rồi ngày hăm ba...” đến “Ba mươi năm dân chủ cộng hoà kháng chiến thành công” là khoảng thời gian mà hình ảnh “Anh bộ đội Cụ Hồ” luôn là hình ảnh trung tâm của nền văn học cách mạng. Hình ảnh người lính do chính họ hay do người khác viết đều là những người lính bình thường, có thể là anh đội viên hoặc người chỉ huy phân đội. Rất ít khi ta gặp các vị tướng - những người chỉ huy cấp cao trong những trang sách văn học về đề tài chiến tranh cách mạng.

Khi Phan Hoàng - nhà báo thực hiện những cuộc phỏng vấn các vị danh tướng về cuộc đời và sự nghiệp của họ để giới thiệu với bạn đọc rộng rãi thì Phan Hoàng - nhà thơ đã dậy lên trong lòng những cảm xúc thi ca. Những vần thơ có tính “ứng khẩu” về các vị tướng cho ta hiểu thêm những nhân vật ít được có mặt trong văn học viết về người lính, để ta yêu hơn những con người đã hiến dâng cả đời mình cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX, góp phần làm nên trang sử vàng của Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng.

Nhà thơ PHẠM SĨ SÁU

TRẦN ĐẠI NGHĨA

Hành trang nắm đất Cửu Long

Lạy mẹ

lạy chi

thắt lòng ra đi

Tài vũ khí khó ai bì

Tinh thần đại nghĩa tiếc gì sông Sein

8-1994

BÙI CÁT VŨ

Nghỉ võ lui về làm văn

Sài Gòn gió bụi cơ hàn tuổi mây

Cùng Huỳnh Văn Nghệ đánh Tây
Trải bao cuộc chiến vẫn say... La Ngà!
3-1995

HOÀNG CẦM
Tuổi xanh chiều đất màn trời
Mùa thu bão nổi đời đời tên
Lính xung kích tướng tiên phong
Làm thơ tặng vợ
lập công tuổi già
4-1995

NGUYỄN MINH CHÂU
Phục Dãkơ bắt quan năm
Phát cờ Ba Nhất
giắc Nam chập chờn
Gõ đầu vách gió Trường Sơn
Hiu hiu Bình Thuận
lấy đồn nuôi quân
5-1995

ĐỒNG VĂN CỐNG
Láng giềng kết nghĩa phu thê
Súng Tây gươm Nhật chông tre giữ làng
Đời cha đuổi thú khai hoang
Đời con đuổi giặc
dang vang đất Ròng
8-1995

TRẦN NAM TRUNG
Bước chân chinh chiến trăm miền
Ba Tơ hào khí Điện Biên hào hùng

Vượt Trường Sơn bảm Nam Trung
Sài Gòn dừng gót
bão bùng tình riêng
2-1996

TRẦN VĂN TRÀ
Miền Trung tay trắng lên đường
Điều binh khiển tướng uy lừng trời Nam
Bình yên thiên mã bất kham
Dở dang trang sách
ruổi rong
trời nào?
4-1996

DŨNG MÃ
Hà thành gác mộng bút nghiên
Tiến về Việt Bắc đầu quân diệt thù
Song Mã hùng dũng chiến khu
Anh xanh duyên mới
em mù khói sương
8-1996

TRẦN VĂN DANH
Đêm đầu kết thúc chiến tranh
Cũng đêm thiêng riêng tướng Danh-Ba Trần
Nửa đời xuất quỷ nhập thần
Nửa đời
lặn lội
lấp dòng Trị An
4-1997

TÔ KÝ

Vượt Tà Lài bám Vườn Trầu
Chỉ huy Liên quân
mưu sâu nghĩa dày
Giao thông đi gió về mây
Đã nấu ăn thì Tàu Tây cũng rành

7-1997

LÊ VĂN TRI

Từ bộ binh đến phòng không
Ngắm tên lửa nhớ tầm vòng thuở nào
Đêm làng hoa mơ chiến hào
Pháo đài bay
rớt

cánh đào hồ Tây

8-1997

PHAN KHẮC HY

Quách Xuân Kỳ, Phan Khắc Hy
Ném thân gió bụi sá gì phu thê
Chiến trường đâu cũng là quê
Trường Sơn
ứng mộng lời thề... mẹ xưa!

9-1997

DƯƠNG CỰ TÂM

Đặc phái viên thành kiều bào
Lập liên quân giúp nước Lào giải vây
Viện binh Nam Bộ đánh Tây
Mê hồ sông Hậu
vương dây tơ hồng

9-1997

NGUYỄN HỮU XUYẾN

Tưởng rằng hát mãi hội Lim
Ngờ đâu lại hoá cánh chim vô thường
Ba mươi năm bầm chiến trường
Giật mình quan họ
dò đường... hội Lim
5-1996

ĐỒNG SĨ NGUYỄN

Hàng ơi nhanh đến chiến trường
Rừng sâu vực thẳm mở đường xe qua
Đêm Trường Sơn trăm mùi hoa
Sao lòng thấp thỏm hoa nhà... Ngọc Lan
8-1998

VÕ NGUYỄN GIÁP

Thúy Hồ hội ngộ anh hùng
Điện Biên danh tướng lấy lòng năm châu
Máy ai thoát cảnh bể dâu
Đẹp thay vẫn mối duyên đầu sắt son
9-1998

LÊ TỰ ĐỒNG

Huế đau thương Huế nghĩa tình
Huế đâu chỉ Huế riêng mình Huế ơi
Làm quân làm tướng nơi nơi
Bạc đầu đỉnh Ngự chẳng rời dòng Hương
2-1999

NGUYỄN DUỖNG

Một thời quân lá ngủ rừng
Một thời quân gió lưng chừng đảo xa

Một thời ông động viên bà:

Sáng mai đi họp ráng mà... ngủ ngon!

7-1999

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>